ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

ISO 9001:2015

NGÔ THỊ PHƯƠNG THẢO

QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT KINH TẾ

TRÀ VINH, NĂM 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

NGÔ THỊ PHƯƠNG THẢO

QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Ngành: Luật kinh tế
Mã ngành: 9380107

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Người hướng dẫn khoa học:
1. PGS. TS. Nguyễn Ngọc Điện
2. TS. Nguyễn Anh Tuấn

TRÀ VINH, NĂM 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan Luận án tiến sĩ ***"Quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản"*** là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong Luận án là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Những số liệu phục vụ cho việc phân tích, nhận xét, đánh giá được thu thập từ các nguồn tài liệu khác nhau và được ghi chú cụ thể trong tài liệu tham khảo.

Trà Vinh, ngày tháng năm 2024

Ngô Thị Phương Thảo

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình thực hiện và nghiên cứu Luận án tiến sĩ ***"Quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản"***, tôi đã nhận được nhiều sự giúp đỡ, tạo mọi điều kiện thuận lợi từ Ban Giám hiệu Trường Đại học Trà Vinh, Phòng Đào tạo sau đại học, Trường Kinh tế, Luật, các phòng, ban chức năng thuộc Trường Đại học Trà Vinh, các nhà khoa học,... Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất về sự giúp đỡ đó.

Đặc biệt tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Người hướng dẫn khoa học, đã nhiệt tình hướng dẫn, định hướng và có nhiều góp ý thiết thực trong quá trình tôi thực hiện Luận án.

Cuối cùng, tôi xin cảm ơn bạn bè, đồng nghiệp và gia đình đã động viên, khích lệ, tạo điều kiện trong quá trình tôi thực hiện và hoàn thành Luận án này.

MỤC LỤC

Nội dung **Trang**

LỜI CAM ĐOAN i

LỜI CẢM ƠN ii

MỤC LỤC iii

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT ix

TÓM TẮT x

PHẦN MỞ ĐẦU 1

1. Lý do chọn đề tài 1

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu 4

2.1 Mục tiêu nghiên cứu 4

2.2 Nhiệm vụ nghiên cứu 4

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 6

3.1 Đối tượng nghiên cứu 6

3.2 Phạm vi nghiên cứu 6

3.2.1 Phạm vi nghiên cứu về nội dung 6

3.2.2 Phạm vi nghiên cứu về không gian và thời gian 6

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu 7

4.1 Phương pháp luận 7

4.2 Phương pháp nghiên cứu 7

5. Kết cấu của luận án 8

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU 10

1.1 Tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản 10

1.1.1 Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản 10

1.1.2 Đánh giá các công trình nghiên cứu có liên quan đến quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản và các vấn đề được tiếp tục nghiên cứu trong Luận án 31

1.2 Những đóng góp mới khoa học của luận án 36

1.2.1 Đóng góp mới về lý luận 36

1.2.2 Đóng góp mới về thực tiễn 36

1.3 Lý thuyết nghiên cứu 37

1.3.1 Các lý thuyết liên quan đến bản chất pháp lý của đấu giá tài sản 37
1.3.2 Các lý thuyết liên quan đến đặc điểm, vai trò của doanh nghiệp đấu giá tài sản 40
1.3.3 Các lý thuyết liên quan đến điều kiện thành lập doanh nghiệp đấu giá tài sản ... 42
1.3.4 Các lý thuyết liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản 44
1.3.5 Các lý thuyết liên quan đến chế tài đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản 48
1.4 Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu 50
1.4.1 Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu chính 50
1.4.2 Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu phụ 52
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1 58
CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN VÀ QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN 59
2.1 Khái quát về đấu giá tài sản 59
2.1.1 Khái niệm đấu giá tài sản 59
2.1.2 Bản chất pháp lý của đấu giá tài sản 68
2.2 Khái quát về doanh nghiệp đấu giá tài sản 72
2.2.1 Khái niệm doanh nghiệp đấu giá tài sản 72
2.2.2 Đặc điểm doanh nghiệp đấu giá tài sản 75
2.2.3 Vai trò của doanh nghiệp đấu giá tài sản 81
2.3 Nội dung và nguyên tắc xây dựng quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản 87
2.3.1 Khái niệm quy chế pháp lý và quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản 87
2.3.2 Nội dung và vị trí của quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản 91
2.3.3 Nguyên tắc xây dựng quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản 95
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2 104
CHƯƠNG 3: QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN 105
3.1 Điều kiện về hình thức pháp lý và ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp đấu giá tài sản 105
3.1.1 Hình thức pháp lý của doanh nghiệp đấu giá tài sản 105
3.1.2 Ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp đấu giá tài sản 107
3.2 Điều kiện về chủ thể thành lập doanh nghiệp đấu giá tài sản 108

3.2.1 Chủ thể thành lập doanh nghiệp đấu giá tài sản 110
3.2.2 Tiêu chuẩn đấu giá viên và hình thức hành nghề của đấu giá viên tại doanh nghiệp đấu giá tài sản 111
3.3 Các điều kiện khác đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản 128
3.3.1 Tên doanh nghiệp đấu giá tài sản 128
3.3.2 Trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị của doanh nghiệp đấu giá tài sản 131
3.3.3 Cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập và quản lý doanh nghiệp đấu giá tài sản 133
3.4 Chế tài đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản khi vi phạm các điều kiện thành lập doanh nghiệp 136
3.4.1 Xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản 137
3.4.2 Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản 139
3.5 Giải pháp hoàn thiện quy chế pháp lý về điều kiện thành lập doanh nghiệp đấu giá tài sản 140
3.5.1 Về hình thức pháp lý của doanh nghiệp đấu giá tài sản 140
3.5.2 Về ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp đấu giá tài sản 142
3.5.3 Về chủ thể thành lập doanh nghiệp đấu giá tài sản 143
3.5.4 Về tiêu chuẩn đấu giá viên 145
3.5.5 Về hình thức hành nghề của đấu giá viên 148
3.5.6 Về tên doanh nghiệp đấu giá tài sản 148
3.5.7 Về trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị của doanh nghiệp đấu giá tài sản 149
3.5.8 Về cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập và quản lý doanh nghiệp đấu giá tài sản 150
3.5.9 Chế tài đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản 151
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3 153
CHƯƠNG 4: QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN 154
4.1 Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản trong quan hệ nội bộ doanh nghiệp 154
4.1.1 Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản trong thiết lập cơ cấu tổ chức doanh nghiệp 154
4.1.2 Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản đối với đấu giá viên 162

4.2 Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản trong quan hệ với các thực thể ngoài doanh nghiệp 169
4.2.1 Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản trong quan hệ với Nhà nước 169
4.2.2 Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản trong quan hệ với người có tài sản đấu giá 174
4.2.3 Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản trong quan hệ với người tham gia đấu giá 185
4.3 Trách nhiệm pháp lý đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản trong quá trình hoạt động 191
4.3.1 Xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản 192
4.3.2 Trách nhiệm hình sự đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản 193
4.3.3 Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản 194
4.4 Giải pháp hoàn thiện quy chế pháp lý về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản 198
4.4.1 Về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản trong thiết lập cơ cấu tổ chức doanh nghiệp 198
4.4.2 Về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản đối với đấu giá viên 202
4.4.3 Về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản trong quan hệ với Nhà nước 204
4.4.4 Về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản trong quan hệ với người có tài sản đấu giá 206
4.4.5 Về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản trong quan hệ với người tham gia đấu giá 210
4.4.6 Về trách nhiệm pháp lý đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản 211
KẾT LUẬN CHƯƠNG 4 217
PHẦN KẾT LUẬN 218
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 221
PHỤ LỤC 01: GIẤY TỜ CHỨNG MINH THỜI GIAN CÔNG TÁC PHÁP LUẬT . 1
PHỤ LỤC 02: NHỮNG TRƯỜNG HỢP BỊ THU HỒI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ 3
PHỤ LỤC 03: SỔ THEO DÕI TÀI SẢN ĐẤU GIÁ 4

PHỤ LỤC 04: SỔ ĐĂNG KÝ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN 5
PHỤ LỤC 05: BẢN ÁN CỦA TÒA ÁN GIẢI QUYẾT CÁC TRANH CHẤP LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN..... 7
PHỤ LỤC 06: BẢN ÁN SỐ 03/2020/DS-PT NGÀY 17/01/2020 CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK..... 10
PHỤ LỤC 07: QUY CHẾ CUỘC ĐẤU GIÁ 25
PHỤ LỤC 08: BẢN ÁN SỐ 105/2017/DS-PT NGÀY 21/6/2017 CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH..... 26

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CAA	China Autioneers Association (Hiệp hội đấu giá viên Trung Quốc)
CPTPP	Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương)
CTHD	Công ty hợp danh
DN	Doanh nghiệp
DNTN	Doanh nghiệp tư nhân
ĐGTS	Đấu giá tài sản
ĐGV	Đấu giá viên
EEA	European Economic Area (Khu vực kinh tế châu Âu)
EU	European Union (Liên minh châu Âu)
EVFTA	European-Vietnam Free Trade Agreement (Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu)
GDP	Gross Domestic Product (Tổng sản phẩm trong nước)
HĐTV	Hội đồng thành viên
LDN	Luật Doanh nghiệp
LĐGTS	Luật Đấu giá tài sản
NCS	Nghiên cứu sinh
TPP	Trans-Pacific Partnership Agreemnet (Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương)
USD	United States Dollar (Đô la Mỹ)
VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
WTO	Tổ chức Thương mại thế giới

TÓM TẮT

Luận án đi sâu phân tích và chỉ những hạn chế của các quy phạm pháp luật từ điều kiện thành lập đến quyền, nghĩa vụ và chế tài đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản. Trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu từ các công trình đã công bố của các tác giả trước, phân tích chuyên sâu một số vấn đề lý luận về doanh nghiệp đấu giá tài sản và quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản, vận dụng các lý thuyết, học thuyết kết hợp với việc học hỏi kinh nghiệm lập pháp của các nước có hoạt động đấu giá tài sản phát triển và hàng loạt doanh nghiệp đấu giá tài sản hoạt động hiệu quả (Pháp, Đức, Nhật Bản, Trung Quốc, Hoa Kỳ), Luận án đưa ra các đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy phạm pháp luật về điều kiện thành lập, quyền, nghĩa vụ và chế tài đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản. Để thực hiện được mục tiêu đó, Luận án sử dụng phương pháp luận duy vật lịch sử biện chứng của Chủ nghĩa Mác - Lênin, bên cạnh đó là các phương pháp nghiên cứu khoa học: phân tích - tổng hợp, so sánh, lịch sử - logic, diễn dịch, quy nạp, nghiên cứu tài liệu, thu thập số liệu.

Từ khóa: doanh nghiệp đấu giá tài sản, điều kiện thành lập, quyền, nghĩa vụ, chế tài.

ABSTRACT

The thesis analyzes in depth and point out the limitations of the legal regulations, from the conditions of establishment to rights, obligations and sanctions for auction enterprises. On the basis of inheriting research results from published works of previous authors, in-depth analysis a number of theoretical issues about auction enterprises and legal regulations on auction enterprises, applying theories combined with learning from the legislative experience of countries with well-established and many effective auction enterprises (France, Germany, Japan, China, the United States), the thesis makes suggestions for the amendment and supplementation of legal regulations on conditions for establishment, rights, obligations and sanctions for auction enterprises. To achieve those goals, the thesis uses the dialectical historical materialism method of Marxism - Leninism, besides, there are scientific research methods: analysis - synthesis, comparison, history - logic, deductive, inductive, document study, data collection.

Keywords: asset auction enterprise, establishment conditions, rights, obligations, sanctions.

PHẦN MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

Đấu giá tài sản đã hình thành và phát triển từ lâu ở các nước theo cơ chế kinh tế thị trường, với bản chất là một ngành, nghề kinh doanh mang lại nguồn lợi nhuận khổng lồ và hàng loạt các công ty đấu giá nổi tiếng trên thế giới như Christie's, Sotheby''s, Bonham's, Phillips, China Guardian,...

Ở Việt Nam, đấu giá tài sản hình thành từ thời kỳ Pháp thuộc, do các hỗ giá viên thực hiện[1]. Sau đó, một số văn bản ở Việt Nam được ban hành, trong đó có quy định về trình tự, thủ tục đấu giá tài sản đã kê biên để thi hành án. Bộ luật Dân sự năm 1995 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 28/10/1995 có quy định về bán đấu giá tài sản và giao cho Chính phủ ban hành quy chế bán đấu giá tài sản. Trên cơ sở đó, Chính phủ ban hành Nghị định số 86-CP ngày 19/12/1996 về việc ban hành quy chế bán đấu giá tài sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 86-CP). Từ Nghị định số 86-CP, hoạt động bán đấu giá tài sản chính thức trở thành hoạt động chuyên nghiệp và được ghi nhận là một ngành, nghề kinh doanh với sự tham gia của các doanh nghiệp thuộc khu vực tư. Đấu giá tài sản, theo sự phát triển của nền kinh tế - xã hội đất nước, tiếp tục được ghi nhận trong Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 05/2005/NĐ-CP), Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 17/2010/NĐ-CP). Trải qua một thời gian dài bị "bó buộc" trong khuôn khổ một Nghị định, với vị trí và vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế, đấu giá tài sản hiện nay đã được chính thức điều chỉnh bởi Luật Đấu giá tài sản. Luật được Quốc hội thông qua ngày 17/11/2016 và bắt đầu có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2017. Đến thời điểm này, Luật Đấu giá tài sản đã phát huy hiệu lực và hiệu quả trong điều chỉnh hoạt động đấu giá tài sản, góp phần không nhỏ vào việc giữ vững ổn định trật tự kinh tế - xã hội của đất nước. Hoạt động đấu giá tài sản không chỉ được điều chỉnh trực tiếp bởi Luật Đấu giá tài sản mà nó còn được quy định trong nhiều văn bản khác, như Luật Thương mại, Luật Thi hành án dân sự, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Đất đai, các văn bản liên quan đến hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng,…

[1] Sắc lệnh ngày 02/9/1935 được bổ khuyết bởi các Sắc lệnh ngày 06/12/1936, ngày 12/5/1937, ngày 07/4/1938 và ngày 04/5/1938 quy định thể lệ về hỗ giá viên; Nghị định ngày 02/8/1933 được sửa đổi do Nghị định ngày 31/01/1934 ấn định tiền lệ phí về việc bán đấu giá ở phòng đấu giá

Với mục đích hạn chế đến mức thấp nhất rủi ro cho các chủ thể tham gia quan hệ đấu giá tài sản, Luật Đấu giá tài sản đã có quy định hoàn toàn mới so với các Nghị định trước đây về điều kiện thành lập doanh nghiệp đấu giá tài sản. Chẳng hạn như, doanh nghiệp đấu giá tài sản chỉ được thành lập, tổ chức và hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp tư nhân hoặc công ty hợp danh, người thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp đấu giá tài sản phải là đấu giá viên,... Với những điểm mới này, mục đích của Luật Đấu giá tài sản là vừa giúp Nhà nước quản lý chặt chẽ hơn đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản, phát huy vai trò trung gian của doanh nghiệp trong mua bán tài sản, vừa góp phần thực hiện chủ trương xã hội hóa đối với hoạt động này, làm cho đấu giá tài sản ngày càng phổ biến hơn, nhận được nhiều sự lựa chọn của người mua, người bán tài sản hơn ở Việt Nam. Từ đó, đấu giá tài sản trở thành một ngành, nghề kinh doanh thực thụ trên thị trường, mang lại nguồn lợi nhuận lớn cho nhà đầu tư.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, khi đặt các quy định của Luật Đấu giá tài sản về doanh nghiệp đấu giá tài sản trong bối cảnh chung với các văn bản pháp luật khác có liên quan ở Việt Nam cũng như pháp luật các nước trên thế giới, mục đích của Luật Đấu giá tài sản khó có thể đạt được. Doanh nghiệp đấu giá tài sản, qua một thời gian dài chịu sự điều chỉnh của các quy định mới từ Luật Đấu giá tài sản, hiện vẫn được xem là doanh nghiệp với vai trò bổ trợ tư pháp là chủ yếu. Doanh nghiệp đấu giá tài sản vẫn chưa thực sự được nhìn nhận là một doanh nghiệp thực hiện hoạt động kinh doanh tìm kiếm lợi nhuận trên thị trường đúng nghĩa. Bởi lẽ, mục đích ra đời của đấu giá tài sản ở Việt Nam trong lịch sử, gắn liền với công tác phát mại tài sản để thi hành án, đã dẫn đến sự nhìn nhận, tư tưởng "cố hữu" về vai trò bổ trợ tư pháp của đấu giá tài sản nói chung, doanh nghiệp đấu giá tài sản nói riêng. Các quy định pháp luật, theo đó, còn cứng nhắc và mang nặng tính thủ tục hành chính, chưa tạo điều kiện thông thoáng cho doanh nghiệp chủ động, linh hoạt trong hoạt động kinh doanh.

Với "vỏ bọc" là một ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, một số quy định của Luật Đấu giá tài sản lại can thiệp quá nhiều vào hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, vấn đề mà vốn dĩ chịu sự quyết định của các quy luật kinh tế thị trường, như quy định doanh nghiệp đấu giá tài sản phải có trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho hoạt động đấu giá tài sản. Người thành lập doanh nghiệp đấu giá tài sản theo quy định của Luật Đấu giá tài sản phải là đấu giá viên, trong khi đó, một số quy định của luật về tiêu chuẩn đấu giá viên chưa thực sự phù hợp và còn nhiều "kẻ hở". Mặt khác, chế tài đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản liên quan đến thành lập doanh nghiệp chưa tương

xứng với chế tài đối với các doanh nghiệp khác và chưa tạo được nền tảng pháp lý vững chắc, toàn diện để áp dụng trên thực tế.

Bên cạnh đó, một số quy định về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản làm hạn chế quyền tự do của doanh nghiệp trong tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh, như quy định Giám đốc doanh nghiệp đấu giá tư nhân, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty đấu giá hợp danh phải là đấu giá viên làm hạn chế quyền tự do thiết lập cơ cấu tổ chức quản lý của doanh nghiệp, hơn nữa, quy định này đã đồng nhất hoạt động điều hành kinh doanh với hoạt động nghề nghiệp của đấu giá viên trong doanh nghiệp đấu giá tài sản.

Ở một khía cạnh khác, là doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề đặc thù, quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản cũng gắn liền với hoạt động đấu giá tài sản. Tuy nhiên, các quy định pháp luật hiện hành chưa tạo được nền tảng pháp lý vững chắc cho doanh nghiệp hoạt động. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản cũng như thực tiễn thực hiện quyền và nghĩa vụ đó chưa thực sự phát huy vai trò trung gian hữu hiệu của doanh nghiệp, nơi kết nối giữa người mua và người bán tài sản. Đồng thời chưa tạo được niềm tin cho các bên có liên quan đến đấu giá tài sản. Chẳng hạn như việc xác định giá khởi điểm của tài sản đấu giá, quyền yêu cầu người có tài sản đấu giá cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, giấy tờ liên quan đến tài sản đấu giá, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại khi thực hiện đấu giá theo quy định của pháp luật. Một số quy định lại không có ý nghĩa thực thi trên thực tế như nghĩa vụ đề nghị Sở Tư pháp thu hồi Thẻ đấu giá viên. Điều kiện nhận tập sự, hướng dẫn tập sự hành nghề đấu giá của doanh nghiệp đấu giá tài sản, của đấu giá viên cũng chưa được quy định rõ. Bên cạnh đó, vấn đề hồ sơ và lưu trữ hồ sơ liên quan đến quá trình hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản còn mang nặng tính thủ tục hành chính, nhiều thủ tục còn rất rườm rà, đôi khi quy định không rõ ràng.

Chế tài liên quan đến quá trình hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản thiếu thuyết phục, các quy định về thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp còn chưa rõ ràng,... Đặc biệt là thiếu cơ sở pháp lý để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản nói riêng, pháp nhân thương mại nói chung trong hoạt động đấu giá tài sản. Chế tài đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản như vậy là chưa đủ sức răn đe.

Nói tóm lại, cho đến nay, qua hơn 5 năm thực thi Luật Đấu giá tài sản, rõ ràng không thể phủ nhận vai trò tích cực của Luật trong tiến trình từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật chung của đất nước, tuy nhiên, bên cạnh những tiến bộ đó, Luật vẫn còn

bộc lộ một số hạn chế nhất định, đặc biệt là quy định về điều kiện thành lập, quyền, nghĩa vụ và chế tài đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản. Vì những lý do đó, nghiên cứu sinh quyết định chọn đề tài: ***"Quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản"*** cho Luận án tiến sĩ luật học của mình. Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích các quy định pháp luật về doanh nghiệp đấu giá tài sản, nghiên cứu sinh chỉ ra một số hạn chế, bất cập của pháp luật hiện hành. Đồng thời, nghiên cứu các văn bản pháp luật có liên quan của Việt Nam cũng như đối chiếu, so sánh với pháp luật các nước trên thế giới như Pháp, Đức, Nhật Bản, Trung Quốc, một số tiểu bang của Hoa Kỳ (Washington, Florida, Texas, Alabama), kết hợp các lý thuyết, học thuyết có liên quan, nghiên cứu sinh đưa ra các đề xuất định hướng sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản nói riêng, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung.

2. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

2.1 Mục tiêu nghiên cứu

Thực hiện đề tài này, Luận án hướng đến mục tiêu là làm sáng tỏ các vấn đề lý luận về doanh nghiệp đấu giá tài sản và quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản, nghiên cứu chuyên sâu và chỉ ra các bất cập, hạn chế của hệ thống quy phạm pháp luật Việt Nam về điều kiện thành lập, quyền, nghĩa vụ và chế tài đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản. Từ đó, Luận án đưa ra các đề xuất sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện các quy phạm pháp luật đó - một bộ phận không thể tách rời trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

2.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu trên, Luận án đặt ra các nhiệm vụ sau:

Một là, Luận án nghiên cứu, đánh giá những kết quả đạt được cũng như những hạn chế từ các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài Luận án, chỉ ra các khoảng trống chưa được nghiên cứu của các công trình đó, đảm bảo nội dung nghiên cứu của Luận án không trùng lắp với các công trình đã công bố trước đó. Từ đó, Luận án xây dựng câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu, lựa chọn lý thuyết nghiên cứu định hướng cho những nội dung sẽ được nghiên cứu trong Luận án. Đồng thời khẳng định những đóng góp mới của Luận án về lý luận và thực tiễn. Nhiệm vụ này được giải quyết tại Chương 1 của Luận án.

Hai là, Luận án phân tích chuyên sâu các vấn đề lý luận về doanh nghiệp đấu giá tài sản và quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản bao gồm: xây dựng một khái niệm mới về doanh nghiệp đấu giá tài sản, nhận diện đặc điểm, vai trò của doanh nghiệp đấu giá tài sản, xác định nội dung quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản,

nguyên tắc trong xây dựng quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản. Nhiệm vụ này được giải quyết tại Chương 2 của Luận án.

Ba là, Luận án đi sâu nghiên cứu, phân tích các quy định pháp luật về điều kiện thành lập doanh nghiệp đấu giá tài sản. Trong đó tập trung vào các nội dung: điều kiện về hình thức pháp lý, ngành, nghề kinh doanh, điều kiện về chủ thể thành lập, điều kiện về tên, trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị và cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập và quản lý doanh nghiệp đấu giá tài sản. Bên cạnh đó, Luận án nghiên cứu, phân tích chế tài đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản khi vi phạm các điều kiện thành lập doanh nghiệp. Từ đó, Luận án chỉ ra những hạn chế, bất cập trong các quy định pháp luật Việt Nam về điều kiện thành lập doanh nghiệp đấu giá tài sản, chế tài đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản liên quan đến điều kiện thành lập doanh nghiệp, trong mối tương quan so sánh với pháp luật của Pháp, Đức, Trung Quốc, Nhật Bản, một số tiểu bang của Hoa Kỳ. Nhiệm vụ này được giải quyết tại Chương 3 của Luận án.

Bốn là, Luận án tìm hiểu, phân tích chuyên sâu các quy định pháp luật về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản trong quá trình hoạt động. Các nội dung được tập trung phân tích bao gồm: quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản trong quan hệ nội bộ của doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản trong quan hệ với các thực thể ngoài doanh nghiệp (với Nhà nước, với người có tài sản, người tham gia đấu giá), trách nhiệm pháp lý liên quan đến quá trình hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản, trong đó tập trung vào ba nhóm chế tài là xử phạt vi phạm hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự và thu hồi Giấy đăng ký hoạt động. Trên cơ sở đó, Luận án chỉ ra những hạn chế, bất cập trong các quy định pháp luật Việt Nam về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản, trong mối tương quan so sánh với pháp luật của Pháp, Đức, Trung Quốc, Nhật Bản, một số tiểu bang của Hoa Kỳ. Nhiệm vụ này được giải quyết tại Chương 4 của Luận án.

Năm là, từ những hạn chế, bất cập của pháp luật Việt Nam hiện nay đã phân tích, Luận án nghiên cứu, phân tích và học hỏi kinh nghiệm pháp luật của các nước trên thế giới phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội ở Việt Nam, đồng thời kết hợp với các học thuyết, lý thuyết có liên quan để đưa ra các đề xuất mới sửa đổi, bổ sung hệ thống quy phạm pháp luật về điều kiện thành lập, quyền, nghĩa vụ và chế tài đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản, nhằm hướng đến mục tiêu hoàn thiện pháp luật điều chỉnh đối với doanh

nghiệp đấu giá tài sản ở Việt Nam trong thời gian tới. Nhiệm vụ này được giải quyết lần lượt tại Chương 3 và Chương 4 của Luận án.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

3.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận án là các vấn đề lý luận về doanh nghiệp đấu giá tài sản, quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản và hệ thống quy phạm pháp luật Việt Nam về điều kiện thành lập, quyền, nghĩa vụ và chế tài đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản.

Bên cạnh đó, Luận án còn nghiên cứu kinh nghiệm lập pháp của các nước trên thế giới (Pháp, Đức, Nhật Bản, Trung Quốc, một số tiểu bang của Hoa Kỳ) có hoạt động đấu giá tài sản phát triển sôi động và những công ty đấu giá tài sản nổi tiếng mang tầm quốc tế (China Guardian, tập đoàn Poly Trung Quốc (Trung Quốc), Artcurial, Asium, Aguttes (Pháp), Tokyo BHL Co., LTD (Nhật Bản), Lempertz (Đức), Heritage Auction (Hoa Kỳ),...), kết hợp cùng các lý thuyết, học thuyết kinh tế, pháp lý có liên quan đến Luận án.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

3.2.1 Phạm vi nghiên cứu về nội dung

Quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản bao gồm quy chế pháp lý chung về doanh nghiệp và quy chế pháp lý riêng về doanh nghiệp đấu giá tài sản. Trong phạm vi Luận án này, NCS tập trung nghiên cứu chuyên sâu quy chế pháp lý riêng về doanh nghiệp đấu giá tài sản, bắt đầu từ khâu thành lập doanh nghiệp đến quyền, nghĩa vụ, chế tài và chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp. Tuy nhiên, vấn đề chấm dứt hoạt động doanh nghiệp đấu giá tài sản hiện không có quy chế pháp lý riêng mà chủ yếu áp dụng quy chế pháp lý chung như các doanh nghiệp khác. Các quy phạm pháp luật về thủ tục hành chính liên quan đến thành lập doanh nghiệp đấu giá tài sản cũng không được nghiên cứu trong Luận án này. Do đó, Luận án này chỉ tập trung nghiên cứu các quy phạm pháp luật về điều kiện thành lập, quyền, nghĩa vụ và chế tài đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản.

3.2.2 Phạm vi nghiên cứu về không gian và thời gian

Về không gian: Luận án nghiên cứu hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh chung đối với tất cả các doanh nghiệp đấu giá tài sản trên phạm vi toàn lãnh thổ Việt Nam, trong mối tương quan so sánh với pháp luật của Pháp, Đức, Nhật Bản, Trung Quốc, một số tiểu bang của Hoa Kỳ.

Về thời gian: Luận án chủ yếu phân tích hệ thống quy phạm pháp luật Việt Nam trong phạm vi từ ngày Luật Đấu giá tài sản năm 2016 có hiệu lực thi hành (ngày 01/7/2017) đến nay. Ngoài ra, các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực thi hành trước ngày 01/7/2017 cũng được đề cập sơ lược để thấy được bức tranh toàn diện quá trình thay đổi, phát triển của quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản đến thời điểm hiện tại.

4. PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

4.1 Phương pháp luận

Phương pháp luận duy vật lịch sử biện chứng của Chủ nghĩa Mác - Lênin được sử dụng xuyên suốt trong Luận án, đảm bảo mỗi nhận định, đánh giá trong Luận án đều được chứng minh bằng những lập luận có căn cứ.

4.2 Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học sau:

Phương pháp phân tích - tổng hợp được sử dụng trong toàn Luận án, để làm sáng tỏ nội dung các công trình nghiên cứu có liên quan đến luận án ở trong phần tổng quan, cũng như để phân tích, nghiên cứu nền tảng lý luận về doanh nghiệp đấu giá tài sản, quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản, các quy định pháp luật và nhận định, đánh giá thực trạng pháp luật, chỉ ra những hạn chế của pháp luật Việt Nam hiện hành về doanh nghiệp đấu giá tài sản, đề xuất các giải pháp để hoàn thiện pháp luật về vấn đề nghiên cứu.

Phương pháp so sánh được sử dụng chủ yếu tại Chương 2, Chương 3 và Chương 4, nghiên cứu mối quan hệ giữa doanh nghiệp đấu giá tài sản với các doanh nghiệp khác trên thị trường, so sánh hệ thống quy phạm pháp luật hiện hành với các quy phạm pháp luật trước đó cùng điều chỉnh về doanh nghiệp đấu giá tài sản, nghiên cứu mối tương quan trong quy định pháp luật Việt Nam và pháp luật của các nước trên thế giới về doanh nghiệp đấu giá tài sản (Pháp, Đức, Nhật Bản, Trung Quốc, một số tiểu bang của Hoa Kỳ), để rút ra bài học nhằm hoàn thiện pháp luật trong nước.

Phương pháp lịch sử - logic được sử dụng trong toàn Luận án, nghiên cứu tổng thể các công trình khoa học đã được công bố của các tác giả có liên quan đến đề tài Luận án, nghiên cứu sơ bộ nguồn gốc quy định pháp luật Việt Nam về điều kiện thành lập, quyền, nghĩa vụ và chế tài đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản, chỉ ra những bước tiến ngày càng đi đến hoàn thiện trong hệ thống pháp luật trong điều chỉnh về doanh nghiệp đấu giá tài sản.

Phương pháp diễn dịch kết hợp với phương pháp quy nạp được sử đan xen trong toàn Luận án nhằm triển khai từng luận điểm cũng như rút ra kết luận cho từng vấn đề.

Phương pháp nghiên cứu tài liệu được sử dụng trong toàn Luận án, bao gồm thu thập, phân loại, sắp xếp và khái quát các nội dung nghiên cứu, đảm bảo các nội dung nghiên cứu trong Luận án được phân tích dựa trên các nguồn tài liệu đáng tin cậy và hữu ích.

Phương pháp thu thập số liệu từ các báo cáo của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp một số tỉnh, thành phố, các công trình nghiên cứu của các tác giả đã công bố, trên các phương tiện truyền thông đáng tin cậy. Phương pháp này được sử dụng trong Chương 3 và Chương 4 nhằm chứng minh cho các nhận định, đánh giá thực tiễn.

5. KẾT CẤU CỦA LUẬN ÁN

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục từ viết tắt, các phụ lục, Luận án được kết cấu gồm 4 Chương:

Chương 1: Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài và định hướng nghiên cứu.

Trong Chương này, nghiên cứu sinh tiến hành tập hợp, phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài Luận án. Ngoài ra, các lý thuyết nghiên cứu cũng được phân tích trong Chương này. Từ đó, nghiên cứu sinh đi đến xây dựng câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu làm định hướng cho quá trình thực hiện Luận án.

Chương 2: Những vấn đề lý luận về doanh nghiệp đấu giá tài sản và quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản.

Trong Chương này, nghiên cứu sinh đưa ra khái niệm đấu giá tài sản, doanh nghiệp đấu giá tài sản, phân tích bản chất pháp lý của đấu giá tài sản, đặc điểm, vai trò của doanh nghiệp đấu giá tài sản, nội dung và nguyên tắc trong xây dựng quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản.

Chương 3: Quy chế pháp lý về điều kiện thành lập doanh nghiệp đấu giá tài sản.

Trong Chương này, nghiên cứu sinh phân tích và chỉ ra những hạn chế, bất cập trong hệ thống quy phạm pháp luật về điều kiện thành lập và chế tài đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản khi vi phạm điều kiện thành lập doanh nghiệp đấu giá ở Việt Nam, trong mối tương quan so sánh với pháp luật của Pháp, Đức, Nhật Bản, Trung Quốc, một số tiểu bang của Hoa Kỳ. Từ đó, nghiên cứu sinh đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về điều kiện thành lập doanh nghiệp đấu giá tài sản.

Chương 4: Quy chế pháp lý về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản.

Trong Chương này, nghiên cứu sinh phân tích và chỉ ra những hạn chế, bất cập trong hệ thống quy phạm pháp luật về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản ở Việt Nam, trong mối tương quan so sánh với pháp luật của Pháp, Đức, Nhật Bản, Trung Quốc, một số tiểu bang của Hoa Kỳ. Từ đó, nghiên cứu sinh đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản.

CHƯƠNG 1
TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU

1.1 TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

1.1.1 Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản

1.1.1.1 Các công trình nghiên cứu liên quan đến khái niệm và bản chất pháp lý của đấu giá tài sản

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu ngoài nước.

Về sách:

Tác giả Brian Learmount với nghiên cứu *"A history of the auction"* (dịch: Lịch sử đấu giá) do nhà xuất bản Barnard & Learmont phát hành năm 1985. Với cách tiếp cận lý luận, Learmount đưa ra khái niệm đấu giá với bản chất là một hợp đồng, trong đó, người tổ chức đấu giá là bên đưa ra lời mời giao kết hợp đồng công khai với những người tham gia đấu giá. Thông qua việc trả giá tăng dần, người tham gia đấu giá được coi là đang đưa ra đề nghị giao kết hợp đồng. Hợp đồng được giao kết khi người tổ chức đấu giá chấp nhận giá được trả cao nhất[2].

Bên cạnh đó là các quan điểm lý luận, tiếp cận đấu giá ở phương diện là quan hệ kinh tế. Có thể kể đến các công trình sau:

Tác giả Truman F. Bewley với nghiên cứu *"Advances in economic theory fifth world congress"* (dịch: Những tiến bộ trong học thuyết kinh tế của Hội nghị thế giới lần thứ 5), do nhà xuất bản Cambridge University Press phát hành năm 1987. Khái niệm đấu giá được tác giả tiếp cận dưới góc độ quan hệ kinh tế. Do đó, bản chất của đấu giá cũng được tiếp cận theo quan điểm lợi ích kinh tế[3].

Tác giả Vijay Krishna với nghiên cứu *"Auction theory"* (dịch: Lý thuyết đấu giá) do nhà xuất bản Elsevier phát hành năm 2002. Cũng tiếp cận đấu giá ở phương diện quan hệ kinh tế, Krishna cho rằng đấu giá là phương pháp xác định giá trị món hàng, do đó, đấu giá cũng tuân theo quy luật giá trị[4]. Sau này, trải qua thời gian khá dài nghiên cứu lý

[2] Brian Learmount (1985). *A history of the auction*. Barnard & Learmont publisher, Frome and London. Trang 6
[3] Truman F. Bewley (1987). *Advances in economic theory fifth world congress* [dịch: Những tiến bộ trong học thuyết kinh tế của Hội nghị thế giới lần thứ 5]. Cambridge University Press publisher, UK. Trang 2
[4] Vijay Krishna (2002). *Auction theory*. Elsevier publisher, USA. Trang 118

thuyết đấu giá, khi tái bản lần thứ 2 năm 2010 cuốn sách này, quan điểm của Krishna mở rộng và bao quát hơn. Lý thuyết đấu giá của Krishna cho thấy đấu giá là hoạt động mang tính linh hoạt chứ không hoàn toàn cứng nhắc"[5].

Các tác giả Cramton, Y. Shoham và R. Steinberg với nghiên cứu *"Introduction to Combinatorial Auctions"* (dịch: Giới thiệu về đấu giá tổ hợp) do nhà xuất bản MIT Press phát hành năm 2005. Từ quan điểm kinh tế, các tác giả này cũng tiếp cận đấu giá dưới góc độ là một phương pháp xác định giá trị của một hàng hóa nhằm tối đa hóa lợi ích của cả người bán[6].

Tác giả Günter Knieps có nghiên cứu *"Network economics"* (dịch: Kinh tế mạng) do nhà xuất bản Springer phát hành năm 2015. Đấu giá được Knieps tiếp cận là một cơ chế thị trường, tuân theo các quy luật thị trường nhằm phân bổ các nguồn lực kinh tế[7].

Các quan điểm này thể hiện bản chất kinh tế của đấu giá. Đấu giá được xem là một trong những phương pháp để xác định giá trị của tài sản đưa ra đấu giá, chịu sự quyết định của quy luật giá trị - một trong các quy luật kinh tế thị trường. Trong đấu giá, lợi ích kinh tế luôn được đặt lên hàng đầu. Do đó, vai trò của người tổ chức đấu giá là so sánh giá được trả bởi những người tham gia đấu giá và chọn ra người trúng đấu giá là người đưa ra mức giá cao nhất. Các công trình này cung cấp cho NCS một khía cạnh khác của đấu giá, bên cạnh là một quan hệ pháp luật, đấu giá còn là một quan hệ kinh tế, chịu sự điều chỉnh của các quy luật kinh tế thị trường. Thế nhưng, các quan điểm này chưa thể hiện được bản chất pháp lý của đấu giá và địa vị pháp lý của các bên trong quan hệ đấu giá.

Bài viết trên các tạp chí chuyên ngành:

Hai tác giả Oliver Kirchkhamp và Wladislaw Mill với nghiên cứu *"Spite vs. risk: Explaining overbidding in the second-price all-pay auction: A theoretical and experimental investigation"* (dịch: Sự không hài lòng với rủi ro: Giải thích việc đặt giá quá cao trong phiên đấu giá thanh toán theo giá thứ hai: Một cuộc điều tra lý thuyết và thực nghiệm), đăng trên Tạp chí Games and Economic Behavior, tập 130 năm 2021. Các tác giả tiếp cận đấu giá ở phương diện là một giao dịch phổ biến trong cuộc sống. Đấu giá

[5] Vijay Krishna (2010). *Auction theory (second edition)*. Elsevier publisher, USA. Trang 6
[6] Cramton, Y. Shoham và R. Steinberg (editors) (2005). *Introduction to Combinatorial Auctions*. MIT Press, Boston. Trang 29-45
[7] Günter Knieps (2015). *Network economics*. Springer publisher, Switzerland. Trang 87

không phải là cái gì quá mới lạ, nó diễn ra hàng ngày, gắn liền với hoạt động mua bán tài sản, hàng hóa[8].

Tác giả Caroline Banton đưa ra quan điểm về "đấu giá" trong nghiên cứu *"Auction"* (dịch: Đấu giá), đăng tải trên trang thông tin điện tử investopedia.com từ năm 2021. Theo đó, đấu giá được tiếp cận ở góc độ là một sự kiện để bán hàng, trong sự kiện này có nhiều người mua tiềm năng cùng trả giá cạnh tranh để mua được tài sản, hàng hóa. Tuân theo quy luật cạnh tranh, đấu giá càng có nhiều người mua tiềm năng, tài sản càng cáo cơ hội được bán với giá cao. Quan điểm của tác giả này cũng cho thấy có hai hình thức tổ chức đấu giá là mở hoặc kín[9]. Trong hai hình thức đó, người tổ chức đấu giá, bằng bất cứ công cụ nào, tập hợp càng nhiều người mua tiềm năng càng tốt.

Hai tác giả Zhenlei Xu và Junwu Zhu với nghiên cứu *"Extend auction description language to represent and reason knowledge in auctions"* (dịch: Mở rộng ngôn ngữ đấu giá để mô tả và hiểu biết trong các phiên đấu giá), công bố trên Tạp chí Computers and Electrical Engineering, tập 97, năm 2022. Các tác giả cũng tiếp cận đấu giá bằng quan điểm kinh tế. Đấu giá là một cơ chế mua bán hàng hóa phổ biến và ngày càng được sử dụng rộng rãi trong nền kinh tế thị trường[10]. Bởi lẽ, đấu giá mang lại lợi ích cho cả người mua và người bán. Đó cũng chính là mục đích tích cực mà đấu giá hướng đến.

Đây cũng là các quan điểm thể hiện bản chất kinh tế của đấu giá. Là một quan hệ kinh tế, đấu giá, theo đó, cũng là hoạt động phổ biến trong nền kinh tế, là một trong những phương thức để bán hàng. Với những ưu thế vượt trội của nó, đấu giá được lựa chọn và sử dụng rộng rãi trong các giao dịch mua bán hàng hóa ở các nước trên thế giới. Những công trình này, mặc dù chưa phân tích rõ bản chất pháp lý của đấu giá, nhưng có ý nghĩa giúp NCS có được cái nhìn toàn diện, tổng thể về "bức tranh" đấu giá trên thế giới, đồng thời, so sánh, đối chiếu với thực trạng ĐGTS ở Việt Nam. Từ đó, NCS có thể đưa ra những định hướng, tạo nền tảng pháp lý cho DN ĐGTS có đầy đủ tư cách là một chủ thể kinh doanh trong nền kinh tế thị trường. Hoạt động kinh doanh của DN ĐGTS được đón nhận, lựa chọn và đặt trọn niềm tin bởi các bên có liên quan đến ĐGTS, đặc biệt là đối với các tài sản mà chủ sở hữu tự nguyện lựa chọn bán thông qua đấu giá, thay vì là các tài sản bắt buộc đấu giá như hiện nay.

Báo cáo trong Hội thảo khoa học:

[8] Oliver Kirchkhamp và Wladislaw Mill (2021). Spite vs. risk: Explaining overbidding in the second-price all-pay auction: A theoretical and experimental investigation, *Games and Economic Behavior*, (Vol 130), trang 617
[9] Caroline Banton (2021). *Auction*, [https://www.investopedia.com/terms/a/auction.asp] (truy cập ngày 08/12/2021)
[10] Zhenlei Xu và Junwu (2022). Extend auction description language to represent and reasonknowledge in auctions, *Computers and Electrical Engineering*, (Vol 97), trang 1.

Trong đó có thể kể đến quan điểm của các tác giả nổi tiếng như: tác giả Paul R. Milgrom, trong nghiên cứu *"Auction theory"* (dịch: Lý thuyết đấu giá) được công bố tại World Congress of the econometric society năm 1985. Lý thuyết đấu giá trong nghiên cứu của Paul R. Milgrom thực chất là một lý thuyết kinh tế. Khái niệm đấu giá, theo đó, cũng gắn liền với bản chất của hoạt động kinh tế. Quan điểm của Milgrom cho thấy đấu giá không phải là hoạt động mới mẻ trong nền kinh tế thế giới mà nó có lịch sử hình thành lâu đời và ngày càng trở nên phổ biến trong các giao dịch mua bán tài sản[11]. Nghiên cứu này cung cấp cho NCS một nền tảng lịch sử về sự ra đời và vai trò của đấu giá. Tuy nhiên, cũng giống như các công trình nghiên cứu ở trên, dưới góc độ là một quan điểm kinh tế, tác giả này tiếp cận và nghiên cứu đấu giá theo hướng phát huy vai trò kinh tế của nó, còn bản chất pháp lý và các vị thế của các chủ thể trong quan hệ đấu giá chưa được xem xét trong nghiên cứu này.

Hầu như tác giả của các công trình nghiên cứu ngoài nước đều tiếp cận đấu giá dưới góc độ là quan hệ kinh tế, hoạt động theo các quy luật kinh tế thị trường. Do đó, pháp luật rất hạn chế can thiệp vào hoạt động này, đặc biệt là về trình tự, thủ tục tổ chức đấu giá. Đây cũng chính là điểm khác biệt lớn giữa các tác giả nước ngoài với các tác giả trong nước nói chung, pháp luật Việt Nam và pháp luật các nước trên thế giới nói riêng.

Thứ hai, các công trình nghiên cứu trong nước.

Về sách:

"Đại từ điển Bách khoa Việt Nam" do Trung tâm biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam biên soạn và xuất bản năm 1995 đưa ra khái niệm đấu giá với bản chất là quá trình mặc cả, đàm phán giữa người mua và người bán. Kết quả của quá trình đó là tài sản, hàng hóa được bán cho người trả giá cao nhất. Tuy nhiên, hạn chế của nghiên cứu này là, các tác giả cho rằng đấu giá thường được sử dụng để bán những hàng hóa, tài sản thuộc loại đắt tiền, quý hiếm[12]. Trong khi, đây là hình thức mua bán tài sản phổ biến trong nền kinh tế.

Bên cạnh đó là các khái niệm lần lượt được trình bày trong *"Đại từ điển tiếng Việt*" được nhà xuất bản Văn hóa thông tin xuất bản năm 1999, của tác giả Nguyễn Như Ý (chủ biên) và *"Từ điển Luật học"* do nhà xuất bản Từ điển bách khoa và nhà xuất bản Tư pháp phát hành năm 2006, của các tác giả của Viện Khoa học pháp lý thuộc Bộ Tư pháp. Bản chất của đấu giá được tiếp cận theo quan điểm kinh tế. Đặc tính của đấu giá,

[11] Paul R. Milgrom (1985). Auction Theory, *The Fifth World Congress of the econometric society*, Massachusetts Institute of Technology, 17-23/8/1985. Trang 1

[12] Trung tâm biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (1995). *Đại từ điển Bách khoa Việt Nam*. Trang 136

đồng thời cũng là yếu tố giúp đấu giá thành công, đó là tính công khai, minh bạch. Với quan điểm kinh tế, đấu giá nhằm mang lại lợi ích kinh tế cho người bán, do đó, người có quyền mua tài sản đấu giá luôn được lựa chọn là người trả giá cao nhất[13].

Tác giả Davis W. Pearce nêu lên quan điểm về đấu giá trong *"Từ điển Kinh tế học hiện đại"* do nhà xuất bản Chính trị quốc gia phát hành năm 1999. Theo quan điểm của tác giả này, phạm vi của đấu giá được mở rộng tối đa. Đấu giá là một thị trường mà trong đó tất cả những người tham gia trả giá đều là người mua tiềm năng. Giá của hàng hóa không chỉ là ý chí của người bán mà còn là của người mua[14]. Quan điểm này cho thấy cả người bán và người mua đều bình đẳng khi tham gia vào thị trường đấu giá. Công trình nghiên cứu này định hướng cho NCS trong phân tích địa vị pháp lý của các chủ thể tham gia vào quan hệ ĐGTS.

Ở một khía cạnh khác, các quan điểm trong các công trình nghiên cứu sau gắn liền với đặc trưng pháp lý của ĐGTS ở Việt Nam. Theo đó, các nhà nghiên cứu thuộc Trường Đại học Luật Hà Nội đã đưa ra khái niệm "bán đấu giá tài sản" trong *Giáo trình Luật dân sự (tập 2)*, xuất bản năm 2009. Bán ĐGTS được tiếp cận với bản chất là một quan hệ pháp luật. Chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật này có những quyền và nghĩa vụ nhất định. Trong đó, nghĩa vụ của người tổ chức bán đấu giá là luôn phải thực hiện đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định[15].

Sau đó, trong *Giáo trình Luật dân sự Việt Nam, Tập II*, xuất bản năm 2017, các tác giả thuộc Trường Đại học Luật Hà Nội tiếp cận đấu giá bằng quan điểm kinh tế. Thế nhưng, không chỉ tập trung vào lợi ích kinh tế của người bán, các tác giả này cho rằng, thông qua đấu giá, người mua và người bán tài sản đều đạt được lợi ích[16].

Các tác giả của Học viện Tư pháp với *Giáo trình Kỹ năng bán đấu giá tài sản*, phát hành năm 2014. Quan điểm của các tác giả này tiếp cận đấu giá với bản chất là quan hệ dân sự về mua bán tài sản[17]. Là quan hệ dân sự, do đó, các nguyên tắc tự do ý chí, trung thực, tự nguyện luôn được đề cao trong ĐGTS. Quan điểm này cung cấp cơ sở lý luận để NCS tiếp tục phân tích về bản chất pháp lý của ĐGTS và đặc điểm, vai trò của DN ĐGTS.

Tiến sĩ Nguyễn Mạnh Cường đưa ra khái niệm "đấu giá hàng hóa" trong sách chuyên khảo được xuất bản trên nền tảng Luận án tiến sĩ luật học của chính tác giả với

[13] Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp (2006). *Từ điển Luật học*. Nxb. Từ điển bách khoa và Nxb. Tư pháp, Hà Nội. Trang 240
[14] Davis W. Pearce (1999). *Từ điển kinh tế học hiện đại*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. Trang 102
[15] Trường Đại học Luật Hà Nội (2009). *Giáo trình Luật dân sự (tập 2)*. Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội. Trang 114
[16] Trường Đại học Luật Hà Nội (2017). *Giáo trình Luật dân sự, Tập II*. Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội. Trang 151
[17] Học viện Tư pháp (2014). *Giáo trình Kỹ năng bán đấu giá tài sản*. Hà Nội. Trang 21

nhan đề *"Pháp luật về đấu giá hàng hóa trong thương mại ở Việt Nam"*, do nhà xuất bản Chính trị quốc gia phát hành năm 2013. Tác giả này cũng tiếp cận đấu giá với bản chất là một quan hệ pháp luật. Do đó, trình tự, thủ tục đấu giá luôn có tính cứng nhắc theo quy định của pháp luật[18].

Các tác giả của Học viện Tư pháp trong *Giáo trình nghiệp vụ đấu giá tài sản (Tập 1 - Phần chung)*, do nhà xuất bản Tư pháp phát hành năm 2020, tiếp cận khái niệm "đấu giá tài sản" được quy định tại khoản 2 Điều 4 LĐGTS năm 2016, dưới hai góc độ: i) là quan hệ mua bán tài sản; ii) Nhà nước thực hiện phương thức điều hành thông qua hình thức đấu giá đối với các tài sản như quyền sử dụng đất để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất, tài sản là tần số vô tuyến điện, quyền khai thác khoáng sản...[19]. Ở góc độ thứ i, đấu giá được xem "là một dịch vụ tìm kiếm người mua tài sản cho người bán theo trình tự, thủ tục luật định"[20]. Ở góc độ thứ ii, đấu giá được xem như công cụ để Nhà nước phân bổ nguồn lực, tài sản mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu với mục đích mang lợi nguồn thu cho Ngân sách nhà nước, phục vụ lợi ích chung của người dân. Dù ở góc độ nào, đấu giá luôn được tổ chức thực hiện theo trình tự, thủ tục được pháp luật quy định.

Tác giả Nguyễn Thị Thu Hồng đưa ra khái niệm "đấu giá tài sản công" trong nghiên cứu *"Pháp luật về đấu giá tài sản công ở Việt Nam hiện nay"*, do nhà xuất bản Tư pháp phát hành năm 2022. Điểm nổi bật trong quan điểm của tác giả này là sự xuất hiện của tổ chức trung gian trong đấu giá tài sản công. Tuy nhiên, quan điểm của tác giả này cũng gắn với đặc trưng pháp lý của tài sản công ở Việt Nam, là loại tài sản mà pháp luật bắt buộc phải bán thông qua đấu giá. Do đó, việc tổ chức đấu giá tài sản công cũng phải thực hiện theo đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục pháp luật đã quy định[21]. Bên cạnh các tài sản mà pháp luật bắt buộc phải bán thông qua đấu giá thì còn có các tài sản mà chủ sở hữu tự nguyện lựa chọn bán thông qua đấu giá. Nội dung này chưa được tác giả khai thác trong nghiên cứu của mình. Đây chính khoảng trống để NCS tiếp tục nghiên cứu trong Luận án của mình.

Các tác giả của Trường Đại học Luật Hà Nội trong *Giáo trình Luật thương mại, Tập II*, do nhà xuất bản Công an nhân dân phát hành năm 2015, tiếp cận đấu giá với quan

[18] Nguyễn Mạnh Cường (2013). *Pháp luật về đấu giá hàng hóa trong thương mại ở Việt Nam (sách chuyên khảo)*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. Trang 15

[19] Học viện Tư pháp (2020). *Giáo trình nghiệp vụ đấu giá tài sản (Tập 1 - Phần chung)*. Nxb. Tư pháp, Hà Nội. Trang 13-15

[20] Học viện Tư pháp, tlđd (19), trang 14

[21] Nguyễn Thị Thu Hồng (2022). *Pháp luật về đấu giá tài sản công ở Việt Nam hiện nay*. Nxb. Tư pháp, Hà Nội. Trang 27

điểm: đấu giá hàng hóa có bản chất kinh tế và bản chất pháp lý có thể là hành vi dân sự thông thường hoặc một hoạt động thương mại độc lập của thương nhân[22]. Với bản chất kinh tế, đấu giá là hoạt động chịu tác động của quy luật cung - cầu, quy luật của kinh tế thị trường. Với bản chất pháp lý, đấu giá là quan hệ pháp luật chịu sự can thiệp, chi phối của pháp luật.

Điểm chung của các công trình nghiên cứu này là khái niệm đấu giá được xây dựng gắn liền với các quy định đặc trưng của pháp luật Việt Nam. Việc tổ chức đấu giá luôn phải được thực hiện theo nguyên tắc, trình tự, thủ tục luật định. Người tổ chức đấu giá tài sản không có quyền tự do lựa chọn, thiết kế, tổ chức một cuộc đấu giá khác với những gì mà pháp luật đã quy định, từ khâu chuẩn bị cho đến khâu điều hành và cả các thủ tục sau khi kết thúc cuộc đấu giá. Khái niệm đấu giá được đưa ra trong các công trình nghiên cứu này cho thấy sự khác biệt trong ĐGTS ở Việt Nam so với các nước trên thế giới. Nếu ở Việt Nam, Nhà nước can thiệp điều tiết việc tổ chức đấu giá tài sản ở mọi phương diện thì ở đa số các nước, người tổ chức đấu giá có toàn quyền quyết định việc tổ chức đấu giá, sao cho tài sản được bán với giá cao nhất.

Về đề tài nghiên cứu khoa học:

Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp (tiến sĩ Võ Đình Toàn chủ biên) với đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ *"Hoàn thiện pháp Luật về Bán đấu giá tài sản tài sản nhằm thúc đẩy thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam"*, công bố năm 2011. Các tác giả này tiếp cận đấu giá với bản chất là một hoạt động thương mại dịch vụ trong nền kinh tế thị trường[23]. Đây là hình thức bán tài sản đặc biệt. Bởi lẽ, người mua được trả giá nhưng không được thấp hơn mức giá thấp nhất do người bán đưa ra. Trong quan hệ mua bán thông thường, tâm lý "mặc cả" của người mua là chấp nhận hoặc trả một mức giá thấp hơn giá do người bán đưa ra. Thế nhưng khi tham gia mua bán tài sản thông qua đấu giá, người mua chỉ được chấp nhận hoặc trả giá cao hơn mức giá do người bán đưa ra. Quan điểm của các tác giả này về đấu giá cũng gắn liền với đặc trưng pháp lý ở Việt Nam, luôn phải được thực hiện theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định[24].

Các Luận án tiến sĩ:

Nghiên cứu sinh Lê Thị Hương Giang với Luận án tiến sĩ luật học *"Bán đấu giá tài sản thi hành án dân sự ở Việt Nam"*, công bố tại Trường Đại học Luật Hà Nội năm

[22] Trường Đại học Luật Hà Nội (2015). *Giáo trình Luật thương mại, Tập II*. Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội. Trang 177-178

[23] Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp (2011). *Hoàn thiện pháp Luật về Bán đấu giá tài sản tài sản nhằm thúc đẩy thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*. Đề tài nghiên cứu cấp bộ, Hà Nội. Trang 17

[24] Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp, tlđd (23), trang 17

2019. Khái niệm đấu giá được tiếp cận với bản chất là quan hệ hợp đồng thông qua một tổ chức đấu giá trung gian[25]. Tuy nhiên, quan điểm của tác giả này chưa hoàn toàn phù hợp với nền tảng pháp lý vào thời điểm này. Bởi lẽ, chủ thể thực hiện ĐGTS không phải lúc nào cũng là tổ chức đấu giá trung gian mà còn có chủ sở hữu tài sản[26].

Nghiên cứu sinh Đoàn Văn Hường với Luận án tiến sĩ luật học *"Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bán đấu giá tài sản theo pháp luật Việt Nam"*, công bố tại Học viện Khoa học xã hội năm 2021. Đấu giá mang bản chất kinh tế thông qua quan điểm của tác giả này. Theo đó, thông qua đấu giá, quyền lợi của cả người mua và người bán đều được thỏa mãn tốt nhất[27].

Khái niệm "đấu giá quyền sử dụng đất" được NCS Đặng Thị Bích Liễu và Trần Tiến Hải đưa ra lần lượt trong Luận án tiến sĩ luật học "*Pháp luật về đấu giá quyền sử dụng đất ở Việt Nam"* và *"Thực hiện pháp luật về đấu giá quyền sử dụng đất ở các tỉnh Bắc Trung Bộ Việt Nam hiện nay"*, công bố lần lượt tại Học viện Khoa học xã hội năm 2012 và Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh năm 2015. Đấu giá quyền sử dụng đất là một trong các phương thức để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất. Các tác giả này đều tiếp cận đấu giá với bản chất là một công cụ để Nhà nước lựa chọn cá nhân, tổ chức đủ điều kiện sử dụng đất. Như tất cả các tài sản khác ở Việt Nam, việc tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất cũng phải thực hiện theo trình tự, thủ tục luật định[28].

Điểm chung của các khái niệm đấu giá trong các Luận án tiến sĩ này là tài sản đấu giá đều là những tài sản mà pháp luật Việt Nam quy định phải bán thông qua đấu giá. Do đó, các khái niệm cũng gắn liền với trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định khi tổ chức đấu giá các tài sản này. Các khái niệm chưa nêu bật lên đặc trưng và bản chất pháp lý của đấu giá nói chung.

1.1.1.2 Các công trình nghiên cứu liên quan đến doanh nghiệp đấu giá tài sản

a. Các công trình nghiên cứu liên quan đến khái niệm và đặc điểm, vai trò của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu ngoài nước.

[25] Lê Thị Hương Giang (2019). *Bán đấu giá tài sản thi hành án dân sự ở Việt Nam*. Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội. Trang 32

[26] Vấn đề này được quy định tại khoản 1 Điều 185 Luật Thương mại năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019) về "đấu giá hàng hóa"

[27] Đoàn Văn Hường (2021). *Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bán đấu giá tài sản theo pháp luật Việt Nam*. Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội. Trang 25

[28] Đặng Thị Bích Liễu (2012). *Pháp luật về đấu giá quyền sử dụng đất ở Việt Nam.* Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội. Trang 24; Trần Tiến Hải (2015). *Thực hiện pháp luật về đấu giá quyền sử dụng đất ở các tỉnh Bắc Trung Bộ Việt Nam hiện nay*. Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh. Trang 26

Doanh nghiệp (DN) ĐGTS là một trong các chủ thể tiến hành hoạt động đấu giá. Trên thế giới, hầu như không có quan điểm của bất kỳ tác giả nào về DN ĐGTS. Các công trình nghiên cứu tập trung vào bản chất kinh tế của đấu giá, làm thế nào để tổ chức, thiết kế cuộc đấu giá mang lại hiệu quả cao nhất. Còn chủ thể tiến hành cuộc đấu giá đó ít dành được sự quan tâm nghiên cứu của các tác giả. Khái niệm "doanh nghiệp đấu giá tài sản" chủ yếu được đề cập trong các văn bản pháp luật của các nước. Theo đó, bản chất pháp lý của các DN đấu giá hay công ty đấu giá đều là chủ thể thực hiện hoạt động kinh doanh trên thị trường.

Thứ hai, các công trình nghiên cứu trong nước.

Ở Việt Nam, khái niệm "doanh nghiệp đấu giá tài sản" được đề cập sơ lược trong một số công trình nghiên cứu đã được công bố của các tác giả dựa trên nền tảng quy định của pháp luật về DN này.

Quan điểm của NCS Trần Tiến Hải trong Luận án tiến sĩ luật học với đề tài *"Thực hiện pháp luật về đấu giá quyền sử dụng đất ở các tỉnh Bắc Trung Bộ Việt Nam hiện nay"*, tiếp cận DN bán ĐGTS gắn liền với nền tảng pháp lý là Nghị định số 17/2010/NĐ-CP và gần như mô tả lại hoàn toàn khái niệm "doanh nghiệp bán đấu giá tài sản" được quy định trong Nghị định này[29]. Theo đó, DN bán ĐGTS cũng như những DN khác thực hiện hoạt động kinh doanh theo những ngành, nghề mà DN đã đăng ký, trong đó có dịch vụ ĐGTS. ĐGTS cũng là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP. Bản chất pháp lý của DN bán đấu giá tài sản cũng là chủ thể thực hiện hoạt động kinh doanh và không có nhiều khác biệt với các DN khác trên thị trường.

Một quan điểm khác về DN ĐGTS được xây dựng trên nền tảng pháp lý là LĐGTS của NCS Đoàn Văn Hường trong Luận án tiến sĩ luật học với đề tài *"Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bán đấu giá tài sản theo pháp luật Việt Nam"*. Vẫn là chủ thể kinh doanh với mục đích tìm kiếm lợi nhuận trên thị trường nhưng quyền tự do kinh doanh của DN ĐGTS bị hạn chế hơn hẳn so với các DN kinh doanh các ngành, nghề khác trên thị trường. DN ĐGTS bị hạn chế quyền kinh doanh đa ngành[30].

b. Các công trình nghiên cứu liên quan đến điều kiện thành lập doanh nghiệp đấu giá tài sản

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu ngoài nước.

[29] Trần Tiến Hải, tlđd (28), trang 42
[30] Đoàn Văn Hường, tlđd (27), trang 27

Qua tìm hiểu của NCS, hầu như không có công trình nào của các tác giả trên thế giới trực tiếp nghiên cứu về điều kiện thành lập DN ĐGTS trên nền tảng quy định pháp luật của các nước. Do đó, về vấn đề này, NCS chủ yếu tiếp cận ở phương diện quan điểm pháp lý của Pháp, Trung Quốc, Nhật Bản và một số tiểu bang của Hoa Kỳ. Đây cũng là nghiên cứu làm nền tảng để thực hiện so sánh và tiếp thu kinh nghiệm pháp luật nước ngoài cho Việt Nam về điều kiện thành lập DN ĐGTS.

Thứ hai, các công trình nghiên cứu trong nước.

Đầu tiên là những công trình nghiên cứu chung về điều kiện đầu tư kinh doanh ở Việt Nam của một số tác giả đã được công bố. Những công trình này có ý nghĩa về mặt lý luận cho NCS trong quá trình định hướng hoàn thiện các quy phạm pháp luật điều kiện thành lập DN ĐGTS.

Về sách:

Tiến sĩ Nguyễn Thị Dung và các cộng sự với cuốn sách *"Luật kinh tế (chuyên khảo)"*, do nhà xuất bản Lao động phát hành năm 2017. Trong nghiên cứu này, các tác giả cũng có những phân tích về điều kiện thành lập DN. Các tác giả tiếp cận dưới góc độ các điều kiện chung cho sự ra đời của bất kỳ một DN nào trên thị trường. Trong đó, bao gồm hai nhóm điều kiện: điều kiện về kinh tế và điều kiện về pháp lý. DN ĐGTS được thành lập cũng phải đảm bảo đầy đủ những điều kiện đó. Hiện nay, "ở Việt Nam, sự phát triển của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp cho thấy rõ nét quá trình chuyển đổi từ cơ chế "tiền kiểm" sang cơ chế "hậu kiểm", nhằm thực hiện hiệu quả mục tiêu cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian gia nhập thị trường của doanh nghiệp"[31]. Các tác giả này chỉ xem xét điều kiện thành lập chung đối với tất cả các DN. Các điều kiện cụ thể để DN ĐGTS được thành lập chưa được đề cập trong nghiên cứu này. Kết quả từ công trình nghiên cứu này cho NCS một cái nhìn tổng quan về điều kiện thành lập DN nói chung, là nền tảng lý luận để NCS kế thừa khi phân tích điều kiện thành lập DN ĐGTS.

Tiến sĩ Cao Nhất Linh và các cộng sự với nghiên cứu "*Luật Kinh tế (sách tham khảo)"* do nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành năm 2021. Trong đó, các tác giả đã khái quát các điều kiện thành lập DN, bao gồm: điều kiện về chủ thể, điều kiện về ngành, nghề kinh doanh và điều kiện về tên DN[32]. Các tác giả này chỉ xem xét điều kiện thành lập DN trên phương diện pháp lý. Cũng như công trình nghiên cứu trên, các tác giả này cũng tiếp cận điều kiện thành lập chung đối với tất cả các DN mà không có bất kỳ

[31] Nguyễn Thị Dung và các cộng sự (2017). *Luật kinh tế (chuyên khảo)*. Nxb. Lao động, Hà Nội. Trang 298

[32] Cao Nhất Linh (chủ biên) và các cộng sự (2021). *Luật kinh tế (sách chuyên khảo).* Nxb. Giáo dục Việt Nam, thành phố Cần Thơ. Trang 59-70

phân tích, đánh giá, nhận định nào về điều kiện thành lập DN ĐGTS. Các điều kiện thành lập DN trong công trình nghiên cứu này cũng được NCS kế thừa trong quá trình khái quát điều kiện thành lập DN ĐGTS.

Cả hai nghiên cứu này đều cung cấp cho NCS nền tảng lý luận về điều kiện thành lập DN nói chung và điều kiện thành lập DN ĐGTS nói riêng.

Bài viết trên tạp chí chuyên ngành:

Tiến sĩ Nguyễn Am Hiểu với bài viết *"Tính hợp lý của pháp luật trong việc giới hạn quyền tự do kinh doanh",* công bố trên Tạp chí Dân chủ và Pháp luật ngày 30/6/2017. Bài viết đã có những lập luận sắc bén, đáng tin cậy để khẳng định việc can thiệp điều tiết nền kinh tế thị trường của Nhà nước không làm hạn chế quyền tự do kinh doanh mà nhằm mục đích khắc phục khuyết tật cố hữu của kinh tế thị trường, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng[33]. Vấn đề là cách Nhà nước can thiệp điều tiết như thế nào để phát huy vai trò đó. DN ĐGTS là DN mà hoạt động của nó có ảnh hưởng trực tiếp đến chủ sở hữu, người tham gia đấu giá, người mua được tài sản đấu giá. Vấn đề là chủ thể và năng lực của chủ thể thực hiện giám sát thông qua việc cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá ở Việt Nam cần được nhìn nhận, xem xét lại cho đúng với bản chất, vai trò và đòi hỏi của nghề nghiệp này. Đây chính là nhiệm vụ mà NCS sẽ giải quyết trong Luận án này, trên cơ sở kế thừa nền tảng lý luận từ bài viết này.

Tác giả Nguyễn Thị Huyền Trang có bài viết *"Pháp luật về điều kiện kinh doanh của các quốc gia trên thế giới"* đăng trên Tạp chí Tài chính online ngày 01/7/2017. Trong bài viết này, tác giả tiếp cận điều kiện kinh doanh dưới góc độ pháp luật ở Mỹ, Singapore và Trung Quốc. Từ đó, tác giả rút ra ba bài học kinh nghiệm cho pháp luật Việt Nam[34]. Bài học kinh nghiệm được rút ra từ công trình nghiên cứu này rất đáng quan tâm đối với việc thiết lập các điều kiện kinh doanh ĐGTS. Bởi lẽ, một số điều kiện kinh doanh mà LĐGTS đặt ra không thật sự cần thiết và cũng không có ý nghĩa phục vụ cho mục tiêu mà nhà làm luật hướng đến, chẳng hạn như điều kiện về trụ sở, cơ sở vật chất của DN ĐGTS.

Tác giả Nguyễn Đăng Duy với bài viết *"Tự do lựa chọn mô hình kinh doanh - Biểu hiện của quyền tự do kinh doanh"*, công bố trên Tạp chí Dân chủ và Pháp luật ngày 25/9/2018. Trong bài viết này, tác giả tiếp cận quyền tự do kinh doanh ở phương diện tự

[33] Nguyễn Am Hiểu (2017). Tính hợp lý của pháp luật trong việc giới hạn quyền tự do kinh doanh, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật,* [https://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/xay-dung-phap-luat.aspx?ItemID=372] (truy cập ngày 15/12/2022)

[34] Nguyễn Thị Huyền Trang (2017). Pháp luật về điều kiện kinh doanh của một số quốc gia trên thế giới, *Tạp chí tài chính online,* [https://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/phap-luat-ve-dieu-kien-kinh-doanh-cua-mot-so-quoc-gia-tren-the-gioi-126682.html] (truy cập ngày 01/8/2021)

do lựa chọn mô hình kinh doanh. Lựa chọn loại hình kinh doanh là quyền của chủ sở hữu DN. Tuy nhiên, đây không phải là quyền tuyệt đối mà có giới hạn, cả chủ quan và khách quan[35]. Quyền lựa chọn mô hình kinh doanh của DN ĐGTS cũng có những giới hạn. Kết quả từ công trình nghiên cứu này được NCS kế thừa trong quá trình đánh giá điều kiện về loại hình DN mà LĐGTS đặt ra đối với DN ĐGTS.

Cũng nghiên cứu về điều kiện kinh doanh nói chung ở Việt Nam, tác giả Trần Thị Quang Hồng có bài viết *"Điều kiện kinh doanh là công cụ quản lý nhà nước trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam"* đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 22 (398) tháng 11 năm 2019. Bài viết nghiên cứu, phân tích các điều kiện kinh doanh ở Việt Nam dưới góc độ là một công cụ quản lý nhà nước. Theo đó, mục đích của việc đặt ra điều kiện kinh doanh không phải là để hạn chế DN mà là để thực thi trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo vệ những lợi ích mà Nhà nước quan tâm[36]. Kế thừa kết quả từ công trình nghiên cứu này, các nghiên cứu, phân tích, đánh giá cũng như đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống quy phạm pháp luật về điều kiện thành lập DN ĐGTS cũng gắn với mục tiêu bảo vệ những lợi ích mà Nhà nước quan tâm, bao gồm lợi ích công và lợi ích tư.

Tác giả Nguyễn Như Chính với bài viết *"Kiểm soát điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ở Việt Nam"*, công bố trên Tạp chí Dân chủ và Pháp luật số 10 (343) năm 2020. Trong bài viết này, tác giả tiếp cận điều kiện đầu tư kinh doanh ở Việt Nam theo quan điểm hệ thống. Mặc dù đã có những thay đổi tích cực trong quy định của pháp luật DN và pháp luật đầu tư về điều kiện đầu tư kinh doanh nhưng điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các ngành, nghề kinh doanh ở Việt Nam vẫn cần phải được rà soát, bởi vẫn tồn tại nhiều hạn chế, là rào cản trong thu hút đầu tư ở Việt Nmm[37]. Điều kiện để DN ĐGTS được thành lập và bước vào thị trường kinh doanh cũng cần được kiểm soát hiệu quả hơn. Bởi thực tế, các điều kiện này hiện nay, một mặt tạo nhiều rào cản gia nhập thị trường đối với DN, mặt khác chưa mang lại hiệu quả.

[35] Nguyễn Đăng Duy (2018). Tự do lựa chọn mô hình kinh doanh - Biểu hiện của quyền tự do kinh doanh, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật,* [https://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/xay-dung-phap-luat.aspx?ItemID=475] (truy cập ngày 09/01/2023)

[36] Trần Thị Quang Hồng (2019). Điều kiện kinh doanh là công cụ quản lý nhà nước trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (22 (398)), [http://www.lapphap.vn/Pages/TinTuc/210440/dieu-kien-kinh-doanh-la-cong-cu-quan-ly-nha-nuoc-trong-qua-trinh-hoan-thien-the-che-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-XHCN-o-Viet-Nam.html] (truy cập ngày 12/6/2022)

[37] Nguyễn Như Chính (2020). Kiểm soát điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ở Việt Nam, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, (10 (343)), trang 15-20

Bên cạnh các công trình nghiên cứu về điều kiện đầu tư kinh doanh nói chung còn có Luận tiến sĩ nghiên cứu về điều kiện thành lập DN kinh doanh ngành, nghề thuộc lĩnh vực bổ trợ tư pháp.

Về lĩnh vực luật sư, có Luận án tiến sĩ luật học *"Tổ chức hành nghề luật sư theo pháp luật Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh"*, của tác giả Trần Văn Công, công bố tại Học viện Khoa học Xã hội năm 2019. Luận án đi sâu phân tích các điều kiện để thành lập một tổ chức hành nghề luật sư dựa trên nền tảng pháp luật Việt Nam, đặt trong mối tương quan so sánh với pháp luật các nước trên thế giới[38]. Tổ chức hành nghề luật sư và DN ĐGTS cũng có những điểm tương đồng, đều là các DN kinh doanh ngành, nghề có điều kiện thuộc lĩnh vực bổ trợ tư pháp. Theo đó, điều kiện thành lập DN ĐGTS cũng có những tương đồng nhất định với tổ chức hành nghề luật sư. Tuy nhiên, hành nghề luật sư và ĐGTS có những đặc trưng và đòi hỏi riêng, do đó, điều kiện thành lập DN ĐGTS và tổ chức hành nghề luật sư cũng khác nhau.

Về lĩnh vực công chứng, có Luận án tiến sĩ luật học *"Tổ chức và hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng theo pháp luật Việt Nam hiện nay"*, của tác giả Hoàng Mạnh Thắng, công bố tại Học viện Khoa học xã hội năm 2022. Tổ chức hành nghề công chứng bao gồm Phòng công chứng và Văn phòng công chứng. Về điều kiện thành lập Văn phòng công chứng (với tư cách là DN kinh doanh dịch vụ công chứng), Luận án này không trực tiếp đề cập đến. Tuy nhiên, có thể tìm thấy các điều kiện này nằm dàn trải trong nội dung Luận án[39]. Điều kiện thành lập Văn phòng công chứng cũng có những tương đồng nhất định với các DN kinh doanh ngành, nghề thuộc lĩnh vực bổ trợ tư pháp chịu sự quản lý của Bộ Tư pháp nói chung, DN ĐGTS nói riêng. Tuy nhiên, giữa hành nghề công chứng và ĐGTS cũng có bản chất, đặc điểm riêng biệt. Theo đó, điều kiện thành lập DN kinh doanh những ngành, nghề này cũng có những quy định khác biệt mang tính đặc trưng ngành, nghề. Việc tìm hiểu, nghiên cứu luận án này và luận án của tác giả Trần Văn Công ở trên có ý nghĩa giúp cho NCS có cái nhìn tổng quan về quan điểm lập pháp về điều kiện thành lập DN kinh doanh các ngành, nghề thuộc lĩnh vực bổ trợ tư pháp - những ngành, nghề mà hiện nay công tác quản lý đều thuộc thẩm quyền của Bộ Tư pháp.

Ngoài ra, năm 2017, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Ngân hàng thế giới (The World Bank) đã công bố *"Báo cáo rà soát điều kiện kinh doanh*

[38] Trần Văn Công (2019). *Tổ chức hành nghề luật sư theo pháp luật Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh*. Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội. Trang 66-68

[39] Hoàng Mạnh Thắng (2022). *Tổ chức và hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng theo pháp luật Việt Nam hiện nay*. Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội. Trang 64-79

và quyền tự do kinh doanh ở Việt Nam". Báo cáo này chỉ tiếp cận và đánh giá điều kiện kinh doanh một số ngành, nghề thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Khoa học và Công nghệ. Tuy nhiên, NCS có thể kế thừa phương pháp rà soát điều kiện kinh doanh trong Báo cáo để rà soát điều kiện thành lập DN ĐGTS, đó là đặt ra và trả lời cho ba câu hỏi: 1) Hoạt động đầu tư, kinh doanh trong ngành, nghề này tác động đến lợi ích công cộng nào? 2) Mức độ tác động tới lợi ích công cộng của các ngành, nghề kinh doanh đó có đến mức buộc Nhà nước phải can thiệp bằng các điều kiện kinh doanh hay không? 3) Có biện pháp quản lý khác hiệu quả hơn là kiểm soát bằng điều kiện kinh doanh không?[40].

Đặc biệt, có những công trình, tuy không trực tiếp nghiên cứu về điều kiện thành lập DN ĐGTS nhưng cũng có một số giải pháp liên quan đến vấn đề này. Cụ thể là:

Trong đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ *"Hoàn thiện pháp luật về bán đấu giá tài sản tài sản nhằm thúc đẩy thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam"* công bố năm 2011, Viện Khoa học pháp lý thuộc Bộ Tư pháp cũng đưa ra đề xuất liên quan đến vấn đề đăng ký thành lập DN ĐGTS. Tuy nhiên, cách tiếp cận của các tác giả trong nghiên cứu này về điều kiện thành lập DN ĐGTS không có tính hệ thống và chỉ là một điều kiện rất nhỏ trong các điều kiện thành lập DN ĐGTS[41].

Tác giả Trần Tiến Hải trong Luận án tiến sĩ luật học với đề tài *"Thực hiện pháp luật về đấu giá quyền sử dụng đất ở các tỉnh Bắc Trung Bộ Việt Nam hiện nay"*, công bố tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh năm 2015. Không phải là công trình tập trung chuyên sâu vào nghiên cứu điều kiện thành lập DN ĐGTS, do đó, đề xuất của tác giả này liên quan đến điều kiện thành lập DN ĐGTS cũng có hạn chế là không mang tính hệ thống[42].

Cả hai công trình nghiên cứu này đều có điểm chung là được thực hiện vào thời điểm Nghị định số 17/2010/NĐ-CP đang có hiệu lực thi hành ở Việt Nam. Theo đó, DN ĐGTS cũng thực hiện thủ tục đăng ký thành lập DN tại Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư và được kinh doanh đa ngành như các DN khác. Những kiến nghị, đề xuất của các tác giả này hiện đã được LĐGTS tiếp thu. DN ĐGTS theo quy định của LĐGTS thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp và chỉ được kinh doanh một ngành, nghề duy nhất - dịch vụ ĐGTS.

[40] Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và The World Bank (2017). *Báo cáo rà soát điều kiện kinh doanh và quyền tự do kinh doanh ở Việt Nam*. Trang 9
[41] Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp, tlđd (23), trang 124
[42] Trần Tiến Hải, tlđd (28), trang 151

Trong *Giáo trình Kỹ năng bán đấu giá tài sản,* xuất bản năm 2014, các tác giả của Học viện Tư pháp cũng nêu các điều kiện để DN được phép hoạt động bán ĐGTS. Tuy nhiên, giáo trình này chỉ dừng lại ở mức độ liệt kê các điều kiện để DN được hoạt động bán ĐGTS mà không có bất kỳ phân tích, đánh giá nào về các điều kiện này[43]. Hơn nữa, các điều kiện được nêu trong giáo trình xuất phát từ nền tảng pháp lý là Nghị định số 17/2010/NĐ-CP. Hiện nay, các điều kiện này đã được LĐGTS thay đổi hoàn toàn. Tuy nhiên, giáo trình này cũng là nền tảng lý luận để NCS có thể so sánh lịch sử pháp luật về điều kiện thành lập DN ĐGTS ở Việt Nam.

Góp ý cho các quy định về DN ĐGTS trong Dự thảo LĐGTS, tác giả Đỗ Hoàng Yến có bài viết *"Xây dựng Luật Đấu giá tài sản đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp"*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số chuyên đề tháng 3/2016. Tác giả này tiếp cận điều kiện thành lập DN ĐGTS ở khía cạnh điều kiện về loại hình DN. Thông qua các lập luận, tác giả thể hiện quan điểm hoàn toàn thống nhất với những đổi mới của LĐGTS về loại hình DN ĐGTS (DNTN và CTHD)[44]. Đây cũng là nền tảng để NCS có thể kế thừa khi đưa ra các nhận định, đánh giá về điều kiện thành lập DN ĐGTS (trong đó có điều kiện về hình thức pháp lý của DN) theo quy định của LĐGTS.

Cũng đề cập đến điều kiện thành lập DN ĐGTS, tuy nhiên, trong *Giáo trình Nghiệp vụ đấu giá tài sản (Tập 1 - Phần chung)*, xuất bản năm 2020, các tác giả của Học viện Tư pháp chỉ dừng lại ở việc liệt kê lại các điều kiện được quy định tại Điều 23 LĐGTS năm 2016[45]. Các tác giả hoàn toàn không có bất kỳ nhận định, đánh giá nào về mức độ phù hợp hay không phù hợp của các điều kiện được luật quy định. Do đó, về điều kiện thành lập DN ĐGTS, công trình này chỉ có ý nghĩa hệ thống hóa các quy định pháp luật, không có ý nghĩa về mặt thực tiễn hoàn thiện các quy định pháp luật.

c. Các công trình nghiên cứu liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu ngoài nước.

Hầu như không có công trình nào chính thức nghiên cứu về quyền và nghĩa vụ đặc trưng của DN ĐGTS. Tuy nhiên, cũng có công trình nghiên cứu khai thác gián tiếp về vấn đề này.

Các tác giả Hongbin Cai, J. Vernon Henderson và Qinghua Zhang với nghiên cứu "*China's land market auctions: evidence of corruption*" (dịch: Đấu giá thị trường đất đai

[43] Học viện Tư pháp, tlđd (17), trang 72
[44] Đỗ Hoàng Yến (2016). Xây dựng Luật Đấu giá tài sản đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, (chuyên đề tháng 3/2016), trang 8
[45] Học viện Tư pháp, tlđd (19), trang 114-115

ở Trung Quốc: bằng chứng của tham nhũng), công bố trên The Rand Journal of Economics, tập 44, số 3, năm 2013. Các tác giả có góc tiếp cận thực tiễn từ hoạt động đấu giá công khai đối với bất động sản cho thuê tại thị trường đất đô thị ở Trung Quốc trong giai đoạn từ 2003 – 2007. Từ những phân tích về hạn chế của đấu giá hai giai đoạn trong đấu giá đất đô thị tại Trung Quốc, các tác giả đề xuất rằng, chính quyền địa phương nên loại trừ việc sử dụng đấu giá hai giai đoạn, thay vào đó, đấu giá kiểu Anh nên được ưu tiên lựa chọn nhằm ngăn chặn tình trạng tham nhũng trong hoạt động này. Nếu như lựa chọn kiểu đấu giá và thiết kế cuộc đấu giá sao cho đạt được mục đích tối ưu lợi ích của của người mua và người bán là quyền của DN đấu giá/ĐGV ở nước trên thế giới, ở Việt Nam, DN ĐGTS/ĐGV hoàn toàn không được ghi nhận quyền này. Hình thức, phương thức đấu giá ở Việt Nam bị giới hạn bởi chính các quy định của pháp luật.

Tác giả Neil Brodie với nghiên cứu "*The "Art World" of the auction houses: The role of professional experts"* (dịch: "Thế giới nghệ thuật" của các nhà đấu giá: vai trò của các chuyên gia chuyên nghiệp), được đăng trên Arts, 8 (2), 56, năm 2019. Tác giả nghiên cứu về nghệ thuật tổ chức đấu giá - một hoạt động kinh doanh phức tạp, từ góc độ thực tiễn. Bài báo đã có những khám phá cụ thể về "thế giới nghệ thuật" trong phương thức kinh doanh của các hãng đấu giá, đặc biệt là vai trò trung tâm của các chuyên gia trong việc hỗ trợ bán đấu giá cũng như các tác động pháp lý và đạo đức có liên quan đến nguồn gốc của các sản phẩm được chào bán. Do đó, nó là yếu tố quyết định rất lớn đến sự thành công của việc tổ chức đấu giá. Tuy nhiên, ở Việt Nam, DN ĐGTS/ĐGV chưa có "đất" để phát huy vai trò đó.

Thứ hai, các công trình nghiên cứu trong nước.

Về giáo trình:

Các tác giả của Học viện Tư pháp với *Giáo trình Kỹ năng bán đấu giá tài sản*, xuất bản năm 2014. Trong giáo trình này, các tác giả có đề cập đến quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS, tuy nhiên, chỉ là theo hướng liệt kê lại các quy định của pháp luật. Các tác giả hoàn toàn không có bất cứ đánh giá, nhận định nào về quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS, dù là ở góc độ của pháp luật DN hay pháp luật ĐGTS[46]. Hơn nữa, giáo trình này liệt kê quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS theo quy định của LDN năm 2005, văn bản hướng dẫn thi hành LDN năm 2005 và Nghị định số 17/2010/NĐ-CP, Thông tư số 23/2010/TT-BTP. Những văn bản này hiện đều đã hết hiệu lực thi hành.

[46] Học viện Tư pháp, tlđd (17), trang 75

Bên cạnh đó, các tác giả của Học viện Tư pháp còn có *Giáo trình Nghiệp vụ đấu giá tài sản, Tập 1 - Phần chung*, do nhà xuất bản Tư pháp phát hành năm 2020. Giáo trình này cũng đề cập đến quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS theo hướng liệt kê lại các quy định của pháp luật mà không có bất kỳ nhận định, đánh giá nào, như *Giáo trình Kỹ năng bán đấu giá tài sản*. Chỉ khác là giáo trình này dựa trên nền tảng pháp lý là Điều 24 LĐGTS năm 2016, LDN năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành LDN năm 2014[47].

Bài viết trên các tạp chí chuyên ngành:

Tác giả Quản Văn Minh với bài viết *"Hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội"*, công bố trên Tạp chí Dân chủ và Pháp luật số chuyên đề tháng 3/2016. Trong bài viết này, tác giả tiếp cận thực trạng thực hiện quyền của tổ chức ĐGTS trong phạm vi rất hạn chế. Đó là quyền được thanh toán chi phí dịch vụ bán ĐGTS. Tuy nhiên, cách tiếp cận của tác giả này về quyền của DN ĐGTS cũng mang tính manh mún, nhỏ lẻ và không có tính hệ thống. Kết quả từ công trình nghiên cứu này cũng cho NCS thấy được một khía cạnh trong tổng thể các quyền của DN ĐGTS[48].

Tác giả Đào Ngọc Báu và Lê Quang Hòa với bài viết *"Nhận diện và điều chỉnh các quan hệ pháp luật trong hoạt động đấu giá tài sản"*, công bố trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 16(320), tháng 8/2016. Với cách tiếp cận hệ thống, các tác giả đã chỉ ra trong hoạt động ĐGTS gồm bốn nhóm chủ thể: người có tài sản đấu giá, DN ĐGTS, người tham gia ĐGTS và người trúng đấu giá. Có ba mối quan hệ hợp đồng được hình thành giữa các chủ thể này: quan hệ ủy quyền giữa người có tài sản đấu giá và DN ĐGTS, quan hệ môi giới giữa người tham gia đấu giá và DN ĐGTS, quan hệ mua bán hàng hóa giữa người trúng đấu giá và người có tài sản đấu giá[49]. Kết quả từ công trình nghiên cứu này được NCS kế thừa trong các phân tích về quan hệ giữa DN ĐGTS và các bên có liên quan, cũng như các đề xuất liên quan đến quyền của DN ĐGTS đối với người tham gia đấu giá.

Tác giả Chu Xuân Minh với bài viết *"Giải quyết tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản để thi hành án"*, công bố trên Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử ngày 08/6/2020. Bài viết có cách tiếp cận từ nền tảng pháp lý và chứng minh bằng thực tiễn, đặc biệt là thực tiễn xét xử của Tòa án về tranh chấp hủy kết quả bán đấu giá tài sản và

[47] Học viện Tư pháp, tlđd (19), trang 117

[48] Quản Văn Minh (2016). Hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, (chuyên đề tháng 3/2016), trang 31-32

[49] Đào Ngọc Báu và Lê Quang Hòa (2016). Nhận diện và điều chỉnh các quan hệ pháp luật trong hoạt động đấu giá tài sản, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (16(320)), [http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=208637] (truy cập ngày 11/12/2022)

các vấn đề liên quan đến tranh chấp này[50]. Tuy nhiên, bài viết không trực tiếp đề cập đến trách nhiệm của DN ĐGTS trong việc giải quyết tranh chấp hủy kết quả bán ĐGTS. Kết quả từ công trình nghiên cứu này được NCS kế thừa trong phân tích các quy định pháp luật về trách nhiệm của DN ĐGTS khi kết quả ĐGTS bị hủy.

Tác giả Nguyễn Mạnh Hà với bài viết *"Tăng cường công tác kiểm sát phát hiện vi phạm trong đấu giá tài sản thi hành án"*, công bố trên Tạp chí Kiểm sát điện tử ngày 27/9/2022. Trong đó, tác giả có cách tiếp cận thực tiễn và chỉ ra những vi phạm của tổ chức ĐGTS. Những vi phạm được chỉ ra trong nghiên cứu này đều liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ của DN ĐGTS[51]. Kết quả từ công trình này cho NCS cái nhìn tổng quan về thực trạng vi phạm nghĩa vụ của DN ĐGTS.

d. Các công trình nghiên cứu liên quan đến chế tài đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu ngoài nước.

Hai tác giả Christine Riefa và Jojo Y.C. Mo với nghiên cứu *"Mind the gap: Modelling the liability of online auction intermediaries and market places in Hong Kong on the EU Regime"* (dịch: Lưu ý lỗ hổng: mô hình hóa trách nhiệm của các trung gian và thị trường đấu giá trực tuyến ở Hồng Kông theo chế độ của EU), được đăng trên The Chinese Journal of Comparative Law, số 4, năm 2016. Bài báo không trực tiếp đề cập đến chế tài đối với DN ĐGTS mà là đối với bên thứ ba trung gian trong đấu giá trực tuyến - các nền tảng đấu giá. Bài báo có cách tiếp cận so sánh, so sánh trách nhiệm pháp lý đối với các hành vi vi phạm của các trung gian đấu giá trực tuyến giữa pháp luật ở Hồng Kông với Hoa Kỳ, Trung Quốc và Liên minh châu Âu. Các tác giả ủng hộ mạnh mẽ việc sử dụng cơ chế của Liên minh châu Âu để đánh giá các điều kiện cần được tuân thủ để được miễn trách nhiệm pháp lý đối với bên trung gian. Tuy nhiên, cơ chế này cần được vận dụng phù hợp với điều kiện cụ thể ở Hồng Kông. Đây cũng là gợi mở cho pháp luật Việt Nam trong việc quy định chế tài đối với các nền tảng đấu giá trực tuyến - vấn đề còn khá mới mẻ ở Việt Nam. Thành công từ cách tiếp cận so sánh của công trình này cũng được NCS học hỏi trong quá trình tiếp cận và thực hiện các nội dung trong Luận án nói chung, chế tài đối với DN ĐGTS nói riêng.

Thứ hai, các công trình nghiên cứu trong nước.

[50] Chu Xuân Minh (2020). Giải quyết tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản để thi hành án, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, [https://tapchitoaan.vn/giai-quyet-tranh-chap-ve-ket-qua-ban-dau-gia-tai-san-de-thi-hanh-an] (ngày truy cập 05/01/2023)

[51] Nguyễn Mạnh Hà (2022). Tăng cường công tác kiểm sát phát hiện vi phạm trong đấu giá tài sản thi hành án, *Tạp chí Kiểm sát điện tử*, [https://kiemsat.vn/tang-cuong-cong-tac-kiem-sat-phat-hien-vi-pham-trong-dau-gia-tai-san-thi-hanh-an-64539.html] (truy cập ngày 06/01/2023)

Về sách:

Giáo trình Kỹ năng bán đấu giá tài sản xuất bản năm 2014 của Học viện Tư pháp có đề cập đến vấn đề thanh tra và xử lý vi phạm đối với DN ĐGTS. Giáo trình nhận diện các hành vi vi phạm của DN ĐGTS. Ngoài ra, giáo trình còn phân tích vấn đề khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong hoạt động bán ĐGTS. Tuy nhiên, Giáo trình chỉ dừng lại ở cách tiếp cận hệ thống dựa trên nền tảng quy định pháp luật mà không có bất kỳ phản biện, nhận định, đánh giá nào về nền tảng pháp lý đó ở Việt Nam. Hơn nữa, các phân tích trong giáo trình dựa trên nền tảng pháp lý là Luật Thanh tra năm 2010, Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Tố cáo năm 2011, Nghị định số 17/2010/NĐ-CP, Nghị định số 110/2013/NĐ-CP, Nghị định số 54/2014/NĐ-CP[52]. Hiện nay, Luật Thanh tra năm 2010, Luật Tố cáo năm 2011, Nghị định số 17/2010/NĐ-CP, Nghị định số 110/2013/NĐ-CP đã hết hiệu lực thi hành.

Giáo trình Nghiệp vụ đấu giá tài sản, Tập 1 - Phần chung do nhà xuất bản Tư pháp phát hành năm 2020 của Học viện Tư pháp cũng có các phân tích về thanh tra, kiểm tra, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong ĐGTS. Tuy nhiên, Giáo trình cũng chỉ tiếp cận theo hướng liệt kê các quy định pháp luật về hình thức xử phạt và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với DN ĐGTS. Mặc dù có đề cập đến hình thức bồi thường thiệt hại nhưng giáo trình hoàn toàn không có bất kỳ phân tích nào về hình thức xử lý này đối với DN ĐGTS[53]. Trong số các văn bản pháp luật được sử dụng làm nền tảng pháp lý cho giáo trình này, như đã đề cập ở trên Luật Thanh tra năm 2010 và Nghị định số 110/2013/NĐ-CP hiện đã hết hiệu lực thi hành.

Bài viết trên các tạp chí chuyên ngành:

Hai tác giả Nguyễn Thị Loan và Võ Thị Thanh Linh với bài viết *"Pháp luật về đấu giá hàng hóa trong thương mại – Những bất cập và kiến nghị hoàn thiện"* đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 10(386) tháng 5/2019. Các tác giả tiếp cận theo hướng nhận diện các hạn chế trong quy định pháp luật về đấu giá hàng hóa trong thương mại và đề xuất các kiến nghị hoàn thiện pháp luật. Ở phương diện hạn chế của pháp luật về hợp đồng đấu giá hàng hóa, các tác giả có đề cập đến vấn đề pháp luật chưa quy định về nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm của DN bán đấu giá khi người được ủy quyền bán hàng hóa hoặc người bán hàng hóa sai phạm. Các tác giả cũng có đề xuất: "trong trường hợp doanh nghiệp biết người bán hàng không phải là chủ sở hữu của hàng hóa, không được ủy quyền hoặc nhận ủy quyền, không có quyền chuyển nhượng quyền tài sản mà vẫn thực

[52] Học viện Tư pháp, tlđd (17), trang 215-235
[53] Học viện Tư pháp, tlđd (19), trang 127-175

hiện việc bán đấu giá hàng hóa, khai báo thông tin không trung thực trong thông báo, niêm yết hàng hóa đấu giá thì phải liên đới chịu trách nhiệm đối với vi phạm trên"[54]. Tuy nhiên, vấn đề trách nhiệm của DN ĐGTS trong việc kiểm tra thông tin về quyền được bán tài sản đã được LĐGTS quy định rõ tại khoản 3 Điều 33, bên cạnh đó, DN ĐGTS còn có nghĩa vụ "chịu trách nhiệm về kết quả đấu giá tài sản" và "bồi thường thiệt hại khi thực hiện đấu giá theo quy định của pháp luật"[55]. Vấn đề trách nhiệm của DN ĐGTS đối với việc không trung thực trong thông báo, niêm yết hàng hóa đấu giá sẽ được NCS tiếp tục nghiên cứu, phân tích ở góc độ hạn chế của pháp luật chứ không hẳn là sự thiếu sót các quy định pháp luật về trách nhiệm của DN ĐGTS trong trường hợp này như quan điểm của các tác giả bài viết.

Tác giả Đoàn Văn Hường với bài viết *"Bàn về tiêu chí đánh giá hiệu lực, hiệu quả của xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đấu giá tài sản"*, công bố trên Tạp chí Công thương điện tử ngày 19/3/2021. Tác giả thực hiện bài viết này bằng quan điểm lý luận và chỉ dừng lại ở việc xác định, phân tích các tiêu chí đánh giá hiệu lực, hiệu quả của xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ĐGTS[56]. Tác giả bài viết chưa có những nhận định, đánh giá về thực trạng pháp luật, thực trạng vi phạm hành chính trong lĩnh vực ĐGTS nói chung, DN ĐGTS nói riêng.

Tác giả Đoàn Văn Hường với bài viết *"Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đấu giá tài sản"*, công bố trên Tạp chí Dân chủ và Pháp luật ngày 31/3/2021. Tác giả cũng thực hiện bài viết này dựa trên quan điểm lý luận. Trong các yếu tố bảo đảm hiệu lực, hiệu quả xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ĐGTS, tác giả đề cập đến mức độ hoàn thiện của pháp luật về bán ĐGTS và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bán ĐGTS. Đồng thời, tác giả cũng đã có một số đề xuất hoàn thiện pháp luật xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ĐGTS[57]. Tác giả bài viết cũng đã có những nhận định, đánh giá thực trạng pháp luật về xử phạt vi phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ĐGTS và một số giải pháp nhằm đảm bảo công tác xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực này đạt hiệu lực, hiệu quả trên thực tế. Tuy nhiên, bài viết chưa có những phân tích hệ thống về chế tài đối với DN ĐGTS..

[54] Nguyễn Thị Loan và Võ Thị Thanh Linh (2019). Pháp luật về đấu giá hàng hóa trong thương mại – Những bất cập và kiến nghị hoàn thiện, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp,* (10(386)), trang 59

[55] Điểm a và điểm đ khoản 2 Điều 24 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

[56] Đoàn Văn Hường (2021). Bàn về tiêu chí đánh giá hiệu lực, hiệu quả của xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đấu giá tài sản, *Tạp chí Công thương điện tử,* [https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/ban-ve-tieu-chi-danh-gia-hieu-luc-hieu-qua-cua-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-dau-gia-tai-san-79438.htm] (truy cập ngày 07/01/2023)

[57] Đoàn Văn Hường (2021). Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đấu giá tài sản, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật,* [https://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/xay-dung-phap-luat.aspx?ItemID=677] (truy cập ngày 07/01/2023)

Tác giả Nguyễn Thị Thúy Hằng với bài viết *"Tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản - Một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện"*, công bố trên Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử ngày 22/11/2022. Tác giả thực hiện bài viết này theo hướng nghiên cứu thực trạng pháp luật. Tác giả phân tích các yếu tố cấu thành tội vi phạm quy định về hoạt động bán ĐGTS được quy định tại Điều 218 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Từ đó, tác giả chỉ ra một số tồn tại, bất cập trong các quy định của pháp luật hình sự về tội này. Bên cạnh đó, tác giả còn đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật về những bất cập mà tác giả đã chỉ ra[58]. Bài viết cũng đã có đóng góp thực tiễn thiết thực thông qua các đề xuất nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động bán ĐGTS trong Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bài viết chỉ phân tích chung về tội này mà không có các phân tích chuyên sâu, tập trung vào chế tài riêng đối với DN ĐGTS.

Đặc biệt là tác giả Đoàn Văn Hường còn có Luận án tiến sĩ *"Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bán đấu giá tài sản theo pháp luật Việt Nam"*, công bố tại Học viện Khoa học Xã hội năm 2021. Tác giả Luận án vừa có cách tiếp cận về phương diện thực trạng pháp luật vừa có cách tiếp cận thực tiễn. Trong đó, tác giả đã chỉ ra những bất cập trong các quy định của pháp luật về hình thức xử phạt, về trình tự, thủ tục xử phạt và thẩm quyền xử phạt[59]. Bên cạnh đó là hạn chế trong thực tiễn công tác xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bán ĐGTS, bao gồm: còn nhiều chủ thể không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ mà pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bán ĐGTS quy định, nhiều chủ thể chưa tuân thủ pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bán ĐGTS, những hành vi mà pháp luật về bán ĐGTS cấm còn xảy ra khá phổ biến, hoạt động giám sát, quản lý của chính quyền, các ngành chức năng về bán ĐGTS có lúc, có nơi còn lỏng lẻo, chưa quyết liệt, mức độ phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bán ĐGTS còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu[60]. Từ đó, tác giả Luận án đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bán ĐGTS. Tuy nhiên, Luận án này chỉ nghiên cứu thực trạng pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính đối và thực tiễn công tác xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bán ĐGTS nói chung mà

[58] Nguyễn Thị Thúy Hằng (2022). Tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản - Một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử,* [https://tapchitoaan.vn/toi-vi-pham-quy-dinh-ve-hoat-dong-ban-dau-gia-tai-san-mot-so-bat-cap-va-kien-nghi-hoan-thien7541.html] (truy cập ngày 05/01/2023)
[59] Đoàn Văn Hường, tlđd (27), trang 86
[60] Đoàn Văn Hường, tlđd (27), trang 88, 93-93, 98, 104-121

không tập trung riêng biệt đối với DN ĐGTS. Hơn nữa, trong phạm vi của Luận án này, tác giả cũng không nghiên cứu toàn diện các biện pháp chế tài đối với DN ĐGTS.

1.1.2 Đánh giá các công trình nghiên cứu có liên quan đến quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản và các vấn đề được tiếp tục nghiên cứu trong Luận án

1.1.2.1 Đánh giá các công trình nghiên cứu có liên quan đến quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản

Qua tìm hiểu các công trình nghiên cứu của các tác giả, có thể rút ra các vấn đề đã được nghiên cứu liên quan đến quy chế pháp lý về DN ĐGTS như sau:

Thứ nhất, về khái niệm và bản chất pháp lý của ĐGTS. Các công trình nghiên cứu đều nêu bật được các đặc tính của đấu giá là tính công khai và cạnh tranh. Hơn nữa, bản chất pháp lý và kinh tế của đấu giá cũng đã được các tác giả khai thác, phân tích. Các công trình nghiên cứu chủ yếu đặt đấu giá trong mối quan hệ với các chủ thể có liên quan đến đấu giá là người mua, người bán. Đồng thời, xem xét đấu giá với mục đích mang lại lợi ích cho người mua, người bán. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu này chưa đặt đấu giá vào vị trí trung tâm trong mối quan hệ tổng hòa với các yếu tố, chủ thể khác, chưa xem xét đấu giá với vai trò là là ngành, nghề kinh doanh mang lại lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Thứ hai, về khái niệm và đặc điểm, vai trò của DN ĐGTS. Các công trình nghiên cứu trong nước, ở góc độ tiếp cận thực tiễn pháp luật, đề cập rất sơ lược khái niệm DN ĐGTS. Các khái niệm chỉ mang tính chất trình bày lại các quy định của pháp luật Việt Nam về DN này ở từng giai đoạn. Có thể thấy, các khái niệm DN ĐGTS đều chưa nêu bật được đặc điểm, bản chất, vai trò của DN ĐGTS, bên cạnh bản chất là một chủ thể kinh doanh, chưa thể hiện được địa vị pháp lý của DN ĐGTS trong mối quan hệ với Nhà nước, với các bên có liên quan đến ĐGTS. Chưa có một quan điểm nào tiếp cận khái niệm DN ĐGTS ở phương diện lý luận. Bản chất của DN ĐGTS cũng chưa xem xét toàn diện.

Thứ ba, về điều kiện thành lập DN ĐGTS. Đầu tiên là các công trình nghiên cứu về điều kiện thành lập DN kinh doanh các ngành, nghề thuộc lĩnh vực bổ trợ tư pháp (luật sư, công chứng). Mặc dù không trực tiếp phân tích về điều kiện thành lập DN ĐGTS nhưng các công trình này cũng đã có những phân tích sâu sắc về điều kiện thành lập DN kinh doanh hai ngành, nghề thuộc lĩnh vực bổ trợ tư pháp và đều chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ Tư Pháp.

Bên cạnh đó là các công trình nghiên cứu về điều kiện thành lập DN nói chung. Các công trình này đã xây dựng một nền tảng lý luận chung làm cơ sở cho xây dựng pháp luật về điều kiện thành lập DN. Tuy nhiên, các công trình này không trực tiếp phân tích về điều kiện thành lập DN ĐGTS.

Đặc biệt là các công trình nghiên cứu trực tiếp về điều kiện thành lập DN ĐGTS. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu chỉ đề cập một phần nhỏ đến điều kiện thành lập DN đấu giá. Đa số là các công trình được thực hiện trước khi LĐGTS được ban hành. Các đề xuất của các tác giả trong các công trình nghiên cứu đó hầu như đã được LĐGTS tiếp thu và ghi nhận vào các quy định về điều kiện thành lập DN ĐGTS. Riêng các công trình nghiên cứu điều kiện thành lập DN ĐGTS trên cơ sở các quy định của LĐGTS thì đều chỉ dừng lại ở mức độ liệt kê các quy định của pháp luật mà không có bất kỳ nhận định, đánh giá nào về sự phù hợp hay không phù hợp của những điều kiện này với yêu cầu, đòi hỏi, vị trí, vai trò của ngành, nghề này trên thị trường. Đây chính là khoảng trống để NCS tiếp tục có các nghiên cứu chuyên sâu về điều kiện thành lập DN ĐGTS dựa trên nền tảng pháp lý đang có hiệu lực thi hành ở Việt Nam.

Thứ tư, về quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS. Các công trình nghiên cứu của các tác giả ngoài nước cho thấy vai trò của các chuyên gia đấu giá nói riêng, DN ĐGTS nói chung trong việc lựa chọn kiểu đấu giá và nhận diện các tiêu cực trong các kiểu đấu giá.

Các công trình nghiên cứu trong nước cũng có trực tiếp đề cập đến quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS. Có công trình chỉ dừng lại ở mức độ liệt kê các quy định pháp luật. Có công trình cho thấy thực trạng thực thi quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS. Tuy nhiên, các công trình này chưa tiếp cận hệ thống và các phân tích chuyên sâu về quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS. Nghĩa vụ chịu trách nhiệm về kết quả ĐGTS của DN ĐGTS mà LĐGTS đã quy định chưa được các tác giả xem xét, phân tích. Các tác giả chỉ mới nhận diện các quan hệ pháp luật trong hoạt động ĐGTS và vị thế của DN ĐGTS trong các mối quan hệ pháp luật này còn vị thế của DN ĐGTS trong các mối quan hệ với Nhà nước chưa được đề cập tới. Bên cạnh mối quan hệ với các thực thể ngoài DN, DN ĐGTS còn có các mối quan hệ nội bộ của DN. Trong các quan hệ pháp luật đó, DN ĐGTS cũng có quyền và nghĩa vụ.

Thứ năm, về chế tài đối với DN ĐGTS. Các công trình nghiên cứu ngoài nước không trực tiếp đề cập đến vấn đề chế tài đối với DN ĐGTS. Trong nước, đa số các công trình nghiên cứu tập trung phân tích các hành vi vi phạm của DN ĐGTS và vấn đề xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi này, cả về phương diện pháp luật điều chỉnh

và thực tiễn. Các công trình này cũng đã cho thấy được bức tranh pháp lý và thực tiễn tổng thể về vi phạm của DN ĐGTS và xử phạt vi phạm hành chính đối với DN ĐGTS. Tuy nhiên, một số công trình nghiên cứu dựa trên nền tảng pháp lý là Nghị định số 17/2010/NĐ-CP và Nghị định số 110/2013/NĐ-CP đến nay đã hết hiệu lực thi hành.

Về trách nhiệm hình sự đối với DN ĐGTS hiện chưa có nền tảng pháp lý bởi chủ thể của tội vi phạm quy định về hoạt động bán ĐGTS không có DN ĐGTS. Vấn đề này cũng đã được đề cập trong bài viết *"Tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản - Một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện"* của tác giả Nguyễn Thị Thúy Hằng. Tuy nhiên, tác giả chỉ dừng lại ở đề xuất bổ sung DN ĐGTS vào chủ thể của tội vi phạm quy định về hoạt động bán ĐGTS còn trách nhiệm hình sự cụ thể đối với DN ĐGTS như thế nào chưa được tác giả nghiên cứu trong bài viết. Do đó, việc xem xét trách nhiệm hình sự đối với DN ĐGTS cần được tiếp tục nghiên cứu thêm.

1.1.2.2 Các vấn đề được tiếp tục nghiên cứu trong Luận án

Việc tìm hiểu, đánh giá các công trình nghiên cứu đã công bố có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn, đảm bảo các nội dung được NCS nghiên cứu trong Luận án này không trùng lắp với các nội dung đã được nghiên cứu bởi các tác giả khác đã công bố. Để thực hiện thành công Luận án, NCS cũng có sự kế thừa kết quả từ các công trình nghiên cứu trên. Theo đó, các nội dung được tiếp tục nghiên cứu trong Luận án này bao gồm:

Một là, các khái niệm ĐGTS cũng như những phân tích về bản chất của ĐGTS trong các công trình nghiên cứu đã được công bố cũng là nền tảng lý luận ở các khía cạnh, phương diện khác nhau để NCS có thể kế thừa và đưa một khái niệm ĐGTS mới gắn liền với bản chất của nó trong tất cả các mối quan hệ với các yếu tố khác.

Hai là, trong chừng mực nhất định, kết quả từ các công trình nghiên cứu về khái niệm DN ĐGTS cũng được NCS kế thừa để nhận diện và đưa ra một khái niệm DN ĐGTS mới gắn liền với đầy đủ các đặc điểm, vai trò của nó ở các địa vị pháp lý khác nhau.

Ba là, tiếp cận các công trình liên quan đến điều kiện thành lập DN kinh doanh các ngành, nghề thuộc lĩnh vực bổ trợ tư pháp, NCS có thể so sánh và luận bàn các nội dung có liên quan trong Luận án của mình. Hơn hết là, NCS có thể nhận diện được quan điểm, tư tưởng lập pháp ở Việt Nam khi xây dựng điều kiện thành lập đối với những DN kinh doanh các ngành, nghề bổ trợ tư pháp. Tuy nhiên, với vị thế là một chủ thể kinh doanh với bản chất pháp lý và vai trò trung gian đặc biệt, điều kiện thành lập DN ĐGTS cần có những khác biệt nhất định, vừa đảm bảo quyền tự do kinh doanh vừa phát huy vai trò của

DN trong ĐGTS. Đây chính là nội dung sẽ được nghiên cứu chuyên sâu trong Luận án. Song song đó, NCS cũng sẽ kế thừa một phần nền tảng lý luận và các lý thuyết, học thuyết có liên quan từ các công trình nghiên cứu về điều kiện thành lập DN nói chung cùng với các công trình nghiên cứu về điều kiện kinh doanh, để tiếp tục có định hướng đúng đắn, đảm bảo tính mới, tính logic trong kết quả nghiên cứu. Mặc dù không trực tiếp phân tích các điều kiện thành lập DN ĐGTS nhưng cũng có ý nghĩa nền tảng lý luận để NCS có thể kế thừa trong quá trình phân tích, nhận định, đánh giá và đưa ra các đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy phạm pháp luật cụ thể về điều kiện thành lập DN ĐGTS. Các công trình nghiên cứu này sẽ cho NCS cái nhìn tổng quan khi xây dựng nền tảng pháp lý về điều kiện thành lập DN ĐGTS.

Các công trình nghiên cứu trực tiếp về điều kiện thành lập DN ĐGTS mặc dù dựa trên nền tảng pháp lý đến nay hầu hết đã hết hiệu lực thi hành nhưng kết quả nghiên cứu từ các công trình này cũng được NCS kế thừa để nhận diện những thay đổi của pháp luật về điều kiện thành lập DN ĐGTS ở Việt Nam.

Trên cơ sở kế thừa nền tảng lý luận và thực tiễn từ các công trình nghiên cứu trực tiếp và gián tiếp liên quan đến điều kiện thành lập DN ĐGTS, NCS có thể đưa ra khẳng định những đổi mới của LĐGTS về điều kiện thành lập DN ĐGTS là có cơ sở và cần tiếp tục duy trì. Bên cạnh đó, LĐGTS còn có những quy định hoàn toàn mới về điều kiện thành lập DN ĐGTS. Tuy nhiên, một số quy định về điều kiện thành lập DN ĐGTS chưa đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của thực tế, chưa tạo động lực cho DN hoạt động và phát huy vai trò của mình. Do đó, nó cần được định hướng sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Đây chính là những nội dung mà NCS sẽ đi sâu phân tích, đánh giá va đưa ra các đề xuất trong Luận án của mình.

Bốn là, kế thừa kết quả từ các công trình nghiên cứu ngoài nước về vai trò của các chuyên gia đấu giá, DN ĐGTS, NCS sẽ có những phân tích, lập luận sắc bén để thấy được rằng chính những khuôn khổ "chật hẹp" của pháp luật về hình thức, phương thức đấu giá và trình tự, thủ tục tương ứng với từng hình thức, phương thức đấu giá đã dẫn đến hệ quả, ở Việt Nam, DN ĐGTS, ĐGV thiếu tính chủ động, sáng tạo trong lựa chọn kiểu đấu giá và tổ chức cuộc đấu giá. Chính vì vậy, công tác tổ chức ĐGTS ở Việt Nam mang tính rập khuôn, máy móc, ĐGV, DN ĐGTS khó nhận diện những bất thường trong tổ chức đấu giá.

Kết quả từ các công trình nghiên cứu về quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS trong quan hệ pháp luật giữa DN với người có tài sản đấu giá và người mua được tài sản đấu

giá cũng được NCS kế thừa trong khái quát nền tảng pháp lý về quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS. Trên cơ sở đó, NCS sẽ có những phân tích hệ thống, chuyên sâu, đồng thời đưa ra các nhận định, đánh giá về quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS cũng như thực tế thực thi quyền và nghĩa vụ này. Bên cạnh đó, nhận thấy các công trình nghiên cứu chưa tiếp cận quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS trong các mối quan hệ với Nhà nước và trong các mối quan hệ nội bộ của DN. Đây chính là khoảng trống để NCS khai thác, nghiên cứu, phân tích có hệ thống và chuyên sâu trong Luận án.

Năm là, kết quả từ các công trình về xử phạt vi phạm hành chính đối với DN ĐGTS được NCS kế thừa trong phân tích lịch sử pháp luật nói chung, xử phạt vi phạm hành chính đối với DN ĐGTS nói riêng. Hơn nữa, chế tài đối với DN ĐGTS bên cạnh chế tài hành chính còn có trách nhiệm bồi thường thiệt hại, chế tài thu hồi Giấy đăng ký hoạt động. Những vấn đề này chưa được nghiên cứu thấu đáo, toàn diện trong các công trình đã công bố. Đây chính là khoảng trống để NCS luận bàn, phân tích chuyên sâu trong Luận án này.

Bên cạnh đó, xem xét trách nhiệm hình sự đối với DN ĐGTS cũng là vấn đề được nghiên cứu chuyên sâu trong Luận án trên cơ sở kế thừa các lập luận, đề xuất của tác giả Nguyễn Thị Thúy Hằng trong bài viết *"Tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản - Một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện"*. Ngoài ra, NCS còn đưa ra các phân tích về xem xét trách nhiệm của DN ĐGTS trong trường hợp ĐGV, đặc biệt ĐGV là người thành lập hoặc tham gia thành lập DN ĐGTS phạm tội vi phạm quy định về hoạt động bán ĐGTS.

Tóm lại, phải thừa nhận một thực tế rằng, đến thời điểm này, chưa có công trình nào nghiên cứu toàn diện, sâu sắc, có hệ thống các nội dung về quy chế pháp lý về DN ĐGTS. Có chăng là những công trình đề cập rất hạn chế đến DN ĐGTS, tuy nhiên, chỉ là một nội dung rất nhỏ và chưa được quan tâm thỏa đáng, chưa giải quyết được căn nguyên của vấn đề nghiên cứu. Do đó, lựa chọn đề tài *"Quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản"* để nghiên cứu sẽ là nội dung mới và không trùng lắp với các công trình nghiên cứu đã được công bố, sẽ là một đóng góp mới cho bức tranh tổng thể các công trình nghiên cứu về lĩnh vực ĐGTS ở Việt Nam. Mặc dù không nghiên cứu trực tiếp nhưng những công trình đó cũng có những ý nghĩa nhất định về lý luận, lý thuyết nghiên cứu để NCS có thể kế thừa trong quá trình thực hiện Luận án của mình.

1.2 NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI KHOA HỌC CỦA LUẬN ÁN

Với sự tìm hiểu của NCS, Luận án thực hiện một đề tài mới, không có sự trùng lắp về nội dung, ý tưởng so với các công trình nghiên cứu khoa học của tác giả khác đã được công bố. Trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung, ý tưởng trong Luận án, NCS có kế thừa kết quả từ các công trình nghiên cứu của các tác giả đã được công bố. Việc lựa chọn và thực hiện đề tài "*Quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản"*, Luận án sẽ có những đóng góp khoa học cả về lý luận và thực tiễn đối với việc hoàn thiện pháp luật điều chỉnh đối với DN ĐGTS. Những đóng góp mới mang tính khoa học của luận án có ý nghĩa phục vụ cho quá trình học tập, nghiên cứu trong lĩnh vực ĐGTS nói chung, DN ĐGTS nói riêng.

1.2.1 Đóng góp mới về lý luận

Một là, Luận án xây dựng một khái niệm ĐGTS vừa có tính kế thừa kết quả từ các công trình nghiên cứu đã công bố vừa gắn liền với bản chất của ĐGTS trong tổng hòa các mối quan hệ với các yếu tố có liên quan.

Hai là, Luận án xây dựng một khái niệm về DN ĐGTS, vừa dựa trên nền tảng quy định pháp luật, vừa gắn liền với đặc điểm, vai trò của DN này trong mối quan hệ với các chủ thể khác và trong nền kinh tế thị trường.

Ba là, Luận án xây dựng một hệ thống lý luận mới về quy chế pháp lý về DN ĐGTS, làm nền tảng, định hướng cho quá trình triển khai nghiên cứu các nội dung trong Luận án.

1.2.2 Đóng góp mới về thực tiễn

Thứ nhất, luận án chỉ ra những hạn chế và định hướng sửa đổi, bổ sung nền tảng pháp lý về điều kiện thành lập DN ĐGTS. Định hướng được xây dựng vừa đáp ứng nhu cầu thực hiện quyền tự do kinh doanh được Hiến pháp ghi nhận vừa đảm bảo Nhà nước sẽ quản lý được ngay từ khi DN được thành lập. ĐGTS hiện đang là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư. Mục đích của điều kiện đầu tư kinh doanh đối với một ngành, nghề nhất định là vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng[61]. ĐGTS là ngành, nghề kinh doanh khá nhạy cảm, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội, đến quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể có liên quan. Do đó, việc đặt ra điều kiện đối với DN ĐGTS là cần thiết. Tuy nhiên, phạm vi các điều kiện mà LĐGTS đòi hỏi DN phải đáp ứng có thật sự cần thiết nhằm hướng đến đảm bảo trật tự, an toàn xã hội hay không, có can thiệp quá

[61] Khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư năm 2020

nhiều vào hiệu quả kinh doanh của DN, vấn đề mà vốn dĩ do các quy luật kinh tế thị trường quyết định, hay không, đó chính là các nhiệm vụ mà Luận án phải thực hiện.

Thứ hai, Luận án chỉ ra những bất cập, hạn chế, thiếu sót và đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống quy phạm pháp luật về quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS. Những sửa đổi, bổ sung này đảm bảo mục tiêu trật tự, an toàn xã hội, không can thiệp, cản trở hoạt động kinh doanh của DN. Quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS phải vừa đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, vừa đảm bảo cho DN có đầy đủ các quyền cần thiết để thực hiện quyền tự do kinh doanh tìm kiếm lợi nhuận trên thị trường, hạn chế sự can thiệp sâu của Nhà nước vào hoạt động của DN. Muốn làm được điều đó, vấn đề cấp thiết là cần phải thay đổi quan điểm, thái độ của các bên có liên quan đến hoạt động đấu giá, đặc biệt là nhà làm luật đối với hoạt động ĐGTS nói chung, DN ĐGTS nói riêng. Mục tiêu quan trọng nhất là DN đấu giá phải được nhìn nhận là một DN với đầy đủ bản chất của nó, hoạt động nhằm tìm kiếm lợi nhuận, chịu tác động của các quy luật kinh tế thị trường, hoạt động đấu giá trở thành một ngành, nghề kinh doanh đúng nghĩa, thoát khỏi vỏ bọc bổ trợ tư pháp mà pháp luật và xã hội đang khoác lên nó.

Thứ ba, Luận án chỉ ra sự thiếu thống nhất, đồng bộ, thuyết phục và toàn diện trong hệ thống quy phạm pháp luật về chế tài đối với DN ĐGTS. Từ đó, Luận án đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống quy phạm pháp luật về chế tài đối với DN ĐGTS, bao gồm chế tài liên quan điều kiện thành lập DN và chế tài liên quan đến quá trình hoạt động của DN. Trong đó, có ba nhóm chế tài chính: xử phạt vi phạm hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của DN. Chế tài đối với DN ĐGTS gắn liền với đặc trưng pháp lý của DN ĐGTS, đảm bảo đối xử công bằng, bình đẳng với các DN khác trên thị trường, đồng thời đảm bảo tính toàn diện, đồng bộ, khả thi của pháp luật.

Những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn này có thể được sử dụng để phục vụ cho việc nghiên cứu khoa học của các tác giả, cũng như cho việc giảng dạy liên quan đến vấn đề được nghiên cứu trong Luận án.

1.3 LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích và vận dụng một số lý thuyết có liên quan kết hợp với đặc trưng chính trị, kinh tế - xã hội, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam cũng như yêu cầu của xu hướng hội nhập trong thời đại mới, Luận án tiến tới đưa ra các định hướng cho việc sửa đổi, bổ sung hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh đối với DN ĐGTS - DN kinh doanh ngành, nghề có điều kiện và đóng vai trò trung gian trong mua bán tài sản.

1.3.1 Các lý thuyết liên quan đến bản chất pháp lý của đấu giá tài sản

Lý thuyết đấu giá có ý nghĩa nghiên cứu lâu dài và cần được vận dụng trong quá trình hoạt động của DN đấu giá. Lý thuyết đấu giá rất quan trọng cả về thực tế lẫn lý thuyết, bởi đấu giá được sử dụng trong rất nhiều các giao dịch kinh tế của Chính phủ cũng như tư nhân. Lý thuyết đấu giá thực sự nở rộ vào cuối những năm 1970 với sự đóng góp của Milgrom, Weber, Riley, Maskin, Samuelson, Myerson, Wilson. Sau đó là sự góp mặt của Maskin (1980), Bulow và Roberts (1989). Việc vận dụng lý thuyết đấu giá của các học giả nổi tiếng như Paul R. Milgrom, Robert Wilson, Vijay Krishna,… vào tổ chức, điều hành các cuộc đấu giá, DN đấu giá, thông qua ĐGV, khẳng định hiệu quả tích cực mà đấu giá mang lại trong mua bán tài sản, rộng lớn hơn là cho giá cả thị trường và sự phát triển của nền kinh tế. DN ĐGTS là DN thực hiện hoạt động kinh doanh trên thị trường. Ngành, nghề kinh doanh của DN là dịch vụ ĐGTS. Nhà nước, thông qua pháp luật, điều tiết hoạt động của DN, nhưng không nên can thiệp quá sâu vào hiệu quả kinh doanh của DN. Đối với DN ĐGTS, dịch vụ của DN có thu hút được sự quan tâm, tin cậy của khách hàng hay không phụ thuộc vào hiệu quả của dịch vụ mà DN cung ứng, vào chiến lược kinh doanh, tổ chức, điều hành kinh doanh của DN. Chính vì vậy, vận dụng lý thuyết đấu giá để mang lại hiệu quả trong tổ chức, điều hành các cuộc đấu giá, củng cố uy tín của DN trên thị trường, đó là vấn đề của DN chứ không phải là nhiệm vụ của Nhà nước. Lý thuyết đấu giá, theo đó, không phải là nền tảng để vận dụng vào việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động của DN đấu giá mà nó có ý nghĩa nêu bật lên bản chất, đặc trưng của ĐGTS nói chung, từng kiểu đấu giá nói riêng. Từ đó, DN ĐGTS thông qua ĐGV lựa chọn và tổ chức đấu giá hiệu quả.

Bản chất của ĐGTS là quan hệ hợp đồng, được điều chỉnh bằng pháp luật hợp đồng. Học thuyết tự do ý chí được xem là nền tảng của pháp luật hợp đồng. "Dù ở hệ thống pháp luật nào, người ta cũng đều thừa nhận nền tảng của luật hợp đồng là tự do ý chí, có nghĩa tự do ý chí là vấn đề trọng yếu của hợp đồng"[62]. Theo quan điểm của học thuyết này, ý chí của cá nhân là tự do. Việc tham gia hay không tham gia hợp đồng cũng là biểu hiện của tự do ý chí. Khi ưng thuận tham gia hợp đồng, cá nhân ràng buộc ý chí của mình thông qua việc ưng thuận đó. Ở Việt Nam, pháp luật hợp đồng cũng được xây dựng trên nền tảng của nguyên tắc tự do hợp đồng hay tự do ý chí, cụ thể: "Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự

[62] Ngô Huy Cương (2008). Tự do ý chí và sự tiếp nhận ý chí trong pháp luật Việt Nam hiện nay, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (2), trang 12

nguyện cam kết, thỏa thuận..."[63]. Nguyên tắc tự do hợp đồng được thể hiện ở những phương diện sau: quyền được tự do, bình đẳng, tự nguyện giao kết hợp đồng, quyền được tự do lựa chọn đối tác giao kết hợp đồng, quyền được tự do thỏa thuận nội dung giao kết hợp đồng, quyền được tự do thỏa thuận thay đổi nội dung hợp đồng trong quá trình thực hiện, quyền được tự do thỏa thuận các điều kiện đảm bảo để thực hiện hợp đồng, quyền được tự do thỏa thuận cơ quan tài phán và giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng[64]. Trường hợp chủ sở hữu tài sản tự tổ chức đấu giá, các bên tham gia hợp đồng thông qua ĐGTS là chủ sở hữu tài sản và người trúng đấu giá. Ngược lại, các bên tham gia hợp đồng thông qua ĐGTS bao gồm chủ sở hữu tài sản và người trúng đấu giá theo quan điểm của các nước theo hệ thống pháp luật châu Âu lục địa[65] hoặc tổ chức ĐGTS và người trúng đấu giá theo quan điểm của các nước theo hệ thống pháp luật Anh - Mỹ[66] hoặc chủ sở hữu tài sản, tổ chức ĐGTS và người trúng đấu giá theo quy định của pháp luật Việt Nam[67]. Vốn dĩ là quan hệ hợp đồng, do đó, tự do ý chí cũng là vấn đề cốt lõi trong ĐGTS. Tuy nhiên, quyền tự do hợp đồng không phải là quyền vô hạn định mà nó có những giới hạn nhất định. Theo tác giả Phạm Duy Nghĩa, đôi khi, "vì lợi ích công cộng, pháp luật hạn chế quyền tự do giao kết hợp đồng của các bên"[68]. Hay theo tác giả Ngô Huy Cương:

> Sự cần thiết hạn chế bớt tự do ý chí có thể được xem xét bởi ba lý do sau: lý do thứ nhất là nhu cầu cân đối giữa lợi ích của cá nhân thông qua ý muốn của họ với mục đích chung của cộng đồng, bởi (1) một mặt con người cần được tự do để phát triển đầy đủ và toàn diện đúng với mục đích sống của mình; (2) mặt khác cộng đồng cần phải được duy trì và phát triển để trở thành cái nôi nuôi dưỡng thực sự cho các ước vọng chung của con người và của mỗi cá nhân. Lý do thứ hai là nhu cầu bảo vệ những người yếu thế trong xã hội hay trong một giao dịch cụ thể. Lý do thứ ba là nhu cầu phát triển kinh tế có trật tự và đúng theo sự lựa chọn chung[69].

Hai tác giả Hoàng Vĩnh Long và Dương Anh Sơn có quan điểm:

> Mặc dù tự do hợp đồng có ưu điểm cần phải thừa nhận là tuyệt đối tôn trọng và đánh giá cao ý chí của cá nhân, tuy nhiên thực tế phát triển của hợp đồng

[63] Khoản 2 Điều 3 Bộ luật Dân sự năm 2015
[64] Ngọc Trang (2019). *Một số vấn đề pháp lý và thực tiễn về quyền tự do hợp đồng ở Việt Nam hiện nay*, [https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2503] (truy cập ngày 25/7/2022)
[65] Lê Thị Hương Giang, tlđd (25), trang 31
[66] Lê Thị Hương Giang, tlđd (25), trang 31-32
[67] Khoản 2 Điều 46 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[68] Phạm Duy Nghĩa (2004). *Chuyên khảo Luật kinh tế*. Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội. Trang 401
[69] Ngô Huy Cương, tlđd (62), trang 13

lại cho thấy trong rất nhiều trường hợp, tự do hợp đồng lại không đảm bảo được chính lợi ích của các bên tham gia (thường là bên yếu thế và kém chuyên nghiệp hơn), không đảm bảo lợi ích xã hội và không thể hiện được bản chất vốn có của của hợp đồng là sự thống nhất ý chí đích thực của các bên (bởi lẽ bên thiếu thông tin sẽ không ký hợp đồng nếu họ có đầy đủ thông tin như bên kia... Tự do ý chí và hệ quả của nó là tự do giao kết hợp đồng chưa đủ để đảm bảo sự công bằng về mặt kinh tế, xã hội[70].

Theo Friedrich A. Hayek:

> Tự do chân chính không hề không nhất quán với pháp luật, mà trên thực tế phụ thuộc vào pháp luật. Pháp luật đích thực là hiện thân của tự do. Pháp luật là nhân tố cốt lõi của tự do. Nếu không có pháp luật thì không thể có tự do. Pháp luật đúng đắn là tự do[71].

Đấu giá là hình thức mua bán tài sản mà ở đó có sự bất cân xứng thông tin giữa người mua và người bán. Một bên tham gia trao đổi biết một vài thông tin liên quan đến giao dịch còn bên kia thì không[72]. Bên bán có đầy đủ các thông tin liên quan đến tài sản đấu giá, trong khi bên mua bị hạn chế hơn rất nhiều. Chính vì vậy, tự do ý chí không giới hạn của bên bán trong ĐGTS sẽ có thể dẫn đến làm hạn chế tự do của bên mua. Tự do hợp đồng và giới hạn tự do hợp đồng thông qua sự can thiệp điều chỉnh của pháp luật sẽ tạo ra môi trường đấu giá lành mạnh mà ở đó, các bên tham gia đều đạt được lợi ích. Để làm được điều đó, đòi hỏi phải có sự can thiệp của Nhà nước và pháp luật nhằm lập lại thế cân bằng; khôi phục lại các điều kiện đảm bảo sự tự nguyện trong cam kết của các bên và không đi ngược lại lợi ích chung của toàn xã hội[73]. Thế nên, việc lựa chọn quan hệ ĐGTS để điều chỉnh bằng pháp luật là cần thiết và đúng đắn. Pháp luật hợp đồng nói chung và pháp luật ĐGTS nói riêng càng đáng tin cậy và có hiệu lực thì rủi ro trong ĐGTS càng giảm.

1.3.2 Các lý thuyết liên quan đến đặc điểm, vai trò của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Các học thuyết kinh tế được nghiên cứu có ý nghĩa định hướng trong nhìn nhận đặc điểm, vai trò của DN ĐGTS - là một chủ thể kinh doanh nhưng đảm nhận vai trò đặc biệt trong mua bán tài sản.

---

[70] Hoàng Vĩnh Long và Dương Anh Sơn (2011). Tự do hợp đồng – từ bàn tay vô hình đến chủ nghĩa can thiệp, *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế*, (397), trang 48

[71] Mai Hồng Quỳ (trích từ Friedrich A. Hayek, 1973).

[72] R. Preston McAfee and Jonh McMillan (1987). Auctions and Bidding, *Journal of Economic Literature*, American Economic Association, (vol. 25 (2)), trang 699

[73] Hoàng Vĩnh Long và Dương Anh Sơn, tlđd (70), trang 49

Lý thuyết về tự do kinh tế với các đại diện là A. Smith, J. B. Say, T. R. Manthus, J. S. Mill, D. Ricardo. Theo A. Smith, sự phát triển kinh tế bình thường không cần có sự can thiệp của Nhà nước và Nhà nước không nên can thiệp vào kinh tế, Nhà nước chỉ cần thực hiện tốt các chức năng quản lý cơ bản là xây dựng thể chế pháp luật để giữ gìn trật tự kinh tế, bảo vệ quyền sở hữu tư bản và bảo vệ an ninh, trật tự xã hội, bảo vệ đất nước trước kẻ thù xâm lược[74]. DN ĐGTS cũng là một chủ thể của nền kinh tế, do đó, Nhà nước cũng không cần can thiệp vào hiệu quả hoạt động của DN. Nhà nước chỉ cần có khung pháp lý đảm bảo tư cách pháp lý cho DN gia nhập thị trường. Khi gia nhập thị trường, hiệu quả kinh doanh của DN do các quy luật kinh tế thị trường và sự thích ứng của DN với các quy luật đó quyết định. Nhà nước không cần và không phải làm thay do DN công việc đó. Bên cạnh đó, khi gia nhập thị trường, DN ĐGTS cũng như các DN khác, chịu sức ép từ sự cạnh tranh của các DN kinh doanh cùng ngành, nghề cũng như từ các thương nhân thực hiện các hoạt động trung gian thương mại khác. Do đó, Nhà nước phải phát huy vai trò điều tiết của mình trong việc giữ gìn trật tự kinh tế thông qua việc can thiệp vào kinh tế nhằm tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh. Khi đó, bên cạnh lý thuyết về tự do kinh tế, thuyết cân bằng tổng quát của L. Walras, lý thuyết về nền kinh tế thị trường xã hội với đại biểu là Muller và Armack, lý thuyết kinh tế có điều tiết do J. M. Keynes khởi xướng, cũng cần được quan tâm. Các lý thuyết này đều đề cao vai trò của Nhà nước, thông qua việc xây dựng và thực thi pháp luật, đảm bảo sự phát triển và thích ứng của nền kinh tế với sự thay đổi của các yếu tố thị trường. Hơn nữa, sự can thiệp điều tiết của Nhà nước còn tạo dựng môi trường cạnh tranh có hiệu quả mà trong đó, cả DN với vị thế là chủ thể của nền kinh tế, người tiêu dùng và Nhà nước đều được hưởng lợi. Theo F. A. Hayek tự do hoạt động thương mại có nghĩa là sự tự do trong khuôn khổ luật pháp, dưới sự giám sát của luật pháp[75]. Khi xây dựng pháp luật điều chỉnh đối với DN ĐGTS, nhà làm luật cần xem xét, nhìn nhận đúng vị thế, vai trò của DN trong nền kinh tế. Mặc dù pháp luật điều chỉnh DN ĐGTS ở Việt Nam hiện còn nhiều khác biệt với các nước trên thế giới nhưng ở mức độ nhất định, nó phù hợp với tình hình, sự phổ biến, vị trí, vai trò của DN cũng như định hướng của Nhà nước đối với hoạt động ĐGTS nói chung, DN ĐGTS nói riêng ở Việt Nam. Điều đó không có nghĩa hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh đối với DN ĐGTS ở Việt Nam là hoàn toàn phù hợp và đúng đắn.

[74] Nguyễn Hồng Sơn (2016). Mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường trong một số lý thuyết về kinh tế, *Tạp chí điện tử Lý luận chính trị,* [http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/nguyen-cuu-ly-luan/item/1647-moi-quan-he-giua-nha-nuoc-va-thi-truong-trong-mot-so-ly-thuyet-ve-kinh-te.html] (truy cập ngày 12/12/2022)
[75] Friedrich A. Hayek (1960). *Hiến pháp của tự do* (Phạm Nguyễn Hoàng dịch). Nxb. Routledge, UK. Trang 267

Khi xem xét bản chất của DN ĐGTS trong nền kinh tế, không thể không quan tâm đến lý thuyết nền kinh tế hỗn hợp của P. A. Samuelson. Theo lý thuyết này, cần có sự kết hợp vai trò của cơ chế thị trường và điều tiết của Nhà nước, không tuyệt đối hóa vai trò của yếu tố nào, trong vận hành nền kinh tế hiện đại. Nhà nước, thông qua công cụ pháp luật, can thiệp vào nền kinh tế thị trường để khắc phục những thất bại, mặt trái của thị trường, để thị trường hoạt động hiệu quả. Tất cả các Nhà nước đều quan tâm thiết lập các khuôn khổ pháp luật, đảm bảo công bằng xã hội và ổn định vĩ mô nền kinh tế trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường. DN ĐGTS là DN hoạt động trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, cũng chịu sự tác động, cả tích cực và tiêu cực, của cơ chế thị trường. Để thị trường ĐGTS nói chung, DN ĐGTS nói riêng hoạt động hiệu quả, không thể thiếu "cánh tay" điều tiết của Nhà nước. Vai trò điều tiết của Nhà nước thể hiện thông qua các quy định pháp luật về điều kiện thành lập, quyền, nghĩa vụ và chấm dứt hoạt động của DN ĐGTS. Yếu tố quan trọng nhất khi điều tiết nền kinh tế là phải đảm bảo cân đối giữa mục tiêu của Nhà nước (quản lý, điều tiết, kiến tạo phát triển...) và mục tiêu của DN là tối đa hóa lợi nhuận với chi phí thấp nhất[76].

1.3.3 Các lý thuyết liên quan đến điều kiện thành lập doanh nghiệp đấu giá tài sản

Học thuyết pháp luật tự nhiên được nghiên cứu kết hợp với học thuyết pháp luật thực định. Trong đó, học thuyết pháp luật tự nhiên ghi nhận và bảo vệ các quyền tự do của con người trong đó có quyền tự do kinh doanh, quan điểm của học thuyết pháp luật thực định hệ thống pháp luật thực định của mỗi quốc gia phản ánh điều kiện kinh tế - xã hội, truyền thống, lịch sử, phong tục, tập quán,... của quốc gia đó. Các đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống quy phạm pháp luật về điều kiện thành lập DN ĐGTS được xây dựng dựa trên sự kết hợp hai học thuyết này, đảm bảo hệ thống quy phạm pháp luật đó vừa ghi nhận, bảo vệ quyền tự do kinh doanh của DN, tạo điều kiện cho DN có đầy đủ tư cách pháp lý để bước vào thị trường kinh doanh tìm kiếm lợi nhuận. Trong đó, NCS có những đề xuất dựa trên kinh nghiệm hiệu quả điều chỉnh của pháp luật nước ngoài. Tiếp thu pháp luật nước ngoài không có nghĩa là bê nguyên mẫu các quy định pháp luật nước ngoài, khiêng cưỡng gán ghép vào quy định pháp luật Việt Nam mà cần phải được nghiên cứu gắn liền với chủ trương, đường lối của Đảng, với đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn khá non trẻ, với thể chế chính trị và năng lực

[76] Viên Thế Giang (2020). Chấp hành, tuân thủ luật trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu thực hiện nguyên tắc pháp quyền trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam, *Economics-Law and Management*, [http://stdjelm.scienceandtechnology.com.vn/index.php/stdjelm/article/view/589/983#info] (truy cập ngày 01/8/2023)

điều tiết của Nhà nước ở Việt Nam. Hoạt động ĐGTS ở Việt Nam đến thời điểm này vẫn chưa thể sánh kịp với các nước trên thế giới. DN ĐGTS ở Việt Nam theo đó cũng chưa thể hội nhập vào mạng lưới đấu giá đang phát triển rầm rộ trên thị trường quốc tế. Để được thành lập, đa số các nước trên thế giới đều đặt ra những điều kiện nhất định mà DN ĐGTS phải đáp ứng. Pháp luật Việt Nam cũng đặt ra một số điều kiện để DN ĐGTS được thành lập. Đối với DN mà hoạt động của nó có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của các bên có liên quan, ảnh hưởng đến niềm tin, thái độ của xã hội đối với với hoạt động ĐGTS - hoạt động mặc dù hiện đã khá phổ biến ở Việt Nam nhưng mặt tiêu cực của nó thời gian vừa qua đã ít nhiều bị "quay lưng" bởi người mua và người bán. Điều kiện thành lập DN kinh doanh ĐGTS, do đó, phải hướng đến mục đích mà pháp luật về đầu tư đã đòi hỏi là đảm bảo trật tự, an toàn xã hội[77]. Thế nhưng, Nhà nước đặt ra điều kiện kinh doanh không phải để hạn chế DN mà là để thực thi trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ những lợi ích mà Nhà nước quan tâm, bao gồm lợi ích tư và lợi ích công[78]. Vốn dĩ bản chất của DN ĐGTS chưa được nhà làm luật Việt Nam nhìn nhận đúng đắn nên hệ thống quy phạm pháp luật về điều kiện thành lập DN ĐGTS ở Việt Nam cũng có nhiều khác biệt với các nước trên thế giới và chưa được đánh giá cao. Bên cạnh đó, các đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống quy phạm pháp luật về quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS cũng được xây dựng trên nền tảng quan điểm từ hai học thuyết này. Vừa nghiên cứu tiếp thu pháp luật nước ngoài, vừa xem xét điều kiện kinh tế - xã hội, đặc biệt là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Hai học thuyết này được vận dụng trong quá trình nghiên cứu Chương 3 và Chương 4 của Luận án.

Bên cạnh đó, định hướng sửa đổi các quy phạm pháp luật về điều kiện thành lập DN ĐGTS ở Việt Nam, Luận án còn kế thừa kết quả từ học thuyết quy phạm học của các nhà tư tưởng nổi tiếng I. Kantơ, G. Kenden,... Quan điểm của học thuyết này cho rằng văn bản quy phạm pháp luật được coi là nguồn chính yếu của hệ thống pháp luật. Pháp luật Việt Nam chịu ảnh hưởng của học thuyết này. Văn bản quy phạm pháp luật là nguồn chính yếu của hệ thống pháp luật Việt Nam. Vì là nguồn chính yếu nên để phát huy hiệu quả điều chỉnh của pháp luật, khẳng định vai trò quản lý của Nhà nước, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật phải đảm bảo tính hoàn thiện. Điều đó đòi hỏi, hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh đối tượng nhất định, là một bộ phận nằm trong hệ thống quy phạm pháp luật Việt Nam phải đảm bảo tính hoàn thiện. Quy chế pháp lý về DN ĐGTS tài sản nói chung, quy phạm pháp luật về điều kiện thành lập DN ĐGTS nói riêng cũng phải đáp

[77] Khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư năm 2020
[78] Trần Thị Quang Hồng, tlđd (36)

ứng các yêu cầu đó. Các nhận định, đánh giá hệ thống quy phạm pháp luật này đều được thực hiện trên lập trường, quan điểm là DN ĐGTS ở Việt Nam cần được mở rộng hơn nữa quyền tự do từ thành lập cho đến quá trình hoạt động của DN. Muốn như vậy, hệ thống quy phạm pháp luật ở Việt Nam về điều kiện thành lập, quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS cần được sửa đổi, bổ sung trong thời gian tới. Bởi lẽ, thực trạng hệ thống quy phạm pháp luật này đang cản trở, gây phiền hà, khó khăn cho DN. Quan điểm của học thuyết quy phạm học được vận dụng trong quá trình nghiên cứu Chương 3 và Chương 4 của Luận án.

1.3.4 Các lý thuyết liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Lý thuyết pháp luật của Lon Luvois Fuller (1902 - 1978). Lý thuyết của Fuller đã phát triển cách tiếp cận luật tự nhiên, coi pháp luật như là một đạo lý tiềm ẩn. Một hệ thống pháp lý có mục tiêu ràng buộc con người phải chịu sự kiểm soát của các quy tắc trong việc cư xử. Fuller cho rằng chức năng thiết yếu của pháp luật là định hướng cho hành vi nhưng phải tuân thủ tám quy tắc: tính tổng quát (quy phạm phổ biến), được ban hành rộng rãi, không hồi tố, ngôn ngữ dễ hiểu, minh bạch, nhất quán, không mâu thuẫn, không vi phạm về thẩm quyền, thủ tục hay hình thức, không thay đổi đột ngột (tính bền vững), phải được thực thi nghiêm túc (phù hợp giữa quy tắc được công bố và hành động của chính quyền)[79]. Tuân thủ các quy tắc này, pháp luật cũng đạt đến mức độ hoàn thiện. Hệ thống quy phạm pháp luật về quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS chính là định hướng cho hành vi của DN, cách cư xử trong quá trình hoạt động của DN. Quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS phải vừa đảm bảo quyền tự do kinh doanh, mục đích kinh doanh của DN, vừa bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có liên quan, vừa phải đảm bảo sự quản lý, vai trò điều tiết của Nhà nước. Để thực hiện được chức năng định hướng hành vi cho DN ĐGTS, các đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống quy phạm pháp luật về quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS cũng cần tuân thủ các quy tắc mà Fuller đã đề ra. Lý thuyết pháp luật của Fuller chủ yếu được vận dụng làm nền tảng cho các nội dung nghiên cứu tại Chương 4 của Luận án.

Hiệu quả của dịch vụ đấu giá mà DN cung ứng có ý nghĩa quyết định đến việc đạt mục tiêu lợi nhuận của DN. Lợi ích cộng đồng, lợi ích xã hội cũng được thúc đẩy theo tỉ lệ thuận với lợi nhuận của DN. Bởi lẽ, theo Adam Smith (1776): "quá trình tối đa hóa lợi

[79] Nguyễn Minh Tuấn (2023). Một số lý thuyết đương đại về pháp luật và việc áp dụng trong thực tiễn ở Việt Nam hiện nay, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (01+02 (473+474)), [http://lapphap.vn/Pages/TinTuc/211619/Mot-so-ly-thuyet-duong-dai-ve-phap-luat-va-viec-ap-dung-trong-thuc-tien-o-Viet-Nam-hien-nay.html] (truy cập ngày 01/8/2023)

ích của bản thân một cách tự nhiên hay đúng hơn là một cách cần thiết đã đưa cá nhân đến thúc đẩy lợi ích cộng đồng"[80]. Đây cũng chính là nội dung chính của học thuyết bàn tay vô hình (the invisible hand) của Adam Smith. Học thuyết này cũng được NCS vận dụng trong việc định hướng xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy phạm pháp luật điều chỉnh về quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS. Hiệu quả điều chỉnh của pháp luật đối với DN thể hiện ở việc DN luôn chịu sự tác động của các quy luật kinh tế thị trường chứ không phải là sự can thiệp điều tiết mọi mặt từ phía Nhà nước. Theo Adam Smith: "chính quyền mỗi quốc gia không cần can thiệp sâu vào các hoạt động của cá nhân và doanh nghiệp, vốn có thể tự vận động trong thị trường"[81]. Pháp luật luôn phải dành cho DN "sân chơi" để tự do vận dụng các quy luật kinh tế thị trường đó, vạch ra chiến lược kinh doanh hiệu quả mà không có bất kỳ Nhà nước nào có thể làm thay DN, nhằm đạt được mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận. Theo F. A. Hayek: mục đích tối hậu của pháp luật là để tạo lập, bảo vệ và mở rộng tự do cá nhân của con người chứ không phải là để xóa bỏ hoặc hạn chế tự do cá nhân... Con người sẽ không có tự do nếu thiếu sự hiện diện của pháp luật[82]. Cũng theo học thuyết bàn tay vô hình:

> Bản chất tư lợi của nhà sản xuất sẽ khiến họ lựa chọn và tiến hành sản xuất một cách có hiệu quả nhất, với chi phí thấp nhất nhằm tối đa hóa lợi nhuận. Sự cạnh tranh giữa chính các nhà sản xuất, giữa chính các bên thương mại và giữa hai tác nhân này với nhau khiến giá bán sản phẩm giảm dần... Một "bàn tay vô hình" dẫn dắt họ, trong khi làm việc có lợi cho mình, đồng thời giúp ích cho xã hội, trên cơ sở khuyến khích phương pháp sản xuất nào hiệu quả nhất, cũng có nghĩa nhiều lợi nhuận nhất trong xã hội. Xã hội hay người tiêu dùng nói chung sẽ hưởng lợi từ những sản phẩm tốt nhất với giá thành hợp lý nhất[83].

Trong phạm vi rộng lớn hơn: "mỗi người cố gắng làm lợi cho chính mình, một cách đều đặn, không ngừng, sẽ dẫn tới sự thịnh vượng cho quốc gia của họ"[84]. Với hiệu quả đó, pháp luật cũng phát huy thuộc tính xã hội, thúc đẩy lợi ích cộng đồng. Tuy nhiên, Adam Smith cũng cho rằng việc theo đuổi tư lợi trên quy mô rộng lớn của các doanh nhân cũng có thể làm ảnh hưởng tiêu cực đến lợi ích chung, đến sự phát triển của quốc gia, thông qua cơ chế độc quyền trong hàng hóa, sự kiểm soát giá cả thị trường và khả

[80] Phan Thanh Tú và các cộng sự (trích từ Adam Smith, 1776)
[81] Phan Thanh Tú và các cộng sự (trích từ Adam Smith, 1776)
[82] John Locke (trích từ F. A. Hayek, 2011)
[83] Phan Thanh Tú và các cộng sự (trích từ Adam Smith, 1776)
[84] Phan Thanh Tú và các cộng sự (trích từ Adam Smith, 1776)

năng ràng buộc các tổ chức lao động[85]. Điều đó có nghĩa, DN càng được tháo dở các rào cản, đặc biệt là rào cản pháp luật, càng được mở rộng các quyền tự do trong tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh, DN càng có nhiều động lực để hoạt động làm lợi cho mình. Để đạt được mục tiêu lợi nhuân, đòi hỏi sản phẩm mà DN cung cấp cho thị trường phải đảm bảo chất lượng, thụ hưởng thành quả đó chính là người tiêu dùng. Từ đó, thúc đẩy nhu cầu của người tiêu dùng đối với sản phẩm mà DN cung cấp. Trong phạm vi rộng lớn hơn, thúc đẩy kinh tế quốc gia phát triển. Tuy nhiên, Nhà nước không chỉ quan tâm đến việc bảo vệ và mở rộng tối đa các quyền tự do của DN, chỉ hướng đến mục tiêu là tư lợi của DN mà quên đi các tiêu cực mà vì chạy theo tư lợi, DN có thể "giẫm đạp" lên lợi ích của người tiêu dùng, của các chủ thể khác. Do đó, khi nghiên cứu vận dụng học thuyết này trong định hướng sửa đổi, bổ sung các quy phạm pháp luật về quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS cũng cần lưu ý những tiêu cực từ việc tối đa hóa quyền tự do kinh doanh, lợi nhuận của DN mà thiếu sự kiểm soát đúng mực của Nhà nước. Quan điểm của học thuyết bàn tay vô hình được vận dụng trong quá trình nghiên cứu Chương 4 của Luận án.

Học thuyết bàn tay vô hình được nghiên cứu song song với học thuyết bàn tay hữu hình (the visible hand) của Alfred Dupont Chandler (1977). Một trong những đề xuất mà Chandler đưa ra để chỉ ra rằng bàn tay hữu hình trong quản lý:

> Khi doanh nghiệp tăng trưởng về quy mô và tính đa dạng thì các nhà quản lý trở nên chuyên nghiệp hơn, việc quản lý doanh nghiệp tách ra khỏi quyền sở hữu của nó... Trong nhiều doanh nghiệp hiện đại..., sở hữu trở nên rải rác. Các cổ đông không có ảnh hưởng, kiến thức, kinh nghiệm. Các nhà quản lý xác định chính sách dài hạn cũng quản lý các hoạt động điều hành ngắn hạn. Họ chiếm ưu thế hàng đầu cũng như quản lý cấp dưới và người lao động[86].

Để cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường, công tác quản lý DN với những định hướng hiệu quả trong chiến lược kinh doanh, là bài toán không hề đơn giản đối với người quản lý DN. Mặt khác, những định hướng sửa đổi, bổ sung hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh DN ĐGTS hy vọng sẽ mang lại cho DN một bức tranh mới, hoạt động kinh doanh của DN ĐGTS ngày càng được đón nhận nhiều hơn nữa bởi người tiêu dùng, đặc biệt là chủ sở hữu tự nguyện lựa chọn bán tài sản của mình thông qua đấu giá. Quy mô của DN, theo đó, nguồn thu của DN ngày càng tăng trưởng hơn, quy mô của DN ngày càng được mở rộng hơn. Khi quy mô của DN ngày càng mở rộng, công tác quản lý DN lại càng đòi hỏi phải chuyên nghiệp hơn nữa. Mà theo quan điểm của Chandler là công

[85] Phan Thanh Tú và các cộng sự (trích từ Adam Smith, 1776)
[86] Phan Thanh Tú và các cộng sự (trích từ Alfred Dupont Chandler, 1977)

tác quản lý DN cần phải được tách ra khỏi quyền sở hữu của chủ sở hữu DN. Bởi lẽ, không phải chủ sở hữu nào cũng có đủ kiến thức, kinh nghiệm để điều hành, quản lý DN. Hơn nữa, hoạt động nghề nghiệp trong mỗi lĩnh vực có những đòi hỏi hoàn toàn khác biệt. Hoạt động nghề nghiệp đấu giá và công tác quản lý, điều hành DN ĐGTS cũng không nằm ngoài nguyên tắc đó. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy phạm pháp luật về quyền và nghĩa vụ của DN trong thiết lập cơ cấu tổ chức quản lý của DN ĐGTS cần tránh sai lầm trong đồng nhất hoạt động nghề nghiệp đấu giá và công tác quản lý DN. Do đó, quan điểm của học thuyết bàn tay hữu hình về quản lý DN là nền tảng lý thuyết được vận dụng trong quá trình định hướng sửa đổi, bổ sung các quy phạm pháp luật về quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS trong thiết lập cơ cấu tổ chức quản lý DN.

Song song đó, học thuyết đại diện (agency theory) của Ross (1973), Jensen và Meckling (1976) cũng phân tích mối quan hệ mâu thuẫn phụ thuộc giữa chủ DN và các nhà quản lý. Theo học thuyết này, giữa chủ sở hữu và các nhà quản lý đều chạy theo mục đích riêng của mình. Trong khi mục đích của chủ sở hữu là tối đa hóa lợi nhuận thì mục đích của các nhà quản lý là tối đa hóa tiện ích của mình. Do đó, khi xác lập các hợp đồng đại diện đòi hỏi phải phân tích sự cam kết thực hiện của các bên[87]. Khi công tác quản lý DN được tách ra khỏi chủ sở hữu DN, người chịu rủi ro từ hoạt động của DN vẫn là chủ sở hữu. Người quản lý được thuê vẫn chỉ là người làm công ăn lương theo hợp đồng. Vì vậy, vấn đề quan trọng là, khi xác lập hợp đồng thuê người quản lý, cần chú trọng các yếu tố ràng buộc người quản lý. Quan điểm của học thuyết đại diện có ý nghĩa gợi ý, nhắc nhở chủ sở hữu DN ĐGTS, khi đã được mở rộng quyền tự do trong thiết lập cơ cấu tổ chức quản lý DN, cần lưu ý đến việc xác lập hợp đồng thuê người quản lý DN.

Bên cạnh đó là, quy luật của kinh tế thị trường: quy luật cạnh tranh, quy luật giá trị, quy luật cung - cầu, cũng được nghiên cứu và vận dụng. Các học thuyết DN và các quy luật của kinh tế thị trường được vận dụng vào việc hoàn thiện hệ thống pháp luật điều chỉnh quá trình từ lúc DN ĐGTS được thành lập trong đời sống kinh tế - xã hội ở Việt Nam đến khi DN tiến hành hoạt động dưới sự tác động của thị trường và sự chi phối của mục tiêu lợi nhuận, hạn chế đến mức thấp nhất sự can thiệp điều tiết của Nhà nước vào hoạt động cũng như hiệu quả kinh doanh của DN. Khi đó, đến lượt người thành lập DN ĐGTS - theo quy định của pháp luật Việt Nam chính là ĐGV, phải có chiến lược điều hành hoạt động của DN như thế nào nhằm tối đa hóa lợi nhuận hợp pháp.

[87] Phan Thanh Tú và các cộng sự (trích từ Jensen và Meckling, 1976)

1.3.5 Các lý thuyết liên quan đến chế tài đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản

Lý thuyết pháp luật của Jeremy Bentham (1748-1832). Theo Bentham, luật có ba yếu tố: 1) những mệnh lệnh (commands), 2) do Nhà nước ban hành (sovereign), có phạm vi áp dụng rõ ràng, 3) được hậu thuẫn bởi những chế tài (punishments)[88]. Theo quan điểm này, chế tài được coi là hậu thuẫn của pháp luật, tức là yếu tố đứng sau làm điểm tựa đảm bảo chắc chắn các quy tắc, mệnh lệnh do Nhà nước ban hành phải được thực thi trong phạm vi mà Nhà nước đã xác định. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là nếu không có chế tài, pháp luật có được thực thi hay không. Bởi thực tế thì chế tài pháp luật được các Nhà nước ban hành rất phổ biến nhưng không phải mệnh lệnh nào của Nhà nước cũng được thực thi. Như vậy, có nhất thiết phải xây dựng chế tài hay chỉ cần xây dựng pháp luật hướng đến cái đúng, sự công bằng, nhân đạo, bảo vệ quyền con người. Khi ấy, pháp luật đương nhiên được thực thi mà không cần đến yếu tố hậu thuẫn là chế tài răn đe. Theo tác giả Hoàng Thị Kim Quế: điều quan trọng là làm sao để có được sự tôn trọng pháp luật trên cơ sở niềm tin nội tâm, sự tự ý thức của cá nhân chứ không phải là sự sợ hãi bị chế tài cưỡng chế. Hay: cần khuyến khích và tạo điều kiện cho những hành vi hợp pháp, tích cực pháp luật trong cộng đồng là một trong những việc làm thường xuyên với những đầu tư thỏa đáng về tinh thần, vật chất và kỹ thuật[89]. Tuy nhiên, vị thế của mỗi cá nhân trong xã hội không như nhau, lợi ích của mỗi cá nhân cũng khác nhau. Pháp luật đôi khi bảo vệ lợi ích của cá nhân này lại kiềm chế thậm chí là hi sinh lợi ích của cá nhân khác. Đặc biệt là,

> Công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam vẫn còn những hạn chế, bất cập, có mặt chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, quản lý và bảo vệ đất nước trong tình hình mới; ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận cán bộ, công chức, đảng viên và nhân dân chưa nghiêm; cơ chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, quyền con người, quyền công dân có mặt chưa được phát huy đầy đủ[90].

Do đó, theo quan điểm của các nhà nghiên cứu pháp luật ở Việt Nam, đa số đều thừa nhận vai trò của chế tài đối với việc thực thi pháp luật. Tiến sĩ Phan Trung Hiền nhận định: "chế tài là phần bảo đảm cho pháp luật được thực hiện trên thực tế; trong

[88] Nguyễn Minh Tuấn, tlđd (79)
[89] Hoàng Thị Kim Quế (2008). Hư vô pháp luật: Nhìn từ phương diện lý luận pháp luật và xã hội học pháp luật, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (9 (245)), trang 13-18
[90] Nghị quyết số 27-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới

những trường hợp nhất định, nếu quy phạm pháp luật thiếu chế tài, sẽ thiếu tính khả thi"[91]. Hay theo Phó giáo sư tiến sĩ Nguyễn Minh Đoan:

> Chế tài là một trong những biện pháp quan trọng để bảo đảm cho các quy định (những đòi hỏi, yêu cầu) của pháp luật được thực hiện nghiêm minh. Do vậy, nếu các biện pháp chế tài được quy định không phù hợp (quá nặng hoặc quá nhẹ...) thì tác dụng răn đe, trừng phạt của chúng sẽ có thể kém hiệu quả[92].

Tuy nhiên, các quan điểm này quá đặt nặng vai trò của chế tài mà xem nhẹ các yếu tố tác động đến hiệu quả của pháp luật. Xây dựng chế tài pháp luật là cần thiết trong bối cảnh hệ thống pháp luật Việt Nam chưa thực sự hoàn thiện nhưng các quy tắc xử sự về quyền và nghĩa vụ của con người, của công dân, DN nói chung, DN ĐGTS nói riêng phải hướng đến các mục tiêu mà Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 27-NQ/TW) đã đề ra: xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, ổn định, khả thi, dễ tiếp cận, đủ khả năng điều chỉnh các quan hệ xã hội, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp làm trung tâm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Do đó, chế tài đối với DN ĐGTS là cần thiết. Tuy nhiên, hệ thống quy phạm pháp luật về chế tài đối với DN ĐGTS cần phải hoàn thiện thì mới có khả năng thực thi trên thực tế. Sau đó mới xem xét đến mức độ nặng nhẹ của chế tài có đủ sức răn đe DN thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hay không. Định hướng sửa đổi, bổ sung hệ thống quy phạm pháp luật về chế tài đối với DN ĐGTS được xây dựng dựa trên hai yếu tố này. Lý thuyết pháp luật của Jeremy Bentham được kế thừa cùng với các nguyên tắc xây dựng pháp luật là nền tảng trong quá trình nghiên cứu chế tài đối với DN ĐGTS - các nội dung được thực hiện tại Chương 3 và Chương 4 của Luận án.

Lý thuyết pháp luật của John Austin (1790-1859). Theo Austin, Nhà nước tạo ra luật, con người chỉ có tuân theo, không phụ thuộc vào luật đó có đạo đức, công bằng hay không. Nếu con người không chấp hành luật, anh ta phải chịu chế tài[93]. Lý thuyết này cũng khẳng định tính tuyệt đối của chế tài. Tuy nhiên, hạn chế của lý thuyết này là tách biệt pháp luật và đạo đức, công bằng. Pháp luật không gắn với đạo đức, lẽ công bằng thì khó nhận được sự đồng cảm thực hiện của con người. Nhưng nếu con người không chấp

[91] Phan Trung Hiền (2013). *Lý luận về Nhà nước và Pháp luật (Quyển 2)*. Nxb. Chính trị quốc gia, Cần Thơ. Trang 69
[92] Nguyễn Minh Đoan (2014). *Giáo trình Lý luận về nhà nước và pháp luật*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. Trang 345
[93] Nguyễn Minh Tuấn, tlđd (79)

hành pháp luật thì phải chịu chế tài. Pháp luật khi đó mang tính áp đặt, độc đoán, thiếu nhân đạo, không hướng đến bảo vệ các quyền con người. Nhận diện được hạn chế của lý thuyết này, khi phân tích các quy phạm pháp luật về chế tài đối với DN ĐGTS, NCS có cái nhìn toàn diện, gắn chế tài với các quy định pháp luật về nghĩa vụ của DN. Chế tài bên cạnh mục đích trừng phạt còn phải đảm bảo tính răn đe DN không thực hiện các hành vi xâm phạm đến quyền, lợi ích của các chủ thể khác, buộc DN thực hiện nghĩa vụ của mình để đảm bảo quyền của chủ thể khác. Bởi lẽ, những chế tài của luật được thiết kế chỉ nhằm ngăn cản một người không được làm những việc nhất định hoặc để buộc anh ta phải thực hiện những nghĩa vụ mà anh ta đã nhận một cách tự nguyện[94]. Chế tài đối với DN có nguồn gốc từ nghĩa vụ của DN. Khi DN không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ mà pháp luật quy định thì DN phải chịu chế tài. Nếu pháp luật không quy định, DN không thực hiện nghĩa vụ thì đương nhiên DN không phải chịu chế tài. Lý thuyết này được vận dụng trong định hướng sửa đổi, bổ sung hệ thống quy phạm pháp luật về nghĩa vụ và chế tài đối với DN ĐGTS. Cần xem xét chế tài phải tương xứng với nghĩa vụ và ngược lại.

Nói tóm lại, để đạt được mục tiêu hoàn thiện hệ thống quy phạm pháp luật Việt Nam điều chỉnh đối với DN ĐGTS, Luận án cần có sự vận dụng những ưu điểm, nhận diện khuyết điểm để xây dựng nền tảng lý luận vững chắc từ các học thuyết, lý thuyết pháp luật lẫn kinh tế. Việc vận dụng được đặt trong bối cảnh kinh tế - xã hội, đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Các học thuyết, lý thuyết này có vai trò quan trọng, cần thiết, là cơ sở, nền tảng cho các lập luận, lý lẽ của NCS trong quá trình phân tích và đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh đối với DN ĐGTS, từ điều kiện thành lập, quyền, nghĩa vụ cho đến chế tài đối với DN.

1.4 CÂU HỎI NGHIÊN CỨU VÀ GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU

1.4.1 Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu chính

Để thực hiện đề tài này, luận án đặt ra câu hỏi nghiên cứu chính như sau: Cần có những giải pháp gì để hoàn thiện quy chế pháp lý về DN ĐGTS đảm bảo cơ sở pháp lý đầy đủ, đáp ứng yêu cầu của Nhà nước pháp quyền đối với hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật điều chỉnh DN ĐGTS nói riêng: dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, ổn định, khả thi, dễ tiếp cận, đủ khả năng điều chỉnh các quan hệ xã hội, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người

[94] Friedrich A. Hayek, tlđd (75), trang 171

dân, tổ chức, doanh nghiệp làm trung tâm, tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh[95]?

Giả thuyết nghiên cứu: DN ĐGTS cũng là một DN, là một chủ thể kinh doanh trong nền kinh tế. Pháp luật điều chỉnh đối với DN ĐGTS phải ghi nhận và bảo vệ quyền tự do kinh doanh của DN - quyền đặc trưng và quan trọng nhất của tất cả các chủ thể kinh doanh. Mục đích của quyền tự do kinh doanh là tạo điều kiện cho DN được tự do, tự chủ, chủ động trong tổ chức hoạt động kinh doanh nhằm tìm kiếm lợi nhuận trên thị trường. Lợi nhuận là mục tiêu cao nhất mà hầu hết các DN đều hướng đến khi gia nhập thị trường. Tuy nhiên, ở Việt Nam, sự can thiệp điều tiết của Nhà nước thông qua các quy phạm pháp luật về điều kiện thành lập, quyền, nghĩa vụ và chế tài đối với DN ĐGTS ở Việt Nam mang tính định hướng cho DN thực hiện và phát huy vai trò bổ trợ tư pháp hơn là thực hiện hoạt động kinh doanh tìm kiếm lợi nhuận trên thị trường. Do đó, các quy định pháp luật can thiệp điều chỉnh đến mức hạn chế quyền tự do kinh doanh của DN, đặc biệt là quyền tự do thiết lập cơ cấu tổ chức, tổ chức hoạt động kinh doanh. Một số quy định về chế tài đối với DN ĐGTS chưa thống nhất với chế tài đối với các DN kinh doanh các ngành, nghề khác thuộc lĩnh vực bổ trợ tư pháp và dường như tách biệt với các DN khác. Thực trạng này là hệ quả từ lịch sử để lại, ĐGTS từ khi được pháp luật Việt Nam điều chỉnh đã được xem là hoạt động bổ trợ tư pháp, với sự can thiệp mạnh mẽ của Nhà nước nhằm thực hiện vai trò bổ trợ tư pháp đó. DN ĐGTS, dù là DN thực hiện hoạt động kinh doanh với mục đích của DN là tìm kiếm lợi nhuận, nhưng quan điểm cố hữu của Nhà nước, của các nhà làm luật về vai trò của ĐGTS đã dẫn đến các quy định pháp luật điều chỉnh đối với DN ĐGTS chưa thực sự đúng với bản chất pháp lý của nó. Chính sai lầm đó từ quy chế pháp lý đã cản trở quá trình hoạt động kinh doanh của DN, chưa tạo được môi trường thuận lợi cho DN hoạt động, chưa tạo ra "sân chơi" công bằng để thúc đẩy các DN cạnh tranh lành mạnh. Hoạt động kinh doanh của DN theo đó cũng chưa hiệu quả như mong đợi. Khi đó, vai trò đặc trưng của DN là tập hợp nhiều người mua, cùng trả giá để tìm ra giá trị thực của tài sản dựa trên các quy luật cạnh tranh, giá trị, cung cầu của kinh tế thị trường, cũng không thực hiện được. Cũng vì vậy mà chủ sở hữu tài sản hiếm khi tự nguyện tìm đến DN ĐGTS để lựa chọn bán tài sản của mình thông qua đấu giá. Có thể khẳng định, hệ thống quy phạm pháp luật ở Việt Nam hiện nay còn nhiều rào cản đối với DN ĐGTS, quyền tự do kinh doanh của DN được đảm bảo, chưa

[95] Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới

tạo được nền tảng pháp lý vững chắc để DN thực hiện và phát huy vai trò trung gian hữu hiệu trong mua bán tài sản.

1.4.2 Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu phụ

1.4.2.1 Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu liên quan đến lý luận về doanh nghiệp đấu giá tài sản và quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản

Câu hỏi nghiên cứu 1: DN ĐGTS là gì?

Giả thuyết nghiên cứu: so với các nước trên thế giới, ở Việt Nam, chưa có nền tảng pháp lý cho khái niệm DN ĐGTS. Các quan điểm mang tính lý luận về khái niệm DN ĐGTS cũng rất hạn chế và chưa thể hiện đúng bản chất, vai trò, vị trí của DN đấu giá trong nền kinh tế và trong mối quan hệ với các chủ thế khác có liên quan.

Câu hỏi nghiên cứu 2: DN ĐGTS có những đặc điểm, vai trò gì giống và khác so với các DN khác trên thị trường?

Giả thuyết nghiên cứu: cũng là một DN thực hiện hoạt động kinh doanh trên thị trường, DN ĐGTS có những đặc điểm, vai trò như các DN kinh doanh các ngành, nghề khác ngoài lĩnh vực bổ trợ tư pháp. Bên cạnh đó, xuất phát từ đặc thù ngành, nghề kinh doanh, DN ĐGTS còn có những đặc điểm, vai trò đặc trưng khác với các DN khác trên thị trường. Chính vì vậy, quy chế pháp lý về DN ĐGTS bao gồm quy chế pháp chung về DN ĐGTS như các DN khác và quy chế pháp lý riêng về DN ĐGTS. Dù là quy chế pháp lý chung hay riêng thì cũng điều chỉnh từ khâu chuẩn bị gia nhập và chính thức gia nhập thị trường thông qua các quy phạm pháp luật về thành lập DN, đến quyền, nghĩa vụ, chế tài đối với DN và cả khi DN chấm dứt hoạt động. Những khác biệt về đặc điểm, vai trò của DN ĐGTS dẫn đến hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh về thành lập, quyền, nghĩa vụ và chế tài đối với DN ĐGTS cũng có những đặc trưng riêng. Thế nhưng, quy chế pháp lý riêng về DN ĐGTS vẫn là một bộ phận cấu thành và nằm trong hệ thống pháp luật Việt Nam trong phạm vi hẹp, trong thông lệ chung của quốc tế trong phạm vi rộng.

Câu hỏi nghiên cứu 3: quy chế pháp lý về DN ĐGTS được xây dựng dựa trên các nguyên tắc nào?

Giả thuyết nghiên cứu: quy chế pháp lý về DN ĐGTS bao gồm một hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh là khâu thành lập, tổ chức, hoạt động đến chấm dứt hoạt động và chế tài đối với DN ĐGTS. Hệ thống quy phạm pháp luật đó chứa đựng trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm LĐGTS, LDN, Bộ luật Dân sự, Luật Phá sản,... Vì lẽ đó, để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, phù hợp với thông lệ quốc tế, phát huy hiệu

quả điều chỉnh của pháp luật, cần có các nguyên tắc làm nền tảng cho việc rà soát, hệ thống hóa, xây dựng hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh DN ĐGTS. Tuy nhiên, ở Việt Nam, quy chế pháp lý về DN ĐGTS chưa được xây dựng dựa trên các nguyên tắc cụ thể, khoa học, chưa phát huy được hiệu quả điều chỉnh của pháp luật, chưa tạo được môi trường thuận lợi cho DN tự do hoạt động trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đ iều đó được chứng minh, qua một thời gian khá dài được ghi nhận tư cách pháp lý là một chủ thể kinh doanh nhưng DN ĐGTS ở Việt Nam vẫn còn "chật vật" tìm hướng đi để khẳng định vị trí, vai trò của mình trong nền kinh tế, quy mô, doanh thu của DN ĐGTS ở Việt Nam chưa thể theo kịp các DN kinh doanh cùng ngành, nghề trên thế giới. Do đó, việc xây dựng các nguyên tắc rõ ràng, logic làm nền tảng, định hướng cho việc rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế pháp lý về DN ĐGTS là vấn đề cần thiết hiện nay.

1.4.2.2 Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu về điều kiện thành lập doanh nghiệp đấu giá tài sản

Câu hỏi nghiên cứu 1: để có đầy đủ tư cách pháp lý bước vào thị trường kinh doanh dịch vụ ĐGTS, thực hiện quyền tự do kinh doanh của một chủ thể kinh doanh và thực hiện tốt vai trò cầu nối của mình, DN ĐGTS cần phải đáp ứng những điều kiện nào?

Giả thuyết nghiên cứu: để thực hiện được vai trò của một tổ chức trung gian chuyên nghiệp, cầu nối giữa người mua và người bán tài sản, đòi hỏi đầu tiên là DN phải được pháp luật công nhận có đầy đủ tư cách pháp lý để bước vào thị trường. ĐGTS là ngành, nghề kinh doanh đặc biệt, nó tác động đến trật tự kinh tế (giá cả thị trường, lợi ích của các bên có liên quan), thế nên, pháp luật đặt ra điều kiện để DN được thành lập và kinh doanh dịch vụ ĐGTS là cần thiết. Trong đó, có những điều kiện, mặc dù khác biệt với pháp luật các nước trên thế giới, nhưng phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội nói chung, thị trường ĐGTS ở Việt Nam nói riêng, cần được tiếp tục duy trì. Tuy nhiên, các điều kiện mà pháp luật hiện hành quy định đối với DN ĐGTS đã hạn chế rất nhiều quyền tự do của DN, can thiệp quá sâu vào hiệu quả hoạt động kinh doanh của DN, vấn đề mà vốn dĩ do thị trường quyết định. Hơn nữa, những điều kiện đó chưa đáp ứng yêu cầu đảm bảo trật tự, an toàn xã hội của ngành, nghề này. Chính vì vậy, hiệu quả điều chỉnh của pháp luật chưa được phát huy và DN ĐGTS ở Việt Nam khó hội nhập vào thị trường ĐGTS đang phát triển sôi động trên thế giới.

Câu hỏi nghiên cứu 2: các điều kiện mà pháp luật đặt ra để DN ĐGTS được thành lập và kinh doanh dịch vụ ĐGTS nhằm mục đích bảo vệ những lợi ích mà Nhà quan tâm, bao gồm cả lợi ích công và lợi ích tư, trong đó có cả lợi ích của chính DN, đồng thời định

hướng cho DN thực hiện hiệu quả vai trò trung gian của mình, nếu DNĐGTS có vi phạm liên quan đến điều kiện mà pháp luật quy định thì chế tài đối với DN là gì?

Giả thuyết nghiên cứu: DN ĐGTS vi phạm các điều kiện mà pháp luật quy định tác động tiêu cực đến vai trò điều tiết kinh tế của Nhà nước, mục đích của Nhà nước khi đặt ra các điều kiện đó khó đạt được. Trường hợp này, như tất cả các DN khác, DN ĐGTS cũng phải chịu các chế tài từ pháp luật. Có hai nhóm chế tài liên quan đến điều kiện thành lập DN ĐGTS, bao gồm xử phạt vi phạm hành chính và thu hồi Giấy đăng ký hoạt động. Về hình thức, các chế tài này khá tương đồng với chế tài đối với các DN khác không hoạt động trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp. Tuy nhiên, mức xử phạt vi phạm hành chính đối với DN ĐGTS nhẹ hơn rất nhiều so với các DN khác, đã tạo ra sự bất bình đẳng giữa các DN cùng hoạt động trong nền kinh tế. Chế tài thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của DN ĐGTS tương đương với chế tài thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký DN đối với các DN khác. Nhưng pháp luật chưa tạo được nền tảng pháp lý đầy đủ, toàn diện để có thể áp dụng chế tài thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của DN ĐGTS triệt để vào thực tế.

1.4.2.3 Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Câu hỏi nghiên cứu 1: trong quan hệ nội bộ, DN ĐGTS được pháp luật ghi nhận các quyền và nghĩa vụ gì để vừa thực hiện quyền tự do kinh doanh tìm kiếm lợi nhuận vừa thực hiện tốt vai trò trung gian của mình?

Giả thuyết nghiên cứu: trong quan hệ nội bộ DN ĐGTS được pháp luật ghi nhận quyền và nghĩa vụ thiết lập cơ cấu tổ chức của DN, quyền và nghĩa vụ của DN đối với ĐGV.

Cơ cấu tổ chức của DN ĐGTS bao gồm cơ cấu tổ chức quản lý và cơ cấu tổ chức các bộ phận chức năng trong DN. Cơ cấu tổ chức của DN ĐGTS ở Việt Nam, xét về phương diện pháp luật điều chỉnh và cả phương diện thực tế, đều bộc lộ những hạn chế nhất định: hạn chế quyền của DN trong lựa chọn cơ cấu tổ chức, chưa tiệm cận với thông lệ quốc tế, chưa phát huy được vai trò đặc trưng của DN, chưa hướng đến mục tiêu lợi nhuận của DN, các bộ phận chức năng giúp việc trong DN chưa được quy định rõ ràng, dẫn đến thực trạng tùy tiện trong tổ chức các bộ phận này trong DN, đặc biệt là bộ phận hỗ trợ, giúp việc cho ĐGV. Trong DN ĐGTS, ĐGV là người tổ chức, điều hành cuộc đấu giá. Để cuộc đấu giá diễn ra thành công, đúng quy định pháp luật thì khâu chuẩn bị trước khi mở cuộc đấu giá đóng vai trò rất lớn: thông báo, niêm yết về việc ĐGTS, tổ chức xem tài sản đấu giá, nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá... Pháp luật không yêu cầu việc thực

hiện các hoạt động chuẩn bị trước khi mở cuộc đấu giá phải do ĐGV đảm nhận. Tuy nhiên, tiêu chuẩn đối với bộ phận giúp việc này chưa được pháp luật quan tâm điều chỉnh. Một số DN tận dụng nguồn nhân lực giúp việc là người thân cận trong gia đình, trong khi những người này hoàn toàn không có kiến thức chuyên môn để có thể thực hiện tốt các công việc trước khi mở cuộc đấu giá. Với cơ cấu tổ chức còn nhiều hạn chế, hiệu quả hoạt động của DN ĐGTS cũng chưa cao.

Giữa DN ĐGTS và ĐGV trong DN tồn tại hai mối quan hệ: quan hệ giữa người sử dụng lao động và người lao động, quan hệ giữa DN và chủ sở hữu DN. Dù là quan hệ nào thì DN ĐGTS đều có quyền trực tiếp quản lý ĐGV trong hoạt động hành nghề đấu giá tại DN, đồng thời DN có nghĩa vụ mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho ĐGV đang hành nghề tại DN. Quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS đối với ĐGV còn sơ sài, thiếu chặt chẽ, dẫn đến hệ quả khó thực thi trên thực tế quyền và nghĩa vụ đó trên thực tế.

Câu hỏi nghiên cứu 2: để đạt được mục đích của một chủ thể kinh doanh trong nền kinh tế và thực hiện tốt vai trò trung gian, kích thích người mua, người bán lựa chọn đấu giá, DN ĐGTS được pháp luật ghi nhận các quyền và nghĩa vụ gì trong quan hệ với các thực thể ngoài DN?

Giả thuyết nghiên cứu: với các thực thể ngoài DN, quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS được pháp luật ghi nhận trong mối quan hệ với Nhà nước, với người có tài sản đấu giá và người tham gia đấu giá.

Bản chất pháp lý của quan hệ giữa DN ĐGTS và Nhà nước là quan hệ giữa chủ thể kinh doanh và người quản lý. Thực hiện vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế, Nhà nước, bằng quyền lực công cộng đặc biệt có quyền yêu cầu DN phải thực hiện một số nghĩa vụ nhất định. Thế nhưng, các nghĩa vụ này cũng phải đảm bảo thực hiện theo chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh mà Chính phủ đã đề ra trong Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020. Bên cạnh các nghĩa vụ của DN đối với Nhà nước, DN còn có quyền được Nhà nước bảo hộ trong kinh doanh, bảo vệ DN đối phó với các tiêu cực, mặt trái của kinh tế thị trường. Tuy nhiên, pháp luật điều chỉnh quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS trong quan hệ với Nhà nước chưa phát huy hiệu quả như mong đợi. Một số nghĩa vụ mà DN phải thực hiện để phục vụ công tác quản lý của Nhà nước rườm rà, phức tạp, cản trở hoạt động kinh doanh của DN.

1.4.2.4 Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu về trách nhiệm pháp lý đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản trong quá trình hoạt động

Câu hỏi nghiên cứu: làm thế nào để phát huy hiệu quả của trách nhiệm pháp lý đối với DN ĐGTS khi DN thực hiện các hành vi mà pháp luật cấm hoặc DN không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ pháp lý của mình?

Giả thuyết nghiên cứu: trong quá trình hoạt động, một mặt DN ĐGTS không được thực hiện những hành vi mà pháp luật cấm, mặt khác DN phải thực hiện các nghĩa vụ pháp lý của mình bằng hành động tích cực, nhằm bảo vệ quyền của những chủ thể khác có liên quan. Các hành vi mà pháp luật cấm DN ĐGTS thực hiện và nghĩa vụ pháp lý của DN ĐGTS đều có ý nghĩa định hướng cho DN thực hiện tốt vai trò trung gian của mình cũng như đảm bảo việc kiểm soát, điều tiết của Nhà nước đối hoạt động của DN trong giới hạn nhất định. Do đó, khi DN thực hiện những hành vi mà pháp luật cấm hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ pháp lý của mình, DN phải chịu các biện pháp tác động bất lợi thông qua trách nhiệm pháp lý. Bên cạnh mục đích trừng phạt, trách nhiệm pháp lý còn có mục đích răn đe, uốn nắn, phòng ngừa các chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Để phát huy các mục đích đó, trách nhiệm pháp lý phải tương xứng với mức độ, tính chất nguy hiểm của hành vi. Trong quá trình hoạt động, DN ĐGTS chỉ bị áp dụng trách nhiệm pháp lý khi DN thực hiện các hành vi mà pháp luật cấm hoặc DN không thực hiện các nghĩa vụ mà pháp luật đã quy định. LĐGTS quy định bốn nhóm trách nhiệm pháp lý đối với DN ĐGTS trong quá trình hoạt động của DN, bao gồm: xử phạt vi phạm hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự, bồi thường thiệt hại và thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của DN. Trong đó, để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với DN ĐGTS cần phải áp dụng Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của DN ĐGTS nói riêng, pháp nhân thương mại nói chung được quy định trong Bộ luật Hình sự lại không có tội phạm liên quan đến hoạt động ĐGTS. Đây vừa là sự không thống nhất giữa LĐGTS và Bộ luật Hình sự, vừa cho thấy một thực trạng chế tài đối với DN ĐGTS hiện chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi của DN gây ra cho các bên có liên quan và cho xã hội. Do đó, nó chưa đủ sức răn đe DN thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật. Các quy định pháp luật về chế tài xử phạt vi phạm hành, bồi thường thiệt hại và thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của DN ĐGTS chưa đầy đủ, toàn diện, dẫn đến hệ quả thiếu cơ sở, nền tảng pháp lý để xử lý các hành vi vi phạm của DN trên thực tế.

Các nội dung được nghiên cứu trong Luận án sẽ tập trung giải quyết các câu hỏi nghiên cứu trên dựa trên nền tảng giả thuyết nghiên cứu được đề ra. Từ đó, Luận án định

hướng sửa đổi, bổ sung hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh đối với DN ĐGTS ở Việt Nam trong thời gian tới. Hướng tới thực hiện quan điểm chỉ đạo của Đảng: xã hội hóa các hoạt động bổ trợ tư pháp[96], trong đó có ĐGTS, thu hút nhà đầu tư đầu tư vào lĩnh vực này, thúc đẩy hoạt động ĐGTS phát triển mạnh mẽ ở Việt Nam và vươn tầm hội nhập thị trường ĐGTS sôi động trên thế giới.

[96] Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Nghiên cứu các nội dung tại Chương này, NCS rút ra các kết luận sau:

1. Đấu giá tài sản là đối tượng đã được nghiên cứu bởi nhiều công trình khoa học của các tác giả cả trong và ngoài nước, cả về phương diện lý luận và thực tiễn. Các vấn đề lý luận về khái niệm, đặc điểm, vai trò, bản chất của ĐGTS và các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả ĐGTS nói cung, đấu giá các tài sản cụ thể nói riêng, cũng đã được nghiên cứu, khai thác khá nhiều. Thông qua các công trình đó, DN ĐGTS - một trong các chủ thể thực hiện ĐGTS cũng được khai thác, nghiên cứu ở một vài khía cạnh, như khái niệm, điều kiện thành lập DN ĐGTS, chế tài đối với DN ĐGTS. Tuy nhiên, các nghiên cứu chỉ dừng lại ở mức độ tiếp cận các quy định của pháp luật và chưa có chiều sâu. Các nhận định, đánh giá và đề xuất hoàn thiện pháp luật về điều kiện thành lập DN ĐGTS đã được LĐGTS ghi nhận. Chế tài đối với DN ĐGTS chủ yếu được tiếp cận ở phương diện chế tài xử phạt vi phạm hành chính nhưng cũng chỉ được nghiên cứu trong phạm vi rất hẹp.

2. Có thể khẳng định, chưa có công trình nào nghiên cứu toàn diện, có hệ thống quy chế pháp lý về DN ĐGTS. Việc nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh DN ĐGTS chưa nhận được sự quan tâm, nghiên cứu của các tác giả. Đây chính là khoảng trống cần được khai thác trong nghiên cứu khoa học pháp lý ở Việt Nam hiện nay.

3. Việc tìm hiểu, đánh giá các công trình nghiên cứu đã được công bố có ý nghĩa giúp NCS kế thừa các kết quả đạt được, những ưu điểm cũng như khắc phục được các khuyết điểm và nhận diện được các nội dung chưa được nghiên cứu trong các công trình đó. Từ đó, đảm bảo các nội dung được nghiên cứu trong Luận án này là những khía cạnh mới, không trùng lắp với ý tưởng của các công trình đã công bố, các nhận định, đánh giá, giải pháp trong Luận án là kết quả từ quá trình dày công nghiên cứu, tư duy của chính NCS. Luận án này được thực hiện nhằm đóng góp một phần nhỏ vào việc xây dựng nền tảng lý luận và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quy chế pháp lý về DN ĐGTS ở Việt Nam.

CHƯƠNG 2
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN VÀ QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

2.1 KHÁI QUÁT VỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

2.1.1 Khái niệm đấu giá tài sản

Trên thế giới, đấu giá có lịch sử hình thành khá lâu, vào khoảng năm 500 trước công nguyên tại Ba-by-lon[97]. Ngày nay, đấu giá đã trở thành một hoạt động phổ biến, đáng tin cậy, đóng vai trò trung gian trong mua, bán hàng hóa, tài sản. Với sự phát triển vượt bậc của khoa học công nghệ, hoạt động đấu giá trực tuyến ngày càng phát triển sôi nổi, việc tham gia đấu giá để mua được tài sản không còn giới hạn trong phạm vi biên giới quốc gia và cũng không còn là vấn đề quá khó khăn. ĐGTS là hình thức chuyển quyền sở hữu tài sản ngày càng phổ biến vì những lợi ích nhất định mà nó mang lại. Theo đó, có nhiều quan điểm về đấu giá:

> Từ "đấu giá" có nguồn gốc từ tiếng Latinh "auctio" có nghĩa là tăng lên. Đấu giá là quá trình bắt đầu từ những lời chào mời công khai đến khi kết thúc việc mua tài sản bằng những đề nghị trả giá tăng dần thành công[98].

Tài liệu tham khảo sớm nhất về thuật ngữ "đấu giá" là Từ điển tiếng Anh Oxford năm 1595, theo đó, đấu giá là một cuộc bán công khai trong đó thứ được đem đấu giá sẽ được bán cho người mang lại nhiều tiền nhất cho chúng.

Theo Paul R. Milgrom, đấu giá là một trong các thể chế kinh tế tồn tại lâu đời nhất[99]. Người Ba-by-lon bán đấu giá vợ, người Hy Lạp cổ đại đấu giá nhượng quyền khai thác mỏ bên cạnh các cuộc đấu giá nô lệ nổi tiếng của họ, người La Mã bán đấu giá mọi thứ từ chiến lợi phẩm của chiến tranh đến tài sản của con nợ. Đấu giá dần dần phát triển với những hình thức, phương pháp khác nhau ở các khu vực trên thế giới, cụ thể là Châu Âu, những cuộc buôn bán nô lệ ở vùng Ca-ri-bê, cuộc chiến đấu giá ở thế kỷ XIX ở Anh và Hoa Kỳ[100].

Một quan điểm khác cho rằng "đấu giá là phương pháp xác định giá trị món hàng và tuân theo quy luật giá trị"[101]. Hay:

---

[97] Brian Learmount (1985). *A history of the auction.* Barnard & Learmont publisher, Frome and London, trang 5.
[98] Brian Learmount, tlđd (97), trang 6
[99] Paul R. Milgrom (1985). Auction Theory, *The Fifth World Congress of the econometric society,* Massachusetts Institute of Technology, 17-23/8/1985, trang 1
[100] Brian Learmount, tlđd (97), trang 2
[101] Vijay Krishna, tlđd (4), trang 118

> Đấu giá là phương pháp xác định giá trị của một hàng hoá có mức giá không thể xác định hoặc biến đổi quá nhiều. Thông qua đấu giá, người mua người bán có thể mua và bán được hàng hoá gần đúng với giá trị của hàng hoá đó[102].

Theo Günter Knieps: đấu giá là "một cơ chế thị trường, bằng quy tắc rõ ràng, chuyển giá được đưa ra của những người chơi trên thị trường thành một sự phân bổ nguồn lực"[103].

Caroline Banton cho rằng: "Đấu giá là một sự kiện bán hàng trong đó người mua tiềm năng trả giá cạnh tranh trên các tài sản hoặc dịch vụ ở hình thức mở hoặc kín"[104].

Đấu giá theo các quan điểm này là một hoạt động kinh tế nhằm tối đa hóa lợi ích của người bán hoặc cả người bán và người mua. Hàng hóa đấu giá có thể là một món hàng không thể phân chia, nhiều đơn vị của cùng một hàng hóa hoặc nhiều món hàng của nhiều hàng hóa khác nhau. Những người tham gia trong một cuộc đấu giá bao gồm: ĐGV, người mua, người bán. Trong đó, ĐGV là người điều hành cuộc đấu giá, người mua là người trả giá để mua hàng hóa và người bán là người muốn bán hàng hóa thuộc sở hữu của mình. Trên thế giới hiện nay có đa dạng các kiểu đấu giá: đấu giá đồng hồ - clock auction, đấu giá kết hợp - combinatorial auction, đấu giá kiểu Hà Lan - Dutch auction, đấu giá kiểu Anh - English auction, đấu giá theo giá đầu tiên - first-price auction, đấu giá theo giá đã trả - pay-as-bid auction, đấu giá tối ưu - optimal auction, đấu giá theo giá thứ hai - second-price auction, đấu giá tăng dần đồng thời - simultaneous ascending auction, đấu giá theo giá đồng nhất - uniform-price auction, đấu giá Vickrey - Vickrey auction[105].

Bên cạnh đó, ở Việt Nam cũng có không ít quan điểm về đấu giá, bán ĐGTS, ĐGTS với nội hàm không có nhiều khác biệt:

> Đấu giá là hình thức bán những hàng hóa hoặc tài sản thường thuộc loại đắt tiền, hàng quý hiếm. Người bán đặt mức giá chuẩn, những người mua trả giá từ thấp đến cao, hàng hóa được bán cho người mua trả cao nhất[106].

"Đấu giá là bán theo phương thức để cho những người mua trả giá công khai, ai trả giá cao nhất thì bán"[107] hay ĐGTS là "hình thức bán tài sản thông qua thủ tục trả giá

[102] Cramton, Y. Shoham và R. Steinberg (editors), tlđd (6), trang 29-45
[103] Günter Knieps, tlđd (7), trang 87
[104] Caroline Banton, tlđd (9)
[105] Lawrence M. Ausubel (2003*). New Economy Handbook*. Elsevier Science publisher, USA. Trang 124-125
[106] Trung tâm biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam, tlđd (12), trang 136
[107] Nguyễn Như Ý (chủ biên-1999). *Đại từ điển tiếng Việt.* Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội. Trang 95

công khai giữa nhiều người muốn mua và người trả giá cao nhất là người được quyền mua tài sản"[108].

Theo Davis W. Pearce: đấu giá là một thị trường trong đó người mua tiềm tàng đặt giá cho hàng hóa chứ không phải đơn thuần trả giá theo giá công bố của người bán"[109].

Các tác giả của Trường Đại học Luật Hà Nội cho rằng: "bán đấu giá tài sản là hình thức mua - bán tài sản công khai, người trả giá cao nhất là người mua được tài sản, theo trình tự, thủ tục luật định"[110]. Hay: "Thông qua hình thức bán đấu giá tài sản, quyền lợi của người có tài sản được thỏa mãn một cách tốt nhất, còn người mua sẽ mua được tài sản với giá cả phù hợp, các quyền lợi của người mua liên quan đến tài sản đã mua được đáp ứng một cách nhanh chóng"[111].

Tác giả Nguyễn Mạnh Cường đưa ra quan điểm về "đấu giá hàng hóa":

> Đấu giá hàng hóa là một hình thức mua bán đặc biệt, theo đó, người mua tự trả giá dựa trên giá khởi điểm do bên bán đưa ra. Người nào trả giá cao nhất sẽ được quyền mua hàng hóa đấu giá. Đấu giá được tổ chức công khai theo những nguyên tắc và trình tự, thủ tục nhất định[112].

Tác giả Nguyễn Thị Thu Hồng có quan điểm về đấu giá tài sản công:

> Đấu giá tài sản công là hình thức mua bán tài sản công đặc biệt qua tổ chức trung gian, được tổ chức công khai theo những nguyên tắc, trình tự và thủ tục luật định nhằm thu hút nhiều người tham gia cạnh tranh trả giá. Người trả giá cao nhất và không thấp hơn giá do người có tài sản đấu giá đã định ra là người trúng đấu giá tài sản công"[113].

Quan điểm của các tác giả thuộc Viện Khoa học pháp lý:

> Bán đấu giá tài sản là một hình thức bán tài sản đặc biệt để người mua tự trả giá, không thấp hơn giá thấp nhất do người bán đưa ra. Người nào trả giá cao nhất sẽ được quyền mua bán tài sản đấu giá. Bán đấu giá được tổ chức công khai, theo những nguyên tắc, trình tự và thủ tục nhất định[114].

Theo tác giả Nguyễn Thị Hương Giang:

> Bán đấu giá tài sản là quá trình người có tài sản thực hiện các thủ tục đưa tài sản ra để đấu giá công khai tại tổ chức đấu giá theo trình tự, thủ tục luật định.

[108] Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp, tlđd (13), trang 240
[109] Davis W. Pearce, tlđd (14), trang 102
[110] Trường Đại học Luật Hà Nội, tlđd (15), trang 114
[111] Trường Đại học Luật Hà Nội, tlđd (16), trang 151
[112] Nguyễn Mạnh Cường, tlđd (18), trang 15
[113] Nguyễn Thị Thu Hồng, tlđd (21), trang 27
[114] Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp, tlđd (23), trang 17

> Người có tài sản đấu giá được lựa chọn tổ chức đấu giá để thực hiện việc bán tài sản. Phải có ít nhất 02 người tham gia đấu giá và người tham gia đấu giá có giá trả cao nhất hoặc ít nhất bằng giá khởi điểm là người trúng đấu giá. Thông qua tổ chức đấu giá, người có tài sản đấu giá chuyển quyền sở hữu, bàn giao tài sản cho người mua được tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật[115].

Tác giả Đoàn Văn Hường cho rằng:

> Đấu giá là hình thức bán tài sản công khai để cho nhiều người có thể được tham gia trả giá mua một tài sản... Thông qua hình thức bán đấu giá tài sản, quyền lợi của người có tài sản được thỏa mãn một cách tốt nhất, còn người mua sẽ mua được tài sản với giá cả phù hợp, các quyền lợi của người mua liên quan đến tài sản đã mua được đáp ứng một cách nhanh chóng[116].

Ngoài ra còn có khái niệm về "đấu giá quyền sử dụng đất":

> Đấu giá quyền sử dụng đất để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất là một phương thức định đoạt tài sản của chủ sở hữu, là hình thức mua bán tài sản đặc biệt, được tổ chức công khai giữa một bên là các cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất với một bên là tổ chức cá nhân có nhu cầu sử dụng đất. Theo đó những người muốn được nhận quyền sử dụng đất tham gia trả giá từ thấp đến cao theo trình tự, thủ tục nhất định. Người trả giá cao nhất và ít nhất bằng giá khởi điểm là người có quyền sử dụng đất đấu giá[117].

Các quan điểm, khái niệm về "đấu giá", "đấu giá tài sản" cũng như "bán đấu giá tài sản" của các tác giả trong và ngoài nước đều có điểm chung là nêu bật lên được các đặc tính của ĐGTS đó là tính công khai, minh bạch của tài sản được đấu giá và cuộc đấu giá và tính cạnh tranh trong trả giá. Xét cho cùng, đấu giá là một phương thức để bán tài sản. Nhưng nó là phương thức đặc biệt, trong đó người bán chỉ có một và người mua tiềm năng không hạn chế. Việc tổ chức đấu giá có thể do chính người bán, với tư cách là chủ sở hữu tài sản, đứng ra thực hiện hoặc thông qua một bên trung gian chuyên nghiệp. Để đấu giá phát huy vai trò tích cực của nó thì người tổ chức đấu giá phải có khả năng tập hợp càng nhiều người mua tiềm năng càng tốt. Chính vì vậy, đấu giá cần được tổ chức thông qua một đơn vị trung gian chuyên nghiệp với các chuyên gia có kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng tập hợp người mua tiềm năng. Người tham gia đấu giá, dựa trên các quy

[115] Lê Thị Hương Giang, tlđd (25), trang 30
[116] Đoàn Văn Hường, tlđd (27), trang 25
[117] Đặng Thị Bích Liễu, tlđd (28), trang 24; Trần Tiến Hải, tlđd (28), trang 26

luật cạnh tranh, cung cầu, giá trị, cùng tìm ra giá trị thực của tài sản đấu giá. Đối tượng được bán đấu giá sẽ được bán cho người trả giá cao nhất trên nguyên tắc thỏa mãn lợi ích của cả người mua và người bán.

Bản chất của đấu giá là hợp đồng, trong đó, các bên tham gia có sự bất cân xứng thông tin. Người bán biết rất rõ về tài sản đấu giá còn người mua bị hạn chế rất nhiều thông tin, do đó, cũng tồn tại nhiều rủi ro đối với người mua. Bên cạnh đó, người bán cũng có rủi ro nếu xảy ra tình trạng thông đồng, dìm giá giữa những người tham gia đấu giá. Nếu đơn vị trung gian là người tổ chức đấu giá, với các ĐGV chuyên nghiệp, được đào tạo cả về kỹ năng và kiến thức, việc lựa chọn kiểu đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá và nhận diện các rủi ro, tiêu cực của từng kiểu đấu giá, đấu giá sẽ hiệu quả hơn.

Bên cạnh các quan điểm lý luận, dưới góc độ pháp lý, trên thế giới, khái niệm "bán đấu giá" thường được quy định trong những điều luật cụ thể. Luật về Bán đấu giá tài sản của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định: "bán đấu giá là hình thức bán và mua tài sản công khai, theo đó các tài sản và quyền tài sản được bán cho người trả giá cao nhất"[118].

Đấu giá là một trong các hình thức bán hàng hóa được quy định trong Bộ luật Thương mại thống nhất Hoa Kỳ. Bộ luật này không đưa ra khái niệm cụ thể về đấu giá mà xác định thời điểm kết thúc cuộc đấu giá. Theo đó, việc bán đấu giá hoàn tất khi người điều hành cuộc đấu giá tuyên bố bằng cách hạ búa hoặc cách thông thường khác[119]. Đồng thời Bộ luật Thương mại thống nhất Hoa Kỳ cũng chỉ quy định về nguyên tắc đối với hai hình thức đấu giá là đấu giá có bảo lưu (auction with reserve) và đấu giá không có bảo lưu (auction without reserve). Trong cuộc đấu giá có bảo lưu, người điều hành đấu giá có thể rút lại hàng hóa bất cứ lúc nào cho đến khi tuyên bố bán xong. Trong cuộc đấu giá không có bảo lưu, sau khi người điều hành đấu giá kêu gọi trả giá cho một món hàng riêng lẻ hoặc một lô hàng thì món hàng hoặc lô hàng đó không thể rút lại trừ khi không có bất kỳ người nào trả giá trong thời gian hợp lý. Trong cả hai hình thức đấu giá này, người tham gia đấu giá có thể rút lại giá thầu của mình bất cứ lúc nào cho đến khi người điều hành đấu giá tuyên bố hoàn tất việc bán hàng. Việc rút lại giá thầu sẽ không làm hồi sinh bất kỳ giá thầu nào trước đó[120]. Trên cơ sở nguyên tắc chung được quy định trong Bộ luật Thương mại thống nhất, các tiểu bang ban hành các quy định về đấu giá áp dụng tại tiểu bang. Theo đó, Quy định về nghề nghiệp và việc làm trong các Đạo luật của

[118] Điều 3 Luật về Bán đấu giá tài sản của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa
[119] Điều 2-328 (2) Bộ luật Thương mại thống nhất Hoa Kỳ
[120] Điều 2-328 (3) Bộ luật Thương mại thống nhất Hoa Kỳ

Florida (Hoa Kỳ) đưa ra khái niệm "bán đấu giá tuyệt đối" là "cuộc bán đấu giá không yêu cầu giá khởi điểm tối thiểu mà hàng hóa sẽ được bán cho người trả giá cao nhất"[121]. Đạo luật giấy phép đấu giá viên của Alabama (Hoa Kỳ) đưa ra khái niệm: "bán đấu giá là việc bán công khai một tài sản cho người trả giá cao nhất"[122]. Theo Bộ luật Việc làm của Texas (Hoa Kỳ): "đấu giá là việc bán tài sản bằng giá cạnh tranh sử dụng bất kỳ phương thức, hình thức hoặc địa điểm nào"[123].

Có thể thấy, các quan điểm pháp lý trên cũng xem đấu giá là một hình thức mua bán tài sản và đặc điểm của hình thức mua bán này là tính công khai khi thực hiện đấu giá và tính cạnh tranh trong trả giá giữa những người tham gia đấu giá. Thông qua trả giá cạnh tranh của những người tham gia đấu giá, tài sản đấu giá được bán với giá cao nhất. Tuy nhiên, các quan điểm pháp lý này chưa thể hiện rõ bản chất của đấu giá, cũng không xác định rõ, người trả giá cao nhất là người mua được tài sản đấu giá, nhưng quan hệ mua bán này được xác lập với chủ sở hữu tài sản hay với người tổ chức đấu giá.

Song song đó, đấu giá cũng được nhận diện bản chất pháp lý là quan hệ hợp đồng. Cụ thể, Đạo luật đăng ký đấu giá viên của Washington (Hoa Kỳ) quy định: "Đấu giá nghĩa là một giao dịch được thực hiện bằng phương thức trao đổi giữa đấu giá viên và các thành viên tham gia đấu giá, trong đó, đấu giá viên đưa ra các lời mời chào mua hàng hóa, tài sản, các thành viên tham gia đấu giá tiến hành trả giá, mức giá cao nhất hoặc có lợi nhất sẽ được chấp nhận"[124]. Quy định này cho thấy ĐGV là người đưa ra lời mời chào mua hàng hóa, tài sản, người tham gia đấu giá đưa ra đề nghị giao kết hợp đồng thông qua việc trả giá. Đề nghị giao kết hợp đồng với mức giá cao nhất được ĐGV chấp nhận. Cũng theo quy định này, các bên tham gia hợp đồng mua bán tài sản thông qua đấu giá là ĐGV và người trả giá cao nhất.

Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp có khái niệm: đấu giá là hoạt động liên quan đến một bên thứ ba, đóng vai trò là đại lý chủ sở hữu hoặc đại diện của chủ sở hữu, để chào bán và trao tài sản cho người trả giá cao nhất khi kết thúc quy trình trả giá cạnh tranh, công khai và minh bạch. Người trả giá cao nhất có được tài sản đã bán vì lợi ích của mình[125]. Đấu giá công khai ở Pháp phải được thực hiện bởi bên thứ ba, là các chuyên gia đấu giá, công chứng viên hoặc thừa phát lại[126]. Việc mua bán tài sản sẽ kết thúc khi xác định được người trả giá cao nhất thông qua việc trả giá công khai, minh bạch và cạnh

[121] Khoản 8 Điều 468.382 Quy định về nghề nghiệp và việc làm trong các Đạo luật của Florida (Hoa Kỳ)
[122] Khoản 1 mục 34-4-4 Điều 2 Đạo luật giấy phép đấu giá viên của Alabama (Hoa Kỳ)
[123] Khoản 3 Mục 1802.001 Bộ luật Việc làm của Texas (Hoa Kỳ)
[124] Khoản 2 Điều 18.11.050 RCW Đạo luật đăng ký đấu giá viên của Washington (Hoa Kỳ)
[125] Điều L320-1 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp
[126] Điều L321-2, Điều L321-4 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp

tranh. Quan hệ mua bán và chuyển giao tài sản được xác lập giữa người tổ chức đấu giá và người trả giá cao nhất.

Ở Việt Nam, hoạt động ĐGTS đã hình thành từ thời kỳ Pháp thuộc, do các hỗ giá viên thực hiện. Sau Cách mạng tháng Tám, Bộ Tư pháp ban hành Nghị định 37-TP ngày 30/11/1945 quy định về tổ chức Bộ Tư pháp (sau đây gọi tắt là Nghị định 37-TP), chức danh hỗ giá viên tiếp tục được ghi nhận, nguyên tắc đấu giá tạm giữ như thời kỳ trước. Sau đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành Sắc lệnh 85/SL ngày 22/5/1950 quy định về việc phát mại tài sản theo lệnh của Tòa án và Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư 04-NCLP ngày 14/4/1966 quy định về việc Tòa án kê biên, phát mại tài sản để thi hành án, do đó, hoạt động ĐGTS thời kỳ này chủ yếu liên quan đến vấn đề phát mại tài sản để thi hành án. Đến năm 1989, Hội đồng nhà nước ban hành Pháp lệnh Thi hành án dân sự, trong đó có một số quy định về trình tự, thủ tục ĐGTS đã kê biên để thi hành án. Bộ luật Dân sự năm 1995 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 28/10/1995 có quy định về bán ĐGTS và giao cho Chính phủ ban hành quy chế bán ĐGTS. Trên cơ sở đó, Chính phủ ban hành Nghị định số 86-CP ngày 19/12/1996. Từ đây, ĐGTS đã được ghi nhận là một ngành, nghề kinh doanh với sự tham gia của các DN của tư nhân. Khái niệm "bán đấu giá tài sản" cũng lần đầu tiên được chính thức ghi nhận trong Nghị định này. Theo đó: "Bán đấu giá là hình thức bán tài sản công khai mà có nhiều người muốn mua tham gia trả giá theo thủ tục được quy định tại Quy chế này; người trả giá cao nhất và ít nhất bằng giá khởi điểm là người được mua tài sản bán đấu giá đó"[127]. Ngày 18/01/2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 05/2005/NĐ-CP thay thế Nghị định 86-CP. Khái niệm "bán đấu giá tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 05/2005/NĐ-CP về bản chất không có gì thay đổi so với Nghị định số 86-CP, theo đó: "Bán đấu giá tài sản là hình thức bán tài sản công khai, có từ hai người trở lên tham gia đấu giá theo nguyên tắc và thủ tục được quy định tại Nghị định này". Nghị định số 05/2005/NĐ-CP được thay thế bởi Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010. Theo đó:

> Bán đấu giá tài sản là hình thức bán tài sản công khai theo phương thức trả giá lên, có từ hai người trở lên tham gia đấu giá theo nguyên tắc và trình tự, thủ tục được quy định tại Nghị định này. Phương thức trả giá lên là phương thức trả giá từ thấp lên cao cho đến khi có người trả giá cao nhất[128].

Có thể thấy, các văn bản pháp luật trước đây ở Việt Nam chỉ ghi nhận một phương thức trong đấu giá là trả giá lên (đấu giá kiểu Anh), trong khi đó, trên thế giới, phương

[127] khoản 1 Điều 2 Quy chế bán đấu giá tài sản (ban hành kèm theo Nghị định 86-CP)
[128] Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP

thức đấu giá ngược (đấu giá kiểu Hà Lan) đã tồn tại từ rất lâu. Hơn nữa, các văn bản pháp luật điều chỉnh chính thức về bán ĐGTS này lại chưa thống nhất với các văn bản khác cùng thời gian có hiệu lực và cũng có điều chỉnh hoạt động này, chẳng hạn như Luật Thương mại năm 2005 quy định phương thức đấu giá hàng hóa bao gồm trả giá lên và đặt giá xuống[129].

Khắc phục những hạn chế đó, đồng thời tiếp thu các phương thức đấu giá nổi tiếng trên thế giới, văn bản Luật đầu tiên điều chỉnh chính thức đối với ĐGTS ở Việt Nam - Luật Đấu giá tài sản được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 17/11/2016, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2017. Khi đó, Luật không còn đưa ra khái niệm "bán đấu giá tài sản" như các Nghị định trước đây mà thay vào đó là khái niệm "đấu giá tài sản". Xét về bản chất, ĐGTS hay bán ĐGTS đều là quan hệ mua bán, tài sản luôn được bán cho người trả giá cao nhất dù được thực hiện bởi phương thức trả giá lên hay đặt giá xuống. Tuy nhiên, khi soạn thảo LĐGTS, Ban soạn thảo đã đưa ra quan điểm khái niệm "đấu giá tài sản" chỉ bao gồm trình tự, thủ tục mà tổ chức ĐGTS thực hiện để bán tài sản còn những vấn đề trước hoặc sau đó không thuộc nội hàm của khái niệm này, chẳng hạn như việc quyết định đưa tài sản ra bán đấu giá, xác định giá khởi điểm, giám định tài sản hay vấn đề chuyển quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá. LĐGTS có ý nghĩa là luật hình thức điều chỉnh về trình tự, thủ tục đấu giá còn những vấn đề trước hoặc sau đó sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành, như Luật Đất đai, Luật Thi hành án dân sự, Luật Xử lý vi phạm hành chính,... Theo đó: "đấu giá tài sản là hình thức bán tài sản có từ hai người trở lên tham gia đấu giá theo nguyên tắc, trình tự và thủ tục được quy định tại Luật này"[130]. Một điểm khác biệt giữa LĐGTS và các Nghị định trước đây là trong khái niệm "đấu giá tài sản", Luật đã đề cập trường hợp đấu giá chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá, một người tham gia đấu giá, một người trả giá, một người chấp nhận giá. Trong khái niệm mà Luật đưa ra, ĐGTS là hình thức bán tài sản có từ hai người trở lên tham gia đấu giá giá nhưng tại Điều 49 của Luật có đề cập đến trường hợp đấu giá chỉ có một người. Các khái niệm trong các Nghị định trước đều không đề cập đến vấn đề này, trong khi trong nội dung của các văn bản này đều đã dự trù được trường hợp đấu giá chỉ có một người (bắt đầu từ Nghị định 05/2005/NĐ-CP)[131].

Bên cạnh LĐGTS, các văn bản pháp luật khác cũng điều chỉnh đối với hoạt động này, chẳng hạn như Luật Thương mại, Luật Thi hành án dân sự, Bộ luật Dân sự, Luật Đất

[129] Khoản 2 Điều 185 Luật Thương mại năm 2005
[130] Khoản 2 Điều 5 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[131] Điều 19 Nghị định 05/2005/NĐ-CP và Điều 37 Nghị định 17/2010/NĐ-CP

đai, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Khoáng sản,... Trong đó, khái niệm "đấu giá" cũng được Luật Thương mại ghi nhận nhưng đối tượng của đấu giá theo quy định của Luật Thương mại là hàng hóa, vì thế, Luật chỉ đưa ra khái niệm "đấu giá hàng hóa". Theo đó: "đấu giá hàng hoá là hoạt động thương mại, theo đó người bán hàng tự mình hoặc thuê người tổ chức đấu giá thực hiện việc bán hàng hoá công khai để chọn người mua trả giá cao nhất"[132]. Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đưa ra khái niệm ĐGTS công: "đấu giá tài sản công là hình thức bán tài sản công theo nguyên tắc và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản"[133]. Luật Đất đai quy định về đấu giá quyền sử dụng đất, Luật Thi hành án dân sự quy định về bán ĐGTS kê biên, Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định về bán đấu giá đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, Luật Khoáng sản quy định về bán đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Bộ luật Dân sự quy định về bán ĐGTS bảo đảm và tài sản bán đấu giá theo ý chí tự nguyện của chủ sở hữu. Tuy nhiên, các văn bản này không đề cập đến khái niệm "đấu giá tài sản".

Mục đích của đấu giá dù ở phương diện nào cũng là để tìm kiếm người trả giá cao nhất trong số những người mua tiềm năng. Đấu giá với ý nghĩa tích cực của nó là nhằm tối đa hóa lợi ích của người bán. Tuy nhiên, như vậy không có nghĩa người mua phải chịu thiệt thòi. Bởi trước khi quyết định trả giá cạnh tranh để mua được tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá đã có đánh giá nhất định về giá trị của tài sản kết hợp với mong muốn, nguyện vọng của mình. ĐGTS là một trong các hình thức mua bán tài sản, quan trọng hơn hết, nó là hình thức mua bán tài sản mang lại lợi ích cho cả người mua và người bán. ĐGTS cũng tiềm ẩn không ít các nguy cơ, tiêu cực, những mặt trái không mong muốn, như tình trạng thông đồng, dìm giá, "sân sau", "quân xanh", "quân đỏ",... Đấu giá có thể được xem như một trò chơi. Tham gia vào trò chơi này, người chơi đòi hỏi phải có những am hiểu, kiến thức nhất định về tài sản đấu giá, về giá cả thị trường, về các quy luật của kinh tế thị trường.

Đối với Nhà nước, ĐGTS là một trong các công cụ để Nhà nước thực hiện chức năng quản lý, điều tiết nền kinh tế vĩ mô. Thông qua đấu giá, Nhà nước minh bạch hóa việc mua bán tài sản, đặc biệt là những tài sản bắt buộc phải bán thông qua đấu giá, như đấu giá tài sản công, đấu giá quyền sử dụng đất để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất,... ĐGTS còn nhằm mục đích huy động các nguồn lực cùng chung tay với Nhà nước thực hiện các mục tiêu xã hội, phục vụ cộng đồng. Bởi lẽ, Chính phủ sở

[132] Khoản 1 Điều 185 Luật Thương mại năm 2005
[133] Khoản 7 Điều 3 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017

hữu nhiều tài sản có tầm quan trọng đối với xã hội: quang phổ, tần số vô tuyến, cơ sở hạ tầng công cộng,... Trong nhiều trường hợp, Chính phủ phải lựa chọn một hoặc nhiều công ty tư nhân để sử dụng các tài sản này một cách thích hợp nhằm phục vụ người tiêu dùng, phục vụ lợi ích công cộng[134]. Đấu giá, khi đó, vừa là cầu nối giữa Nhà nước và các chủ thể tư nhân cùng thực hiện các mục tiêu xã hội, vì lợi ích cộng đồng, vừa là kênh đầu tư để nhà đầu tư tham gia vào các dự án lớn, mang đến lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Mặt khác, như các nước trên thế giới, ở Việt Nam, ĐGTS là một ngành, nghề kinh doanh trong hệ thống ngành kinh tế[135]. Chính vì vậy, kinh doanh ĐGTS phải là các chủ thể kinh doanh, mà ở Việt Nam là DN ĐGTS. Là một hình thức mua bán tài sản, đồng thời là một ngành, nghề kinh doanh, ĐGTS được tổ chức hiệu quả sẽ mang lại lợi ích cho người bán, người mua và cả DN ĐGTS. Từ đó, khẳng định được vị thế, vai trò của ĐGTS đối với sự phát triển của nền kinh tế.

Với phạm vi và mục tiêu nghiên cứu là xoay quanh các vấn đề liên quan đến DN ĐGTS nên NCS tiếp cận khái niệm "đấu giá tài sản" ở phương diện là phương thức mua bán tài sản thông qua trung gian mà trong đó DN đấu giá là một trong những chủ thể thực hiện vai trò trung gian đó để bán tài sản. Trên cơ sở kế thừa nền tảng lý luận từ các công trình nghiên cứu đã công bố, NCS đưa ra khái niệm "đấu giá tài sản" như sau: *đấu giá tài sản là hình thức mua bán tài sản khách quan, công khai, minh bạch, dựa trên các quy luật kinh tế thị trường, thông qua đơn vị trung gian chủ yếu là các doanh nghiệp chuyên nghiệp, nhằm lựa chọn được người mua tài sản là người trả giá cao nhất trong số những người mua tiềm năng và đã thanh toán đầy đủ giá bán tài sản theo nguyên tắc tương ứng với từng kiểu đấu giá, được thể hiện trong hợp đồng mua bán tài sản đấu giá.*

2.1.2 Bản chất pháp lý của đấu giá tài sản

Đấu giá tài sản được tiếp cận ở nhiều phương diện, do đó, cũng có khá nhiều quan điểm về bản chất của đấu giá. Theo đó: "Bản chất của đấu giá là một sự so sánh dứt khoát, rõ ràng giữa các giá được trả"[136]. Đấu giá "có bản chất kinh tế (chịu tác động của quy luật cung - cầu) và bản chất pháp lý có thể là hành vi dân sự thông thường hoặc một hoạt động thương mại độc lập của thương nhân"[137]. "Bản chất của bán đấu giá tài sản là quan hệ dân sự về mua bán tài sản thông qua hình thức đấu giá nhằm bán được tài sản với

[134] Maarten Janssen (2004). *Auctioning Public Assets, Analysis and Alternatives*. Cambridge University Press publisher, UK. Trang 1
[135] Phụ lục I Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ
[136] Truman F. Bewley, tlđd (3), trang 2
[137] Trường Đại học Luật Hà Nội, tlđd (22), trang 177-178

giá cao nhất"[138]. Đấu giá là quan hệ mua bán tài sản, "là một dịch vụ tìm kiếm người mua tài sản cho người bán theo trình tự, thủ tục luật định"[139]. Đặc điểm chung của các quan điểm này là tài sản luôn được bán cho người trả giá cao nhất thông qua sự so sánh các giá được trả. Để có được nhiều sự lựa chọn, đòi hỏi việc tổ chức đấu giá phải thu hút được nhiều người tham gia. Hiện nay, với sự chuyên nghiệp và hiệu quả trong tổ chức ĐGTS, DN ĐGTS thường dành được sự quan tâm lựa chọn của người có tài sản đấu giá.

Để xác định rõ bản chất pháp lý của đấu giá cần đặt đấu giá vào vị trí trung tâm giữa các chủ thể có liên quan đến đấu giá. Có quan điểm cho rằng "bản chất quan hệ đấu giá là quan hệ hợp đồng thông qua một tổ chức đấu giá trung gian"[140]. Khi nhận diện về chủ thể và quan hệ giữa các chủ thể trong hoạt động ĐGTS, các tác giả Đào Ngọc Báu và Lê Quang Hòa cho rằng trong ĐGTS có bốn nhóm chủ thể: người có tài sản đấu giá, DN ĐGTS, người tham gia đấu giá và người trúng đấu giá. Trong các chủ thể này tồn tại ba quan hệ pháp luật: quan hệ giữa người có tài sản đấu giá và DN ĐGTS, quan hệ giữa DN ĐGTS và người tham gia đấu giá, quan hệ giữa người trúng đấu giá và người có tài sản đấu giá[141].

Thứ nhất, quan hệ giữa người có tài sản đấu giá và DN ĐGTS, cả Việt Nam và các nước trên thế giới đều nhìn nhận đây là quan hệ hợp đồng. Tùy vào quan điểm lập pháp mà pháp luật mỗi nước điều chỉnh quan hệ hợp đồng này theo quan hệ ủy thác hay quan hệ đại diện. Trong khi các nước theo hệ thống pháp luật châu Âu lục địa, quan hệ này được xác định là quan hệ ủy thác, các nước theo hệ thống pháp luật Anh - Mỹ lại cho rằng đây là quan hệ đại diện[142].

Ở Việt Nam, theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP, quan hệ này mang bản chất là quan hệ đại diện[143]. Hiện nay, LĐGTS năm 2016 nhìn nhận bản chất của quan hệ này là hợp đồng dịch vụ - hợp đồng dịch vụ ĐGTS[144]. Với bản chất là hợp đồng dịch, chủ thể tham gia hợp đồng là người có tài sản đấu giá và DN ĐGTS, hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của Bộ luật Dân sự với tư cách là luật chung và LĐGTS với tư cách là luật chuyên ngành. Người có tài sản đấu giá "là cá nhân, tổ chức sở hữu tài sản, người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền bán đấu giá tài sản hoặc người có quyền đưa tài sản ra đấu giá theo

[138] Học viện Tư pháp, tlđd (17), trang 21
[139] Học viện Tư pháp, tlđd (19), trang 14
[140] Lê Thị Hương Giang, tlđd (25), trang 32
[141] Đào Ngọc Báu và Lê Quang Hòa, tlđd (49)
[142] Lê Thị Hương Giang, tlđd (25), trang 31-32
[143] Đào Ngọc Báu và Lê Quang Hòa, tlđd (49)
[144] Điều 33 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật"[145]. Trong quan hệ này, DN ĐGTS là bên cung ứng dịch vụ và người có tài sản đấu giá là bên sử dụng dịch vụ. Nội dung của quan hệ pháp luật này là quyền và nghĩa vụ của các bên, bao gồm quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng. Đối tượng của hợp đồng là công việc - tổ chức bán đấu giá tài sản nhất định. Hình thức của hợp đồng này phải là văn bản[146]. Theo tác giả Lê Thị Hương Giang, quan hệ hợp đồng giữa người có tài sản đấu giá và DN ĐGTS ở Việt Nam hiện nay "đang áp dụng cả hai quan điểm của hệ thống pháp luật châu Âu lục địa và quan điểm của các nước theo hệ thống pháp luật Anh - Mỹ"[147]. Còn theo tác giả Nguyễn Thị Thu Hồng, quan hệ giữa người có tài sản đấu giá với DN ĐGTS "không hoàn toàn chỉ là quan hệ hợp đồng dịch vụ, cũng không hoàn toàn chỉ là quan hệ đại diện mà có sự giao thoa giữa các quan hệ hợp đồng này"[148]. NCS đồng tình với quan điểm của tác giả Nguyễn Thị Thu Hồng, bởi lẽ, trong trình tự, thủ tục ĐGTS, có những hoạt động, DN ĐGTS nhân danh chính mình để thực hiện như ban hành Quy chế cuộc đấu giá, thực hiện việc niêm yết và thông báo công khai việc ĐGTS, cho xem tài sản đấu giá, bán và nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá, phân công ĐGV điều hành cuộc đấu giá, lưu trữ hồ sơ đấu giá; có những công việc, DN ĐGTS nhân danh người có tài sản để thực hiện như xác định giá khởi điểm của tài sản đấu giá (đối với tài sản mà cá nhân, tổ chức tự nguyện lựa chọn bán thông qua đấu giá), quản lý tài sản đấu giá (nếu có thỏa thuận).

Thứ hai, quan hệ giữa DN ĐGTS và người tham gia đấu giá. Quan hệ này cũng được nhìn nhận là quan hệ hợp đồng với bản chất gần như là hợp đồng môi giới. Ở Việt Nam, trong hợp đồng này, DN ĐGTS và người tham gia đấu giá là chủ thể của hợp đồng. Người tham gia đấu giá là cá nhân, tổ chức có đủ điều kiện tham gia đấu giá để mua tài sản đấu giá theo quy định của LĐGTS và quy định khác của pháp luật có liên quan[149]. DN ĐGTS là tổ chức trung gian, đứng ra đề nghị, đàm phán để tìm ra người trả giá cao nhất để mua bán tài sản đấu giá. Nội dung của quan hệ pháp luật này cũng là quyền và nghĩa vụ của các bên chủ thể. Thông qua thông báo công khai của DN ĐGTS, cá nhân, tổ chức đủ điều kiện tham gia đấu giá mua, nộp hồ sơ và nộp tiền đặt trước cho DN ĐGTS. LĐGTS không quy định trực tiếp về việc giữa DN ĐGTS và người tham gia đấu giá phải xác lập bất kỳ loại hợp đồng nào. Trên thực tế, DN ĐGTS thường không ký kết hợp đồng

[145] Khoản 5 Điều 5 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[146] Khoản 1 Điều 33 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[147] Lê Thị Hương Giang, tlđd (25), trang 32
[148] Nguyễn Thị Thu Hồng, tlđd (21), trang 53
[149] Khoản 7 Điều 5 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

với người tham gia đấu giá mà chỉ cấp cho họ phiếu tham gia đấu giá, mã số tham gia đấu giá và có thể cung cấp thêm các tài liệu khác như Quy chế cuộc đấu giá... Tập hợp những tài liệu này được coi là hợp đồng tham gia đấu giá giữa DN ĐGTS và người tham gia đấu giá[150].

Thứ ba, quan hệ giữa người trúng đấu giá và người có tài sản đấu giá. Quan hệ này cũng được nhận diện là quan hệ hợp đồng với bản chất là hợp đồng mua bán tài sản. Tùy vào quan điểm lập pháp cũng như tư tưởng pháp lý tác động mà mỗi quốc gia quy định việc giao kết hợp đồng được ghi nhận trong biên bản đấu giá hoặc trong hợp đồng mua bán tài sản đấu giá[151]. Ở các nước trên thế giới, dù theo hệ thống pháp luật nào, hợp đồng này cũng được giao kết giữa DN ĐGTS và người trúng đấu giá[152]. Tuy nhiên, tùy vào việc nhìn nhận bản chất quan hệ giữa người có tài sản đấu giá và DN ĐGTS là quan hệ đại diện hay quan hệ ủy thác mà việc xác định quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong hợp đồng mua bán tài sản đấu giá cũng khác nhau. Ở các nước theo hệ thống pháp luật châu Âu lục địa, với quan điểm quan hệ giữa người có tài sản đấu giá và DN ĐGTS là quan hệ ủy thác, do đó, quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng mua bán tài sản đấu giá là DN ĐGTS và người trúng đấu giá. Ở các nước theo hệ thống pháp luật Anh - Mỹ, với quan điểm quan hệ giữa người có tài sản đấu giá và DN ĐGTS là quan hệ đại diện, do đó, quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng mua bán tài sản đấu giá là giữa người có tài sản đấu giá và người trúng đấu giá[153].

Ở Việt Nam, hiện nay, LĐGTS quy định hợp đồng mua bán tài sản đấu giá được ký kết giữa hai bên chủ thể là người có tài sản đấu giá và người trúng đấu giá hoặc giữa ba bên là người có tài sản đấu giá, người trúng đấu giá và tổ chức ĐGTS[154]. Gián tiếp thông qua quy định này có thể hiểu, hợp đồng mua bán tài sản đấu giá phải được lập bằng hình thức văn bản. Trong cuộc đấu giá, khi ĐGV công bố người trúng đấu giá[155] có nghĩa người đó đã chấp nhận giao kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá[156]. Theo quy định của Bộ luật Dân sự, thời điểm hợp đồng này được giao kết là thời điểm bên sau cùng ký vào hợp đồng[157], tức là hợp đồng phải có đầy đủ chữ ký của các chủ thể trên. Nếu các bên

[150] Đào Ngọc Báu và Lê Quang Hòa, tlđd (49)
[151] Nguyễn Thị Thu Hồng, tlđd (21), trang 55
[152] Lê Thị Hương Giang, tlđd (25), trang 31-32
[153] Nguyễn Thị Thu Hồng, tlđd (21), trang 55
[154] Khoản 2 Điều 46 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[155] Người trúng đấu giá là cá nhân, tổ chức trả giá cao nhất so với giá khởi điểm hoặc bằng giá khởi điểm trong trường hợp không có người trả giá cao hơn giá khởi điểm khi đấu giá theo phương thức trả giá lên; cá nhân, tổ chức chấp nhận mức giá khởi điểm hoặc mức giá đã giảm trong trường hợp đấu giá theo phương thức đặt giá xuống (khoản 8 Điều 5 Luật Đấu giá tài sản năm 2016)
[156] Khoản 3 Điều 46 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[157] Khoản 4 Điều 400 Bộ luật Dân sự năm 2015

không có thỏa thuận, hợp đồng mua bán tài sản đấu giá có hiệu lực từ thời điểm giao kết. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng thì thực hiện theo quy định đó, chẳng hạn hợp đồng mua bán tài sản đấu giá là quyền sử dụng đất thì hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính[158]... Quyền và nghĩa vụ của các bên phát sinh từ hợp đồng mua bán tài sản đấu giá là giữa người có tài sản đấu giá và người trúng đấu giá (sau khi hợp đồng được giao kết là người mua được tài sản đấu giá).

Như vậy, trong quan hệ giữa các chủ thể có liên quan đến ĐGTS, bản chất pháp lý của đấu giá đều là quan hệ hợp đồng. Có ba nguyên tắc cơ bản được thừa nhận trong pháp luật hợp đồng Việt Nam: nguyên tắc tự do hợp đồng (tự do ý chí), nguyên tắc thiện chí và nguyên tắc áp dụng tập quán[159]. Do đó, trong quan hệ giữa DN ĐGTS và người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, các nguyên tắc trên cần được tôn trọng. Nhà nước chỉ can thiệp bằng pháp luật khi nhận thấy cần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên trong hợp đồng, đề phòng các hành vi tiêu cực, bảo vệ trật tự xã hội, trật tự kinh tế. Tóm lại, dù ở phương diện nào, để phát huy hiệu quả của ĐGTS, nó luôn cần phải được thực hiện thông qua một tổ chức chuyên nghiệp. Khi đó, đến lượt DN ĐGTS thể hiện vai trò của mình, là đơn vị thành công nhất trong tổ chức thực hiện ĐGTS.

2.2 KHÁI QUÁT VỀ DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

2.2.1 Khái niệm doanh nghiệp đấu giá tài sản

Doanh nghiệp ĐGTS là một trong các chủ thể tiến hành hoạt động đấu giá. Trên thế giới các hãng đấu giá đầu tiên được thành lập vào thế kỷ 18, Sotheby's năm 1744 và Christie's năm 1766. Đây là hai hãng đấu giá được thành lập sớm nhất và có quy mô lớn nhất trên thế giới. Cả hai công ty này hiện nay đều được tổ chức theo mô hình công ty đại chúng và rất thành công trong lĩnh vực đấu giá trực tuyến.

Xét về quan điểm pháp lý, Luật tại một số tiểu bang của Hoa Kỳ có đưa ra khái niệm "doanh nghiệp đấu giá", một số khác là khái niệm "công ty đấu giá". Theo đó:

> Doanh nghiệp đấu giá là một doanh nghiệp một chủ, hợp danh hoặc công ty mà quá trình kinh doanh thông thường của nó là sắp xếp, quản lý, tài trợ, quảng cáo, xúc tiến hoặc thực hiện đấu giá, thuê đấu giá viên tiến hành đấu giá

[158] Khoản 2 Điều 117, khoản 2 Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015, điểm a khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013, khoản 1 Điều 5 Luật Công chứng năm 2014

[159] Ngô Huy Cương (2013). *Giáo trình Luật hợp đồng – Phần chung*. Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội. Trang 152-173; Trần Kiên và Nguyễn Khắc Thu (2019). Khái niệm hợp đồng và những nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật hợp đồng Việt Nam, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (2+3), [http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210246] (truy cập ngày 08/8/2023)

trong cơ sở của mình, hoặc sử dụng, cho phép sử dụng cơ sở vật chất của nó cho các cuộc đấu giá[160].

Đạo luật đăng ký đấu giá viên của Washington (Hoa Kỳ) quy định:

> Công ty đấu giá là một doanh nghiệp một chủ, hợp danh, công ty, pháp nhân hoặc tổ chức thương mại khác bán hoặc chào bán hàng hóa hoặc bất động sản tại cuộc đấu giá hoặc sắp xếp, tài trợ hoặc quản lý các cuộc đấu giá. Thuật ngữ "công ty đấu giá" sẽ loại trừ bất kỳ doanh nghiệp một chủ nào thuộc sở hữu của một đấu giá viên có tổng doanh thu hàng năm không vượt quá 25.000 đô la[161].

Theo Bộ luật việc làm của Texas (Hoa Kỳ): "Công ty đấu giá là người tham gia vào hoạt động kinh doanh sắp xếp, quản lý, tài trợ, quảng cáo hoặc thực hiện các cuộc đấu giá"[162].

Theo Đạo luật giấy phép đấu giá viên của Ủy ban đấu giá bang Alabama (Hoa Kỳ): "Công ty đấu giá: bất kỳ pháp nhân kinh doanh hợp pháp nào, bao gồm cả doanh nghiệp một chủ, tham gia vào hoạt động kinh doanh đấu giá"[163]. "Kinh doanh đấu giá bao gồm: trực tiếp hoặc thông qua đại lý bán bất động sản hoặc tài sản cá nhân tại cuộc đấu giá hoặc sắp xếp, tài trợ, quản lý, quảng bá, thực hiện quảng cáo đấu giá"[164].

DN đấu giá hay công ty đấu giá theo quy định của pháp luật tại các tiểu bang của Hoa Kỳ bao gồm DN một chủ[165] và tất cả các loại hình công ty mà hoạt động kinh doanh của nó trực tiếp hoặc gián tiếp gắn với đấu giá. Pháp luật các bang của Hoa Kỳ đa số đều không bắt buộc DN một chủ phải đăng ký, tuy nhiên đối với một số ngành, nghề kinh doanh, DN một chủ phải đăng ký với cơ quan nhà nước trong đó có đấu giá; các loại hình công ty để được hoạt động đều phải thực hiện nghĩa vụ đăng ký với cơ quan có thẩm quyền tùy theo quy định của pháp luật từng bang.

Bên cạnh đó, Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp cũng có đề cập đến "công ty đấu giá", không hẳn là khái niệm nhưng cũng gắn với đặc trưng của công ty đấu giá theo pháp luật ở Pháp: việc bán đấu giá đồ nội thất tự nguyện theo hình thức đấu giá công khai sẽ được tổ chức và tiến hành bởi các công ty thương mại hoặc bằng hoạt động thứ yếu của công chứng viên và thừa phát lại. Trong đó, công ty thương mại thực hiện bán đấu giá phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền cho phép bán đồ nội thất tự nguyện

[160] Điều 468.382 Quy định về nghề nghiệp và việc làm trong các Đạo luật của Florida (Hoa Kỳ)
[161] Khoản 4 Điều 18.11.050 RCW Đạo luật đăng ký đấu giá viên của Washington (Hoa Kỳ)
[162] Khoản 4 Mục 1802.001 Bộ luật việc làm của Texas (Hoa Kỳ)
[163] Khoản 3 mục 34-4-4 Điều 2 Đạo luật giấy phép đấu giá viên của Ủy ban đấu giá bang Alabama (Hoa Kỳ)
[164] Khoản 2 mục 34-4-4 Điều 2 Đạo luật giấy phép đấu giá viên của Ủy ban đấu giá bang Alabama (Hoa Kỳ)
[165] Ở Hoa Kỳ DN một chủ được gọi là sole proprietorship. DNTN ở Việt Nam khá gần gũi với sole proprietorship.

bằng đấu giá công khai (cơ quan này là Hội đồng các nhà đấu giá)[166]. Công ty thương mại ở Pháp bao gồm CTHD thông thường, CTHD hữu hạn, CTHD hữu hạn cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn đại chúng, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty cổ phần giản lược. Các công ty bán đấu giá sẽ hoạt động với tư cách là người đại diện chủ sở hữu tài sản nhưng họ không có quyền nhân danh cá nhân để mua hoặc bán trực tiếp hoặc gián tiếp động sản được đưa ra đấu giá.

Ở Trung Quốc, việc bán ĐGTS do các DN bán ĐGTS có tư cách pháp nhân thực hiện. Các DN này có thể được thành lập ở cấp thành phố hoặc thị xã và phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý bán đấu giá theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và khu tự trị[167]. DN bán đấu giá thực hiện việc bán đấu giá tài sản theo sự ủy quyền của chủ sở hữu tài sản hoặc người có quyền xử lý tài sản.

Các quan điểm pháp lý trên về "doanh nghiệp đấu giá" hay "công ty đấu giá" cho thấy hai luồng quan điểm: luồng quan điểm thứ nhất cho phép cả DN một chủ và các loại hình công ty đều được kinh doanh đấu giá, luồng quan điểm thứ hai chỉ cho phép các loại hình công ty được kinh doanh ngành, nghề này. Dù là quan điểm nào thì công ty hay DN để kinh doanh đấu giá đều phải đăng ký và được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

Ở Việt Nam, ngoài các quan điểm lý luận (đã được đề cập ở Chương 1), pháp luật Việt Nam không đưa ra một khái niệm chính thức về "doanh nghiệp đấu giá tài sản" mà chỉ có các quy định liên quan đến điều kiện thành lập và hoạt động của DN này, từ khi hoạt động này được quan tâm nhiều hơn, đặc biệt là từ khi có chủ trương xã hội hóa đối với hoạt động bán ĐGTS. Theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP: "doanh nghiệp được tiến hành kinh doanh dịch vụ bán đấu giá tài sản khi có đủ các điều kiện sau đây: 1. Có đăng ký kinh doanh dịch vụ bán đấu giá tài sản; 2. Có ít nhất 1 đấu giá viên; 3. Có cơ sở vật chất bảo đảm cho việc thực hiện bán đấu giá tài sản"[168]. Hay Nghị định số 17/2010/NĐ-CP: "doanh nghiệp bán đấu giá tài sản được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và quy định tại Nghị định này"[169]. Và hiện nay: "Doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập, tổ chức và hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan"[170]. DN ĐGTS có tư cách pháp lý là một chủ thể kinh doanh trong nền kinh tế thị

[166] Điều L321-2, Điều L321-5 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp
[167] Điều 10, Điều 11 Luật về Bán đấu giá tài sản của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa
[168] Điều 35 Nghị định số 05/2005/NĐ-CP
[169] Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP
[170] Khoản 1 Điều 23 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

trường. Do đó, DN ĐGTS cũng có quyền tự do kinh doanh như các chủ thể kinh doanh khác. Tuy nhiên, quyền tự do kinh doanh không phải quyền vô hạn mà có những giới hạn nhất định từ sự can thiệp điều tiết của Nhà nước. Từ khi chính thức được ghi nhận là một ngành, nghề kinh doanh với sự tham gia của các thực thể tư, ĐGTS luôn là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Theo đó, để được thành lập và kinh doanh dịch vụ ĐGTS, người thành lập DN/DN đều phải đáp ứng và duy trì đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật DN và pháp luật ĐGTS.

Từ khái niệm "đấu giá tài sản" kết hợp với sự kế thừa các quan điểm của các tác giả đã được công bố trong các công trình nghiên cứu và các nền tảng pháp lý, NCS rút ra khái niệm "doanh nghiệp đấu giá tài sản" như sau: *doanh nghiệp đấu giá tài sản là doanh nghiệp thành lập, tổ chức theo quy định của pháp luật, kinh doanh dịch vụ đấu giá tài sản, trung gian trong hoạt động mua bán tài sản, vì mục đích tìm kiếm giá trị thực của tài sản, bảo đảm quyền lợi của người bán, đáp ứng nhu cầu của người mua và lợi nhuận của doanh nghiệp.*

Việc thành lập DN để thực hiện hoạt động kinh doanh sẽ mang lại những lợi thế nhất định, không những đối với người thành lập DN mà còn đối với xã hội. Hơn nữa, ĐGTS là một hình thức mua bán tài sản đặc biệt, có những ưu điểm vượt bậc. Để đấu giá phát huy hiệu quả, người tổ chức đấu giá cần phải có kinh nghiệm, năng lực trong việc tập hợp càng nhiều càng tốt người tham gia đấu giá. Bởi theo quy luật cạnh tranh, một cuộc đấu giá càng có nhiều người tham gia trả giá thì tính cạnh tranh càng cao, theo đó, tài sản cũng có khả năng được bán với giá cao hơn. Do đó, đấu giá thường được tiến hành thông qua đơn vị trung gian là tổ chức ĐGTS chuyên nghiệp, trong đó có DN ĐGTS.

2.2.2 Đặc điểm doanh nghiệp đấu giá tài sản

2.2.2.1 Doanh nghiệp đấu giá tài sản là chủ thể kinh doanh

Hiện nay, "chủ thể kinh doanh" là khái niệm chưa được quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật. Theo các tác giả của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, chủ thể kinh doanh có thể được hiểu theo hai hướng: i) theo nghĩa rộng nhất, chủ thể kinh doanh bao gồm cả những tổ chức, cá nhân đã làm thủ tục đăng ký hay xin phép kinh doanh, những tổ chức, cá nhân khác có thực hiện hành vi nhằm mục đích kiếm lời và cả những tổ chức, cá nhân không thực hiện hành vi kinh doanh mang tính nghề nghiệp mà chỉ là những hành vi kinh doanh đơn lẻ; ii) theo nghĩa hẹp hơn, chủ thể kinh doanh là những tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động kinh doanh mang tính nghề nghiệp, hoạt động dưới một hình thức pháp lý nhất định và đã làm thủ tục pháp lý gia nhập thị trường,

đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký DN hoặc loại giấy tờ có giá trị tương đương theo quy định của luật chuyên ngành[171]. Theo nghĩa hẹp, chỉ có thương nhân mới được coi là chủ thể kinh doanh. Theo nghĩa rộng, ngoài thương nhân, các tổ chức, cá nhân khác thực hiện hành vi tìm kiếm lợi nhuận nhỏ lẻ và không phải đăng ký, cũng được coi là chủ thể kinh doanh.

Theo Từ điển Luật học: chủ thể kinh doanh là "tổ chức, cá nhân, tổ hợp tác, hộ gia đình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép đầu tư đối với DN có vốn đầu tư nước ngoài) và thực hiện trên thực tế các hoạt động kinh doanh thu lợi nhuận"[172]. Quan điểm này khá tương đồng với nhóm chủ thể kinh doanh theo nghĩa hẹp được đề cập ở trên. Dấu hiệu để nhận diện chủ thể kinh doanh là: i) phải được tổ chức bằng hình thức nhất định; ii) phải đăng ký và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đăng ký DN/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương; iii) thực hiện hoạt động kinh doanh[173] tìm kiếm lợi nhuận.

Dù theo quan điểm nào nào, DN ĐGTS vẫn có đầy đủ các đặc điểm của một chủ thể kinh doanh. Trong nền kinh tế, ĐGTS là một ngành, nghề kinh doanh và DN ĐGTS là một chủ thể kinh doanh với ngành, nghề kinh doanh là hoạt động ĐGTS. Mục đích của DN ĐGTS khi bước vào thị trường là tìm kiếm lợi nhuận như các DN khác. Để được kinh doanh, DN ĐGTS phải được Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi DN đặt trụ sở cấp Giấy đăng ký hoạt động.

Theo tác giả Phan Công Thương, trong các quyền của chủ thể kinh doanh thì quyền tự do kinh doanh có ý nghĩa quan trọng. Quyền tự do kinh doanh của chủ thể kinh doanh có nội dung rất rộng, bao gồm nhiều nội dung khác nhau: quyền chủ động mở rộng quy mô ngành, nghề kinh doanh, quyền chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng, quyền tuyển, thuê sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh...[174]. Quyền tự do kinh doanh là quyền hiến định và ngày càng được triển khai rộng rãi từ chính các quy định pháp luật. Từ quyền có phạm vi "đóng" - tự do kinh doanh trong khuôn khổ quy định của pháp luật[175], hiện đã có sự chuyển biến tích thành quyền có phạm vi "mở" - tự

[171] Bùi Xuân Hải (chủ biên) và các cộng sự (2018). *Giáo trình Pháp luật về các chủ thể kinh doanh (tái bản lần 1, có sửa đổi và bổ sung)*. Nxb. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh. Trang 17
[172] Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp, tlđd (13), trang 150
[173] Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận (khoản 21 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020)
[174] Phan Công Thương (2001). Một số vấn đề về chủ thể kinh doanh, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (6), [https://phapluatdansu.edu.vn/2007/11/19/12/44/7894/] (truy cập ngày 11/8/2023)
[175] Điều 57 Hiến pháp năm 1992

do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm[176]. Từ một quyền công dân đến quyền con người. Bên cạnh đó, Hiến pháp năm 2013 còn có khẳng định: "quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của pháp luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng"[177]. Phạm vi giới hạn của pháp luật luôn hẹp hơn các quyền tự nhiên của con người. Tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật có phạm vi giới hạn trong các quy định pháp luật. Tức, nếu pháp luật không có quy định, quyền tự do kinh doanh không được thực thi. Trong khi đó, tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm, phạm vi thực hiện quyền được mở rộng hơn rất nhiều. Trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm, pháp luật có thể giới hạn quyền tự do kinh doanh vì những lý do đặc biệt. Ngoài phạm vi giới hạn và ngành, nghề pháp luật không cấm, con người có thể thực hiện quyền tự do kinh doanh theo ý chí của mình. Theo quan điểm lý luận: quyền pháp lý của chủ thể là phạm trù pháp lý có giới hạn, không một xã hội nào lại cho phép một người nào đó có quyền làm tất cả những gì anh ta muốn[178]. Theo đó, quyền tự do kinh doanh của các chủ thể kinh doanh cũng có những giới hạn nhất định trên nền tảng pháp luật. Tuy nhiên, giới hạn của pháp luật phải đảm bảo quyền tự do kinh doanh luôn là một quyền có phạm vi "mở" ở mức tối đa. Bên cạnh các quyền được hình thành trên nền tảng pháp lý thì chủ thể kinh doanh còn có các quyền được hình thành trong quá trình chủ thể xác lập các hợp đồng, giao dịch với các chủ thể khác.

Cũng theo quan điểm lý luận, quyền pháp lý luôn gắn liền với nghĩa vụ pháp lý của chủ thể. Không có quyền nằm ngoài mối liên hệ với nghĩa vụ bảo đảm cho quyền đó được thực hiện và ngược lại không có nghĩa vụ pháp lý nằm ngoài mối liên hệ với quyền pháp lý[179]. Theo đó, chủ thể kinh doanh cũng phải thực hiện các nghĩa vụ nhất định: đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, tổ chức công tác kế toán, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật,... Nghĩa vụ của chủ thể kinh doanh còn được hình thành trên cơ sở các hợp đồng, giao dịch được xác lập trong quá trình hoạt động.

Với tư cách là một chủ thể kinh doanh, DN ĐGTS cũng được Hiến pháp và pháp luật ghi nhận quyền tự do kinh doanh. Quyền tự do kinh doanh của DN ĐGTS cũng có những giới hạn nhất định với mục tiêu bảo vệ quyền của các chủ thể khác có liên quan.

[176] Điều 33 Hiến pháp năm 2013
[177] Khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013
[178] Nguyễn Minh Đoan, tlđd (91), trang 387
[179] Nguyễn Minh Đoan, tlđd (91), trang 388

Bởi lẽ, tự do của chủ thể chỉ bị giới hạn bởi quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể khác trong xã hội[180]. Bên cạnh đó, DN ĐGTS còn có các quyền và nghĩa vụ phát sinh trên nền tảng pháp luật và trên nền tảng các hợp đồng, giao dịch mà DN xác lập với các cá nhân, tổ chức khác trong quá trình DN hoạt động. Nền tảng pháp lý về quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS bao gồm các quyền và nghĩa vụ chung của DN được ghi nhận trong LDN và các quyền và nghĩa vụ riêng của DN ĐGTS được quy định trong LĐGTS. Đây chính là nhiệm vụ mà NCS sẽ triển khai thực hiện tại Chương 4 của Luận án này.

2.2.2.2 Doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập, tổ chức và hoạt động gắn liền với đặc trưng ngành, nghề kinh doanh

Doanh nghiệp ĐGTS được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về DN, pháp luật về ĐGTS và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Là DN, do đó, vấn đề thành lập, tổ chức, hoạt động của DN ĐGTS cũng chịu sự điều chỉnh của pháp luật về DN, bao gồm LDN, văn bản hướng dẫn thi hành LDN và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến DN. Ngoài ra, DN ĐGTS là DN kinh doanh ngành, nghề có điều kiện. Theo quy định của LDN: "trường hợp luật khác có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của luật đó"[181]. Do đó, vấn đề thành lập, tổ chức, hoạt động của DN ĐGTS còn chịu sự điều chỉnh của LĐGTS với tư cách là luật chuyên ngành. Để thành lập và hoạt động, DN ĐGTS phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của LĐGTS, bao gồm: điều kiện về hình thức pháp lý, ngành, nghề kinh doanh, điều kiện về chủ thể thành lập, điều kiện liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước đối với DN. Khi đã lựa chọn được loại hình DN đáp ứng điều kiện của LĐGTS, để được thành lập, người thành lập DN còn phải thực hiện theo các quy định của pháp luật về DN như: số lượng nhà đầu tư thành lập hoặc tham gia thành lập DN, góp vốn và chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn vào DN,... Cũng từ loại hình DN được lựa chọn để thành lập mà DN tiến hành thiết lập cơ cấu tổ chức theo quy định của pháp luật về DN.

Doanh nghiệp ĐGTS chỉ được thành lập theo một trong hai loại hình DN là DNTN hoặc CTHD. Đối với DN đấu giá tư nhân, chủ DN (đấu giá viên) phải trực tiếp là Giám đốc để quản lý DN mà không được thuê người khác đảm nhiệm những chức vụ này như các DNTN khác[182]. Đối với công ty đấu giá hợp danh, cơ cấu tổ chức quản lý công ty bao gồm HĐTV, Chủ tịch HĐTV, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc. Công ty đấu giá hợp

[180] Nguyễn Thị Thu Trang, Dương Anh Sơn, Châu Thị Khánh Vân (2020). *Sách chuyên khảo Quyền tự do kinh doanh*. Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh. Trang 31
[181] Điều 3 Luật Doanh nghiệp năm 2020
[182] Khoản 2 Điều 190 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và điểm a khoản 3 Điều 23 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

danh có ít nhất một thành viên hợp danh là ĐGV, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty đấu giá hợp danh là ĐGV[183]. Như vậy, DN ĐGTS phải do ĐGV - với những tiêu chuẩn được pháp luật quy định cụ thể, quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của DN.

Doanh nghiệp ĐGTS phải do ĐGV thành lập hoặc tham gia thành lập. Một trong những điều kiện để DN được thành lập và kinh doanh ĐGTS là DN phải do ĐGV thành lập đối với DN đấu giá tư nhân, tham gia thành lập (ít nhất một thành viên hợp danh là ĐGV) đối với công ty đấu giá hợp danh. Để được cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá, cá nhân phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật. Chính đặc thù của hoạt động ĐGTS mà các tiêu chuẩn đối với ĐGV cũng khác so với các chức danh tư pháp khác như luật sư, công chứng viên, thừa phát lại,... Theo đó, tiêu chuẩn của ĐGV[184] bao gồm: là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt; có bằng tốt nghiệp đại học hoặc trên đại học thuộc một trong các chuyên ngành luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng; tốt nghiệp khóa đào tạo nghề đấu giá (06 tháng), trừ trường hợp được miễn đào tạo nghề đấu giá; đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá.

Không giống như các DN khác kinh doanh các ngành, nghề ngoài lĩnh vực bổ trợ tư pháp, được kinh doanh đa ngành, DN ĐGTS chỉ được kinh doanh một ngành, nghề duy nhất - dịch vụ ĐGTS. Bên cạnh các điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của LĐGTS, DN đấu giá còn bị hạn chế quyền tự do kinh doanh ngành, nghề mà pháp luật không cấm. Một khi đã thành lập DN và kinh doanh dịch vụ ĐGTS thì DN sẽ không được kinh doanh thêm các ngành, nghề khác dù đó là ngành, nghề pháp luật không cấm. Đây chính là điểm khác biệt giữa DN ĐGTS so với các DN khác nhưng cũng là điểm tương đồng với các DN kinh doanh các ngành, nghề thuộc lĩnh vực bổ trợ tư pháp như công chứng, luật sư, thừa phát lại,... Tuy nhiên, bản chất và vai trò của hoạt động ĐGTS có những khác biệt nhất định với các ngành, nghề đó. Nếu công chứng, luật sư, thừa phát lại,... đóng vai trò bổ trợ tư pháp rõ nét thì ĐGTS thể hiện bản chất của một ngành, nghề kinh doanh hơn. Tuy nhiên, ở Việt Nam, DN ĐGTS chưa được nhìn nhận với đầy đủ bản chất của một DN kinh doanh tìm kiếm lợi nhuận trên thị trường từ quan điểm, thái độ của nhà làm luật cũng như các bên có liên quan.

Là DN kinh doanh ngành, nghề đặc thù, hơn nữa, DN ĐGTS lại không được kinh doanh đa ngành, chính vì vậy, quyền, nghĩa vụ và chế tài đối với DN đấu giá gắn liền với

[183] Điểm a khoản 3 Điều 23 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[184] Điều 10 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

hoạt động ĐGTS - đặc trưng của DN ĐGTS so với các DN khác trên thị trường. Do đó, quy chế pháp lý điều chỉnh đối với DN này cũng có những khác biệt nhất định và việc có văn bản luật riêng để điều chỉnh, ở Việt Nam, là cần thiết. Mặt khác, DN ĐGTS cũng thực hiện hoạt động kinh doanh trên thị trường - những hoạt động vốn dĩ chịu sự điều tiết của các quy luật kinh tế thị trường như các DN khác: quy luật cung - cầu, quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh. Để thay đổi "diện mạo" của ĐGTS nói chung, DN ĐGTS ở Việt Nam nói riêng, pháp luật - với vai trò là công cụ điều tiết của Nhà nước đối với nền kinh tế, cần có sự thay đổi quan điểm, thái độ, sự nhìn nhận về vai trò, vị trí của DN trong nền kinh tế thị trường. Đã là DN thì nó cần được xem là đơn vị hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận là chính thay vì là "gánh nặng" bổ trợ tư pháp đang đè nặng lên vai DN như hiện nay. Pháp luật cần có sự thay đổi theo hướng đột phá, phá vỡ "vùng an toàn" mà pháp luật đang giới hạn cho DN, nhưng lại không xuất phát từ hiệu quả hoạt động kinh doanh, từ lợi nhuận của DN, mà chủ yếu vì phục vụ cho chức năng quản lý của Nhà nước đối với DN này. Có như vậy, hoạt động ĐGTS nói chung, DN ĐGTS nói riêng, mới có nền tảng pháp lý vững vàng, tạo đà cho DN phát triển. Bởi lẽ, thực tế đã chứng minh "khi lòng tin thấp, đầu tư sẽ chậm lại. Mối tương quan dương tương tự cũng tồn tại giữa tăng trưởng GDP và lòng tin"[185].

Mặt khác, cũng không thể phủ nhận, hoạt động kinh doanh của DN ĐGTS vừa thực hiện mục đích kinh doanh của DN vừa đóng vai trò là hoạt động bổ trợ tư pháp. Theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 759/QĐ-BTP ngày 18/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bổ trợ tư pháp, bán đấu giá tài sản là một trong các hoạt động thuộc lĩnh vực bổ trợ tư pháp. Bổ trợ tư pháp là các hoạt động cung cấp hồ sơ, chứng cứ nhằm trợ giúp, tạo điều kiện cho hoạt động tư pháp được tiến hành thuận lợi, chính xác, nhanh chóng, đồng thời có ý nghĩa giúp cho tổ chức, cá nhân bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình. Hoạt động kinh doanh hiệu quả của DN ĐGTS không những có ý nghĩa cho thấy ĐGTS là ngành, nghề kinh doanh mang lại nhiều lợi nhuận cho DN mà còn có ý nghĩa khẳng định vai trò bổ trợ tư pháp của ĐGTS đối với những tài sản mà pháp luật bắt buộc phải bán thông qua đấu giá, như: tài sản thi hành án, tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ nhà nước, tài sản kê biên để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tài sản của DN, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản,...

[185] Nhiều tác giả (2013). *Lòng tin và vốn xã hội*. Nxb. Tri thức, Hà Nội. Trang 303

Hoạt động kinh doanh của DN ĐGTS luôn gắn với tài sản của cá nhân, tổ chức khác. Là trung gian trong giao dịch mua bán tài sản, hoạt động của DN ĐGTS gần như là tư cách bên nhận ủy quyền bán tài sản của bên ủy quyền là người có tài sản. Tuy nhiên, đáng tiếc rằng, ở Việt Nam, việc chủ sở hữu tự nguyện tìm đến DN ĐGTS để ủy quyền bán tài sản thuộc sở hữu của mình thông qua đấu giá còn rất hạn chế. Điều đó cho thấy, đấu giá chưa thực sự có được niềm tin từ các bên có liên quan. Thực trạng này, một phần không nhỏ có nguyên nhân từ chính các quy định của pháp luật điều chỉnh đối với hoạt động ĐGTS nói chung, DN ĐGTS nói riêng. Để thay đổi thực trạng này, cần có cái nhìn mới về DN ĐGTS và hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh DN này cũng cần được thay đổi, theo hướng tiếp cận và hội nhập với hoạt động ĐGTS đang phát triển sôi động và ngày càng khẳng định vai trò, vị trí của nó trong nền kinh tế thế giới.

Doanh nghiệp ĐGTS luôn gắn với tư cách pháp lý của nhà đầu tư trong nước. ĐGTS hiện đang là ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà nhà đầu tư nước ngoài chưa được tiếp cận thị trường ở Việt Nam[186] ở bất cứ hình thức đầu tư nào. Đây có lẽ là lý do vì sao hoạt động ĐGTS ở Việt Nam khó tiệm cận với tư duy đấu giá của thế giới. DN ĐGTS vì thế chỉ loay hoay tổ chức đấu giá các tài sản mà pháp luật bắt buộc phải bán thông qua đấu giá, tài sản tự nguyện bán đấu giá còn rất hạn chế.

Có thể thấy, mặc dù đặc trưng của DN ĐGTS gắn liền với hoạt động ĐGTS, và cũng không tách rời các điều kiện đầu tư kinh doanh mà pháp luật quy định, nhưng DN vẫn biểu hiện rõ nét quyền tự do kinh doanh, đương nhiên là có sự hạn chế nhất định.

2.2.3 Vai trò của doanh nghiệp đấu giá tài sản

2.2.3.1 Trong quan hệ với người có tài sản đấu giá

Đấu giá giúp làm tăng thêm giá trị của tài sản đấu giá thông qua trả giá cạnh tranh. "Hầu hết các cuộc đấu giá đều tập trung vào việc tối đa hóa doanh thu của người bán"[187]. Mục đích cơ bản của việc đấu giá là để thu được lợi nhuận tài chính tốt nhất cho chủ sở hữu tài sản. Nếu càng thu hút được nhiều người tham gia đấu giá để mua tài sản thì tài sản có cơ hội được bán với giá càng cao. Phiên đấu giá có N + 1 người đặt giá sẽ có ưu thế hơn so với N người tham gia[188]. DN ĐGTS với uy tín của mình có khả năng tập hợp đông đảo người tham gia đấu giá hơn so với việc người mua, người bán tự tìm đến với nhau trong mua bán thông thường. DN ĐGTS đóng vai trò là đầu mối, tập hợp nhiều

[186] Khoản 5 Mục A Phụ lục I Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

[187] Cesareo Hernandez Iglesias et al (2014). Review of Auction-Based Market, [https://www.researchgate.net/publication/322276880_Review_of_Auction-Based_Markets] (truy cập ngày 01/8/2023)

[188] Jeremy Bulow và Paul Klemperer (1996). Auction versus negotiation, *The American Economic Review*, (Vol. 86, No. 1), trang 181

người tham gia đấu giá, thông qua trả giá cạnh tranh nhằm làm rõ giá trị thực của tài sản đấu giá. Giá trị trao đổi thực của tài sản, khi đó, được đánh giá theo số đông những người tham gia đấu giá. Khi tham gia đấu giá, ít nhiều họ cũng nắm bắt được giá cả thị trường của tài sản. Xuất phát từ nhu cầu đối với tài sản cùng với việc nắm bắt giá cả thị trường, việc trả giá cạnh tranh giữa những người tham gia đấu giá sẽ đi đến kết quả tài sản được bán đúng, thậm chí có thể cao hơn giá trị thực của nó, mang lại lợi ích kinh tế cao hơn cho người có tài sản đấu giá.

Vấn đề làm rõ giá trị thực của tài sản đấu giá trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết trong trường hợp tài sản mà theo quy định của pháp luật được bán thông qua đấu giá để thực hiện nghĩa vụ tài chính của người có tài sản và trường hợp tài sản được bán thông qua đấu giá mà việc xác định giá trị của nó khó có được nền tảng từ thị trường, hơn nữa, tài sản đó còn có giá trị tiềm năng cao không dễ dàng nhìn nhận ra (cổ vật, tác phẩm nghệ thuật,...). Đối với trường hợp thứ nhất, DN tiến hành tổ chức ĐGTS và bán tài sản đó, dù theo phương thức đấu giá nào, cũng đều là với giá cao nhất. Đó là bản chất cốt lõi của đấu giá đã được phân tích ở trên. Ngay cả trong trường hợp, người có tài sản cần bán tài sản để thực hiện nghĩa vụ tài chính của mình với người khác thì khi DN tổ chức đấu giá, người có tài sản cũng không rơi vào tình trạng bị "ép giá" - điều mà rất dễ thấy trong cơ chế thị trường. Khi bán tài sản thông qua đấu giá bởi các ĐGV chuyên nghiệp, giá trị tài sản được xác định qua nhiều vòng, với sự tham gia của nhiều người, thậm chí là những người có chuyên môn trong định giá tài sản. Đầu tiên, giá trị tài sản được sàng lọc thông qua giá khởi điểm. Ít nhất tài sản đấu giá cũng được bán bằng với giá khởi điểm. Mà vấn đề xác định giá khởi điểm của tài sản cũng đã được thực hiện bởi những người có chuyên môn hoặc theo ý chí của người có tài sản. Khi tài sản được đưa ra cuộc đấu giá, thông qua thông báo đấu giá công khai, DN đấu giá tập hợp những người có nhu cầu với tài sản và tiến hành trả giá cạnh tranh, giá trị của tài sản lại được đánh giá một lần nữa bởi những người tham gia đấu giá. Như vậy, khả năng tài sản được bán phù hợp với giá trị thực, dù chỉ là tương đối, vẫn cao hơn so với việc người có tài sản tự bán tài sản của mình. Theo tâm lý trả giá thông thường, nếu người có tài sản tự bán tài sản đó, đặc biệt là bán để thực hiện nghĩa vụ tài chính với người khác, người mua có nhu cầu, một là, chấp nhận giá do người bán đưa ra, hai là, sẽ trả một mức giá thấp hơn có lợi cho mình. Thậm chí, trường hợp người mua biết người bán cần bán tài sản để thực hiện nghĩa vụ tài chính còn xảy ra tình trạng "ép giá". Ngược lại, người có tài sản và DN ĐGTS khi ký kết hợp đồng dịch vụ ĐGTS có thể thỏa thuận về giá khởi điểm, bước giá, phương thức đấu giá. Căn cứ vào

hợp đồng, DN ĐGTS tổ chức đấu giá theo nội dung trong hợp đồng đã thỏa thuận, làm khác đi, DN phải có nghĩa vụ bồi thường cho người có tài sản đấu giá. Khi đó, DN ĐGTS còn đóng vai trò, không những đảm bảo cho người có tài sản thực hiện nghĩa vụ tài chính của mình ở mức cao nhất mà còn bảo vệ quyền lợi của bên có quyền của nghĩa vụ tài chính đó. Tiền bán ĐGTS sẽ được thanh toán cho người có quyền cũng ở mức cao nhất.

Đối với trường hợp thứ hai, tài sản đưa ra đấu giá là những tài sản có giá trị tiềm năng cao và khó xác định giá trị trên nền tảng thị trường. Tài sản trước khi được đưa ra đấu giá cũng được xác định giá khởi điểm bởi các chuyên gia - những người có thể đánh giá được giá trị tiềm năng của tài sản và đưa ra một mức giá khởi điểm tương xứng. DN cũng thông qua thông báo đấu giá công khai, tập hợp những người có nhu cầu, ít nhiều có những am hiểu nhất định về tài sản. Bởi đây là những tài sản khá đặc biệt, những người tham gia đấu giá chắc chắn có hứng thú và kiến thức về tài sản đấu giá. Không phải ai cũng bị hấp dẫn bởi cổ vật hay tác phẩm nghệ thuật danh giá... Có thể với người này nó là vô giá nhưng với người khác thì lại không. Và cũng không phải ai cũng nhìn thấy được giá trị tiềm năng của những tài sản này. Chính vì vậy, khi DN đấu giá tập hợp họ trong cuộc đấu giá, giá trị tài sản sẽ được nhìn nhận thấu đáo hơn. Họ chấp nhận trả một mức giá để mua được tài sản thì có nghĩa mức giá đó tương đối phù hợp với giá trị tài sản. Mà giá trị này phụ thuộc vào nhiều yếu tố (sở thích, tâm lý độc quyền,...) mà hầu như không có nền tảng giá cả nào làm thước đo.

Đặc biệt hơn nữa, ở Việt Nam, đấu giá quyền sử dụng đất là loại đấu giá mang tính đặc thù, xuất phát từ đặc trưng của chế độ pháp lý về đất đai ở Việt Nam. Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý trong cả nước[189]. Người nắm giữ đất đai chỉ được Nhà nước trao quyền sử dụng đất. Là đại diện chủ sở hữu nên Nhà nước có quyền can thiệp vào việc xác định giá đất. Do đó, ở Việt Nam, có hai loại giá đất: giá nhà nước quy định và giá thị trường. Trong đó, giá nhà nước quy định bao gồm khung giá đất do Chính phủ ban hành định kỳ 05 năm một lần đối với từng loại đất, theo từng vùng[190]; bảng giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng căn cứ vào nguyên tắc, phương pháp định giá đất và khung giá đất, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi ban hành[191]; giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định với sự tham mưu, giúp việc của cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh, trên cơ sở điều tra, thu thập thông tin về thửa đất, giá đất thị trường và thông tin về giá đất trong cơ

[189] Điều 4 Luật Đất đai năm 2013
[190] Điều 113 Luật Đất đai năm 2013
[191] Khoản 1 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013

sở dữ liệu đất đai và áp dụng phương pháp định giá đất phù hợp[192]. Khi tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê, giá đất cụ thể được sử dụng làm căn cứ tính giá khởi điểm[193]. Còn đối với giá đất thị trường, khoản 4 Điều 4 Luật Giá năm 2012 có quy định: "giá thị trường là giá hàng hóa, dịch vụ hình thành do các nhân tố chi phối và vận động của thị trường quyết định tại một thời điểm, địa điểm nhất định". Có thể hiểu giá đất thị trường là giá giao dịch được hình thành trên cơ sở thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tính trên một đơn vị diện tích đất, dưới sự tác động của các quy luật kinh tế thị trường (quy luật cung - cầu, quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh). Để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê được thực hiện thông qua hình thức đấu giá. Khi đó, giá đất cụ thể là căn cứ để xác định giá khởi điểm và giá đất cụ thể cũng được tính toán trên cơ sở thu thập thông tin về giá đất thị trường. Điều đó có nghĩa giá khởi điểm khi đấu giá quyền sử dụng đất đã được xác định trên cơ sở có có thu thập, đối chiếu với giá thị trường. Thậm chí giá đất cụ thể có thể được xác định thông qua tư vấn của tổ chức có chức năng xác định giá đất do cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh thuê. DN ĐGTS với vai trò là đơn vị trung gian, khách quan tổ chức đấu giá, nếu phát huy đúng vai trò đó thì sẽ có ý nghĩa mang lại nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước. ĐGV được DN đấu giá phân công điều hành cuộc đấu giá là người có kiến thức nhất định về giá thị trường của thửa đất được đưa ra đấu giá, có khả năng nhận biết được những bất thường trong trả giá của những người tham gia đấu giá, có thể quyết định tạm dừng cuộc đấu giá nhằm ngăn chặn hệ lụy giá được trả cao hơn rất nhiều so với giá thị trường, gây những biến động lớn cho giá đất thị trường nhưng cuối cùng cũng không đạt được kết quả của đấu giá. Việc đấu giá 4 lô đất "vàng" ở Thủ Thiêm (Thành phố Hồ Chí Minh) là một minh chứng điển hình. DN tham gia đấu giá trả giá cao gấp nhiều lần so với giá khởi điểm, gây nhiều xáo trộn trong giá đất thị trường tại khu vực này nhưng cuối cùng vẫn không mang lại 37.346 tỉ đồng nguồn thu cho ngân sách nhà nước như kết quả đấu giá, bởi cả bốn DN trúng đấu giá đều chấp nhận mất tiền đặt trước và không nộp tiền cho lô đất mình trúng đấu giá[194]. Vấn đề trao quyền cho DN ĐGTS nói chung, ĐGV nói riêng trong quá trình tiến hành đấu giá quyền sử dụng đất cần được quan tâm trong thời gian tới. Đối với tài sản đấu giá đặc biệt này ở Việt Nam, với tư

[192] Khoản 3 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013
[193] Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP
[194] Thanh Xuân (2022). 4 doanh nghiệp trúng đấu giá đất ở Thủ Thiêm bỏ cọc hơn 1.051 tỉ đồng, *Báo Thanh niên ngày 07/7/2022*, [https://thanhnien.vn/4-doanh-nghiep-trung-dau-gia-dat-thu-thiem-bo-coc-hon-1-051-ti-dong-post1475717.html] (truy cập ngày 03/8/2022)

cách là đại diện chủ sở hữu, Nhà nước cần phát huy vai trò điều tiết của mình đối với giá đất, ngay cả giá thị trường chịu sự tác động của các quy luật kinh tế thị trường, đặc biệt tại các cuộc đấu giá quyền sử dụng đất, thông qua các quy định pháp luật trao quyền cho ĐGV, DN ĐGTS. Song song đó là việc tiếp thu các phương thức đấu giá đa dạng trên thế giới, cùng với việc vận dụng lý thuyết đấu giá của các học giả nổi tiếng như Paul R. Milgrom, Robert Wilson, Vijay Krishna,... DN ĐGTS lựa chọn phương thức đấu giá phù hợp với từng thửa đất nói riêng, tài sản nói chung, đưa ra đấu giá. Để phương thức đấu giá được lựa chọn phát huy hiệu quả tích cực, ĐGV trong DN ĐGTS phải có nền tảng kiến thức, am hiểu thị trường. Khi đó, DN ĐGTS đóng vai trò vừa tạo nguồn thu cho Ngân sách nhà nước thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hiệu quả, vừa là cánh tay nối dài giúp Nhà nước can thiệp điều tiết giá đất thị trường.

Hơn nữa, với vai trò trung gian trong mua bán tài sản, DN ĐGTS, thông qua ĐGV, với "nghệ thuật" điều hành cuộc đấu giá, là bên thứ ba đứng ra đàm phán, thương lượng để tìm "tiếng nói chung" của người mua và người bán trên cơ sở cân đối lợi ích của cả hai bên. DN ĐGTS giúp cho tài sản đấu giá đến được với người thực sự có nhu cầu và giúp cho người có tài sản bán được tài sản với giá cao nhất thông qua trả giá cạnh tranh giữa những người tham gia đấu giá. Chính vì vậy, việc xây dựng một khung pháp lý hoàn thiện, hướng đến bảo vệ mạnh mẽ nhà đầu tư trước những rủi ro trong kinh doanh, tạo điều kiện cho DN phát huy vai trò này là vấn đề cần được các nhà làm luật nghiêm túc quan tâm. Bên cạnh đó, quyền lợi của các bên liên quan cũng cần phải được đảm bảo bằng nền tảng pháp lý hữu hiệu. Đó là động lực thúc đẩy các bên tham gia vào hoạt động ĐGTS. Theo đó, mua bán tài sản cũng phát triển theo. Dĩ nhiên, trong sự phát triển của nền kinh tế, ngoài đóng góp quan trọng, to lớn của các DN, mua bán tài sản cũng là một trong những động lực thúc đẩy sự phát triển đó.

2.2.3.2 Trong quan hệ với người tham gia đấu giá

Theo tác giả Neil Brodie, DN ĐGTS, thông qua các chuyên gia đấu giá, có những tác động pháp lý và đạo đức có liên quan đến nguồn gốc của các sản phẩm được chào bán. Các chuyên gia của các hãng đấu giá có vai trò vô cùng quan trọng trong việc hỗ trợ các DN ĐGTS chứng minh nguồn gốc hợp pháp của tài sản trước khi tổ chức bán đấu giá, đặc biệt là cổ vật hay những tài sản liên quan đến sở hữu trí tuệ, duy trì niềm tin của người tham gia đấu giá đối với các sản phẩm mà các hãng đấu giá chào bán cũng như các

hoạt động khác của họ[195]. Dựa trên nền tảng pháp lý là sự cho phép thành lập bởi cơ quan quản lý có thẩm quyền, cùng với kinh nghiệm và uy tín trong tổ chức đấu giá, DN ĐGTS dễ dàng nhận được sự tin cậy của người tham gia đấu giá. Hoạt động trong nền kinh tế thị trường chịu sự tác động của quy luật cạnh tranh, để thu hút được nhiều người tham gia đấu giá, đòi hỏi DN ĐGTS phải tạo được uy tín bằng việc tổ chức các cuộc đấu giá thành công. Nghệ thuật tổ chức đấu giá của ĐGV/DN ĐGTS chính là nền tảng giúp cho đấu giá phát huy vai trò tích cực của nó trong mua bán tài sản.

Như trên đã phân tích, quan hệ giữa DN ĐGTS và người tham gia đấu giá là quan hệ hợp đồng môi giới. Với vai trò là bên môi giới, DN ĐGTS là cầu nối để người tham gia đấu giá có cơ hội tiếp cận và xác lập quyền sở hữu đối với tài sản đấu giá, đặc biệt là những tài sản quý hiếm khó tìm kiếm trên thị trường. Khác với người có tài sản đấu giá, với mục đích tìm kiếm lợi ích kinh tế là chính khi lựa chọn bán tài sản thông qua đấu giá, mục đích của người tham gia đấu giá đa dạng, phong phú hơn: cũng có thể vì lợi ích kinh tế nhưng cũng có thể vì đam mê, vì sở thích,... Với khả năng tập hợp đông đảo người tham gia đấu giá, DN ĐGTS tạo điều kiện cho họ tham gia trả giá cạnh tranh để có được tài sản thỏa mãn lợi ích của mình.

Cũng với vai trò tập hợp nhiều người mua tiềm năng cùng đánh giá tập thể về giá trị của tài sản đấu giá, DN ĐGTS giúp người tham gia đấu giá trong chừng mực nhất định, xác định được giá trị của tài sản, đặc biệt là những tài sản khó tìm được nền tảng từ thị trường như cổ vật, tác phẩm nghệ thuật,... Mặt khác, Vijay Krishna cho rằng, sự không chắc chắn về các giá trị mà cả người bán và người mua phải đối mặt là một tính năng vốn có của đấu giá[196]. Người bán không biết chắc chắn giá trị mà những người tham gia đấu giá gắn cho mỗi đối tượng được đưa ra đấu giá. Bởi việc trả giá phụ thuộc vào nhiều yếu tố chứ không chỉ duy nhất là giá thị trường. Người tham gia đấu giá cũng không biết chắc về các giá trị mà những người khác sẽ trả đối với đối tượng đấu giá. Từ đó, giúp họ có những hoạch định trong việc sử dụng lựa chọn trong mua bán tài sản của mình. Đôi khi chính việc tham gia đấu giá đã thúc đẩy họ lựa chọn bán tài sản của mình thông qua đấu giá.

[195] Neil Brodie (2019). The "Art World" of the Auction Houses: The Role of Professional Experts, *Arts*, (8 (2), 56), trang 1-2
[196] Vijay Krishna, tlđd (4), trang 3

2.3 NỘI DUNG VÀ NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

2.3.1 Khái niệm quy chế pháp lý và quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản

2.3.1.1 Khái niệm quy chế pháp lý

Theo từ điển tiếng Việt: quy chế là những điều đã được quy định thành chế độ để mọi người theo đó mà thực hiện trong những hoạt động nhất định nào đó[197].

Theo từ điển mở Wiktionary: quy chế là "điều định ra để nhiều người, nhiều nơi cùng theo đó mà làm"[198].

Theo từ điển Oxford: quy chế là những gì áp dụng chung, ràng buộc tất cả các thành viên[199].

Từ điển Luật học do Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp biên soạn và trang Thư viện pháp luật, cho rằng: quy chế là một văn bản hoặc toàn thể các văn bản có chứa đựng quy phạm pháp luật hoặc quy phạm xã hội do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ban hành theo thủ tục, trình tự nhất định, có hiệu lực bắt buộc đối với các thành viên của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi điều chỉnh của quy chế[200]. Ví dụ như quy chế tuyển sinh, quy chế xuất bản,...

Có thể thấy, căn cứ vào các khái niệm được thể hiện trong các từ điển, đặc điểm mang tính cố hữu của quy chế đó là tính chung, tính ràng buộc. Quy chế có đối tượng điều chỉnh. Đối tượng điều chỉnh của quy chế chịu sự tác động của một tập hợp các quy tắc xử sự. Tức là quy chế là kết quả từ quá trình hệ thống hóa các quy tắc xử sự. Các quy tắc xử sự này chứa đựng trong một hoặc nhiều văn bản. Do đó, để đối tượng điều chỉnh của quy chế thực hiện theo quy chế, công tác tập hợp, hệ thống hóa các quy tắc xử sự là vô cùng cần thiết và hơn hết phải được thực hiện một cách khoa học.

Bên cạnh đó, các từ điển cũng có các định nghĩa về "pháp lý". Pháp lý là lý luận, nguyên lý về pháp luật[201]. Pháp lý chỉ những lý lẽ, lẽ phải theo pháp luật[202]. Cũng có công trình nghiên cứu đưa ra khái niệm "quy chế pháp lý": "Quy chế pháp lý là hệ thống pháp luật bao gồm các quy phạm (quy tắc hành vi hay quy tắc xử sự) có tính bắt buộc

[197] Ngôn ngữ học Việt Nam (2006). *Từ điển tiếng Việt*. Nxb. Từ điển Bách Khoa, Hà Nội. Trang 422; Hoàng Phê (chủ biên) (2003). *Từ điển tiếng Việt*. Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng. Trang 812

[198] Từ điển mở Wiktionary, [https://vi.wiktionary.org/wiki/quy_ch%E1%BA%BF#Ti%E1%BA%BFng_Vi%E1%BB%87t] (truy cập ngày 15/8/2023)

[199] Oxford Paperback Reference (2003). *A Dictionary of law*. Oxford University Press publisher, NY. Trang 96

[200] Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp, tlđd (13), trang 642; Thư viện pháp luật. Quy chế là gì? [https://thuvienphapluat.vn/hoi-dap-phap-luat/iframe/1E51E-hd-quy-che-la-gi.html] (truy cập ngày 15/8/2023)

[201] Ngôn ngữ học Việt Nam, tlđd (197), trang 394; Hoàng Phê (chủ biên), tlđd (197), trang 767

[202] Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp, tlđd (13), trang 606

chung và được thực hiện lâu dài nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội, do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, thể hiện ý chí Nhà nước và được Nhà nước đảm bảo thực hiện bằng các biện pháp tổ chức, giáo dục, thuyết phục, cưỡng chế bằng bộ máy nhà nước"[203]. Theo quan điểm này, phạm vi của quy chế pháp lý khá rộng, bao gồm tất cả các quy phạm được ban hành hoặc thừa nhận bởi Nhà nước và được đảm bảo thực hiện bằng quyền lực nhà nước, để điều chỉnh các quan hệ xã hội. Quy chế pháp lý được hình thành thông qua Nhà nước, do đó, nó phản ánh ý chí của Nhà nước. Lựa chọn quan hệ xã hội nào để xây dựng quy chế pháp lý điều chỉnh và nội dung của quy chế pháp lý hoàn toàn xuất phát từ ý chí, định hướng, mong muốn của Nhà nước, nhằm thực hiện chức năng quản lý của Nhà nước đối với sự phát triển của nền kinh tế và ổn định xã hội. Để làm tốt chức năng đó, đòi hỏi quy chế pháp lý phải được xây dựng hoàn thiện. Đặc biệt đối với các quan hệ kinh tế, quy chế pháp lý cần hạn chế sự can thiệp quá mức của Nhà nước mà bỏ qua các quy luật của kinh tế thị trường.

Ở một phương diện khác, quy chế pháp lý "được hiểu là tổng thể các quy định pháp luật do các chủ thể có thẩm quyền ban hành liên quan đến quyền và nghĩa vụ hay trách nhiệm mà chủ thể/đối tượng được hướng tới được hưởng hay phải gánh chịu và những chủ thể đó phải tuân theo các quy định này một cách đầy đủ, nghiêm chỉnh"[204]. Nghiên cứu "quy chế pháp lý về công dân", tác giả Phan Thanh Hà cho rằng: "là hệ thống các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, được Nhà nước ghi nhận trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác"[205]. Theo các quan điểm này, phạm vi của quy chế pháp lý chỉ bao gồm các quy phạm pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của đối tượng điều chỉnh của quy chế. Các quan điểm này đưa ra khái niệm quy chế pháp lý với phạm vi khá hẹp. Quyền và nghĩa vụ của đối tượng điều chỉnh mới chỉ là một phần trong quy chế pháp lý. Bởi lẽ, theo tác giả Lê Thị Anh Đào: quy chế không chỉ bao gồm các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của chủ thể trong một quan hệ xã hội cụ thể, mà còn bao gồm các quy

[203] Trần Xuân Hùng (2016). *Quy chế pháp lý về công ty tài chính theo pháp luật về các tổ chức tín dụng ở Việt Nam hiện nay*. Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội. Trang 17
[204] Phạm Thị Giang (2015). *Quy chế pháp lý của các đảo theo khoản 3 Điều 121 Công ước luật biển 1982 – Liên hệ với tranh chấp trên biển Đông*. Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội. Trang 9
[205] Phan Thanh Hà (2014). Quy chế pháp lý về công dân theo Hiến pháp năm 2013 – Tiếp cận từ những giá trị phổ biến của quyền con người, *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, [https://tcnn.vn/news/detail/7716/Quy_che_phap_ly_ve_cong_dan_theo_Hien_phap_nam_2013_tiep_can_tu_nhung_gia_tri_pho_bien_cua_quyen_conall.html] (truy cập ngày 16/02/2024)

định về trách nhiệm pháp lý, năng lực pháp luật và năng lực hành vi, các bảo đảm về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ thể...[206]

Như vậy, dù ở phạm vi rộng hay hẹp, quy chế pháp lý đều có nền tảng từ các quy phạm. Các quy phạm này đều được hình thành từ Nhà nước, thông qua hình thức Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận. Ban hành hoặc thừa nhận các quy phạm này phải là các cơ quan nhà nước được Nhà nước trao quyền và phải theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Tùy vào thể chế chính trị và tổ chức bộ máy nhà nước mà mỗi quốc gia trao quyền cho các cơ quan nhà nước nhất định để ban hành quy phạm. Trình tự, thủ tục ban hành quy phạm, theo đó, cũng khác nhau. Quy chế pháp lý điều chỉnh một đối tượng nhất định có thể là các quy phạm chứa đựng trong một văn bản pháp luật, cũng có thể các quy phạm đó nằm rải rác trong các văn bản pháp luật khác nhau. Về nội dung, quy chế pháp lý điều chỉnh một đối tượng nhất định bao gồm một tập hợp tất cả các quy phạm điều chỉnh tổng thể, toàn diện đối tượng đó. Nó bao gồm các quy phạm xác định địa vị vị pháp, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm, cách thức thực hiện và bảo đảm quyền, nghĩa vụ,... Tìm hiểu quy chế pháp lý về đối tượng đó cần phải tập hợp, sắp xếp, hệ thống theo các tiêu chí nghiên cứu để có cái nhìn tổng quát và lo-gic nhất.

Từ những phân tích trên, NCS đưa ra khái niệm "quy chế pháp lý": "*quy chế pháp lý là một hệ thống các quy phạm có tính bắt buộc chung, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc thừa nhận theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, điều chỉnh toàn diện một đối tượng nhất định"*.

2.3.1.2 Khái niệm quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản

Quy chế pháp lý có đối tượng điều chỉnh nhất định. Do đó, các nghiên cứu về quy chế pháp lý đều tập trung vào các quy phạm xoay quanh đối tượng điều chỉnh của quy chế. Theo đó, cũng có những quan điểm về quy chế pháp lý về một đối tượng nhất định:

Quy chế pháp lý của thành viên Hội đồng quản trị độc lập là tổng thể các quy định pháp luật về vị trí pháp lý/địa vị pháp lý của thành viên Hội đồng quản trị trong cơ cấu Hội đồng quản trị của Ngân hàng thương mại cổ phần[207]. Phạm vi của quy chế pháp lý này bao gồm các quy định pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ pháp lý, tiêu chuẩn, điều kiện, cách thức xác lập, chấm dứt tư cách thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ngân hàng thương mại cổ phần.

[206] Lê Thị Anh Đào (2017). *Quy chế pháp lý của đảo theo quy định của Công ước luật biển năm 1982 và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam*. Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội. Trang 28

[207] Nguyễn Hồng Ngọ (2016). *Quy chế pháp lý của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam*. Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội. Trang 26

Tác giả Lê Thị Anh Đào đưa ra khái niệm "quy chế pháp lý của đảo trong luật biển quốc tế" theo nghĩa rộng: là các quy định của luật biển quốc tế về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý giữa các quốc gia trong khai thác và sử dụng đảo, bảo vệ môi trường đảo; các biện pháp bảo đảm quyền, nghĩa vụ cũng như giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia liên quan đến đảo...[208]. Bên cạnh đó là một khái niệm mang tính khái quát: quy chế pháp lý theo quy định của luật biển quốc tế là khả năng của đảo được hưởng các không gian biển trên cơ sở quy định của luật biển quốc tế[209]. Theo đó, quy chế pháp lý của đảo trong luật biển quốc tế gồm ba vấn đề có quan hệ với nhau: i) vai trò của đảo trong xác định đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải; ii) vai trò của đảo trong tạo ra các vùng biển riêng, bao quanh đảo; iii) vai trò của đảo trong phân định biển giữa các quốc gia.

Như vậy, phạm vi của quy chế pháp lý được xác định căn cứ vào đối tượng điều chỉnh. Mỗi đối tượng điều chỉnh sẽ có nội dung quy chế pháp lý tương đối khác nhau. Như trên đã phân tích, quy chế pháp lý là một hệ thống các quy phạm điều chỉnh toàn diện một đối tượng nhất định. Đối tượng điều chỉnh của quy chế pháp lý về DN ĐGTS là DN ĐGTS. Với tư cách là một chủ thể kinh doanh, quy chế pháp lý về DN ĐGTS bao gồm hệ thống các quy phạm có phạm vi rất rộng điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh từ quá trình DN thành lập, cơ cấu tổ chức, hoạt động, quyền, nghĩa vụ, chế tài cho đến vấn đề chấm dứt hoạt động của DN. Quy phạm điều chỉnh các vấn đề này chứa đựng chủ yếu trong các LDN, LĐGTS và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bên cạnh đó nó còn chứa đựng trong các văn bản pháp luật về dân sự, hình sự, hành chính, thuế, đầu tư, cạnh tranh, đất đai, thương mại,... Quan hệ pháp luật phát sinh giữa DN ĐGTS và các chủ thể khác khá đa dạng, bao gồm cả các quan hệ pháp luật tư và quan hệ pháp luật công. Nghiên cứu quy chế pháp lý về DN ĐGTS đòi hỏi người nghiên cứu phải tiến hành hệ thống hóa các quy phạm chứa đựng trong các văn bản pháp luật này. Để công tác hệ thống hóa đạt hiệu quả, người nghiên cứu cần xây dựng các tiêu chí cụ thể. Theo đó, các tiêu chí được xây dựng để nghiên cứu quy chế pháp lý về DN ĐGTS bao gồm: thành lập DN ĐGTS; quyền, nghĩa vụ của DN ĐGTS, chế tài, trách nhiệm pháp lý của DN ĐGTS, chấm dứt hoạt động của DN ĐGTS.

Quy chế pháp lý về DN ĐGTS có ý nghĩa khẳng định vai trò điều tiết nền kinh tế của Nhà nước trong phạm vi rộng, đồng thời khẳng định địa vị pháp lý của DN ĐGTS trong nền kinh tế, tạo hành lang pháp lý đảm bảo hoạt động an toàn của DN, đảm bảo quyền của DN không tách rời nghĩa vụ của DN, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các

[208] Lê Thị Anh Đào, tlđd (206), trang 28
[209] Lê Thị Anh Đào, tlđd (206), trang 29

bên có liên quan đến DN (người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, người mua được tài sản đấu giá, ĐGV, nhân viên tại DN) và đặc biệt là sự an toàn của nền kinh tế thị trường.

Ở Việt Nam, quy chế pháp lý về DN ĐGTS luôn phải được ban hành hoặc thừa nhận bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo trình tự, thủ tục, nguyên tắc được quy định trong Hiến pháp, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Tổ chức tòa án nhân dân, các văn bản hướng dẫn thi hành và Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Các văn bản quy định, điều chỉnh quan hệ nội bộ DN do DN tự ban hành không thuộc nội dung của quy chế pháp lý về DN ĐGTS nhưng nó có nền tảng từ quy chế pháp lý về DN ĐGTS. DN cũng có quyền ban hành quy chế nhưng phạm vi tác động và tính bắt buộc của quy chế do DN ban hành hẹp hơn rất nhiều so với quy chế pháp lý do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Từ các phân tích trên, NCS đưa ra khái niệm quy chế pháp lý về DN ĐGTS như sau: "*quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản là hệ thống các quy phạm có tính bắt buộc chung, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc thừa nhận theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong suốt quá trình thành lập, hoạt động, chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản"*.

2.3.2 Nội dung và vị trí của quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản

2.3.2.1 Nội dung của quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản

Như đã đề cập, quy chế pháp lý về DN ĐGTS có phạm vi rất rộng. DN ĐGTS cũng là DN, cũng chịu sự điều chỉnh chung của các văn bản pháp luật liên quan đến DN. Ngoài ra, DN ĐGTS còn chịu sự điều chỉnh của văn bản pháp luật chuyên ngành. Do đó, quy chế pháp lý về DN ĐGTS bao gồm quy chế pháp lý chung về DN ĐGTS như các DN khác và quy chế pháp lý riêng về DN ĐGTS với tư cách là DN kinh doanh ngành, nghề đặc thù. Trong phạm vi của Luận án này, NCS chỉ tập trung chuyên sâu vào quy chế pháp lý riêng về DN ĐGTS.

Với mục tiêu là nghiên cứu khía cạnh pháp luật DN đối với DN ĐGTS, do đó, quy chế pháp lý về DN ĐGTS, NCS sẽ tiến hành tập hợp hệ thống quy phạm theo các tiêu chí: thành lập, quyền, nghĩa vụ, chế tài và chấm dứt hoạt động của DN ĐGTS. Như đã xác định rõ trong phạm vi nghiên cứu, việc chấm dứt hoạt động của DN ĐGTS không có quy chế pháp lý điều chỉnh riêng mà thực hiện theo quy chế pháp lý chung như các DN khác. Do đó, các quy phạm liên quan đến vấn đề chấm dứt hoạt động của DN ĐGTS sẽ không được tập hợp và nghiên cứu trong Luận án này.

Thứ nhất, nhóm quy phạm điều chỉnh các quan hệ phát sinh khi thành lập DN ĐGTS, cụ thể là quan hệ giữa người thành lập DN và Nhà nước. Đây là hệ thống quy phạm pháp luật chứa đựng trong LĐGTS và các văn bản hướng dẫn thi hành về điều kiện thành lập DN ĐGTS - những ràng buộc từ pháp luật Việt Nam, nhằm đạt được mục đích định hướng của Nhà nước là chuyên nghiệp hóa hoạt động kinh doanh, nâng cao trách nhiệm của DN ĐGTS nhưng không hạn chế quá mức quyền tự do kinh doanh và can thiệp vào hiệu quả kinh doanh của DN. Các quy phạm pháp luật về điều kiện thành lập DN ĐGTS được tập hợp, hệ thống theo các tiêu chí: hình thức pháp lý, ngành, nghề kinh doanh của DN ĐGTS, chủ thể thành lập DN ĐGTS, các điều kiện liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước đối với DN ĐGTS. Xuất phát từ mục tiêu nghiên cứu, nên các quy phạm pháp luật mang tính hành chính về thủ tục thành lập DN ĐGTS sẽ không được tập trung nghiên cứu trong nội dung này.

Thứ hai, nhóm quy phạm điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình hoạt động của DN ĐGTS, trong đó bao gồm các quan hệ trong nội bộ DN, giữa các chủ sở hữu DN với nhau, giữa DN và ĐGV, người lao động trong DN và quan hệ giữa DN với các thực thể ngoài DN, giữa DN với các bên có liên quan đến hoạt động kinh doanh của DN, giữa DN với Nhà nước. Trong các quan hệ này, DN ĐGTS là một bên chủ thể, có các quyền và nghĩa vụ nhất định. Do đó, nhóm quy phạm điều chỉnh các quan hệ này là hệ thống quy phạm pháp luật về quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS. Các quy phạm pháp luật này chứa đựng trong nhiều văn bản pháp luật như LĐGTS, LDN, Luật Đất đai, Luật Thi hành án dân sự, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công,... Nghiên cứu quy chế pháp lý điều chỉnh các quan hệ này, NCS tập hợp nhóm quy phạm pháp luật này theo các tiêu chí sau: trong quan hệ nội bộ của DN, có quyền và nghĩa vụ của DN trong thiết lập cơ cấu tổ chức DN, quyền và nghĩa vụ của DN trong quan hệ với ĐGV; trong quan hệ với các thực thể ngoài DN, có quyền và nghĩa vụ của DN trong mối quan hệ với Nhà nước, với người có tài sản đấu giá và với người tham gia đấu giá.

Thứ ba, nhóm quy phạm về chế tài/trách nhiệm pháp lý của DN ĐGTS. Đây là hệ thống quy phạm pháp luật chứa đựng trong LĐGTS, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Luật Xử lý vi phạm hành chính, các văn bản hướng dẫn thi hành, Nghị định số 82/2020/NĐ-CP... Nội dung của các quy phạm pháp luật này bao gồm chế tài đối với DN ĐGTS khi vi phạm các điều kiện thành lập DN, trách nhiệm pháp lý của DN ĐGTS trong quá trình hoạt động.

Các nội dung nghiên cứu trên đều được đặt trên nền tảng thể chế chính trị, các học thuyết pháp lý tác động đến quan điểm lập pháp và đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam để nhìn nhận, đánh giá cũng như so sánh với pháp luật các nước trên thế giới. Từ đó, rút ra những hạn chế, bất cập, chưa phù hợp trong hệ thống các quy phạm pháp luật về thành lập, quyền, nghĩa vụ và chế tài đối với DN ĐGTS. Định hướng sửa đổi, bổ sung các quy phạm pháp luật nhằm hoàn thiện quy chế pháp lý về DN ĐGTS ở Việt Nam trong thời gian tới cũng dựa trên những nền tảng đó. Bởi rõ ràng là quy chế pháp lý về DN nói chung, DN ĐGTS nói riêng đều chịu sự tác động của cơ sở hạ tầng nói chung, kinh tế thị trường nói riêng. Theo Karl Heinrich Marx, nguyên nhân ra đời và phát triển của pháp luật - một bộ phận của "kiến trúc thượng tầng" là do nền kinh tế và các cơ sở vật chất khác - "cơ sở hạ tầng" quyết định[210].

2.3.2.2 Vị trí của quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản trong hệ thống pháp luật Việt Nam

Xem xét vị trí của quy chế pháp lý về DN ĐGTS trong hệ thống pháp luật Việt Nam, NCS đặt hệ thống quy phạm này trong mối quan hệ với hệ thống quy phạm pháp luật quốc gia của Việt Nam và trong mối quan hệ với pháp luật quốc tế. Bởi lẽ trong xu thế hội nhập hiện nay, hệ thống pháp luật quốc gia là một bộ phận không thể tách rời của hệ thống pháp luật quốc tế.

Thứ nhất, trong phạm vi hệ thống pháp luật quốc gia. Quy chế pháp lý về DN ĐGTS bao gồm hệ thống các quy phạm điều chỉnh các quan hệ phát sinh từ quá trình DN được thành lập đến khi DN chấm dứt hoạt động. "Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung do Nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện để điều chỉnh các quan hệ xã hội theo những định hướng và mục đích mong muốn"[211]. Bên cạnh các quy tắc xử sự chung do Nhà nước ban hành, còn có các quy tắc xử sự chung do Nhà nước công nhận[212] theo quan điểm của tác giả Phan Trung Hiền. Quy phạm pháp luật chính là thành tố nhỏ nhất cấu thành nên hệ thống pháp luật quốc gia. Giữa các thành tố của hệ thống pháp luật có mối quan hệ, liên hệ qua lại, ràng buộc lẫn nhau[213]. Các quy phạm pháp luật điều chỉnh đối với DN ĐGTS cũng là thành tố tạo thành hệ thống pháp luật Việt Nam. Các quy phạm pháp luật này cũng có mối quan hệ, liên hệ mật thiết với các quy phạm pháp luật khác để tạo thành một chỉnh thể thống nhất của hệ thống pháp luật Việt Nam. Có thể nói, quy chế pháp lý về DN ĐGTS là một bộ phận không thể tách rời trong hệ thống pháp luật của

[210] Phan Trung Hiền (2012). *Lý luận về nhà nước và pháp luật (Quyển 1)*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. Trang 22
[211] Nguyễn Minh Đoan, tlđd (91), trang 337
[212] Phan Trung Hiền, tlđd (90), trang 59
[213] Nguyễn Minh Đoan, tlđd (91), trang 360-361

Việt Nam. Quy chế pháp lý về DN ĐGTS có mối liên hệ mật thiết với các quy phạm pháp luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam như quy phạm pháp luật về DN, dân sự, thương mại, hành chính,... Điều chỉnh các quan hệ pháp luật phát sinh mà DN ĐGTS là một bên chủ thể, quy chế pháp lý về DN ĐGTS đứng ở vị trí trung tâm trong hệ thống pháp luật Việt Nam, là sự lựa chọn ưu tiên hàng đầu của chủ thể áp dụng pháp luật. Quy chế pháp lý này bao gồm hệ thống quy phạm pháp luật chung và hệ thống quy phạm pháp luật chuyên ngành. Ở Việt Nam, quy phạm pháp luật chuyên ngành được ưu tiên áp dụng để điều chỉnh các quan hệ pháp luật chuyên ngành. Quy phạm pháp luật chung chỉ được áp dụng trong trường hợp quy phạm pháp luật chuyên ngành không có quy định.

Đứng ở vị trí trung tâm trong điều chỉnh và định hướng, tạo điều kiện cho DN ĐGTS đạt được mục tiêu kinh doanh trong nền kinh tế thị trường, tuy nhiên, trong phạm vi nội bộ quốc gia, quy chế pháp lý về DN ĐGTS vẫn chưa thực sự hoàn thiện, chưa đồng bộ, thống nhất với các quy phạm pháp luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam. ĐGTS - ngành, nghề kinh doanh duy nhất của DN ĐGTS vẫn chưa thực sự phát huy hiệu quả tích cực của nó trong mua bán tài sản, chưa nhận được sự quan tâm, tin tưởng của cả người mua, người bán. DN ĐGTS vẫn chưa được tạo mọi điều kiện thuận lợi để kinh doanh và tự chủ trong kinh doanh. Nhà nước vẫn còn can thiệp quá nhiều vào việc định hướng hiệu quả kinh doanh của DN - vấn đề mà vốn dĩ nó chịu sự quyết định của các quy luật kinh tế thị trường. Bằng chứng là doanh thu trong kinh doanh của các DN ĐGTS ở Việt Nam còn rất hạn chế, chưa đạt được như kỳ vọng.

Thứ hai, trong quan hệ với pháp luật quốc tế. Ngày nay, xu thế hội nhập quốc tế là cơ hội đồng thời cũng là thách thức đối với mỗi quốc gia. Để hội nhập, hệ thống pháp luật quốc gia phải được xây dựng không những phù hợp với bối cảnh kinh tế - hội trong nước mà còn theo hướng phù hợp, tiệm cận với thông lệ quốc tế, với các cam kết của quốc gia khi gia nhập các Điều ước quốc tế. Ở Việt Nam, yêu cầu đó đã được thể hiện trong Nghị quyết số 48-NQ/TW:

> Phát huy cao độ nội lực, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền, an ninh quốc gia và định hướng xã hội chủ nghĩa. Xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, đồng thời tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế về xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; kết hợp hài hòa bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tính hiện đại của pháp luật.

Là một bộ phận cấu thành nên hệ thống pháp luật Việt Nam, quy chế pháp lý về DN ĐGTS cũng phải đảm bảo tinh thần đó. Tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp của các nước tiên tiến với hàng loạt DN ĐGTS phát triển rực rỡ trên cơ sở nghiên cứu điều kiện kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

Đến thời điểm này, quy chế pháp lý về DN ĐGTS của Việt Nam đang đứng ở vị trí độc lập, tách rời, không có sự kết nối và có nhiều khác biệt với pháp luật quốc tế. Những khác biệt của quy chế pháp lý về DN ĐGTS ở Việt Nam có nguyên nhân từ nguồn gốc ra đời của ĐGTS và quan điểm cố hữu từ lịch sử để lại về vai trò, vị trí của ĐGTS. So với các DN, công ty đấu giá trên thế giới, DN ĐGTS ở Việt Nam vẫn đang phải loay hoay với việc tìm kiếm doanh thu và khẳng định vị trí của mình trong nền kinh tế thị trường. DN ĐGTS ở Việt Nam hiện vẫn chưa thể vươn tầm thế giới, chưa thể sánh ngang với DN, công ty đấu giá đang phát triển sôi động khắp các châu lục. Nguyên nhân của thực trạng này một phần rất lớn là do những hạn chế từ quy chế pháp lý về DN ĐGTS ở Việt Nam. Nó đã dựng nên một rào cản lớn giữa DN ĐGTS ở Việt Nam với các DN, công ty đấu giá trên thế giới. Chính vì vậy, để phá vỡ những rào cản này, trong tương lai, Việt Nam có thể tiến tới ký kết gia nhập các Điều ước quốc tế đa phương, song phương với các quốc gia trên thế giới trong lĩnh vực dịch vụ ĐGTS, mở rộng đường cho DN ĐGTS ở Việt Nam có cơ hội tiếp cận, hội nhập với các DN kinh doanh cùng ngành, nghề trên thế giới.

Trong phạm vi quốc gia, để hệ thống pháp luật đi đến hoàn thiện, mỗi yếu tố cấu thành hệ thống pháp luật cũng phải đảm bảo tính hoàn thiện. Điều đó có nghĩa mỗi ngành luật, mỗi chế định pháp luật, mỗi quy phạm pháp luật phải đảm bảo tính hoàn thiện. Hoàn thiện với tư cách là một quy phạm độc lập điều chỉnh một quan hệ xã nhất định và hoàn thiện trong mối quan hệ với các quy phạm pháp luật khác trong hệ thống pháp luật. Để hướng đến xây dựng một hệ thống pháp luật Việt Nam hoàn thiện, quy chế pháp lý về DN ĐGTS cũng phải được nghiên cứu định hướng sửa đổi, bổ sung ngày càng hoàn thiện. Định hướng sửa đổi, bổ sung quy chế pháp lý về DN ĐGTS phải đảm bảo các tiêu chí: tính toàn diện, đồng bộ, thống nhất, phù hợp, khả thi, hiệu quả và vấn đề ngôn ngữ, kỹ thuật xây dựng pháp luật[214].

2.3.3 Nguyên tắc xây dựng quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản

Pháp luật là công cụ để Nhà nước thực hiện chức năng quản lý xã hội. Để Nhà nước quản lý xã hội hiệu quả, toàn diện, chặt chẽ, đòi hỏi pháp luật phải hoàn thiện. Để

[214] Nguyễn Minh Đoan, tlđd (91), trang 367-371

xây dựng hệ thống pháp luật hoàn thiện, yêu cầu quan trọng nhất là hệ thống pháp luật đó phải được xây dựng trên nền tảng khoa học. Hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh một đối tượng nhất định được xây dựng dựa trên các nguyên tắc khoa học. Do đó, trước khi tiến hành xây dựng hệ thống quy phạm pháp luật đó, người làm luật cần có sự nghiên cứu, phân tích các nguyên tắc khoa học đó. Khi xây dựng quy chế pháp lý về DN ĐGTS cần dựa trên các nguyên tắc khoa học sau: đảm bảo quyền tự do kinh doanh, thực hiện các cam kết của Việt Nam tại các Điều ước quốc tế, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, phát huy vai trò của DN ĐGTS, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có liên quan đến ĐGTS.

2.3.3.1 Đảm bảo quyền tự do kinh doanh

Bàn về quyền tự do kinh doanh, đã có nhiều học giả coi đây là quyền kinh tế tự nhiên của con người, đã được Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966 ghi nhận: "Mọi người được có một cuộc sống thích đáng cho bản thân và gia đình, quyền được cải thiện không ngừng điều kiện sống"[215]. Tác giả Bùi Xuân Hải cũng đã từng nhận định: "Xét dưới góc độ triết lý khách quan, tự do nói chung và quyền tự do kinh doanh nói riêng là phạm trù tồn tại khách quan, mang tính tất yếu, là quyền tự nhiên của con người"[216].

Tác giả Mai Hồng Quỳ và cộng sự đưa ra quan điểm: quyền tự do kinh doanh là khả năng hành động, khả năng lựa chọn và quyết định, một cách có ý thức của cá nhân hay DN về các vấn đề liên quan đến và trong hoạt động kinh doanh; chẳng hạn quyết định các vấn đề khi thành lập DN, lựa chọn quy mô và ngành, nghề kinh doanh, lựa chọn địa bàn kinh doanh, lựa chọn đối tác, lựa chọn cơ quan giải quyết tranh chấp...[217]

Tác giả Chafuen và Guzmán cho rằng: tự do kinh doanh là không tồn tại sự can thiệp hạn chế hoặc mạnh mẽ của Nhà nước về sản xuất, tiêu dùng và vận chuyển hàng hóa, dịch vụ. Nói cách khác, tự do kinh doanh là có quyền cho một cá nhân làm bất cứ điều gì anh ta muốn, như được quy định trong luật, bằng thu nhập và tài sản của họ[218].

[215] Khoản 1 Điều 11 Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966

[216] Bùi Xuân Hải (2011). Tự do kinh doanh: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (5), trang 69

[217] Mai Hồng Quỳ và các cộng sự (2012). *Tự do kinh doanh và việc bảo đảm quyền con người tại Việt Nam*. Nxb. Lao động, Thành phố Hồ Chí Minh. Trang 54

[218] Alejandro A. Chafuen và Eugenio Guzmán (2000). "Economic Freedom and Corruption" in *2000 Index of Economic Freedom,* edited by Gerald O'Driscoll Jr., Kim Holmes, and Melanie Kirkpatrick. The Heritage Foundation anh The Wall Street Journal, Washington, D.C. and NY. Trang 51-63

Theo tác giả Terry Miller và Anthony B. Kim: tự do kinh doanh được hiểu là quyền của cá nhân trong việc thành lập và vận hành DN mà không bị sự can thiệp, cản trở, nhũng nhiễu từ phía Nhà nước[219].

Tác giả Cuneyt Kilic và Fevza Arica nêu quan điểm: tự do kinh doanh có thể được thể hiện như một môi trường mà cá nhân quyết định dựa trên tự do của họ, quyền sở hữu của cá nhân được bảo vệ, các quyết định trên thị trường được điều phối bởi cơ chế thị trường và nơi mà có quyền tự do tham gia vào thị trường và cạnh tranh[220].

Các tác giả Nguyễn Thị Thu Trang, Dương Anh Sơn và Châu Thị Khánh Vân cho rằng: "quyền tự do kinh doanh là quyền kinh tế của con người, được pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế ghi nhận nhằm đảm bảo các quyền tự do gia nhập, tổ chức và thực hiện hoạt động kinh doanh của con người"[221].

Có nhiều quan điểm về quyền tự do kinh doanh, có thể khái quát đặc điểm chung trong các quan điểm của các tác giả trên như sau: đó là quyền gắn liền với cá nhân được pháp luật được bảo vệ. Thông qua quyền tự do kinh doanh, con người có thể tự do lựa chọn gia nhập thị trường, tự do tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh tìm kiếm lợi nhuận. Quyền tự do kinh doanh không bị can thiệp, chi phối, cản trở bởi Nhà nước mà chịu sự điều phối của cơ chế thị trường. Thế nhưng tự do kinh doanh không phải là quyền vô hạn định, tự do quyết định trong hoạt động kinh doanh không phải việc chủ thể được làm tất cả những điều họ muốn, nó bị giới hạn bởi quyền tự do kinh doanh của người khác và không bị xâm phạm đến lợi ích công cộng, lợi ích của các chủ thể khác trong xã hội[222]. Tùy vào thể chế chính trị, điều kiện kinh tế - xã hội cũng như đặc trưng, định hướng phát triển của nền kinh tế thị trường ở mỗi quốc gia mà Nhà nước sẽ có những chính sách điều tiết, ghi nhận, đảm bảo quyền tự do kinh doanh nhưng phải đảm bảo quyền tự do kinh doanh không xâm hại đến lợi ích của chủ thể khác, lợi ích chung của xã hội. Để làm được điều đó, không thể thiếu vai trò quản lý của Nhà nước thông qua pháp luật. Suy cho cùng, quyền tự do kinh doanh là quyền không tách rời trong luật tự nhiên, tới lượt mình, luật thực định sẽ ghi nhận quyền đó ở các mức độ khác nhau tùy thuộc vào nhiều yếu tố tác động. Chính vì vậy, trong một chừng mực nhất định, quyền tự do kinh

[219] Ambassador Terry Miller và Anthony B. Kim (2010). "Defining Economic Freedom" in *2010 Index of Economic Freedom,* edited by Kim R. Holmes, Daniella Markheim, James M. Roberts, and Caroline Walsh. The Heritage Foundation anh The Wall Street Journal, Washington, D.C. and NY. Trang 59

[220] Cuneyt Kilic và Fevza Arica (2014). Economic Freedom, Inflation Rate and Their Impact Economic Growth: A Panel Data Analysis, *Romanian Journal of Economic Forecasting*, (XVII (1)), trang 161

[221] Nguyễn Thị Thu Trang, Dương Anh Sơn, Châu Thị Khánh Vân, tlđd (180), trang 41

[222] Bùi Xuân Hải, tlđd (216), trang 70

doanh theo quy định của pháp luật ở mỗi quốc gia sẽ có những khác biệt mang tính đặc trưng.

Tác giả Bùi Ngọc Cường đã từng khẳng định "hệ thống pháp luật của quốc gia có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong việc đảm bảo quyền tự do kinh doanh"[223]. Mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, với thời gian tồn tại ngắn, đề cao vai trò điều tiết của Nhà nước và vai trò chỉ đạo định hướng của Đảng Cộng sản, thừa nhận nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, pháp luật, vì vậy, cũng thể hiện rõ tư tưởng này, pháp luật được xây dựng trên nền tảng chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước can thiệp điều tiết sâu rộng mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Bên cạnh đó, quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 10-NQ/TW), nêu rõ: để thu hút và đảm bảo hoạt động của kinh tế tư nhân theo cơ chế thị trường cần thể chế hóa đầy đủ và thực hiện nghiêm minh quyền tự do kinh doanh. Nhà nước, thông qua pháp luật, phải có những đảm bảo cho việc thực hiện quyền tự do kinh doanh. Điều đó có nghĩa pháp luật phải xác định rõ các hành vi mà các chủ thể kinh doanh cần phải thực hiện hoặc không được thực hiện để không làm tổn hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể khác.

Quyền tự do kinh doanh trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, so với các nước phương Tây với nền kinh tế thị trường phát triển lâu đời, vẫn còn non trẻ và chịu sự can thiệp, điều tiết nhiều từ phía Nhà nước. Mặc dù, hiện nay, quan điểm chỉ đạo của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đã ngày càng theo hướng cởi trói, tạo điều kiện cho quyền tự do kinh doanh được phát triển theo cơ chế thị trường, nhưng vẫn chưa thể hiện rõ quyền này thông qua các quy định pháp luật. Thành lập DN kinh doanh ĐGTS là biểu hiện thiết thực của quyền tự do kinh doanh đã được Hiến pháp và pháp luật Việt Nam ghi nhận: "Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm"[224] hay DN có quyền "tự do kinh doanh ngành, nghề mà luật không cấm"[225]. Biểu hiện trước hết là quyền tự do lựa chọn ngành, nghề kinh doanh của nhà đầu tư. Tuy nhiên, ĐGTS là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật Việt Nam, quyền tự do kinh doanh, vì vậy, cũng sẽ

[223] Bùi Ngọc Cường (2002). Vai trò của pháp luật kinh tế trong việc đảm bảo quyền tự do kinh doanh, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, (7(14)), trang 27
[224] Điều 33 Hiến pháp năm 2013
[225] Khoản 1 Điều 7 LDN năm 2020

bị hạn chế nhằm đảm bảo quyền này không có khả năng xâm phạm đến lợi ích của các chủ thể khác, trật tự quản lý mà Nhà nước đã thiết lập. Nhà đầu tư lựa chọn thành lập DN kinh doanh ĐGTS sẽ phải chịu những ràng buộc nhất định từ pháp luật, như quyền tự do lựa chọn loại hình DN.

Theo nhóm tác giả Nguyễn Thị Thu Trang, Dương Anh Sơn, Châu Thị Khánh Vân, quyền tự do kinh doanh được tiếp cận theo bốn nhóm quyền: quyền tự do gia nhập thị trường, quyền tự do quyết định hoạt động kinh doanh, quyền tự do hợp đồng, quyền tự do giải quyết tranh chấp[226]. Tác giả Chu Thị Hoa khái quát nội dung cơ bản của quyền tự do kinh doanh bao gồm: quyền tự do lựa chọn ngành nghề kinh doanh, quyền tự do lựa chọn mô hình và quy mô kinh doanh, quyền tự do lựa chọn hình thức, cách thức huy động vốn, quyền tự do hợp đồng, quyền tự do lựa chọn hình thức, cách thức giải quyết tranh chấp, quyền tự do cạnh tranh lành mạnh[227]. Thành lập DN kinh doanh ĐGTS vẫn đảm bảo các nhóm quyền của quyền tự do kinh doanh theo quan điểm này. DN ĐGTS có quyền tự do gia nhập thị trường, tuy nhiên, trước khi được gia nhập thị trường, DN phải đảm bảo các điều kiện theo quy định pháp luật. Khi DN đã đủ điều kiện gia nhập thị trường kinh doanh ĐGTS, DN có quyền tự do tổ chức kinh doanh (tài chính, huy động vốn, quyết định phân chia lợi nhuận,...), tuy nhiên, so với các DN khác, DN ĐGTS sẽ bị hạn chế quyền kinh doanh đa ngành. Trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh, DN ĐGTS có quyền tự do hợp đồng. Đối với DN ĐGTS là quyền tự do giao kết hợp đồng dịch vụ ĐGTS và các dịch vụ khác có liên quan đến ĐGTS. Tuy nhiên, ở Việt Nam, "đôi khi nhà làm luật đang có sự nhầm lẫn khi xác định mục tiêu ban hành các điều kiện kinh doanh, họ quan tâm quá nhiều đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp khi xây dựng một điều kiện kinh doanh nào đó"[228]. ĐGTS cũng không phải là một ngoại lệ. Do đó, đặt ra điều kiện đầu tư kinh doanh đối với hoạt động ĐGTS là phù hợp, bởi đa số các nước trên thế giới đều quy định đấu giá là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, nhưng không hẳn tất cả các điều kiện mà pháp luật Việt Nam quy định hiện nay đều đúng đắn và có ý nghĩa thực tiễn thiết thực. Mặt khác, quyền và nghĩa vụ của DN phải được xây dựng theo hướng mở rộng quyền tự do hợp đồng, linh hoạt, chủ động trong kinh doanh, hạn chế các khuôn khổ trong tổ chức hoạt động kinh doanh. Chế tài đối với DN ĐGTS phải đảm bảo vừa đủ sức răn đe, dự liệu bao quát các hành vi vi phạm pháp luật của DN từ quá trình thành lập đến quá trình hoạt động của DN, vừa không tạo tâm lý e dè trong

[226] Nguyễn Thị Thu Trang, Dương Anh Sơn, Châu Thị Khánh Vân, tlđd (180), trang 41
[227] Chu Thị Hoa (2021). *Kinh tế chia sẻ và quyền tự do kinh doanh*, [https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2594] (truy cập ngày14/8/2023)
[228] Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và The World Bank, tlđd (40), trang 30

thành lập DN và thụ động trong hoạt động tổ chức đấu giá. Tuy nhiên, vai trò điều tiết, định hướng cho sự phát triển rộng rãi của ĐGTS nói chung, DN ĐGTS nói riêng ở Việt Nam chưa thực sự phát huy hiệu quả. DN ĐGTS ở Việt Nam vẫn đang loay hoay tìm "lối đi" để tiếp tục tồn tại trong nền kinh tế thị trường khi hiệu quả kinh doanh còn rất hạn chế.

2.3.3.2 Thực hiện các cam kết của Việt Nam tại các Điều ước quốc tế

Thị trường dịch vụ của Việt Nam, vốn được cho là tương đối "đóng" với các nhà đầu tư nước ngoài theo các cam kết của Việt Nam với Tổ chức Thương mại thế giới (sau đây gọi tắt là cam kết WTO). Tuy nhiên, lĩnh vực này đã được mở rộng hơn đáng kể sau các cam kết của Việt Nam khi gia nhập Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là cam kết TPP), sau này là Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là cam kết CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (sau đây gọi tắt là cam kết EVFTA). Trong các cam kết WTO, TPP, CPTPP, EVFTA và các Điều ước quốc tế song phương, đa phương về mở cửa thị trường dịch vụ tại Việt Nam, tiếp nhận đầu tư nước ngoài, ĐGTS là ngành, nghề không nằm trong các cam kết đó[229]. Hiện nay, ĐGTS vẫn đang là ngành, nghề mà nhà đầu tư nước ngoài chưa được tiếp cận thị trường tại Việt Nam[230] bằng bất cứ hình thức đầu tư nào. Dù vậy, để hoạt động ĐGTS nói chung, DN ĐGTS ở Việt Nam nói riêng có cơ hội tiếp thu kinh nghiệm điều tiết, quản lý của các nước có hoạt động đấu giá phát triển và các DN ĐGTS quy mô lớn, Việt Nam cần xem xét đến việc mở cửa đối với ngành, nghề này. Dĩ nhiên, không thể thực hiện mở của hoàn toàn đối với ngành, nghề này mà ở mức độ hạn chế, tránh sự xâm nhập quá mức của nhà đầu tư nước ngoài vào các thị trường nhạy cảm như đất đai.

2.3.3.3 Phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là kiểu tổ chức nền kinh tế - xã hội vừa dựa trên những nguyên tắc và quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên những nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội. Sự can thiệp của Nhà nước xã hội chủ nghĩa vào nền kinh tế thị trường nhằm hiện thực hóa các mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhằm thực hiện dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Sự can thiệp đó không thể tùy tiện, duy ý chí mà phải trên cơ sở tôn trọng các quy luật của thị trường. Kinh tế thị trường là

[229] Đỗ Hoàng Yến, tlđd (44), trang 9
[230] Khoản 5 Mục A Phụ lục I kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

động lực và phương tiện để phát triển kinh tế, định hướng xã hội chủ nghĩa giữ vai trò dẫn dắt quá trình phát triển nền kinh tế[231]. Hệ thống pháp luật tạo khuôn khổ pháp lý cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa về cơ bản đã được xây dựng, từng bước bổ sung và dần hoàn thiện. Nhà nước thực hiện tốt chức năng xây dựng và quản lý thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách, phân bổ nguồn lực phát triển theo cơ chế thị trường[232]. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một nền kinh tế thị trường nhiều thành phần, trong đó khu vực kinh tế nhà nước giữa vai trò chủ đạo, với mục tiêu dài hạn là xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh đó, sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa không phủ nhận vai trò, đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân. Quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 10-NQ/TW đã khẳng định: phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh theo cơ chế thị trường là một yêu cầu khách quan, vừa cấp thiết, vừa lâu dài trong quá trình hoàn thiện thể chế, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng để phát triển kinh tế; kinh tế tư nhân được phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm. Đồng thời thực hiện phương hướng của Nghị quyết số 49-NQ/TW xã hội hóa mạnh mẽ các hoạt động bổ trợ tư pháp.

Ở Việt Nam, ĐGTS là một ngành, nghề kinh doanh, đồng thời là hoạt động bổ trợ tư pháp. DN ĐGTS chịu sự quản lý trực tiếp từ Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp - các cơ quan hành chính nhà nước. Bên cạnh DN ĐGTS, các cơ quan này còn quản lý các DN kinh doanh các ngành, nghề bổ trợ tư pháp khác như công chứng, luật sư, thừa phát lại,... Với phạm vi quản lý đa dạng nhiều ngành, nghề, tính chuyên nghiệp trong khâu quản lý rất hạn chế. Hơn nữa, đây lại là các cơ quan không có chuyên môn trong quản lý DN, đặc biệt là đối với các loại hình DN có quy mô lớn và phức tạp. Do đó, việc nhận diện các hành vi tiêu cực của DN như cạnh tranh không lành mạnh,... hay những tiêu cực trong hoạt động ĐGTS của DN là điều không dễ dàng.

Tóm lại, nhiệm vụ của Nhà nước trong thời gian tới là tiến hành rà soát, hệ thống hóa, sửa đổi, bổ sung các quy phạm pháp luật điều chỉnh đối với DN ĐGTS theo các quan điểm chỉ đạo trên. Đảm bảo Nhà nước chỉ can thiệp định hướng, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho DN ĐGTS hoạt động. Nhà nước nhận diện và loại bỏ các mặt trái, tiêu cực của kinh tế thị trường, tạo môi trường lành mạnh cho kinh tế tư nhân nói chung, DN ĐGTS nói riêng hoạt động theo các quy luật thị trường, bảo vệ lợi ích của các thành phần kinh tế và lợi ích chung của xã hội.

[231] Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp, tlđd (23), trang 27
[232] Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030

2.3.3.4 Phát huy vai trò của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Là DN thực hiện hoạt động kinh doanh trên thị trường nhằm tìm kiếm lợi nhuận, DN ĐGTS cũng có những vai trò nhất định như các DN khác, như: là bộ phận chủ yếu tạo ra tổng sản phẩm trong nước (GDP), góp phần làm năng động nền kinh tế, là yếu tố quan trọng, quyết định đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế quốc dân, cung ứng nhiều sản phẩm, dịch vụ mới đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội, bên cạnh mục tiêu lợi nhuận, DN còn đảm nhận trách nhiệm xã hội vì lợi ích cộng đồng. Bên cạnh các vai trò chung đó, DN ĐGTS còn thể hiện vai trò đặc biệt của nó.

Doanh nghiệp ĐGTS là đơn vị tập hợp nhiều người mua tiềm năng cùng trả giá cạnh tranh để đi đến tìm ra giá trị thực của tài sản đấu giá. Để DN ĐGTS thực hiện tốt vai trò đó đòi hỏi DN phải tạo lập được uy tín trên thị trường. Hiệu quả kinh doanh của DN chính là một trong những yếu tố quyết định khi DN tổ chức đấu giá một tài sản có thu hút được người tham gia đấu giá hay không. Đương nhiên, bên cạnh đó vẫn còn nhiều yếu tố khác tác động đến ý chí của các cá nhân, tổ chức đăng ký tham gia đấu giá: giá trị, chất lượng của tài sản, nhu cầu đối với tài sản... Hiệu quả kinh doanh của DN chịu sự quyết định của các quy luật kinh tế thị trường. Nhà nước chỉ can thiệp điều tiết bằng xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật tạo môi trường pháp lý ổn định, lành mạnh cho DN hoạt động.

Trong tổ chức, điều hành cuộc đấu giá, DN ĐGTS thông qua ĐGV được DN phân công, đảm nhận vai trò trung gian, đứng ra đàm phán để tìm ra "tiếng nói chung" giữa người có tài sản đấu giá và người tham gia đấu giá. "Tiếng nói chung" đó phải thỏa mãn cả lợi ích kinh tế của người có tài sản đấu giá và lợi ích mong muốn của người tham gia đấu giá. Mỗi cuộc đấu giá có diễn biến tương đối khác nhau, người điều hành cuộc đấu giá phải có kiến thức, kinh nghiệm và sự linh hoạt, nhạy bén. Nền tảng kiến thức chuyên môn, người điều hành cuộc đấu giá có thể đảm bảo từ chính sự can thiệp của Nhà nước thông qua quy định của pháp luật. Tuy nhiên, kinh nghiệm, sự linh hoạt, nhạy bén và vấn đề vận dụng kiến thức chuyên môn vào điều hành cuộc đấu giá pháp luật không thể và không có khả năng can thiệp hết. Như vậy, vấn đề cần thiết là khuôn khổ tiêu chuẩn nền tảng chuyên môn mà pháp luật yêu cầu đối với người điều hành cuộc đấu giá - ĐGV, phải đáp ứng yêu cầu cơ bản của nghề nghiệp. Hơn nữa, ở Việt Nam, ĐGV còn là người thành lập hoặc tham gia thành lập DN ĐGTS. Hoạt động đấu giá mà DN thực hiện có hiệu quả hay không cũng phụ thuộc rất nhiều vào ĐGV. Đến lượt cơ sở đào tạo nghề nghiệp này cũng phải xây dựng khung chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với thực tế

hoạt động ĐGTS ở Việt Nam, đồng thời phải tiếp cận được với yêu cầu chung của nghề nghiệp này trên thế giới.

2.3.3.5 Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có liên quan đến đấu giá tài sản

Hoạt động kinh doanh của DN ĐGTS cũng như các DN khác, đều hướng đến mục tiêu lợi nhuận. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh của DN ĐGTS đặc biệt hơn những DN khác. Hoạt động kinh doanh của DN ĐGTS có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của các chủ thể có liên quan. Là một chủ thể kinh doanh trong nền kinh tế, DN ĐGTS cũng có quyền tự do kinh doanh. Nhưng, như đã phân tích, quyền tự do kinh doanh của DN ĐGTS bị hạn chế bởi quyền, lợi ích của các bên có liên quan, bởi lợi ích của xã hội. Nếu pháp luật chỉ quan tâm đến việc tạo nền tảng pháp lý, ghi nhận và mở rộng quyền tự do kinh doanh của DN, để DN tự do hoạt động thực hiện mục tiêu lợi nhuận của mình mà bỏ qua sự quan tâm đến quyền và lợi ích của các chủ thể khác thì vai trò điều tiết nền kinh tế của Nhà nước không được phát huy, chức năng bảo vệ của pháp luật không được thực hiện. Do đó, quyền của DN ĐGTS phải gắn liền với nghĩa vụ của DN, chế tài đối với DN phải đủ sức răn đe, ngăn chặn DN thực hiện các hành vi vì chạy theo lợi nhuận mà ảnh hưởng tiêu cực đến quyền, lợi ích của các chủ thể khác, đặc biệt là chủ sở hữu tài sản và người mua được tài sản đấu giá.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

1. Doanh nghiệp ĐGTS là một chủ thể kinh doanh với mục đích chủ yếu là tìm kiếm lợi nhuận trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Mọi định hướng, can thiệp điều tiết của Nhà nước đều phải dựa trên quan điểm tạo mọi điều kiện thuận lợi, thông thoáng cho DN được thực hiện quyền tự do kinh doanh, tự chủ trong kinh doanh, tự do cạnh tranh lành mạnh để khẳng định vị thế, uy tín của DN.

2. Quy chế pháp lý về DN ĐGTS là một phận không thể tách rời của hệ thống pháp luật Việt Nam. Nó bao gồm quy chế pháp lý chung về DN và quy chế pháp lý riêng về DN ĐGTS. Phạm vi, nội dung, nguyên tắc xây dựng quy chế pháp lý riêng về DN ĐGTS có những đặc trưng riêng gắn liền với đặc điểm, vai trò của DN này trong nền kinh tế. Các đặc trưng này bao gồm điều kiện thành lập, quyền, nghĩa vụ và chế tài đối với DN ĐGTS.

3. Kết quả nghiên cứu của Chương này có ý nghĩa nền tảng, cơ sở khoa học định hướng cho việc phân tích, nhận định, đánh giá và đề xuất các giải pháp hoàn thiện quy chế pháp lý về DN ĐGTS, được triển khai thực hiện trong Chương 3 và Chương 4 Luận án.

CHƯƠNG 3
QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

3.1 ĐIỀU KIỆN VỀ HÌNH THỨC PHÁP LÝ VÀ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

3.1.1 Hình thức pháp lý của doanh nghiệp đấu giá tài sản

So với pháp luật của đa số các nước trên thế giới, pháp luật Việt Nam chỉ quy định và điều chỉnh bốn loại hình DN cơ bản: công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, CTHD và DNTN. Trong đó, DN ĐGTS chỉ được tổ chức theo mô hình CTHD và DNTN. Đây là sự thay đổi lớn nhất của LĐGTS so với các văn bản pháp luật trước đây ở Việt Nam điều chỉnh đối với DN này.

Từ văn bản đầu tiên chính thức điều chỉnh đối với DN ĐGTS (Nghị định số 86-CP) đến Nghị định 17/2010/NĐ-CP đều không quy định điều kiện về loại hình DN đối với DN bán ĐGTS. Người thành lập DN được tự do lựa chọn loại hình DN và chỉ cần đảm bảo các điều kiện để kinh doanh dịch vụ ĐGTS theo quy định của pháp luật ở từng thời kỳ. Đặt ra điều kiện về loại hình DN này có ý nghĩa bảo đảm đầy đủ trách nhiệm của DN đấu giá và ĐGV đối với Nhà nước và khách hàng[233]. Bởi lẽ, DN đấu giá là trung gian trong mua bán tài sản, hoạt động đấu giá liên quan đến tài sản của bên thứ ba, đặc biệt trong bối cảnh hoạt động ĐGTS ở nước ta hiện nay, chủ yếu là bán ĐGTS mà pháp luật bắt buộc phải bán thông qua đấu giá. Do đó, việc quy định DN ĐGTS dưới hình thức DNTN, CTHD là các tổ chức kinh tế chịu trách nhiệm vô hạn đối với hoạt động của mình sẽ góp phần nâng cao trách nhiệm pháp lý của DN đấu giá trong hành nghề, qua đó góp phần bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, đảm bảo tính chuyên nghiệp về tổ chức và hoạt động của DN đấu giá, phù hợp với định hướng phát triển hoạt động hành nghề đấu giá[234]. Hơn nữa, DN ĐGTS ở Việt Nam hiện nay chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ Tư pháp, Sở tư pháp, các cơ quan không có kinh nghiệm, chuyên môn trong quản lý DN, đặc biệt là DN có quy mô lớn và cơ cấu tổ chức phức tạp. DNTN và CTHD là hai loại hình DN có quy mô và cơ cấu tổ chức đơn giản nhất trong các loại hình DN. Đây cũng là điều kiện kinh doanh đặc trưng đối với các ngành, nghề bổ trợ tư pháp mà Bộ Tư pháp quản lý hiện nay như công chứng, quản tài viên...

[233] Tờ trình số 582/TTr-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ về dự án Luật Đấu giá tài sản
[234] Bộ Tư pháp (2015). *Bản thuyết minh chi tiết về dự thảo Luật Đấu giá tài sản*. Trang 10

Hai loại hình DN ĐGTS vừa có điểm chung vừa có điểm khác biệt về địa vị pháp lý. Trong đó, điểm chung là chế độ trách nhiệm về tài sản của chủ DNTN trong DN đấu giá tư nhân và thành viên hợp danh trong công ty đấu giá hợp danh đều là trách nhiệm vô hạn. "Trách nhiệm vô hạn được hiểu là sự tận cùng hay đến cùng của việc trả nợ"[235]. Tuy nhiên, hai loại hình DN này cũng có điểm khác biệt, trong khi công ty đấu giá hợp danh có tư cách pháp nhân thì DN đấu giá tư nhân lại không có tư cách pháp nhân.

Đã có ý kiến cho rằng việc quy định DN ĐGTS chỉ được tổ chức và hoạt động theo mô hình DNTN hoặc CTHD làm hạn chế quyền tự do kinh doanh đã được ghi nhận trong Hiến pháp, LDN, Luật Đầu tư. Tuy nhiên, LDN cũng đã xác định rõ: "Trường hợp luật khác có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của luật đó"[236]. ĐGTS là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư, do đó, LĐGTS có điều chỉnh riêng đối với DN ĐGTS thì cũng không có gì trái với tinh thần của Hiến pháp cũng như LDN và Luật Đầu tư.

Có vẻ như điều kiện về loại hình DN hướng đến việc xử lý hậu quả do DN ĐGTS gây ra cho các bên liên quan thông qua công tác tổ chức ĐGTS. Tuy nhiên, xét cho cùng việc đặt ra điều kiện này với chế độ trách nhiệm vô hạn của chủ DNTN, thành viên hợp danh CTHD chính là yếu tố cảnh báo ĐGV là chủ DN đấu giá tư nhân, thành viên hợp danh công ty đấu giá hợp danh phải thận trọng và tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật trong quá trình quản lý DN nói chung, điều hành cuộc đấu giá nói riêng, đảm bảo hoạt động của DN ĐGTS vừa phục vụ mục đích kinh doanh của người thành lập DN, vừa bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên liên quan, góp phần bình ổn giá cả trên thị trường, thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước, ổn định xã hội.

Mỗi loại hình DN ĐGTS đều có những ưu, khuyết điểm, thuận lợi và rủi ro cho cả ĐGV là người thành lập DN và cho cả các bên có liên quan đến hoạt động của DN cũng như xã hội.

Đối với DN đấu giá tư nhân, đây là loại hình DN đơn giản nhất trong tất cả các loại hình DN được pháp luật Việt Nam điều chỉnh. Ưu điểm, thuận lợi của việc thành lập DN đấu giá tư nhân đối với ĐGV là chủ DN đó là thủ tục thành lập và đưa DN vào hoạt động khá đơn giản. Đây là loại hình DN mà người thành lập DN không phải thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản vào DN – thủ tục được coi là gây mất nhiều thời gian nhất cho người thành lập DN ở Việt Nam hiện nay. Bởi lẽ, DN đấu giá tư nhân không có

[235] Nguyễn Như Phát (đồng tác giả) (2002). *Luật kinh tế Việt Nam*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. Trang 39
[236] Điều 3 Luật Doanh nghiệp năm 2020

tài sản riêng, vốn đầu tư của chủ DN do chủ DN tự đăng ký. DN đấu giá tư nhân do một ĐGV thành lập đồng thời là chủ DN nên có quyền quyết định mọi hoạt động của DN mà không cần phải tổ chức họp để lấy ý kiến biểu quyết của các đồng sở hữu như các loại hình DN khác.

Đối với công ty đấu giá hợp danh. Đây là loại hình công ty đối nhân. Công ty được thành lập và hoạt động dựa trên sự hợp tác và uy tín cá nhân của các thành viên hợp danh. CTHD có thành viên hợp danh là cá nhân có trình độ và uy tín cá nhân, đặc biệt là công ty đấu giá hợp danh, có ít nhất một thành viên hợp danh là ĐGV, nên việc hợp tác kinh doanh giữa các thành viên công ty sẽ thuận lợi và đáng tin cậy hơn.

So với các loại hình DN khác, DNTN và CTHD đều có cơ cấu tổ chức đơn giản, gọn nhẹ, thích hợp với quy mô nhỏ và vừa của các DN ĐGTS, với năng lực quản lý DN của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp ở Việt Nam hiện nay.

3.1.2 Ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Với tư cách là chủ thể kinh doanh, DN ĐGTS cũng được Hiến pháp ghi nhận quyền tự do kinh doanh. Bên cạnh đó, LDN còn quy định DN có quyền chủ động điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh[237]. Nếu như trước đây, bên cạnh ĐGTS, DN vẫn có thể kinh doanh thêm các ngành, nghề khác thì hiện nay LĐGTS chỉ cho phép DN ĐGTS được kinh doanh dịch vụ ĐGTS. Sự thay đổi này của LĐGTS xuất phát từ thực trạng trước khi LĐGTS được ban hành, DN đấu giá đã có sự phát triển đáng kể về số lượng nhưng tổ chức và hoạt động còn chưa chuyên nghiệp, quy mô nhỏ, cơ sở vật chất yếu kém. Số DN thực chất hoạt động chuyên nghiệp về ĐGTS trong tổng số DN có đăng ký hoạt động ĐGTS là rất ít (chỉ có khoảng 20/190 DN). Phần lớn DN còn lại chỉ đăng ký hoạt động ĐGTS mà không thực hiện phiên đấu giá nào trên thực tế[238]. Với mục tiêu chuyên nghiệp hóa mạnh mẽ hoạt động ĐGTS, DN ĐGTS theo quy định của LĐGTS, về nguyên tắc, không được đồng thời kinh doanh những ngành, nghề khác, trừ các hoạt động liên quan đến ĐGTS được Luật quy định, chẳng hạn như ngành đại lý ô tô và xe có động cơ khác (mã ngành 4513), bán mô tô, xe máy (mã ngành 4541), bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (mã ngành 4774)... Vấn đề này trước khi có LĐGTS, đã từng có ý kiến: DN bán đấu giá chỉ nên hoạt động bán đấu giá chuyên nghiệp, không kinh doanh những ngành nghề khác[239]. Đây cũng là điểm khác biệt của pháp luật Việt Nam so với pháp luật của các nước trên thế giới. Các DN ĐGTS ở hầu hết

[237] Khoản 2 Điều 7 Luật Doanh nghiệp năm 2020
[238] Tờ trình số 582/TTr-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ về dự án Luật Đấu giá tài sản
[239] Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp, tlđd (23), trang 124

các nước trên thế giới chẳng những không bị ràng buộc bởi điều kiện về loại hình DN mà còn được kinh doanh đa ngành. Điều đó thể hiện qua các khái niệm "doanh nghiệp đấu giá" hay "công ty đấu giá" được đưa ra trong các văn bản luật của các nước (các khái niệm này đã được phân tích tại Chương 2 của Luận án).

Tuy nhiên, vấn đề ở đây là theo quy định của pháp luật về đầu tư, dịch vụ ĐGTS là ngành, nghề kinh doanh mà nhà đầu tư nước ngoài chưa được tiếp cận thị trường ở Việt Nam[240]. Ngành, nghề này chỉ dành cho nhà đầu tư trong nước, ngay cả công ty đấu giá hợp danh thì nhà đầu tư nước ngoài cũng không được liên doanh với ĐGV để thành lập. Do đó, DN ĐGTS thường có quy mô nhỏ, phạm vi hoạt động hạn chế, chưa thu hút được sự quan tâm sâu sắc của nhà đầu tư. Điều đó dẫn đến hệ quả ĐGTS chưa thực sự phổ biến và phát triển ở Việt Nam. Trong khi đó, ĐGTS là ngành, nghề thu hút đầu tư đối với nhà đầu tư trong nước mà còn có nhiều sức hút với nhà đầu tư nước ngoài ở các nước trên thế giới. Điều này được chứng minh ở sự hiện diện các DN đấu giá đa quốc gia có quy mô lớn như China Guardian, tập đoàn Poly Trung Quốc (Trung Quốc), Asium, Aguttes (Pháp), Tokyo BHL Co., LTD (Nhật Bản), Christie's, Sotheby's (Anh),... Đặc biệt là sự phát triển vượt bậc của các sàn đấu giá trực tuyến như Taobao, JD.com, Alibaba,... không chỉ phục vụ cho nhu cầu mua bán tài sản trong nước mà còn vươn đến khắp các châu lục.

3.2 ĐIỀU KIỆN VỀ CHỦ THỂ THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

3.2.1 Chủ thể thành lập doanh nghiệp đấu giá tài sản

Ở Việt Nam, hoạt động kinh doanh của DN ĐGTS gắn liền với hoạt động nghề nghiệp của ĐGV. Do đó, DN ĐGTS phải được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi ĐGV[241]. Trong DN đấu giá tư nhân, chủ DN là ĐGV, tức là người chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với mọi hoạt động của DN. ĐGV đã thành lập DN đấu giá tư nhân thì không được thành lập DNTN khác, không được đồng thời là chủ hộ kinh doanh, thành viên hợp danh trong CTHD. Trách nhiệm vô hạn của ĐGV nói riêng, chủ DNTN nói chung chỉ dành cho một DN ĐGTS duy nhất. Tuy nhiên, ĐGV là chủ DN đấu giá tư nhân vẫn có quyền góp vốn, mua cổ phần hoặc mua phần vốn góp vào công ty trách nhiệm hữu hạn, CTHD (với tư cách là thành viên góp vốn) hoặc công ty cổ phần. Khi đó, trách nhiệm của ĐGV đối với DN đấu giá tư nhân là vô hạn và đối với các loại hình DN khác mà ĐGV góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp là hữu hạn.

[240] Khoản 5 Mục A Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 31/2021/NĐ-CP
[241] Điểm a khoản 3 Điều 23 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

Trong công ty đấu giá hợp danh, ít nhất một thành viên hợp danh phải là ĐGV. Thành viên hợp danh trong công ty đấu giá hợp danh không được là chủ DNTN, thành viên hợp danh của CTHD khác. Tuy nhiên, ĐGV là thành viên hợp danh công ty đấu giá hợp danh có thể là thành viên hợp danh (tham gia thành lập) trong CTHD không kinh doanh dịch vụ ĐGTS nếu được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại (khoản 1 Điều 180 LDN năm 2020), có quyền góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của công ty trách nhiệm hữu hạn, CTHD (với tư cách là thành viên góp vốn hoặc với tư cách thành viên hợp danh nếu được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại) hoặc công ty cổ phần. Khác với ĐGV là chủ DN đấu giá tư nhân với trách nhiệm vô hạn chỉ dành cho duy nhất một DN đấu giá tư nhân, trách nhiệm vô hạn của ĐGV là thành viên hợp danh trong công ty đấu giá hợp danh có thể sẽ dành cho nhiều công ty.

Quy định về người thành lập DN ĐGTS ở Việt Nam cũng là điểm khác biệt với pháp luật của các nước trên thế giới. Hầu hết các quốc gia đều không đặt ra điều kiện người thành lập DN ĐGTS phải là ĐGV. Ở Pháp, Bộ luật Thương mại quy định các công ty bán đấu giá đồ nội thất tự nguyện phải đảm bảo đầy đủ về tổ chức, nguồn lực kỹ thuật và tài chính, danh dự, kinh nghiệm của Giám đốc công ty và các thỏa thuận để đảm bảo an toàn cho các giao dịch liên quan đến khách hàng của họ[242]. Các công ty bán đấu giá phải có Giám đốc, thành viên hoặc nhân viên là người có trình độ chuyên môn cần thiết để tiến hành bán hàng hoặc có chứng chỉ, bằng cấp hoặc được Hội đồng các nhà đấu giá công nhận là tương đương để bán đấu giá theo các điều kiện nhất định[243]. Người đủ điều kiện này đồng thời sẽ là người điều hành phiên đấu giá. Như vậy, điều kiện thành lập công ty bán đấu giá đồ nội thất tự nguyện ở Pháp hoàn toàn khác với Việt Nam. Pháp luật của Cộng hòa Pháp không đặt ra các điều kiện về loại hình DN, cũng không yêu cầu người thành lập DN phải là ĐGV.

Ở Trung Quốc, pháp luật cũng chỉ đặt ra điều kiện đối với DN ĐGTS là có ĐGV và nhân viên đủ tiêu chuẩn để tiến hành hoạt động kinh doanh đấu giá[244].

Ở Nhật Bản, các công ty ĐGTS chỉ được tổ chức bán động sản. Bộ luật Dân sự và Bộ luật Thương mại Nhật Bản không đặt ra điều kiện người thành lập công ty kinh doanh ĐGTS phải là ĐGV.

Ở Hoa Kỳ, luật của các tiểu bang cũng không quy định điều kiện về người thành lập DN ĐGTS. Tại bang Florida, pháp luật quy định để thành lập công ty đấu giá, chủ sở

[242] Điều L321-5 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp
[243] Điều L321-8 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp
[244] Điều 12 Luật về Bán đấu giá tài sản của nước Công hòa nhân dân Trung Hoa

hữu công ty phải nộp đơn đề nghị cấp phép tới Uỷ ban đấu giá Florida để được cấp giấy phép, ngoại trừ các trường hợp được miễn việc cấp giấy phép. Không DN nào được bán đấu giá hoặc đề nghị bán đấu giá bất kỳ tài sản nào nếu không được Ủy ban cấp phép kinh doanh đấu giá hoặc được miễn giấy phép theo quy định. Đơn xin cấp phép kinh doanh đấu giá phải bao gồm tên chủ sở hữu và DN, địa chỉ và vị trí kinh doanh của DN và bất kỳ thông tin nào khác mà Ủy ban yêu cầu[245]. Điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký công ty đấu giá tại bang Washington: i) nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận một đơn theo mẫu do Giám đốc cơ quan quy định; ii) ký một tuyên bố có công chứng trong đơn đăng ký rằng tất cả các ĐGV được công ty đấu giá thuê để kinh doanh đều được đăng ký hợp lệ; iii) được đăng ký với Bộ thuế, nếu là DN một chủ hoặc CTHD thì được đăng ký với ngoại trưởng; iv) thanh toán lệ phí đăng ký công ty đấu giá theo quy định; v) nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận một trái phiếu bảo lãnh của công ty đấu giá[246]. Tại bang Alabama, bất kỳ cá nhân, hợp danh, hiệp hội hoặc công ty nào hoạt động đấu giá mà không đạt được trước giấy phép do Ủy ban đấu giá tiểu bang cấp đều là bất hợp pháp[247]. Mỗi đơn xin cấp phép hành nghề đấu giá phải kèm theo một trái phiếu có giá trị 10.000 đô la Mỹ. Có thể là trái phiếu tiền mặt hoặc trái phiếu bảo lãnh, sẽ được thực hiện bởi một công ty bảo lãnh được phép kinh doanh tại Alabama[248].

Vấn đề cần xem xét ở đây là, công ty đấu giá hợp danh chỉ cần có một thành viên hợp danh là ĐGV, HĐTV có thể bầu thành viên hợp danh là ĐGV duy nhất này làm Chủ tịch HĐTV, đồng thời kiêm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc công ty. Một hoặc những thành viên hợp danh còn lại của công ty có thể là ĐGV hoặc không. Trong khi đó, điểm b khoản 1 Điều 177 LDN năm 2020 quy định thành viên hợp danh phải là cá nhân. Theo quy định này, pháp nhân không thể trở thành thành viên hợp danh của CTHD. Trách nhiệm của thành viên hợp danh đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty là vô hạn. Trường hợp tài sản của công ty không đủ để thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác thì sẽ sử dụng tài sản của thành viên hợp danh để thực hiện các nghĩa vụ đó. Đối với công ty đấu giá hợp danh, hoạt động kinh doanh của công ty có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích về tài sản của các bên liên quan, đôi khi vì lý do khách quan hoặc chủ quan làm thiệt hại đến lợi ích tài sản của các bên mà phải bồi thường, khi đó cần phải truy xuất tài sản của công ty và tài sản của thành viên hợp danh (nếu tài sản của

[245] Điều 486.385 (7b) Quy định về nghề nghiệp và việc làm của Florida (Hoa Kỳ)
[246] Điều 18.11.095 RCW Đạo luật đăng ký đấu giá viên của Washington (Hoa Kỳ)
[247] Mục 34-4-20 Điều 2 Đạo luật giấy phép đấu giá viên Alabama (Hoa Kỳ)
[248] Mục 34-4-24 Điều 2 Đạo luật giấy phép đấu giá viên Alabama (Hoa Kỳ)

công ty không đủ) để xử lý. Tuy nhiên, trên thực tế, việc xác định tài sản của cá nhân là việc không đơn giản. Thành viên hợp danh có quyền phân công nhau đảm nhận các chức vụ quản lý và kiểm soát công ty. Với những chức vụ này, thành viên hợp danh hoàn toàn có thể nắm bắt được tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, hoàn toàn có thể kiểm soát được công ty có đủ năng lực tài chính để thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của công ty hay không. Trong trường hợp thành viên hợp danh thấy tình hình kinh doanh của công ty không hiệu quả, công ty không đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản, thành viên hợp danh sẽ nhanh chóng tẩu tán tài sản của mình, khi đó dù có trách nhiệm vô hạn, liên đới thì thành viên hợp danh cũng đã không còn tài sản để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của công ty. Vấn đề này sẽ càng trở nên khó khăn, phức tạp hơn nếu thành viên hợp danh của công ty, trong tương lai, khi Việt Nam thực hiện mở cửa đối với ngành dịch vụ ĐGTS, có thể có nhà đầu tư nước ngoài, khi đó, tài sản của thành viên hợp danh ở nước ngoài thì trách nhiệm liên đới của thành viên hợp danh đối với nghĩa vụ của công ty cũng không khả thi. Trong khi đó, đối với pháp nhân, vấn đề xác định tài sản của pháp nhân sẽ đơn giản hơn, bởi pháp nhân là tổ chức nên có tài sản riêng, tài sản của pháp nhân sẽ được xác định thông qua chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán. Do đó, vấn đề xác định và kiểm soát tài sản của pháp nhân sẽ đơn giản hơn so với tài sản của cá nhân. Pháp luật các nước trên thế giới vẫn cho phép pháp nhân được trở thành thành viên hợp danh của CTHD, chẳng hạn Bộ luật Thương mại Pháp[249], Bộ luật công ty bang Florida của Hoa Kỳ[250]. Ở Việt Nam, đã từng có ý kiến cho rằng pháp luật Việt Nam cần xem xét mở rộng thành viên hợp danh là pháp nhân[251].

3.2.2 Tiêu chuẩn đấu giá viên và hình thức hành nghề của đấu giá viên tại doanh nghiệp đấu giá tài sản

3.2.2.1 Tiêu chuẩn đấu giá viên

Pháp luật Việt Nam đòi hỏi người thành lập hoặc tham gia thành lập DN ĐGTS phải là ĐGV, thế nhưng, tiêu chuẩn của ĐGV theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện nay là vấn đề đáng quan tâm. Theo quy định tại Điều 10 LĐGTS năm 2016, ĐGV phải đáp ứng được bốn tiêu chuẩn sau đây:

Một là, tiêu chuẩn về nhân thân: là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt[252]. Đây được coi là tiêu chuẩn tiên quyết của ĐGV. Bởi một cá nhân nếu không đảm bảo được tiêu chuẩn này thì sẽ

[249] Điều L 222-1, Điều L221-3 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp
[250] Mục 15904.01 Điều 4, Mục 15901.02 Điều 1Bộ luật Công ty Florida (Hoa Kỳ)
[251] Đỗ Văn Đại (2005). Cần quy định hợp lý về công ty hợp danh, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (06/2005), trang 54
[252] Khoản 1 Điều 10 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

không xét đến những tiêu chuẩn khác. Hiến pháp năm 2013 quy định, công dân Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam[253]. Luật Cư trú năm 2020 quy định, thường trú tại Việt Nam là việc sinh sống ổn định, lâu dài và đã được đăng ký thường trú[254]. Đây không chỉ là tiêu chuẩn đối với ĐGV mà còn đối với các chức danh tư pháp khác mà Bộ Tư pháp quản lý như luật sư, công chứng viên, thừa phát lại,... Tiêu chuẩn này có thể định lượng được trên thực tế. Tuy nhiên, đối với tiêu chuẩn "tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt" thì rất khó để xác định là một cá nhân có đáp ứng hay không. Một tiêu chuẩn mang tính cảm tính và rất chung chung. Tuân thủ pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật kiềm chế, không tiến hành những hoạt động mà pháp luật cấm[255]. Đây cũng là một trong những nghĩa vụ của công dân đã được Hiến pháp ghi nhận[256]. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật đòi hỏi cá nhân không có hành vi vi phạm pháp luật. Vi phạm pháp luật bao gồm tội phạm, vi phạm hành chính, vi phạm dân sự, vi phạm kỷ luật nhà nước[257]. Chẳng hạn, nếu một cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông đường bộ và bị xử phạt vi phạm hành chính mà chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính[258]; hay một người vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng dân sự và bị toà án tuyên phải bồi thường cho bên bị vi phạm thì cũng thuộc trường hợp không đảm bảo tiêu chuẩn tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Trong khi đó, Điều 15 LĐGTS quy định những trường hợp không được cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá, gồm có: người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; bị kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật; đã bị kết án mà chưa được xoá án tích; đã bị kết án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, các tội về tham nhũng, kể cả trường hợp đã được xoá án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Theo đó, nếu một cá nhân đáp ứng các tiêu chuẩn của ĐGV (trong đó có tiêu chuẩn tuân thủ Hiến pháp và pháp luật) thì đương nhiên không rơi vào các trường hợp kể trên. Nếu như vậy, quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 15 LĐGTS là không cần thiết.

Như đã đề cập, đảm bảo tiêu chuẩn tuân thủ Hiến pháp và pháp luật là khắt khe và rất khó kiểm soát. Bởi lý lịch tư pháp là một trong các thành phần hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đấu giá để chứng minh người đề nghị cấp chứng chỉ đảm bảo tiêu

[253] Khoản 1 Điều 17 Hiến pháp năm 2013
[254] Khoản 8 Điều 2 Luật Cư trú năm 2020
[255] Nguyễn Minh Đoan, tlđd (91), trang 397
[256] Điều 46 Hiến pháp năm 2013
[257] Nguyễn Minh Đoan, tlđd (91), trang 436 - 437.
[258] Khoản 1 Điều 7 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020

chuẩn tuân thủ Hiến pháp và pháp luật nhưng nội dung trong phiếu lý lịch tư pháp chỉ có họ tên, giới tính, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, nơi cư trú, số giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, tình trạng án tích, thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý DN, hợp tác xã[259]. Như vậy, các thông tin trong phiếu lý lịch tư pháp sẽ không thể hiện toàn diện những đòi hỏi của tiêu chuẩn tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, cũng không chứng minh được người đó có thuộc các trường hợp không được cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá hay không. Ở đây, khi kết hợp các quy định trên, có thể thấy, tuân thủ pháp luật mà nhà làm luật đang hướng đến là pháp luật hình sự và pháp luật hành chính, thế nhưng quy định thực tế lại có phạm vi rất rộng.

Cũng không khó để tìm thấy tiêu chuẩn "tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt" trong quy định pháp luật đối với các chức danh tư pháp như luật sư, công chứng viên, thừa phát lại,... Tuy nhiên, mỗi chức danh nghề nghiệp sẽ có những giới hạn nhất định cho tiêu chuẩn chung này. Chẳng hạn, đối với luật sư, theo quy định của Luật Luật sư năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2012, người không đảm bảo tiêu chuẩn tuân thủ Hiến pháp và pháp luật là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đã bị kết án mà chưa được xoá án tích về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý, đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng do cố ý, tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý kể cả trường hợp đã được xoá án tích, đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc thì không được cấp chứng chỉ hành nghề luật sư[260].

Đối với công chứng viên, theo quy định của Luật Công chứng năm 2014, người không đảm bảo tiêu chuẩn tuân thủ Hiến pháp và pháp luật là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đã bị kết tội bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của toà án về tội phạm do vô ý mà chưa được xoá án tích hoặc về tội phạm do cố ý, người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, thì không được bổ nhiệm công chứng viên[261].

Đối với thừa phát lại, theo quy định của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP, người không đảm bảo tiêu chuẩn tuân thủ Hiến pháp và pháp luật là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, người đã bị kết án về tội phạm do vô ý, tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý mà chưa được xoá án tích, người đã bị kết án về tội phạm liên quan đến chiếm đoạt tài sản, trục lợi, gian lận, gian dối, xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm nghiêm trọng,

[259] Điều 42, Điều 43 Luật Lý lịch tư pháp năm 2009
[260] Điểm d, đ khoản 4 Điều 17 Luật Luật sư năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2012
[261] Khoản 1, khoản 2 Điều 13 Luật Công chứng năm 2014

tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, kể cả trường hợp đã được xoá án tích, người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, thì không được bổ nhiệm thừa phát lại[262].

Rõ ràng, tuỳ vào bản chất của mỗi nghề nghiệp sẽ có những giới hạn nhất định thay vì tiêu chuẩn chung "tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt" như trong các văn bản pháp luật ở Việt Nam hiện nay.

Khá tương đồng với quy định của pháp luật Việt Nam về tiêu chuẩn này, Điều 15 Luật về Bán đấu giá tài sản của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa cũng quy định một trong những tiêu chuẩn của ĐGV là người có hạnh kiểm tốt. Bên cạnh đó, người đã bị thôi việc hoặc bị hủy bỏ chứng chỉ hành nghề ĐGV dưới 05 năm hoặc đã bị xử lý hình sự về tội cố ý thì không được làm ĐGV. So với tiêu chuẩn "tuân thủ Hiến pháp và pháp luật" theo quy định của pháp luật Việt Nam thì tiêu chuẩn này của pháp luật Trung Quốc cụ thể và thỏa đáng hơn. Những tiêu chuẩn này trực tiếp liên quan đến hoạt động hành nghề của ĐGV.

Ở Pháp, các chuyên gia đấu giá được chấp thuận bởi Hội đồng các nhà đấu giá. Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp cũng yêu cầu tiêu chuẩn đối với chuyên gia đấu giá ở Pháp phải là công dân Pháp hoặc công dân của các quốc gia thành viên của Liên minh châu Âu (EU) hoặc của khu vực kinh tế châu Âu (EEA)[263]. Như vậy, so với quy định của pháp luật Việt Nam, Bộ luật Thương mại Pháp cũng giới hạn phạm vi quốc tịch của chuyên gia đấu giá. Tuy nhiên, bên cạnh công dân Pháp, công dân của các quốc gia là thành viên của EU và của EEA cũng có thể là chuyên gia đấu giá tại Pháp. Bởi lẽ, Pháp là một thành viên của hai khối này, với những quy tắc nhằm thực hiện tự do hoá hàng hoá, dịch vụ, vốn và lao động hướng đến thị trường nội bộ hội nhập hoàn toàn, do đó không khó để lý giải tại sao Pháp cho phép công dân của các quốc gia thành viên của hai khối này được trở thành chuyên giá đấu giá tại Pháp. Điểm khác biệt ở đây là, để trở thành chuyên gia đấu giá, Bộ luật Thương mại không yêu cầu công dân Pháp phải đang thường trú ở Pháp. Bên cạnh đó, cụ thể hơn tiêu chuẩn tuân thủ Hiến pháp và pháp luật của pháp luật Việt Nam, Bộ luật Thương mại Pháp đặt ra đối với chuyên gia đấu giá là chưa từng bị kết án hình sự, bị kỷ luật sa thải hoặc xử phạt hành chính về các hành vi trái với danh dự, đạo đức, thuần phong mỹ tục, bị xóa bỏ, thu hồi, rút lại sự công nhận hoặc cho phép trong hành nghề trước đây[264].

[262] Khoản 4, khoản 8 Điều 11 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP
[263] Khoản 1 mục I Điều L321-4 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp
[264] Khoản 1 mục I Điều L321-4 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp

Luật tại các tiểu bang của Hoa Kỳ không yêu cầu ĐGV phải là công dân Hoa Kỳ. Ở bang Washington, Đạo luật Đăng ký đấu giá viên quy định một trong những tiêu chuẩn của ĐGV là ít nhất 18 tuổi hoặc được bảo trợ bởi một ĐGV đã được cấp phép[265]. Người đã bị kết tội giả mạo, tham ô, nhận tiền bất chính, tống tiền, đồng phạm, gian lận, trộm cắp, nhận đồ ăn cắp, phát hành séc hoặc hối phiếu bất hợp pháp hoặc hành vi phạm tội tương tự khác, người bị đình chỉ, thu hồi hoặc hạn chế giấy phép tham gia vào bất kỳ hoạt động kinh doanh hoặc nghề nghiệp nào bởi cơ quan có thẩm quyền ở bất kỳ tiểu bang, liên bang hoặc nước ngoài, người bị kết án về tội nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng liên quan đến hành nghề hoặc hoạt động kinh doanh của người đó, đều không được cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá[266].

Ở bang Florida (Hoa Kỳ), Quy định về nghề nghiệp và việc làm yêu cầu ĐGV phải từ 18 tuổi trở lên[267]. Cá nhân có hành vi vi phạm bất kỳ luật nào liên quan đến kinh doanh, thương mại tại Florida hoặc tiểu bang nơi tiến hành cuộc đấu giá, hoặc thực hiện bất kỳ hành vi nào vi phạm điều cấm của luật liên quan đến hoạt động đấu giá và bị xử phạt theo quyết định của Hội đồng ĐGV, đều không được cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá[268].

Ở bang Alabama (Hoa Kỳ), theo quy định của Đạo luật giấy phép đấu giá viên, người đề nghị cấp phép hành nghề đấu giá phải từ 19 tuổi trở lên. Người đã bị kết án phạm tội tại tòa án có thẩm quyền của Alabama hoặc bất kỳ quận, tiểu bang, hạt nào khác của Hoa Kỳ hoặc của một quốc gia nước ngoài thì không được cấp phép ĐGV[269].

Ở Đức, Bộ luật Thương mại cũng không đặt ra tiêu chuẩn về quốc tịch đối với ĐGV. Bất kỳ ai phạm tội trộm cắp, tham ô, tống tiền, gian lận, rửa tiền, giả mạo tài liệu, nhận đồ ăn cắp, cho vay nặng lãi hoặc vi phạm pháp luật dẫn đến bị kết án tù trong vòng 5 năm trước khi nộp hồ sơ đề nghị cấp phép ĐGV hoặc người đang sống trong hoàn cảnh tài chính rối loạn (tức là đã được tòa án mở thủ tục phá sản hoặc đã được đưa vào sổ theo dõi của tòa án theo quy định của Bộ luật phá sản và Bộ luật tố tụng dân sự), đều không được cấp phép ĐGV[270].

Như vậy, so với tiêu chuẩn "tuân thủ Hiến pháp và pháp luật" của pháp luật Việt Nam, luật của Trung Quốc, Pháp, các tiểu bang của Hoa Kỳ, Đức quy định tiêu chuẩn về nhân thân của ĐGV cụ thể hơn. Đây không những là vấn đề mà LĐGTS cần nhìn nhận

[265] Khoản 1 Điều 18.11.085 RCW Đạo luật Đăng ký đấu giá viên Washington (Hoa Kỳ)
[266] Điều 18.11.160 RCW, Điều 18.235.130 RCW Đạo luật Đăng ký đấu giá viên Washington (Hoa Kỳ)
[267] Điểm a khoản 3 Điều 468.385 Quy định về nghề nghiệp và việc làm Florida (Hoa Kỳ)
[268] Điều 368.389 Quy định về nghề nghiệp và việc làm Florida (Hoa Kỳ)
[269] Khoản 4 mục 34-4-21 Điều 2 Đạo luật giấy phép đấu giá viên Alabama (Hoa Kỳ)
[270] Khoản 4 Điều 34b Bộ luật Thương mại Cộng hòa liên bang Đức

lại mà cả các văn bản pháp luật khác điều chỉnh đối với các chức danh tư pháp ở Việt Nam cũng cần phải cân nhắc. Để đảm bảo tiêu chuẩn "tân thủ Hiến pháp và pháp luật" theo đúng nghĩa của nó không phải là điều dễ dàng. Tùy vào bản chất của mỗi ngành, nghề mà pháp luật cần có những giới hạn cụ thể thay vì cứ quy định chung chung như hiện nay.

Hai là, tiêu chuẩn về chuyên môn: phải có bằng tốt nghiệp đại học hoặc trên đại học thuộc một trong các chuyên ngành luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng. Hành nghề ĐGTS là hoạt động nghề nghiệp đòi hỏi người hành nghề cần có trình độ nhất định. Hoạt động này đòi hỏi nhiều kiến thức kinh tế. Việc vận dụng các lý thuyết kinh tế vào quá trình hành nghề ĐGTS là rất hữu ích. Bởi bản chất của đấu giá là làm cho tài sản được bán với giá cao nhất có thể. Đây có thể được xem là tiêu chuẩn khác biệt của pháp luật Việt Nam so với pháp luật của các nước trên thế giới về tiêu chuẩn đối với ĐGV.

Ở Pháp, hiện nay, Bộ luật Thương mại không giới hạn phạm vi chuyên môn nhất định đối với chuyên gia đấu giá đồ nội thất tự nguyện. Thay vào đó, là tiêu chuẩn trực tiếp phục vụ cho việc bán đấu giá. Theo đó, chuyên gia đấu giá đồ nội thất tự nguyện phải có trình độ chuyên môn cần thiết để điều hành việc bán hàng hoặc có chức danh, bằng cấp hoặc được công nhận tương đương[271].Việc tổ chức đào tạo nhằm đạt được trình độ chuyên môn này được đảm bảo bởi Hội đồng các nhà đấu giá[272]. Theo quy định tại Luật số 2022-267 ngày 28/02/2022, để được công nhận tương đương với chức danh, bằng cấp về chuyên môn bán hàng, cá nhân phải thường xuyên tổ chức và thực hiện việc bán đồ nội thất tự nguyện tại các cuộc đấu giá công khai, trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2021, ít nhất 3 năm liên tiếp hoặc ít nhất 24 lần bán đồ nội thất tại các cuộc đấu giá công khai hoặc số tiền thu được từ việc bán đồ nội thất tự nguyện tại các cuộc đấu giá công khai vượt quá 230.000 euro[273]. Bên cạnh đó, Bộ luật Thương mại cũng quy định người đáp ứng tiêu chuẩn này cũng được điều hành hoạt động bán đấu giá đồ nội thất thuộc sở hữu nhà nước, động sản giao dịch dưới hình thức nhà nước hoặc đồ nội thất được bán đấu giá thuộc phạm vi điều chỉnh của Bộ luật Hải quan, do việc bán đấu giá những tài sản này trái quy định pháp luật[274]. Hiện nay, Pháp nổi tiếng với hoạt động bán đấu giá cổ vật và tác phẩm nghệ thuật. Cổ vật được bán thông qua đấu giá mang lại lợi ích kinh tế khổng lồ, trong đó có không ít cổ vật có nguồn gốc xuất xứ từ Việt Nam. Mới đây nhất, từ 11 giờ ngày 31/10/2022, nhà đấu giá Millon ở Pháp đã mở

[271] Khoản 3 mục I Điều L321-4 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp
[272] Khoản 5 Điều L321-5 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp
[273] Điều 7 Luật số 2022-267 ngày 28/02/2022 Cộng hòa Pháp
[274] Điều L321-36 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp

cửa bán đấu giá 300 cổ vật, trong đó gần 100 cổ vật có nguồn gốc từ Việt Nam[275]. Với định hướng tiêu chuẩn chuyên môn đáp ứng yêu cầu của việc bán ĐGTS, các chuyên gia đấu giá nói riêng, các hãng đấu giá nói chung, có nhiều thành công trong tổ chức bán đấu giá các tài sản mà họ có được kiến thức chuyên môn nhất định. Từ những thành công đó, các chuyên gia đấu giá ở Pháp ngày càng nhận được sự tin cậy từ chủ sở hữu tài sản. Thị trường đấu giá ở Pháp, theo đó, ngày càng phát triển sôi động. ĐGTS đã thực sự trở thành một ngành, nghề kinh doanh mang lại doanh thu khổng lồ cho nhà đầu tư.

Ở Trung Quốc, Luật về Bán đấu giá tài sản quy định, về trình độ chuyên môn, ĐGV phải có trình độ đại học ba năm trở lên và có kiến thức chuyên môn về đấu giá, việc kiểm tra trình độ chuyên môn về đấu giá do CAA độc quyền tổ chức[276]. CAA là tổ chức xã hội có tư cách pháp nhân, được thành lập theo quy định của pháp luật và là tổ chức tự quản trong lĩnh vực bán ĐGTS[277]. Pháp luật Trung Quốc không yêu cầu ĐGV phải có trình độ đại học giới hạn trong các lĩnh vực chuyên môn nhất định như Việt Nam. Dù vậy, pháp luật Trung Quốc luôn đòi hỏi ĐGV phải có trình độ chuyên môn về đấu giá và phải được kiểm tra bởi CAA.

Ở bang Florida (Hoa Kỳ), Quy định về nghề nghiệp và việc làm không yêu cầu nền tảng chuyên môn của ĐGV. Tuy nhiên, để được cấp phép ĐGV, người đề nghị phải có kiến thức chung về luật của Florida liên quan đến các điều khoản của Bộ luật Thương mại thống nhất về đấu giá, pháp luật về môi giới và quy định của Florida về nghề nghiệp và việc làm[278].

Ở bang Texas (Hoa Kỳ), Bộ luật việc làm chỉ yêu cầu ĐGV phải có bằng tốt nghiệp trung học hoặc chứng chỉ tương đương trung học. Bên cạnh đó, cá nhân phải có kiến thức về kinh doanh đấu giá và luật pháp của Texas về kinh doanh đấu giá. Yêu cầu này có thể được thay thế bằng minh chứng đã từng làm việc cho một ĐGV đã được cấp phép ít nhất 02 năm và tham gia ít nhất 10 cuộc đấu giá trong thời gian đó[279].

Ở Đức, Bộ luật Thương mại không quy định kiến thức chuyên môn nhất định mà cá nhân phải đảm bảo trước khi đề nghị cấp phép ĐGV. Cá nhân đã đạt được trình độ và được công nhận tại các quốc gia là thành viên của EU hoặc một quốc gia khác là thành viên của EEA cũng được cấp phép ĐGV tại Đức. Người được cấp phép ĐGV phải tuyên

[275] Lê Công Sơn và Vương Trung Hiếu (2022). Ngỡ ngàng ngắm những cổ vật Việt được nhà Millon bán đấu giá tại Pháp, *Báo Thanh niên trực tuyến ngày 02/11/2022*, [https://thanhnien.vn/ngo-ngang-ngam-nhung-co-vat-viet-duoc-nha-millon-ban-dau-gia-tai-phap-post1516913.html] (truy cập ngày 09/11/2022)
[276] Điều 15, Điều 16 Luật về Bán đấu giá tài sản của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa
[277] Điều 17 Luật về Bán đấu giá tài sản của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa
[278] Khoản 4 Điều 468.385 Quy định về nghề nghiệp và việc làm của Florida (Hoa Kỳ)
[279] Khoản 3 và khoản 4 Mục 1802.052 Bộ luật việc làm của Texas (Hoa Kỳ)

thệ rằng họ sẽ thực hiện nhiệm vụ của mình một cách tận tâm, độc lập và vô tư[280].

Có thể thấy, pháp luật các nước chú trọng nền tảng kiến thức về chuyên môn đấu giá hơn là nền tảng kiến thức chuyên ngành của ĐGV. Nếu ở Việt Nam, cá nhân không có nền tảng kiến thức chuyên ngành luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng (trình độ đại học hoặc trên đại học) thì không có "cơ hội" được tiếp cận kiến thức chuyên môn đấu giá thông qua khóa đào tạo nghề đấu giá. Ngược lại, ở Pháp, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Đức chỉ yêu cầu kiến thức chuyên môn đấu giá. Hơn nữa, việc kiểm tra kiến thức chuyên môn đấu giá ở các quốc gia này đều được thực hiện bởi một cơ quan chuyên môn với các chuyên gia đấu giá như Hội đồng các nhà đấu giá (Pháp), Hiệp hội đấu giá viên (Trung Quốc), Ủy ban đấu giá Florida (Hoa Kỳ), Ủy ban tư vấn đấu giá Texas (Hoa Kỳ), Ủy ban đấu giá Alabama (Hoa Kỳ).

Ba là, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp: phải tốt nghiệp khoá đào tạo nghề đấu giá, trừ trường hợp được miễn đào tạo nghề đấu giá. Tiêu chuẩn về nhân thân và chuyên môn là điều kiện tiên quyết để một cá nhân được tham gia khoá đào tạo nghề đấu giá. LĐGTS còn đặt ra điều kiện, người đáp ứng cả hai tiêu chuẩn trên phải có thời gian làm việc trong lĩnh vực được đào tạo từ 03 năm trở lên mới được tham gia khoá đào tạo nghề đấu giá, với thời gian 06 tháng[281]. Nếu một người đã là luật sư, công chứng viên, thừa phát lại, quản tài viên, trọng tài viên có thời gian hành nghề từ 02 năm trở lên hoặc đã là thẩm phán, kiểm sát viên, chấp hành viên thì đều được miễn tham gia khoá đào tạo nghề đấu giá[282]. Cơ sở đào tạo nghề đấu giá là Học viện Tư pháp thuộc Bộ Tư pháp. Chương trình khung của khoá đào tạo nghề đấu giá do Học viện Tư pháp phối hợp với Cục Bổ trợ tư pháp xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành[283].

So với các chức danh tư pháp khác cũng hoạt động trong các ngành, nghề bổ trợ tư pháp như công chứng viên, thừa phát lại, luật sư, quản tài viên,... tiêu chuẩn mà LĐGTS đặt ra là hoàn toàn khác biệt. Cũng yêu cầu về thời gian công tác nhưng với công chứng viên, Luật Công chứng năm 2014 quy định, tiêu chuẩn "có thời gian công tác pháp luật từ 05 năm trở lên tại các cơ quan, tổ chức sau khi đã có bằng cử nhân luật"[284] chỉ đặt ra khi cá nhân có đề nghị bổ nhiệm công chứng viên, tức đây không phải là tiêu chuẩn khi cá nhân tham gia khoá đào tạo nghề công chứng. Chỉ cần có bằng cử nhân luật, cá nhân đã được tham gia khoá đào tạo nghề công chứng mà không phải đáp ứng thêm bất kỳ tiêu

[280] Khoản 5 Điều 34b Bộ luật Thương mại Cộng hòa liên bang Đức
[281] Điều 11 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[282] Điều 12 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[283] Điều 2, Điều 3 Thông tư số 06/2017/TT-BTP
[284] Khoản 2 Điều 8 Luật Công chứng năm 2014

chuẩn nào khác[285]. Hơn nữa, khoản 3 Điều 3 Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 hướng dẫn Luật Công chứng còn quy định cụ thể về giấy tờ để chứng minh thời gian công tác pháp luật theo tiêu chuẩn này (Phụ lục 01). Theo quy định của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thừa phát lại, tiêu chuẩn "có thời gian công tác pháp luật từ 03 năm trở lên tại các cơ quan, tổ chức sau khi đã có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học chuyên ngành luật"[286] cũng được đặt ra đối với người đề nghị bổ nhiệm thừa phát lại và nó cũng không phải là yêu cầu để một cá nhân được tham gia khoá đào tạo nghề thừa phát lại. Để một cá nhân được tham gia khoá đào tạo nghề thừa phát lại thì chỉ cần đảm bảo các tiêu chí: là công dân Việt Nam không quá 65 tuổi, thường trú tại Việt Nam, chấp hành tốt hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt, có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học chuyên ngành luật[287]. Đồng thời tại điểm d khoản 1 Điều 10 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP cũng có quy định các giấy tờ chứng minh về thời gian công tác pháp luật (Phụ lục 01). Đối với quản tài viên, Luật Phá sản năm 2014 quy định, nếu người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề không phải là luật sư, kiểm toán viên thì phải có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và "có kinh nghiệm từ 05 năm trở lên về lĩnh vực được đào tạo"[288]. Tuy nhiên, minh chứng cho kinh nghiệm làm việc 05 năm, điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP chỉ yêu cầu nộp giấy tờ có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứ không quy định cụ thể là giấy tờ gì như quy định đối với công chứng viên và thừa phát lại. Hiện nay, pháp luật Việt Nam không quy định về việc đào tạo nghề đối với quản tài viên. Đối với luật sư, Luật Luật sư quy định điều kiện để tham gia khoá đào tạo nghề luật sư là có bằng cử nhân luật[289]. Luật Luật sư cũng không yêu cầu khi đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề luật sư, người đề nghị phải có kinh nghiệm thời gian làm việc nhất định. Có thể thấy, đối với các chức danh tư pháp công chứng viên, luật sư, quản tài viên, thừa phát lại, cũng có trường hợp pháp luật có quy định về kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực được đào tạo. Tuy nhiên, điều kiện này chỉ đặt ra khi cá nhân có đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Khi tham gia đào tạo nghề, pháp luật không yêu cầu cá nhân phải đạt điều kiện về kinh nghiệm làm việc. Hơn nữa, trong nhiều trường hợp, kinh nghiệm làm việc không phản ánh trình độ của một cá nhân

[285] Khoản 1 Điều 9 Luật Công chứng năm 2014
[286] Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP
[287] Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP
[288] Khoản 1 Điều 12 Luật Phá sản năm 2014
[289] Khoản 1 Điều 12 Luật Luật sư năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2012

nào đó[290].

LĐGTS và các văn bản hướng dẫn thi hành đặt ra điều kiện về thời gian làm việc theo chuyên ngành được đào tạo đối với người đăng ký tham gia khoá đào tạo nghề đấu giá nhưng lại không hướng dẫn các giấy tờ chứng minh cho điều kiện này. Hơn nữa, đòi hỏi này của pháp luật Việt Nam hoàn toàn khác biệt với pháp luật của các nước trên thế giới.

Ở Pháp, Bộ luật Thương mại quy định sau khi đảm bảo các điều kiện để bán đồ nội thất tự nguyện bằng đấu giá công khai, cá nhân phải tiếp tục được đào tạo chuyên môn đấu giá[291]. Thủ tục thực hiện đào tạo chuyên môn được xác định bởi Hội đồng các nhà đấu giá[292]. Như vậy, ngay khi cá nhân đã được Hội đồng các nhà đấu giá công nhận đủ điều kiện bán đồ nội thất tự nguyện bằng đấu giá công khai, việc đào tạo chuyên môn đấu giá vẫn tiếp tục được thực hiện sau đó.

Mặt khác, ở Việt Nam, thời gian đào tạo chuyên môn đấu giá chỉ có 06 tháng. Đặc biệt, với những khác biệt trong sự nhìn nhận bản chất, vai trò của ĐGTS ở Việt Nam và Pháp, những yêu cầu về chuyên môn của ĐGV cũng tương đối khác nhau. Ở Việt Nam, đến nay, ĐGTS vẫn được xem là hoạt động chủ yếu phục vụ cho công tác bổ trợ tư pháp, quan điểm xem ĐGTS là một ngành, nghề kinh doanh thực thụ trên thị trường vẫn còn rất hạn chế, ngay cả trong quan điểm của các nhà làm luật. Việc chủ sở hữu tài sản tìm đến đấu giá như là một phương thức mà họ đặt trọn niềm tin là tài sản của mình sẽ được bán với giá cao nhất vẫn còn rất mới mẻ. Tài sản thuộc sở hữu của cá nhân, tổ chức được đưa ra bán thông qua đấu giá chưa đến 50 cuộc (tính từ khi LĐGTS năm 2016 có hiệu lực thi hành đến năm 2022), chỉ chiếm 0,06% so với số cuộc ĐGTS bắt buộc[293]. Ngược lại, ở Pháp, đấu giá động sản tự nguyện đã trở thành một nét "văn hoá mua bán" tài sản, một kênh trung gian với đầy đủ bản chất, vai trò của một ngành, nghề kinh doanh chịu sự tác động của các quy luật kinh tế thị trường. Vì lẽ đó, những trường hợp được miễn đào tạo nghề đấu giá ở Việt Nam đều là những người đã hoạt động trong các ngành, nghề bổ trợ tư pháp: luật sư, công chứng viên, thừa phát lại, quản tài viên, trọng tài viên, thẩm phán, kiểm sát viên, chấp hành viên. Hơn nữa, ở Pháp, việc đào tạo chuyên môn đấu giá là do Hội đồng các nhà đấu giá đảm nhận[294]. Mục tiêu là người tham gia đào tạo đạt được trình độ chuyên môn cần thiết để có thể tiến hành bán hàng. Hội đồng này, bao gồm các

[290] Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và The World Bank, tlđd (40), trang 30.
[291] Điều L321-4-1 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp
[292] Khoản 10 Điều L321-18 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp
[293] Bộ Tư pháp (2022). *Báo cáo chuyên đề Một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động công chứng, đấu giá tài sản trong thời gian tới*. Trang 10
[294] Điều L321-18 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp

chuyên gia đấu giá. Nội dung của khoá đào tạo ở Pháp bao gồm: giáo dục lý thuyết để đào sâu kiến thức của ứng viên về lĩnh vực nghệ thuật, công nghệ, kinh tế, kế toán và pháp lý; giáo dục thực hành và thực hành nghề nghiệp. Hội đồng các nhà đấu giá cập nhật và công bố danh bạ quốc gia những người đủ điều kiện đấu giá đồ nội thất tự nguyện[295].

Ở Trung Quốc, bên cạnh tiêu chuẩn về chuyên môn, ĐGV còn phải có ít nhất 02 năm làm việc trong DN đấu giá. Việc kiểm tra tiêu chuẩn này sẽ do CAA độc quyền tổ chức. Những người vượt qua kỳ kiểm tra sẽ được CAA cấp giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn chuyên môn đấu giá[296]. CAA thực hiện quyền giám sát đối với DN đấu giá và ĐGV. Pháp luật Trung Quốc cũng đòi hỏi ĐGV phải có kiến thức chuyên môn về đấu giá, tuy nhiên kiến thức này do ai đào tạo và thời gian bao lâu lại không được luật quy định cụ thể. Vì lẽ đó, pháp luật Trung Quốc cũng không đề cập các trường hợp được miễn đào tạo chuyên môn đấu giá. Bất kỳ cá nhân nào có kiến thức chuyên môn về đấu giá và vượt qua kỳ kiểm tra do CAA tổ chức đều được CAA cấp giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn chuyên môn đấu giá. Bắt đầu từ năm 2020, CAA Education đã cung cấp nhiều khóa học, bao gồm đào tạo quản lý cấp cao, quản lý tiếp thị đấu giá, các lớp học quốc tế và trực tuyến liên quan đến kinh doanh đấu giá và sách tham khảo dành cho ĐGV[297]. Hơn nữa, luật của Trung Quốc cũng rất chú trọng đến kinh nghiệm làm việc liên quan đến chuyên môn đấu giá của ĐGV, do đó để được tham dự kỳ kiểm tra chuyên môn do CAA tổ chức, cá nhân phải có ít nhất 02 năm làm việc trong DN đấu giá. Trong khi đó, pháp luật Việt Nam yêu cầu trước khi tham gia khoá đào tạo nghề đấu giá, cá nhân phải có thời gian làm việc trong lĩnh vực được đào tạo (theo chuyên ngành của bằng tốt nghiệp đại học hoặc trên đại học) từ 03 năm trở lên.

Tại bang Florida (Hoa Kỳ), người đề nghị cấp phép ĐGV phải hoàn thành một khóa học không ít hơn 80 giờ trên lớp. Khóa học này phải đáp ứng các tiêu chuẩn được Ủy ban đấu giá thông qua. Nhưng nếu cá nhân đã được cấp phép tập sự và đã phục vụ với tư cách là người tập sự từ 01 năm trở lên thì không phải tham gia khóa học trên lớp[298].

Tại bang Texas (Hoa Kỳ), việc hoàn thành khóa học với ít nhất 80 giờ trên lớp tại một trường đấu giá là bắt buộc đối với người đề nghị cấp phép ĐGV. Chương trình giảng dạy tại trường đấu giá do Bộ phận cấp phép và điều lệ phê duyệt theo các tiêu chuẩn và

[295] Khoản 6 Điều L321-18 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp
[296] Điều 16 Luật về Bán đấu giá tài sản của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa
[297] Trang thông tin điện tử của China Association of Auctioneers, [http://www.caa123.org.cn/englistVersion/english_version.jsp] (truy cập ngày14/3/2023)
[298] Điểm a khoản 6 Điều 468.385 Quy định về nghề nghiệp và việc làm của Florida (Hoa Kỳ)

thủ tục luật định[299]. Chương trình giảng dạy đấu giá phải được Ủy ban tư vấn đấu giá đánh giá trước khi được phê duyệt[300].

Tại bang Alabama (Hoa Kỳ), người đề nghị cấp phép ĐGV phải trải qua tối thiểu 85 giờ học trên lớp tại trường đấu giá để được hướng dẫn về các nguyên tắc cơ bản của đấu giá. Chương trình giảng dạy của các trường đấu giá phải được sự chấp thuận của Ủy ban đấu giá. Bên cạnh việc đào tạo trên lớp, người học còn phải thực hành bán hàng tại một cuộc đấu giá thực sự với sự giám sát của trường đào tạo. Việc lựa chọn giáo viên giảng dạy tại các trường đấu giá cũng được quy định chặt chẽ, phải là những người thành công nổi bật trong lĩnh vực giáo dục đấu giá, ĐGV xuất sắc, giàu kinh nghiệm. Đối với các môn học bắt buộc, cần phải lựa chọn ít nhất 05 giáo viên hướng dẫn. Tiêu chuẩn này có thể được thay thế bằng 02 năm phục vụ với tư cách là ĐGV tập sự dưới sự giám sát của một ĐGV đã được cấp phép tại Alabama[301].

So với quy định của Pháp, Trung Quốc, các tiểu bang của Hoa Kỳ, việc đào tạo và tổ chức kiểm tra chuyên môn đấu giá ở Việt Nam là vấn đề cần được nhìn nhận lại cho phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi của nghề nghiệp này trên thực tế. Trong khi ở các quốc gia khác, các công việc này đều do một tổ chức có chuyên môn với sự tham gia của các chuyên gia trong lĩnh vực đấu giá hoặc do các trường đào tạo đấu giá chuyên nghiệp thực hiện, thì ở Việt Nam, cơ sở đào tạo nghề đấu giá là Học viện Tư pháp thuộc Bộ Tư pháp. Học viện Tư pháp lại không phải là cơ sở chỉ chuyên đào tạo nghề đấu giá mà còn đào tạo các ngành, nghề khác như luật sư, công chứng, thừa phát lại... Thêm vào đó, việc kiểm tra chuyên môn để cấp chứng chỉ hành nghề cho ĐGV ở Việt Nam lại do Bộ Tư pháp đảm nhận thay vì một tổ chức có chuyên môn đấu giá cao như Hội đồng các nhà đấu giá ở Pháp, Hiệp hội đấu giá viên ở Trung Quốc, Ủy ban đấu giá Florida, Ủy ban đấu giá Alabama.

Hơn nữa, nếu như ở Việt Nam, những trường hợp được miễn đào tạo nghề đấu giá đều tập trung vào những người có kinh nghiệm làm việc trong các ngành, nghề bổ trợ tư pháp, ở Pháp, Trung Quốc, các tiểu bang của Hoa Kỳ, lại là người đã có kinh nghiệm trong tổ chức, điều hành các cuộc đấu giá. Kinh nghiệm của các nước cho thấy, kiến thức chuyên môn đấu giá và kinh nghiệm tổ chức đấu giá là yếu tố quyết định, còn những vấn đề mang tính bổ trợ khác không phải là tiêu chuẩn cần thiết bắt buộc phải có đối với ĐGV.

[299] Khoản 5 Mục 1802.052 Bộ luật Việc làm của Texas (Hoa Kỳ)
[300] Mục 1802.109 Bộ luật Việc làm của Texas (Hoa Kỳ)
[301] Mục 34-4-21 Điều 2 Đạo luật giấy phép đấu giá viên Alabama (Hoa Kỳ)

Bốn là, tiêu chuẩn kinh nghiệm trong chuyên môn đấu giá: đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá. Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 13 LĐGTS năm 2016, người hoàn thành và có giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề đấu giá hoặc người được miễn đào tạo nghề đấu giá, để được tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá, đều phải trải qua thời gian 06 tháng tập sự hành nghề đấu giá tại tổ chức hành nghề đấu giá (bao gồm Trung tâm dịch vụ ĐGTS và DN ĐGTS). Trong thời gian tập sự hành nghề đấu giá, người tập sự được hướng dẫn các kỹ năng hành nghề và thực hiện các công việc liên quan đến ĐGTS do ĐGV hướng dẫn phân công. ĐGTS là nghề nghiệp đòi hỏi người được đào tạo nghề cần có kinh nghiệm vận dụng các kiến thức đã được đào tạo vào thực tiễn trước khi được cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá, tự mình đứng ra điều hành cuộc đấu giá. Thời gian tập sự là cơ hội để người tập sự học hỏi kinh nghiệm từ ĐGV hướng dẫn những kỹ năng cần thiết trong quá trình hoạt động nghề nghiệp mà khó có sách vở nào có thể truyền đạt hết. Sau khi hoàn thành thời gian tập sự và đã báo cáo kết quả tập sự với Sở Tư pháp, người hoàn thành thời gian tập sự được đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá. Nội dung kiểm tra bao gồm: kỹ năng hành nghề đấu giá, pháp luật về đấu giá, pháp luật có liên quan và quy tắc đạo đức nghề nghiệp ĐGV. Hình thức kiểm tra bao gồm kiểm tra viết và vấn đáp. Việc tổ chức kiểm tra do Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá thực hiện. Hội đồng kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập. Hội đồng kiểm tra có từ 05 thành viên trở lên, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là đại diện Bộ Tư pháp, các thành viên khác của Hội đồng do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định. Kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá có thể được coi là thước đo kiến thức và kỹ năng, đảm bảo người được cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá đáp ứng các đòi hỏi trong quá trình thực hành nghề nghiệp ĐGV.

Tiêu chuẩn này của pháp luật Việt Nam cũng có những tương đồng và khác biệt nhất định với các nước trên thế giới. Ở Pháp, Bộ luật Thương mại không yêu cầu trước khi được Hội đồng các nhà đấu giá công nhận đủ điều kiện tiến hành các cuộc bán hàng bằng đấu giá công khai, cá nhân phải trải qua thời gian tập sự. Thay vào đó, trong quá trình đào tạo chuyên môn đấu giá, ứng viên được Hội đồng các nhà đấu giá lồng ghép các kỹ năng thực hành nghề nghiệp. Hơn nữa, cá nhân còn được công nhận tương đương với chức danh, bằng cấp trong chuyên môn bán hàng khi đảm bảo thời gian, số lượng hoặc số tiền thu được từ tổ chức và thực hiện bán đồ nội tất tự nguyện tại các cuộc đấu giá[302].

[302] Điều 7 Luật số 2022-267 Cộng hòa Pháp

Bên cạnh đó, ở Việt Nam, việc kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá được tiến hành bởi Hội đồng kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập. Thành viên trong Hội đồng kiểm tra không được pháp luật quy định cụ thể mà phụ thuộc vào quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Pháp luật Việt Nam cũng không quy định thành viên trong Hội đồng kiểm tra phải là những chuyên gia hay những người có kiến thức chuyên môn về đấu giá. Trong khi đó, ở Pháp, việc công nhận trình độ chuyên môn đấu giá là thẩm quyền của Hội đồng các nhà đấu giá. Hội đồng này, như đã đề cập, bao gồm các chuyên gia đấu giá, hoàn toàn có đủ chuyên môn, kinh nghiệm để đánh giá và công nhận trình độ chuyên môn của ĐGV.

Ở Trung Quốc, Luật về Bán đấu giá tài sản cũng không quy định vấn đề tập sự hành nghề đấu giá mà chỉ yêu cầu cá nhân phải có ít nhất 02 năm làm việc trong DN đấu giá trước khi tham dự kiểm tra trình độ chuyên môn đấu giá. Có thể thấy, 02 năm này cũng là thời gian vừa để vừa học hỏi kinh nghiệm chuyên môn vừa tiếp thu các kỹ năng cần thiết của ĐGV. Thời gian này vẫn dài hơn so với tổng thời gian vừa đào tạo nghề vừa tập sự hành nghề đấu giá ở Việt Nam. Giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật Trung Quốc cũng có điểm tương đồng đó là trước khi được công nhận ĐGV, cá nhân đều phải trải qua kỳ kiểm tra kiến thức chuyên môn. Tuy nhiên, khác với Việt Nam, ở Trung Quốc, CAA là đơn vị tổ chức kỳ kiểm tra chuyên môn này thay vì là một cơ quan nhà nước như ở Việt Nam.

Luật của bang Washington (Hoa Kỳ) không đặt ra bất kỳ yêu cầu về chuyên môn cũng như kinh nghiệm, thay vào đó, người đề nghị cấp phép ĐGV phải có một trái phiếu bảo đảm hoặc bảo đảm khác thay cho trái phiếu trị giá từ 5.000 – 25.000 đô la[303].

Tại bang Florida (Hoa Kỳ), người đề nghị cấp phép ĐGV phải vượt qua kỳ thi viết bắt buộc do Ủy ban đấu giá tổ chức[304]. Ở Việt Nam, để được tập sự hành nghề đấu giá, cá nhân phải hoàn thành khóa đào tạo nghề đấu giá (06 tháng). Ngược lại, tại Florida, người đã được cấp phép tập sự hành nghề đấu giá và đã phục vụ với tư cách người tập sự từ 01 năm trở lên thì miễn đào tạo nghề đấu giá. Điều đó có nghĩa, tại đây, người tập sự hành nghề đấu giá không nhất thiết phải hoàn thành khóa đào tạo nghề và người đã hoàn thành khóa đào tạo nghề không nhất thiết phải trải qua thời gian tập sự. Tuy nhiên, vượt qua kỳ thi viết do Ủy ban đấu giá tổ chức là bắt buộc đối với bất kỳ cá nhân nào đề nghị cấp phép ĐGV.

[303] Khoản 5 Điều 18.11.085 RCW và Điều 18.11.121 RCW Đạo luật đăng ký đấu giá viên của Washington (Hoa Kỳ)
[304] Khoản 6 Điều 468.385 Quy định nghề nghiệp và việc làm của Florida (Hoa Kỳ)

Tại bang Texas (Hoa Kỳ), người đề nghị cấp phép ĐGV phải vượt qua bài kiểm tra viết hoặc vấn đáp do Bộ phận cấp phép và điều lệ tổ chức. Người đã làm việc cho một ĐGV đã được cấp phép từ 02 năm trở lên và tham gia ít nhất 10 cuộc đấu giá trong thời gian đó thì không phải trải qua bài kiểm tra[305]. Theo quy định của luật tại tiểu bang này, việc đào tạo nghề đấu giá là bắt buộc, nhưng không nhất thiết phải trải qua thời gian tập sự. Còn việc có phải thực hiện bài kiểm tra hay không tùy thuộc vào việc người đó có kinh nghiệm trong tổ chức đấu giá hay không.

Tại bang Alabama (Hoa Kỳ), người đề nghị cấp phép ĐGV cũng phải trải qua thời gian tập sự 01 năm và được hướng dẫn bởi ĐGV bảo trợ. Khi nộp hồ sơ đề nghị cấp phép ĐGV phải có chữ ký của ĐGV bảo trợ xác nhận trong thời gian tập sự, ĐGV tập sự đã tham gia với tư cách là ĐGV chính với số lượng cuộc đấu giá theo yêu cầu. Bên cạnh đó, người nộp đơn còn phải cung cấp bằng chứng về việc bán hàng dưới hình thức quảng cáo có chứa tên và số giấy phép của người đó nổi bật tương đương với tên và số giấy phép của ĐGV bảo trợ và bằng chứng họ đã được đền bù cho việc cung cấp dịch vụ bán hàng đó dưới hình thức bản sao séc thanh toán thông qua tài khoản ký quỹ của ĐGV bảo trợ[306]. Người hoàn thành thời gian tập sự còn phải trải qua kỳ thi do Ủy ban đấu giá tổ chức. Có thể thấy, pháp luật Việt Nam khá tương đồng với pháp luật của tiểu bang Alabama về trình tự để được cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá, từ đào tạo nghề đấu giá, tập sự và tham gia kiểm tra để được cấp phép. Tuy nhiên, cơ sở và chương trình đào tạo nghề đấu giá ở tiểu bang Alabama được quy định chuyên nghiệp và tiệm cận với đòi hỏi của hoạt động ĐGTS hơn so với pháp luật Việt Nam. Ngoài ra, luật ở Alabama còn cho phép người có thời gian tập sự ĐGV 02 năm dưới sự giám sát của một ĐGV đã được cấp phép không phải tham gia khóa học đấu giá 85 giờ trên lớp. Trong khi đó, ở Việt Nam, chỉ những người có kinh nghiệm trong các ngành, nghề thuộc lĩnh vực bổ trợ tư pháp mới được miễn được đào tạo nghề đấu giá.

Hai điểm khác biệt lớn giữa pháp luật Việt Nam so với pháp luật của Pháp, Trung Quốc, các tiểu bang của Hoa Kỳ là:

Một, trong thời gian làm việc tại các công ty đấu giá (Pháp, bang Texas), dù chưa được cấp phép ĐGV nhưng cá nhân vẫn có thể tổ chức đấu giá hoặc trong thời gian tập sự hành nghề đấu giá, ĐGV vẫn được tổ chức, điều hành cuộc đấu giá dưới sự giám sát của ĐGV bảo trợ (bang Florida, Alabama). Trong khi đó, theo quy định của LĐGTS Việt

[305] Khoản 3 Điều 182.052 Bộ luật Việc làm của Texas (Hoa Kỳ)
[306] Mục 34-4-21 Điều 2 Đạo luật giấy phép đấu giá viên Alabama (Hoa Kỳ)

Nam, người tập sự hành nghề đấu giá không được điều hành cuộc đấu giá[307]. Với quy định này, việc học hỏi kỹ năng, kinh nghiệm đấu giá của người tập sự cũng chỉ giới hạn về lý thuyết, họ chưa có cơ hội để thực hành, vận dụng những kỹ năng, kinh nghiệm đó vào việc điều hành bất kỳ cuộc đấu giá nào.

Hai, tại các tiểu bang của Hoa Kỳ, cá nhân không nhất thiết phải hoàn thành khóa đào tạo nghề đấu giá mới được cấp phép tập sự ĐGV. Ngược lại, ở Việt Nam, trừ những trường hợp được miễn đào tạo nghề đấu giá, cá nhân phải hoàn thành khóa đào tạo nghề đấu giá mới được đăng ký tập sự hành nghề đấu giá. Thời gian tập sự hành nghề đấu giá ở Việt Nam chỉ có 06 tháng trong khi tại các tiểu bang của Hoa Kỳ đến 01 năm.

Nhìn chung, so với quy định của Pháp, Trung Quốc, Đức, một số tiểu bang của Hoa Kỳ, các tiêu chuẩn ĐGV ở Việt Nam, trong chừng mực nào đó chưa đáp ứng và trực tiếp phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp của ĐGV. Đặc biệt là, pháp luật Việt Nam hiện nay lại đòi hỏi người thành lập hoặc tham gia thành lập DN đấu giá phải là ĐGV. Tác giả Nguyễn Thị Huyền Trang đã từng nêu lên thực trạng: hiện nay, các cá nhân thực hiện hoạt động kinh doanh ở Việt Nam phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ hành nghề khi kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện nhưng cơ chế đào tạo và cấp chứng chỉ hành nghề ở Việt Nam hiện nay rất nặng về hình thức và không được quản lý chặt chẽ[308].

3.2.2.2 Hình thức hành nghề của đấu giá viên tại doanh nghiệp đấu giá tài sản

Theo quy định tại khoản 3 Điều 18 LĐGTS, có thể khái quát thành hai hình thức hành nghề của ĐGV tại DN ĐGTS: i) ĐGV hành nghề với tư cách chủ sở hữu DN ĐGTS, bao gồm ĐGV là chủ DN đấu giá tư nhân và ĐGV là thành viên hợp danh của công ty đấu giá hợp danh; ii) ĐGV hành nghề với tư cách là người lao động tại DN ĐGTS. Mỗi ĐGV chỉ được thành lập hoặc tham gia thành lập hoặc ký hợp đồng lao động với một DN ĐGTS[309]. Yêu cầu này đối với ĐGV là chủ DN đấu giá tư nhân hoàn toàn có thể đảm bảo. Bởi chủ DNTN không được đồng thời là thành viên hợp danh CTHD[310]. Và, ĐGV đã tham gia thành lập công ty đấu giá hợp danh với tư cách thành viên hợp danh thì không được thể thành lập DN đấu giá tư nhân. Bởi thành viên hợp danh không được làm chủ DNTN[311].

Tuy nhiên, yêu cầu này là vấn đề cần phải được xem xét lại đối với ĐGV đã tham gia thành lập công ty đấu giá hợp danh với tư cách là thành viên hợp danh. Theo quy định

[307] Khoản 3 Điều 13 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[308] Nguyễn Thị Huyền Trang, tlđd (34)
[309] Khoản 3 Điều 18 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[310] Khoản 3 Điều 188 Luật Doanh nghiệp năm 2020
[311] Khoản 1 Điều 180 Luật Doanh nghiệp năm 2020

trên, ĐGV này không được thành lập DN đấu giá tư nhân (tức là chủ DN đấu giá tư nhân), hoặc tham gia thành lập công ty đấu giá hợp danh khác (tức là thành viên hợp danh tham gia thành lập công ty đấu giá hợp danh khác). Trong trường hợp này, ĐGV đã tham gia thành lập công ty đấu giá hợp danh (với tư cách thành viên hợp danh) vẫn có thể trở thành thành viên công ty đấu giá hợp danh khác bằng các con đường sau: i) ĐGV góp thêm vốn điều lệ hoặc ii) mua phần vốn góp của thành viên hợp danh trong công ty đấu giá hợp danh khác, nếu được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại[312]; iii) góp thêm vốn điều lệ hoặc iv) mua phần vốn góp của thành viên góp vốn để trở thành thành viên góp vốn trong công ty đấu giá hợp danh khác[313]. Rõ ràng, trường hợp này, ĐGV là thành viên hợp danh trong công ty đấu giá hợp danh có thể trở thành thành viên hợp danh hoặc thành viên góp vốn trong công ty đấu giá hợp danh khác mà không trái với quy định của cả LĐGTS và LDN. Nếu theo quy định hiện nay, ĐGV bên cạnh hành nghề đấu giá theo một trong hai hình thức đã được quy định là thành lập (DN đấu giá tư nhân), tham gia thành lập (công ty đấu giá hợp danh) hoặc ký hợp đồng lao động với DN ĐGTS thì còn hành nghề theo hình thức được tiếp nhận vào làm thành viên hợp danh hoặc thành viên góp vốn trong công ty đấu giá hợp danh khi công ty đã được cấp Giấy đăng ký hoạt động.

Cũng quy định về hình thức hành nghề của công chứng viên tại Văn phòng công chứng nhưng Luật Công chứng quy định rõ ràng hơn. Theo đó, tại Văn phòng công chứng, công chứng viên hành nghề theo hình thức công chứng viên hợp danh hoặc theo chế độ hợp đồng lao đồng[314]. Với hình thức là công chứng viên hợp danh, có thể là công chứng viên tham gia thành lập Văn phòng công chứng hoặc được Văn phòng công chứng tiếp nhận là thành viên hợp danh mới[315]. Quy định này của Luật Công chứng vừa cụ thể, vừa khái quát được hết các hình thức hành nghề của công chứng viên tại Văn phòng công chứng. Đồng thời cũng thống nhất với các quy định của LDN về CTHD.

Đối với tổ chức hành nghề luật sư, tác giả Trần Văn Công cũng cho rằng khoản 3 Điều 32 Luật Luật sư quy định một luật sư chỉ được thành lập hoặc tham gia thành lập một tổ chức hành nghề luật sư là hợp lý và cần thiết[316]. Tuy nhiên, tác giả này chưa nhận thấy bất cập trong quy định của Luật Luật sư tương tự như LĐGTS đã được phân tích ở trên về hình thức hành nghề của luật sư tại tổ chức hành nghề luật sư.

[312] Khoản 1, khoản 3 Điều 180, khoản 1 Điều 186 Luật Doanh nghiệp năm 2020
[313] Điểm d khoản 1 Điều 187 Luật Doanh nghiệp năm 2020
[314] Điểm b, điểm c khoản 1 Điều 34 Luật Công chứng năm 2014
[315] Khoản 1 Điều 23 và khoản 1 Điều 27 Luật Công chứng năm 2014
[316] Trần Văn Công, tlđd (38), trang 67

Đối với LĐGTS, khi đặt ra quy định này, mục đích của nhà làm luật là mỗi ĐGV chỉ được hành nghề ĐGTS tại một DN đấu giá, nhằm nâng cao trách nhiệm cũng như tính chuyên nghiệp của ĐGV. Tuy nhiên, với diễn đạt câu chữ trong Luật như vậy sẽ tạo ra "lỗ hổng" mà căn cứ vào đó ĐGV có thể trở thành thành viên trong công ty đấu giá hợp danh khác thông qua hình thức góp thêm vốn điều lệ hoặc mua phần vốn góp. Khi đó, mục đích đặt ra từ đầu của LĐGTS khó đạt được.

3.3 CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

3.3.1 Tên doanh nghiệp đấu giá tài sản

Điều kiện về tên DN ĐGTS cũng là một quy định hoàn toàn mới của LĐGTS so với các Nghị định trước đây. Ngay cả khi Nghị định số 86-CP có quy định DN ĐGTS không được kinh doanh ngành, nghề khác nhưng Nghị định này cũng không đặt ra điều kiện là trong tên của DN ĐGTS phải thể hiện rõ ngành, nghề kinh doanh ĐGTS.

Cùng với loại hình DN, tên DN cũng là điều kiện bắt buộc để DN ĐGTS được thành lập theo quy định của pháp luật về DN và LĐGTS. Về nguyên tắc chung, DN là tổ chức có tên gọi riêng cùng với một số yếu tố khác để phân biệt với các DN khác. Việc lựa chọn tên để đặt cho DN là quyền của người thành lập DN. Tuy nhiên, việc đặt tên cho DN cũng phải đảm bảo không trùng hoặc nhầm lẫn với các DN đã đăng ký trước đó trên phạm vi toàn quốc, trừ những DN đã giải thể hoặc đã có quyết định có hiệu lực của Tòa án tuyên bố DN bị phá sản[317]. Tên DN bao gồm: tên tiếng Việt là tên gọi bắt buộc DN phải có khi đăng ký thành lập DN, tên DN bằng tiếng nước ngoài (nếu có) và tên viết tắt của DN (nếu có). Việc lựa chọn tên để đặt cho DN là quyền của người thành lập DN. Ngoài ra, không được sử dụng tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của tổ chức, cá nhân đã được bảo hộ để cấu thành tên riêng của DN, trừ trường hợp được sự chấp thuận của chủ sở hữu tên thương mại, nhãn hiệu đó[318]. Để tránh trường hợp đăng ký tên DN bị trùng hoặc bị nhầm lẫn với các DN đã đăng ký trước đó hoặc xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, trước khi đăng ký tên DN, người thành lập DN cần tham khảo tên các DN đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký DN và Cơ sở dữ liệu về nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý của cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp. Theo quy định này của LDN, tên của DN không nhất thiết phải kèm theo ngành, nghề kinh doanh của DN, bởi DN được thành lập có thể đăng ký kinh doanh nhiều ngành, nghề.

[317] Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP
[318] Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP

LĐGTS có quy định riêng về tên của DN ĐGTS. Theo đó, tên của DN đấu giá tư nhân phải bao gồm cụm từ "doanh nghiệp đấu giá tư nhân", tên của công ty đấu giá hợp danh phải bao gồm cụm từ "công ty đấu giá hợp danh"[319]. Tên DN cùng với điều kiện về loại hình DN của DN ĐGTS đã thể hiện được mục tiêu của Luật là chuyên nghiệp hóa hoạt động ĐGTS của các DN đấu giá. Ngoài quy định phải kèm theo ngành, nghề kinh doanh vào tên của DN, LĐGTS không có quy định gì thêm về vấn đề này.

Tên của DN ĐGTS được quy định tương tự như tên của các DN kinh doanh các ngành, nghề khác thuộc lĩnh vực bổ trợ tư pháp như công chứng với tên gọi phải bao gồm cụm từ "Văn phòng công chứng", luật sư với tên gọi phải có cụm từ "Văn phòng luật sư", "công ty luật hợp danh", "công ty luật trách nhiệm hữu hạn", thừa phát lại với tên gọi phải bao gồm cụm từ "Văn phòng thừa phát lại"…

Hầu hết các nước trên thế giới, pháp luật không đặt ra điều kiện về tên DN kinh doanh ĐGTS. Theo đó, tên DN này được thực hiện theo quy định chung như đối với các DN khác.

DN ĐGTS với vai trò là trung gian trong mua bán tài sản giữa các cá nhân, tổ chức, DN phải được tổ chức và hoạt động đáp ứng đòi hỏi của xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan, đồng thời đạt được mục tiêu lợi nhuận trong kinh doanh, góp phần bình ổn giá cả thị trường, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Việc gắn ngành, nghề kinh doanh vào tên của DN là không cần thiết. Nó không có ý nghĩa làm nâng cao trách nhiệm của DN hay khách hàng sẽ tìm đến DN. Để cạnh tranh và thu hút được khách hàng, đòi hỏi DN phải tạo dựng được uy tín trên thị trường, phải có chiến lược kinh doanh hiệu quả..., khi đó khách hàng sẽ tự tìm đến DN, cả người có nhu cầu bán và người có nhu cầu mua tài sản.

Ngoài ra, tên của DN ĐGTS theo quy định của LĐGTS còn tồn tại một vấn đề cần được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho thống nhất với pháp luật về DN cũng như các văn bản pháp luật khác, đồng thời hạn chế những tranh chấp liên quan đến tên của DN. Đối với các DN không kinh doanh dịch vụ ĐGTS, tên của DN được người đề nghị thành lập DN ghi trong hồ sơ đăng ký thành lập DN và được Cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét, chấp thuận. Thế nhưng, đối với DN ĐGTS, DN chỉ thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động với Sở Tư pháp nơi DN đặt trụ sở[320]. Bên cạnh đó, LĐGTS cũng có quy định: "Những nội dung liên quan đến thành lập, tổ chức, hoạt động và chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản không quy định tại Luật này thì thực hiện theo quy định của pháp

[319] Khoản 2 Điều 23 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[320] Khoản 1 Điều 25 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

luật về doanh nghiệp"[321]. Theo đó, LĐGTS không quy định về việc đăng ký thành lập DN đấu giá mà chỉ quy định việc đăng ký hoạt động của DN, việc đăng ký thành lập DN phải thực hiện theo quy định của LDN. Trong khi đó, LDN quy định việc đăng ký thành lập DN được thực hiện tại Cơ quan đăng ký kinh doanh. Theo đề xuất của các nhà nghiên cứu trước khi có LĐGTS như: nên giao cho Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho doanh nghiệp chuyên bán đấu giá tài sản thay vì là Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp[322] hay nên chuyển nhiệm vụ đăng ký hoạt động của các doanh nghiệp đấu giá tài sản từ Sở Kế hoạch và Đầu tư sang Sở Tư pháp[323].

Hiện nay, DN ĐGTS không đăng ký thành lập DN mà chỉ thực hiện duy nhất thủ tục đăng ký hoạt động với Sở Tư pháp. Sở Tư pháp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan kế hoạch và đầu tư trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy đăng ký hoạt động cho DN ĐGTS và công bố nội dung đăng ký hoạt động của DN ĐGTS (trong đó có tên DN) trên cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp[324]. Ngoài ra danh sách của các tổ chức ĐGTS còn được cập nhật trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản[325] (bắt đầu vận hành từ ngày 10/4/2020). Tuy nhiên, tên của DN ĐGTS không được cập nhật trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như các DN không kinh doanh ngành, nghề này. Hơn nữa, LDN có hướng dẫn để tránh trường hợp đăng ký tên DN bị trùng hoặc bị nhầm lẫn với các DN đã đăng ký trước đó hoặc xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, trước khi đăng ký tên DN, người thành lập DN cần tham khảo tên các DN đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Cơ sở dữ liệu về nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý của cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp. Ngược lại, LĐGTS không có bất kỳ hướng dẫn nào về tra cứu tên DN ĐGTS, khi đó, người thành lập DN đấu giá chỉ có thể căn cứ vào quy định của LĐGTS, tra cứu tên DN trên cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi DN đặt trụ sở và căn cứ vào quy định của LDN, tra cứu tên DN trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trong khi đó, Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp chỉ cập nhật danh sách các DN ĐGTS có trụ sở trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó, Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp lại không cập nhật tên gọi của các DN ĐGTS được thành lập từ ngày LĐGTS có hiệu lực thi hành và đăng ký hoạt

[321] Khoản 4 Điều 23 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[322] Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp, tlđd (23), trang 124
[323] Trần Tiến Hải, tlđd (28), trang 151
[324] Điều 27 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[325] Cổng thông tin điện tử quốc gia về ĐGTS, [https://dgts.moj.gov.vn/co-so-du-lieu/thong-tin-to-chuc-dau-gia.html]

động với Sở Tư pháp (trước đây DN bán ĐGTS đăng ký thành lập với Cơ quan đăng ký kinh doanh nên được cập nhật tên gọi trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và còn thông tin đến nay). Như vậy sẽ dẫn đến hệ quả người thành lập DN ĐGTS lựa chọn tên cho DN gây nhầm lẫn hoặc trùng với tên của DN ĐGTS khác đã được đăng ký. Khi đó, DN không được Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động nhưng rõ ràng không phải xuất từ lỗi của người thành lập DN mà do pháp luật ĐGTS không quy định rõ nguồn tra cứu tên của các DN ĐGTS đã được đăng ký, gây mất thời gian cho DN.

3.3.2 Trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Để được thành lập, DN ĐGTS còn phải đảm bảo điều kiện về trụ sở, cơ sở vật chất, các trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho hoạt động ĐGTS[326].

Trụ sở là thuộc tính gắn liền với tất cả các DN. Trụ sở chính của DN đặt trên lãnh thổ Việt Nam, là địa chỉ liên lạc của DN và được xác định theo địa giới đơn vị hành chính; có số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có)[327]. Trụ sở của DN là căn cứ để xác định thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký DN của Cơ quan đăng ký kinh doanh. Trụ sở của DN không nhất thiết phải thuộc quyền sở hữu của DN. Trong thành phần hồ sơ đăng ký DN, LDN chỉ yêu cầu người đăng ký ghi địa chỉ trụ sở chính của DN vào giấy đề nghị đăng ký DN và không yêu cầu hồ sơ chứng minh quyền sở hữu hay quyền sử dụng đối với trụ sở đó. Đối với DN ĐGTS, trụ sở của DN phải đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết cho hoạt động ĐGTS. Tuy nhiên, vấn đề cụ thể hóa trang thiết bị cần thiết cho hoạt động ĐGTS Luật còn đang bỏ ngỏ.

Trụ sở cũng là thuộc tính gắn liền với tất cả các loại hình công ty theo quy định của pháp luật các nước trên thế giới. Ở Pháp, trụ sở đăng ký công ty là một trong những nội dung phải được xác định trong Điều lệ công ty và phải được đăng ký với cơ quan đăng ký thương mại và công ty[328]. Đối với công ty bán đấu giá nội thất tự nguyện, pháp luật ở đây không đặt ra điều kiện khác về trụ sở cũng như cơ sở vật chất. Khi tiến hành bán đấu giá, các công ty đấu giá phải cung cấp cho Hội đồng các nhà đấu giá về các thông tin cần thiết về trụ sở, nơi trưng bày tài sản chào bán và nơi thường diễn ra hoạt động đấu giá. Trường hợp, việc trưng bày và bán đấu giá diễn ra ở một địa điểm khác hoặc bằng máy tính, công ty phải báo cho Hội đồng các nhà đấu giá biết về vấn đề này[329].

Ở Trung Quốc, pháp luật cũng quy định điều kiện về trụ sở đối với DN ĐGTS. Tuy nhiên, không chỉ riêng DN ĐGTS mới có điều kiện về trụ sở mà những DN không

[326] Điểm b khoản 3 Điều 23 LĐGTS năm 2016
[327] Điều 42 Luật Doanh nghiệp năm 2020
[328] Điều L210-2 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp
[329] Điều L321-7 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp

kinh doanh đấu giá cũng phải đáp ứng điều kiện này[330]. Ngoài ra, pháp luật của Trung Quốc không yêu cầu DN ĐGTS phải đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất.

Ở Nhật Bản, Bộ luật Thương mại không quy định điều kiện riêng về trụ sở và cơ sở vật chất đối với công ty ĐGTS. Như các công ty kinh doanh ngành, nghề khác, công ty đấu giá cũng phải có địa chỉ được đăng ký là địa điểm của trụ sở chính. Địa điểm này phải được thể hiện trong Điều lệ công ty khi đăng ký thành lập công ty[331].

Luật ở các tiểu bang của Hoa Kỳ cũng không có quy định đặc biệt về trụ sở và cơ sở vật chất của DN ĐGTS hay công ty ĐGTS. Mỗi DN hay công ty khi đăng ký thành lập đều phải có địa chỉ trụ sở trên phạm vi của tiểu bang[332].

Ở Đức, trụ sở công ty được đặt tại Đức và quy định trong Điều lệ công ty[333].

Có thể thấy, pháp luật ở Pháp, Trung Quốc, Nhật Bản, Đức và các tiểu bang của Hoa Kỳ đều không ràng buộc DN ĐGTS bằng điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ cho việc tổ chức đấu giá. Việc trang bị cơ sở vật chất là phụ thuộc vào quy mô, uy tín mà DN muốn tạo dựng nhằm thu hút khách hàng. Đây cũng là điểm khác biệt so với quy định của pháp luật Việt Nam.

Xét cho cùng, điều kiện về cơ sở vật chất mà LĐGTS Việt Nam đặt ra đối với DN ĐGTS thực chất là không rõ ràng. Để phục vụ cho hoạt động ĐGTS thì cần phải trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị như thế nào, Luật không quy định rõ. Việc đáp ứng điều kiện này mang tính chủ quan, định tính chứ không có căn cứ để đánh giá là DN có đảm bảo điều kiện đó hay không. Chẳng hạn, điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị đối với DN kinh doanh đấu giá bằng hình thức trực tuyến. Với sự phát triển vượt bậc của các thiết bị công nghệ, một chiếc điện thoại thông minh có chức năng không khác gì so với một chiếc máy vi tính. Vậy nếu DN tổ chức đấu giá trực tuyến thì điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị có nhất thiết DN phải trang bị máy vi tính để phục vụ cho hoạt động này hay không. Hơn nữa, điều kiện về trụ sở, cơ sở vật chất và trang thiết bị mà Luật đặt ra cho DN ĐGTS không có ý nghĩa đối với cả DN và xã hội. Vì vậy, ngày 08/6/2018 Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 1319/QĐ-BTP về việc phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp, trong đó điều kiện về vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho hoạt động

[330] Điều 10 Luật về Bán đấu giá tài sản của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa
[331] Điều 4, Điều 27(iii), Điều 576(iii) Đạo luật Công ty Nhật Bản
[332] Điều 23.95.410 RCW Đạo luật Công ty kinh doanh của Washington; Điều 605.0113(a) Đạo luật Công ty trách nhiệm hữu hạn Florida, Điều 607.0501(a) Bộ luật Công ty cổ phần Florida, Điều 620.1114(1a) Luật Hợp danh Florida; Mục 10A-2A-1.21(2) Luật Công ty cổ phần Alabama, Mục 10A-5A-2.01(2) Luật Công ty trách nhiệm hữu hạn Alabama, Mục 10A-8A-2.02(3) Luật Hợp danh Alabama)
[333] Điều 4a Đạo luật về Công ty trách nhiệm hữu hạn, Điều 5 Đạo luật Công ty cổ phần, Điều 3 Đạo luật công ty hợp danh Cộng hòa liên bang Đức

ĐGTS đã được phê duyệt phương án cắt giảm nhằm tạo điều kiện cho DN được thành lập.

Mặt khác, ngày 08/02/2022, Bộ Tư pháp vừa ban hành Thông tư số 02/2022/TT-BTP hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản (sau đây gọi tắt là Thông tư số 02/2022/TT-BTP), trong đó, cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá là một trong các tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức ĐGTS. Tiêu chí này chiếm số điểm tương đối cao trong bộ tiêu chí (23/100 điểm). Trong khi đó, đây đã là điều kiện bắt buộc để DN ĐGTS được đăng ký hoạt động, vậy để được đăng ký hoạt động DN đấu giá nào cũng phải đảm bảo điều kiện này, tức DN nào cũng đạt được tiêu chí này trong các tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức ĐGTS theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTP trên. Như vậy sẽ không tạo ra tính cạnh tranh giữa các DN ĐGTS về tiêu chí này.

3.3.3 Cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập và quản lý doanh nghiệp đấu giá tài sản

Trước đây, theo Nghị định số 86-CP, DN nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần hoạt động bán đấu giá chuyên nghiệp phải thực hiện thủ tục đề nghị thành lập DN nhà nước với Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ quản lý ngành hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, xin phép thành lập công ty tại Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và thực hiện đăng ký kinh doanh tại Ủy ban kế hoạch tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi DN đặt trụ sở chính (đối với DN nhà nước), tại Trọng tài kinh tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, sau này là tại Ủy ban kế hoạch tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với các công ty) theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 1995, Luật Công ty năm 1990, sửa đổi, bổ sung năm 1994. Các DN nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần hoạt động bán đấu giá chuyên nghiệp chịu sự quản lý về nghiệp vụ của Sở Tư pháp[334]. Đến Nghị định số 05/2005/NĐ-CP, DN bán ĐGTS thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh tại Cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật về DN. Sở Tư pháp phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra về tổ chức và hoạt động của DN bán ĐGTS[335]. Nghị định số 17/2010/NĐ-CP quy định DN bán ĐGTS thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh tại Cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật về DN có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc đăng ký kinh doanh cho Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi DN đặt trụ sở chính trong thời hạn 7 ngày làm việc,

[334] Khoản 2 Điều 4 Quy chế bán đấu giá tài sản (Ban hành kèm theo Nghị định số 86-CP)
[335] Điểm đ khoản 9 Thông tư số 03/2005/TT-BTP

kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh[336]. Theo các Nghị định này, DN bán ĐGTS cũng thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh như các DN khác. Nếu DN có đăng ký kinh doanh bán ĐGTS thì DN phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại các Nghị định này và hoạt động của DN vừa chịu sự quản lý của Cơ quan đăng ký kinh doanh vừa chịu sự quản lý của Sở Tư pháp. Cơ quan đăng ký kinh doanh vẫn là cơ quan quản lý chung đối với DN, Sở Tư pháp quản lý hoạt động bán ĐGTS của DN.

Hiện nay, theo quy định của LĐGTS năm 2016, DN ĐGTS không thực hiện thủ tục đăng ký DN tại Cơ quan đăng ký kinh doanh như các DN khác nữa mà chỉ thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp. Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy đăng ký hoạt động cho DN ĐGTS, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho Sở Kế hoạch và Đầu tư[337]. Điều đó có nghĩa, ở Việt Nam hiện nay, việc cho phép DN ĐGTS được thành lập và quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ ĐGTS là thẩm quyền của Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi DN đặt trụ sở (đơn vị trực tiếp quản lý DN ĐGTS là Phòng Bổ trợ tư pháp), cơ quan quản lý DN ĐGTS trong cả nước là Bộ Tư pháp (đơn vị quản lý trực tiếp là Cục Bổ trợ tư pháp). Trong khi đó, Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp không có chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý các loại hình DN. Phòng Bổ trợ tư pháp thuộc Sở Tư pháp, Cục Bổ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp, bên cạnh quản lý trực tiếp đối với các DN ĐGTS còn quản các DN kinh doanh các hoạt động bổ trợ tư pháp khác như luật sư, công chứng, thừa phát lại,... Công tác quản lý về hoạt động hành nghề của DN ĐGTS, của ĐGV của các cơ quan này cũng khó đảm bảo tính chuyên nghiệp và sâu sát.

Kinh nghiệm lập pháp của các nước cho thấy, việc cấp phép và quản lý hoạt động đấu giá của các DN đấu giá được thực hiện bởi các cơ quan quản lý đặc biệt với hàng loạt các chuyên gia đấu giá.

Ở Pháp, các công ty chỉ được tham gia vào việc bán đấu giá công khai động sản tự nguyện sau khi được sự cho phép của Hội đồng các nhà đấu giá. Hội đồng này bao gồm các chuyên gia đấu giá, có quyền áp dụng hình phạt đối với các công ty có vi phạm trong hoạt động đấu giá[338].

Ở Trung Quốc, DN bán ĐGTS được thành lập và hoạt động bởi sự cho phép và giám sát của nhiều cơ quan. Để được thành lập, DN phải được sự cho phép của cơ quan quản lý bán đấu giá theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và khu tự trị nơi DN đặt

[336] Điều 16 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP
[337] Điều 27 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[338] Điều L321-18 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp

trụ sở, để được tiến hành kinh doanh, DN phải đăng ký xin giấy phép kinh doanh tại Cục Công nghiệp và Thương mại và quá trình hoạt động của DN chịu sự giám sát của CAA. CAA là tổ chức xã hội có tư cách pháp nhân, được thành lập theo quy định của pháp luật và là tổ chức tự quản trong lĩnh vực bán ĐGTS[339].

Ở các tiểu bang của Hoa Kỳ, để quản lý hoạt động ĐGTS trong phạm vi bang, chính quyền bang Florida đã thành lập nên Uỷ ban đấu giá Florida trực thuộc Cơ quan quản lý hoạt động kinh doanh và nghề nghiệp. Tại bang Alabama (Hoa Kỳ), bất kỳ cá nhân, hợp danh, hiệp hội hoặc công ty nào hoạt động đấu giá mà không đạt được trước giấy phép do Ủy ban đấu giá tiểu bang cấp đều là bất hợp pháp[340]. Chính quyền tiểu bang Alabama thành lập Ủy ban đấu giá để cấp phép và quản lý đối với các công ty đấu giá và ĐGV. Ở bang Texas, quản lý hoạt động của các DN ĐGTS là Ủy ban cố vấn đấu giá.

Đặt trong môi trường kinh doanh chung của thế giới, đấu giá là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật hầu hết các nước, đặc biệt là những nước có lịch sử hình thành, phát triển và phổ biến của hoạt động đấu giá lâu đời như Pháp, Đức, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc..., điều kiện thành lập DN đấu giá ở Việt Nam dường như "lạc lõng" và tách biệt với quy định pháp luật các nước khác, khó hòa nhập với pháp luật các nước trên thế giới, điều kiện kinh doanh mang "dấu ấn" của Bộ quản lý[341]. Điều này có nguyên nhân từ chính bản chất cố hữu khó thay đổi về lịch sử ra đời của hoạt động ĐGTS ở Việt Nam. Như đã trình bày ở Chương 2, đấu giá ngay từ khi mới ra đời ở Việt Nam đã được xem là hoạt động bổ trợ tư pháp. Hoạt động đấu giá được hình dung như một giai đoạn của công tác kê biên, phát mại tài sản để thi hành án (xử lý tài sản bảo đảm, buộc trả nợ,...). Từ khi ĐGTS được chính thức ghi nhận là một ngành, nghề kinh doanh với sự tham gia của các DN của tư nhân (từ Nghị định số 86-CP) thì các DN này vẫn hoạt động và chịu sự quản lý về nghiệp vụ của Sở Tư pháp. DN ĐGTS ngày nay là một DN đích thực chứ không còn là tổ chức bổ trợ tư pháp. Tuy nhiên, việc tiếp tục để Sở Tư pháp quản lý DN này, như đã làm mấy chục năm nay, khiến cho tính chất bổ trợ tư pháp vốn có của DN vẫn không phai nhạt gì mấy. Chính tư tưởng cố hữu từ lịch sử đã dẫn đến sự nhìn nhận chưa đúng về vị trí, vai trò và tư cách pháp lý của DN ĐGTS ở Việt Nam hiện nay.

Vấn đề này vừa kềm kẹp sự ra đời, khả năng phát triển quy mô, hội nhập kinh tế quốc tế của DN, vừa tồn tại những "lỗ hổng" làm cho hiệu quả điều chỉnh của pháp luật

[339] Điều 17 Luật về Bán đấu giá tài sản của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa
[340] Mục 34-4-20 Điều 2 Đạo luật giấy phép đấu giá viên Alabama (Hoa Kỳ)
[341] Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và The World Bank, tlđd (40), trang 30

khó đạt được mục tiêu như kỳ vọng. Điều đó đã tạo ra không ít rào cản cho DN. Minh chứng là, dựa trên số liệu được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về ĐGTS, từ tháng 8/2020 đến tháng 02/2022 số lượng DN ĐGTS có tăng nhưng rất hạn chế từ 413 lên 451 DN[342] (không bao gồm số lượng các chi nhánh DN). DN ĐGTS chủ yếu tập trung ở các tỉnh, thành phố lớn với khối lượng tài sản được đấu giá khổng lồ như Hà Nội (97 DN và 14 chi nhánh DN), Thành phồ Hồ Chí Minh (66 DN và 26 chi nhánh DN), Thanh Hóa (29 DN và 10 chi nhánh danh nghiệp), Nghệ An (22 DN và 3 chi nhánh DN), Đà Nẵng (10 DN và 17 chi nhánh DN), Bà Rịa – Vũng Tàu (9 DN và 13 chi nhánh DN), Cần Thơ (9 DN và 5 chi nhánh DN), Bình Dương (9 DN và 10 chi nhánh DN)[343]. Cá biệt có những tỉnh không có DN ĐGTS nào được thành lập như Bạc Liêu, Bắc Kạn, Bến Tre, Cao Bằng, Hà Giang, Lai Châu, Tuyên Quang, Yên Bái[344]. Thực tế cho thấy, điều kiện thành lập DN ĐGTS ở Việt Nam chưa đáp ứng được nhu cầu, đòi hỏi thúc đẩy hoạt động đấu giá phát triển và trở thành ngành, nghề kinh doanh hấp dẫn đối với nhà đầu tư, cũng không tạo được sự tin cậy của các bên liên quan cũng như xã hội. Hơn nữa, DN ĐGTS ở Việt Nam đa số chưa đáp ứng điều kiện để tổ chức đấu giá trực tuyến. Theo số liệu được công bố trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về ĐGTS, tính đến tháng 3 năm 2022, Việt Nam chỉ có 5 DN đấu giá đủ điều kiện tổ chức đấu giá trực tuyến, tập trung ở Hà Nội và Đà Nẵng. Do đó, với ảnh hưởng của đại dịch covid-19 vừa qua, một mặt, đã tác động rất tiêu cực đến hoạt động của các DN đã được thành lập, mặt khác là rào cản tâm lý đối với ĐGV có nguyện vọng thành lập DN ĐGTS.

3.4 CHẾ TÀI ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN KHI VI PHẠM CÁC ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp ĐGTS để được thành lập và kinh doanh dịch vụ ĐGTS phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện mà LĐGTS quy định. Trong quá trình hoạt động, DN cũng phải đảm bảo duy trì đầy đủ các điều kiện đó. Mục đích của việc đặt ra các điều kiện thành lập DN ĐGTS là nhằm bảo vệ những lợi ích mà Nhà nước quan tâm, cả lợi ích công và lợi ích tư. Do đó, DN phải chịu chế tài nếu DN có các vi phạm liên quan đến điều kiện thành lập là hoàn toàn hợp lý. Theo quy định của pháp luật Việt Nam, các vi phạm của DN ĐGTS liên quan đến điều kiện thành lập DN bao gồm: i) không đảm bảo điều kiện hoạt động ĐGTS theo quy định của LĐGTS; ii) các hành vi liên quan đến hồ sơ đăng ký hoạt

[342] Danh sách tổ chức ĐGTS/chi nhánh tổ chức ĐGTS trong toàn quốc theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 56 LĐGTS (Kèm theo Thông báo số 531/TB-BTP ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)
[343] Danh sách tổ chức ĐGTS/chi nhánh tổ chức ĐGTS trong toàn quốc theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 56 LĐGTS (Kèm theo Thông báo số 531/TB-BTP ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)
[344] Danh sách tổ chức ĐGTS/chi nhánh tổ chức ĐGTS trong toàn quốc theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 56 LĐGTS (Kèm theo Thông báo số 531/TB-BTP ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

động của DN. Chế tài được áp dụng đối với các vi phạm này của DN ĐGTS bao gồm: xử phạt vi phạm hành chính hoặc thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của DN.

3.4.1 Xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản

DN ĐGTS bị áp dụng chế tài xử phạt vi phạm hành chính khi có các hành vi liên quan đến điều kiện thành lập DN như sau:

Một là, tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền cấp trong hồ sơ đề nghị đăng ký hoạt động của DN. Hồ sơ đề nghị đăng ký hoạt động của DN bao gồm: 1) Giấy đề nghị đăng ký hoạt động; 2) Điều lệ của DN đối với công ty đấu giá hợp danh; 3) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Chứng chỉ hành nghề đấu giá của chủ DN đấu giá tư nhân, Chứng chỉ hành nghề đấu giá của thành viên hợp danh, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty đấu giá hợp danh; 4) Giấy tờ chứng minh về trụ sở của DN ĐGTS, cam kết bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết cho hoạt động ĐGTS[345]. Trong đó, giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền cấp là Chứng chỉ hành nghề đấu giá và giấy tờ chứng minh về trụ sở của DN ĐGTS. Hình thức xử phạt chính đối với hành vi này là phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với cá nhân và từ 6.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng đối với tổ chức[346]. Hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu tang vật là Chứng chỉ hành nghề đấu giá, giấy tờ chứng minh về trụ sở của DN ĐGTS. Có ba biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi này: 1) Trường hợp DN ĐGTS đã được cấp Giấy đăng ký hoạt động, người đã xử phạt kiến nghị Sở Tư pháp xem xét, xử lý Giấy đăng ký hoạt động đã cấp cho DN; 2) Người có thẩm quyền xử phạt kiến nghị Bộ Tư pháp xem xét, xử lý Chứng chỉ hành nghề đấu giá, cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý giấy tờ liên quan đến trụ sở của DN; 3) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm này. Tuy nhiên, hình thức xử lý đối với Giấy đăng ký hoạt động của DN ĐGTS và Chứng chỉ hành nghề đấu giá không được quy định rõ trong Nghị định số 82/2020/NĐ-CP và cả LĐGTS. Theo quy định tại Điều 32 LĐGTS năm 2016, liên quan đến các vi phạm của DN về điều kiện thành lập DN ĐGTS, có hai trường hợp DN bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động: không đảm bảo điều kiện hoạt động ĐGTS theo quy định của LĐGTS; nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hoạt động là giả mạo. Trong khi đó, đối với các DN kinh doanh các ngành, nghề khác, LDN đã có dự liệu khi có đề nghị của

[345] Khoản 1 Điều 25 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[346] Điểm b khoản 1 Điều 21 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP

cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật thì Cơ quan đăng ký kinh doanh thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký DN của DN[347].

Đồng thời, như đã đề cập, hoạt động kinh doanh của DN ĐGTS gắn liền với hoạt động nghề nghiệp của ĐGV, người thành lập hoặc tham gia thành lập DN ĐGTS phải là ĐGV. ĐGV phải có Chứng chỉ hành nghề đấu giá. Theo quy định tại Điều 16 LĐGTS (Phụ lục 02), trong các trường hợp người đã được cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá không có trường hợp người đó bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung Chứng chỉ hành nghề đấu giá trong hồ sơ đề nghị đăng ký hoạt động của DN. Như vậy, khi nhận được kiến nghị từ người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, Sở Tư pháp không có căn cứ để thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của DN ĐGTS, Bộ Tư pháp không có căn cứ để thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá.

Hai là, khai không trung thực trong hồ sơ đề nghị đăng ký hoạt động DN[348]. Trung thực là đúng với sự thật, không làm sai lạc đi[349]. Khai không trung thực có nghĩa là người đăng ký kê khai không đúng với sự thật một trong các nội dung trong hồ sơ đề nghị đăng ký hoạt động DN. Hình thức xử phạt chính đối với hành vi này là phạt tiền từ từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với cá nhân và từ 6.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng đối với tổ chức[350]. Có hai biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi này: 1) Trường hợp DN ĐGTS đã được cấp Giấy đăng ký hoạt động, người đã xử phạt kiến nghị Sở Tư pháp xem xét, xử lý Giấy đăng ký hoạt động đã cấp cho DN; 2) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm này. Đối với hành vi này, LĐGTS đã có đủ cơ sở pháp lý để thu hồi Giấy đăng ký hoạt động đã cấp cho DN ĐGTS. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 LĐGTS, DN ĐGTS bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động trong trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hoạt động là giả mạo. Tuy nhiên, cùng là hành vi này nhưng trong hồ sơ đăng ký DN đối với các DN kinh doanh các ngành, nghề khác thì mức xử phạt lên đến từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức, từ 10.000.000 đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân[351], đồng thời DN cũng bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký DN[352]. Có thể thấy cùng một hành vi nhưng chế tài đối với DN ĐGTS nhẹ hơn so với các DN khác. Trong khi đó, DN ĐGTS là DN kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Hồ sơ đề nghị

[347] Điểm đ khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp năm 2020
[348] Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP
[349] Hoàng Phê (chủ biên), tlđd (197), trang 1050
[350] Điểm d khoản 1 Điều 21 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP
[351] Điều 43 và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 122/2021/NĐ-CP
[352] Điểm a khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp năm 2020

đăng ký hoạt động có tính quyết định đến việc DN có được pháp luật công nhận là một chủ thể kinh doanh trên thị trường, quan trọng hơn hết là DN được pháp luật công nhận là một trong các tổ chức ĐGTS, có quyền ký kết hợp đồng dịch vụ ĐGTS với người có tài sản đấu giá.

3.4.2 Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Theo quy định của LĐGTS, liên quan đến điều kiện thành lập DN, có hai trường hợp DN ĐGTS bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động[353]: 1) DN không đảm bảo điều kiện hoạt động ĐGTS theo quy định của LĐGTS; 2) nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hoạt động là giả mạo. Trong đó, DN ĐGTS bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động trong trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hoạt động là giả mạo tương đương với chế tài đối với các DN khác theo quy định của LDN[354] và hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi.

Đối với trường hợp DN bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động do DN không đảm bảo điều kiện hoạt động, Sở Tư pháp có văn bản yêu cầu DN ĐGTS đáp ứng các điều kiện đó trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu. Hết thời hạn 30 ngày mà DN vẫn không đáp ứng các điều kiện đó thì Sở Tư pháp ra quyết định thu hồi Giấy đăng ký hoạt động. Như vậy, LĐGTS vẫn dành cho DN một khoảng thời gian 30 ngày để DN khắc phục điều kiện mà DN chưa đảm bảo. Theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, nhà đầu tư được quyền kinh doanh trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện kể từ ngày đáp ứng đủ điều kiện và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh. Đồng thời điểm a khoản 2 Điều 206 LDN năm 2020 quy định, Cơ quan đăng ký kinh doanh yêu cầu DN tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi phát hiện DN không có đủ điều kiện tương ứng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với DN ĐGTS, hết thời hạn 30 ngày mà DN vẫn không đảm bảo các điều kiện hoạt động thì Sở Tư pháp sẽ ra quyết định thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của DN, tức là DN bị buộc phải chấm dứt kinh doanh dịch vụ ĐGTS. Điều đó đồng nghĩa với việc chấm dứt hoạt động của DN ĐGTS bởi DN chỉ kinh doanh một ngành, nghề duy nhất. Như vậy, LĐGTS không quy định về việc tạm ngừng kinh doanh dịch vụ ĐGTS đối với DN đấu giá trong trường hợp DN không đảm bảo điều kiện hoạt động. Điều này sẽ gây ra những hệ lụy nhất định đặc biệt là trong trường hợp hết thời hạn 30 ngày DN bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động. Đồng

[353] Điểm a, điểm b khoản 1 Điều 32 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[354] Điểm a khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp năm 2020

thời, dẫn đến sự không thống nhất giữa LĐGTS với pháp luật về DN và pháp luật về đầu tư.

3.5 GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

3.5.1 Về hình thức pháp lý của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Pháp luật Việt Nam đặt ra điều kiện DN ĐGTS chỉ được tổ chức và hoạt động theo một trong hai loại hình DN là DNTN và CTHD, mặc dù hoàn toàn khác biệt với pháp luật của hầu hết các nước trên thế giới. Thế nhưng, với lịch sử hình thành hoạt động ĐGTS cũng như thực trạng phát triển của hoạt động này ở Việt Nam so với các quốc gia có hoạt động đấu giá hình thành và phát triển lâu đời, vào thời điểm này, việc duy trì điều kiện này là cần thiết và có thể chấp nhận được. Trong khi ĐGTS chưa thực sự phổ biến và phát triển ở Việt Nam thì trên thế giới, thị trường ĐGTS rất sôi động và phát triển vượt bậc. Doanh thu của các DN ĐGTS đóng góp không nhỏ vào sự phát triển kinh tế của các nước. Riêng năm 2022, thị trường đấu giá ở Pháp có sự phát triển ngoạn mục với doanh thu 4,6 tỷ USD. Trong đó, bán đấu giá các tác phẩm nghệ thuật và đồ sưu tầm là thành công nhất, với 2,2 tỷ USD[355]. Theo công bố của Hiệp hội ĐGV Trung Quốc (China Association of Auctioneers – CAA), năm 2021, với sự cấp phép, giám sát, quản lý của CAA, thành viên của Hiệp hội này đã đạt 823 tỷ nhân dân tệ doanh thu từ đấu giá[356]. Quy mô của các DN ĐGTS ở các nước khá lớn, trong đó có những công ty đa quốc gia nổi tiếng hàng đầu thế giới, hoạt động xuyên biên giới, phát triển nhanh chóng hình thức đấu giá trực tuyến. Ở Việt Nam, các DN ĐGTS chủ yếu có quy mô nhỏ, chính vì vậy, với cơ cấu tổ chức đơn giản, CTHD và DNTN như quy định hiện nay là phù hợp.

Hơn nữa, để thực hiện mục tiêu xã hội hóa hoạt động ĐGTS theo quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết số 49-NQ/TW thì việc tạo điều kiện cho các DN ĐGTS phát triển cần phải được tiến hành song song với việc xây dựng nền tảng pháp lý vững chắc, định hướng cho các DN này trong thời gian tới. Với thực tế hiện nay, khi hoạt động ĐGTS ở Việt Nam vẫn chưa thực sự tạo được nhiều sức hút và phổ biến như các nước trên thế giới, đặc biệt là các tài sản tự nguyện được bán thông qua đấu giá, hơn nữa hoạt động đấu giá trực tuyến vẫn chưa thực sự tương xứng với sự phát triển của công nghệ số (tính đến tháng 3 năm 2022, Việt Nam chỉ có 5 DN đấu giá đủ điều kiện tổ chức đấu giá trực

[355] Angela Davic (2023). *The French Auction Market and Its Epic Comeback in 2022,* [https://www.thecollector.com/the-french-auction-market-and-its-epic-comeback-in-2022/] (truy cập ngày 10/3/2023)

[356] Số liệu được công bố tại Trang thông tin điện tử của China Association of Auctioneers: [http://www.caa123.org.cn/englistVersion/english_version.jsp] (truy cập ngày 14/3/2023).

tuyến, tập trung ở Hà Nội và Đà Nẵng[357]), thì việc duy trì điều kiện về hình thức pháp lý đối với DN ĐGTS như hiện nay là cần thiết. Ít nhất điều kiện này vẫn đảm bảo được tính chuyên nghiệp cũng như trách nhiệm của DN ĐGTS trong hoạt động kinh doanh của mình trong nền kinh tế thị trường.

Thực chất khi xem xét quyền tự do kinh doanh cần đặt nó trong mối tương quan giữa luật tự nhiên và luật thực định. Khi đó sẽ thấy tùy thuộc vào thể chế chính trị, điều kiện kinh tế - xã hội, kinh nghiệm lập pháp cũng như quản lý xã hội mà mỗi quốc gia sẽ ghi nhận quyền đó ở những mức độ khác nhau và mỗi thời kỳ khác nhau. Nhìn chung, quy định hiện nay của pháp luật Việt Nam điều chỉnh đối với DN đã tạo ra sự thông thoáng cho nhà đầu tư trên cơ sở tiếp thu các lý thuyết của chủ nghĩa tự do mới đối với nền kinh tế thị trường, hạn chế sự can thiệp của Nhà nước vào sự hình thành và phát triển tự do của DN theo quy luật thị trường. Tuy nhiên, chủ nghĩa tự do mới hiện nay đã đi vào thoái trào bằng cuộc khủng hoảng kinh tế ở các nước tư bản, những quốc gia đề cao chủ nghĩa này, không coi trọng sự điều tiết kinh tế của Nhà nước. Chính vì vậy, bài học cho Việt Nam, khi tiếp thu chủ nghĩa này cần phải có sự tỉnh táo, sáng suốt, gạn lọc những nhân tố tích cực từ những lý thuyết của chủ nghĩa tự do mới. Cần có sự đánh giá và điều chỉnh trong vận dụng các lý thuyết để điều tiết nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, đảm bảo tôn trọng quy luật kinh tế khách quan và cơ chế tự điều tiết của thị trường. Việc vận dụng và điều chỉnh các lý thuyết để điều tiết nền kinh tế thị trường ở Việt Nam không ai khác chính là Nhà nước. Để thực hiện tốt vai trò điều tiết này, Nhà nước cần có các chính sách hữu hiệu, đồng thời có sự phối hợp giữa các cơ chế, chính sách cũng như giữa các Nhà nước trong cấu trúc kinh tế chung của khu vực và toàn cầu trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Vấn đề tháo gỡ các điều kiện đối với DN ĐGTS ở Việt Nam lúc này vẫn chưa phải là thời điểm vàng, cần phải được tiến hành từ từ và thận trọng.

Khi hoạt động kinh doanh ĐGTS của các DN đấu giá với hai loại hình DN theo quy định hiện nay ngày càng khẳng định được vai trò trung gian hữu hiệu của mình trong mua bán tài sản, hoạt động ĐGTS ngày càng có những đóng góp tích cực trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội đất nước, quy mô của các DN ĐGTS được mở rộng hơn so với hiện nay, khi đó, thiết nghĩ pháp luật Việt Nam cần cân nhắc đến việc "cởi trói" dần cho DN ĐGTS về điều kiện này như pháp luật các nước trên thế giới. DN ĐGTS, theo đó, có thể lựa chọn thành

[357] Số liệu được công bố trên cổng thông tin quốc gia về đấu giá tài sản, [https://dgts.moj.gov.vn/co-so-du-lieu/thong-tin-to-chuc-dau-gia.html] (truy cập ngày 02/4/2022)

lập, tổ chức và hoạt động theo bất kỳ loại hình DN nào, tùy vào năng lực, kinh nghiệm và quy mô của DN, chứ không chỉ bó buộc trong hai loại hình DN như quy định hiện nay. DN ĐGTS dần có thể hội nhập với thế giới, đồng thời thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam kinh doanh ngành, nghề này. Đến đây, vấn đề cần tiếp tục được sự quan tâm của giới nghiên cứu, các nhà làm luật chính là quy chế pháp lý chung về DN. Bởi thực tế, quy chế pháp lý về DN ở Việt Nam vẫn tồn tại nhiều hạn chế, "lỗ hổng" và chưa tiệm cận với thông lệ quốc tế.

3.5.2 Về ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Vấn đề hạn chế quyền kinh doanh đa ngành của DN đấu giá thiết nghĩ nên tiếp tục duy trì trong tương lai nhằm đảm bảo được tính chuyên nghiệp của DN, đồng thời cũng phù hợp với năng lực quản lý DN của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp. Vì DN đã bị hạn chế quyền tự do kinh doanh đa ngành, do đó, Nhà nước cần hạn chế sự can thiệp, thông qua các quy định của pháp luật, vào hiệu quả kinh doanh của DN. Bởi lẽ, bước vào thị trường kinh doanh, mục tiêu cao nhất của DN vẫn là tìm kiếm lợi nhuận. Khi lựa chọn kinh doanh ngành, nghề này, DN cần được tự chủ trong kinh doanh để đạt được mục tiêu đó. Hiệu quả kinh doanh của DN gắn liền với với hiệu quả trong tổ chức ĐGTS. ĐGTS càng phát huy hiệu quả thì lợi ích của cả người mua, người bán tài sản đều được đảm bảo. Từ đó, ĐGTS càng nhận được sự quan tâm, tin tưởng của các bên trong việc lựa chọn hình thức mua bán tài sản hiệu quả nhất.

Thế nhưng, về vấn đề dịch vụ ĐGTS hiện là ngành, nghề kinh doanh mà nhà đầu tư nước ngoài chưa được tiếp cận thị trường ở Việt Nam cần phải được quan tâm nghiên cứu thêm. Đối với mô hình công ty đấu giá hợp danh, pháp luật Việt Nam nên cho phép nhà đầu tư nước ngoài được liên doanh với ĐGV để thành lập và hoạt động. Có như vậy mới có thể nhanh chóng học hỏi, tiếp thu kinh nghiệm nước ngoài trong điều hành cũng như thúc đẩy hoạt động này phát triển trong tương lai. Khi đó, quy mô của DN cũng ngày càng được mở rộng hơn, hoạt động ĐGTS ngày càng phổ biến và đến gần hơn với sự lựa chọn của người mua và người bán tài sản. Tuy nhiên, chỉ nên đưa ngành, nghề này vào nhóm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài. Theo đó, DN ĐGTS có nhà đầu tư nước ngoài là thành viên chỉ được tổ chức ĐGTS đối với động sản. Đối với đất đai, với chế độ sở hữu toàn dân, Nhà nước là đại diện chủ sở hữu[358], để tránh sự xâm nhập quá sâu của nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường đất đai ở Việt Nam, không nên cho phép công ty đấu giá hợp danh có nhà đầu tư

[358] Điều 4 Luật Đất đai năm 2013

nước ngoài là thành viên được tổ chức đấu giá. Khi Việt Nam đã "mở cửa" chào đón nhà đầu tư nước ngoài kinh doanh ngành, nghề này thì việc phối hợp trong quản lý DN ĐGTS giữa Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp và Sở Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần được quan tâm nghiên cứu thấu đáo, chặt chẽ hơn.

3.5.3 Về chủ thể thành lập doanh nghiệp đấu giá tài sản

Thông qua các phân tích, đánh giá pháp luật Việt Nam về điều kiện chủ thể thành lập DN ĐGTS, NCS có một số đề xuất sau:

Một là, pháp luật Việt Nam yêu cầu chủ thể thành lập hoặc tham gia thành lập DN ĐGTS phải là ĐGV, so với pháp luật các nước là hoàn toàn khác biệt. Xuất phát từ thực trạng hoạt động ĐGTS ở Việt Nam, như đã đề cập, là chưa thực sự phổ biến và phát triển như các nước có lịch sử đấu giá lâu đời trên thế giới, việc quy định điều kiện người thành lập DN ĐGTS phải là ĐGV cũng là điều dễ hiểu. ĐGV là người được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ về đấu giá, do đó, ngoài điều hành các cuộc đấu giá, ĐGV là người thành lập DN, đồng thời theo quy định của pháp luật DN, cũng là người quản lý DN. Trong chừng mực nào đó có thể kịp thời can thiệp, ngăn chặn các hành vi điều hành cuộc đấu giá không đúng quy định pháp luật của những ĐGV đang làm việc tại DN mình. Hơn nữa, trách nhiệm vô hạn của ĐGV là người thành lập DN ĐGTS nhằm răn đe, nâng cao ý thức trách nhiệm của ĐGV trong quá trình quản lý ĐGV làm việc tại DN của mình, quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của DN cũng như điều hành các cuộc đấu giá. Trách nhiệm vô hạn này sẽ tạo tâm lý an tâm cho khách hàng khi chọn DN làm trung gian trong mua bán tài sản của mình. Nếu DN đấu giá nói chung, ĐGV nói riêng đã tiến hành đấu giá đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và không có bất kỳ hành vi tiêu cực nào trong quá trình tổ chức đấu giá nhưng kết quả đấu giá vẫn có những bất ổn nhất định, tài sản đấu giá chưa được bán tương xứng với giá thị trường thì vấn đề nằm ở các kẽ hở trong các quy định của pháp luật về đấu giá như khâu định giá tài sản, giám định tài sản, thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất, tiền đặt trước... chứ không phải xuất phát từ DN đấu giá hay ĐGV. Chẳng hạn như phiên đấu giá được tiến hành đúng quy định pháp luật nhưng người trúng đấu giá chịu mất tiền đặt trước và không chấp nhận mua tài sản hay người trúng đấu giá gặp khó khăn trong khâu chuyển quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất, đặc biệt là tài sản thi hành án do bên phía phải thi hành cố tình không giao tài sản... Tóm lại, việc tiếp tục duy trì điều kiện chủ thể thành lập hoặc tham gia thành lập DN ĐGTS phải là ĐGV là phù hợp và cần thiết ở Việt Nam. Vấn đề quan trọng ở đây là, khi thành lập DN ĐGTS, ĐGV cần được chủ động trong kinh doanh, chủ

động, linh hoạt vận dụng kiến thức, kinh nghiệm của mình trong tổ chức, điều hành cuộc đấu giá chứ không phải là thực hiện rập khuôn theo các quy định pháp luật như hiện nay.

Hai là, LĐGTS và LDN cần có những sửa đổi, bổ sung đối với mô hình CTHD nói chung, công ty đấu giá hợp danh nói riêng. Mô hình CTHD theo quy định hiện nay của pháp luật Việt Nam còn bộc lộ nhiều khiếm khuyết, chưa tạo được sức hút đối với nhà đầu tư. Các quy định này cũng có một số điểm tương đồng với pháp luật các nước trên thế giới, tuy nhiên, nhìn chung đa số vẫn có nhiều khác biệt lớn so với các nước khác. Chính những khác biệt này chẳng những không tạo ra đặc trưng riêng của mô hình công ty này ở Việt Nam so với các nước khác mà còn làm cho mô hình CTHD ở Việt Nam khó có thể hội nhập vào môi trường đầu tư kinh doanh chung của thế giới, đặc biệt là khi hoạt động ĐGTS ở Việt Nam ngày càng phổ biến hơn, quy mô các DN đấu giá ngày càng mở rộng và lớn mạnh thì vấn đề thu hút đầu tư nước ngoài và hội nhập kinh tế quốc tế đối với ngành, nghề này là tất yếu. Khi đó, ĐGTS cũng như DN ĐGTS sẽ ngày càng đáp ứng được kỳ vọng của xã hội trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế, thực hiện các chức năng xã hội của DN. Mặc dù, theo Montesquieu, pháp luật của mỗi quốc gia gắn liền với điều kiện tự nhiên, xã hội và con người của quốc gia đó, cho nên nó không thể "sống" trong một trường khác[359]. Song, thực tiễn đã chứng minh, quan điểm này không thuyết phục cả về lý luận và thực tiễn. Sau này, các học giả khác như Alan Watson, Otto Kahn-Freund, Pierre Legrand đã có quan điểm ngược lại, họ đánh giá cao vai trò của việc cấy ghép hay còn gọi là vay mượn pháp luật trong sự phát triển của pháp luật ngay cả trong trường hợp các quốc gia có nền tảng thiết chế xã hội khác nhau. Điển hình cho sự thành công việc cấy ghép pháp luật trong xây dựng hệ thống pháp luật ở Nhật Bản. Trong hệ thống pháp luật của Nhật Bản, người ta dễ dàng nhận thấy có cả các đặc trưng của dân luật (Civil law) và thông luật (Common law) của Pháp, Đức, Hoa Kỳ. Do đó, đối với Việt Nam, vấn đề cần thiết hiện nay là, chúng ta cần phải nhìn nhận một thực tế rằng, CTHD là mô hình công ty ra đời sớm nhất trên thế giới, mô hình công ty này đã được nghiên cứu quy định trong các văn bản pháp luật của các nước có kỹ thuật lập pháp lâu dài và phát triển vượt bậc. Do đó, khi điều chỉnh nó trong hệ thống pháp luật Việt Nam không thể không học hỏi và tiếp thu những quy định đã mang tính kinh điển và toàn diện trong các văn bản pháp luật của các nước trên thế giới. Chính vì lý do đó, LDN cần bổ sung thêm chủ thể trở thành thành viên hợp danh trong cả hai loại hình CTHD bên cạnh cá nhân còn có pháp nhân như kinh nghiệm của pháp luật các nước trên thế giới. Có lẽ đây không phải là

[359] Otto Kahn-Freund (1978). *Selected Writings.* Oxford University Press publisher, London. Trang 299-301

vấn đề mới bởi nó đã được các chuyên gia đề cập từ rất lâu. Tuy nhiên, đến nay vấn đề này cũng không có gì thay đổi so với văn bản pháp luật đầu tiên chính thức điều chỉnh về loại hình công ty này ở Việt Nam. Riêng đối với công ty đấu giá hợp danh, đương nhiên phải có ít nhất một thành viên hợp danh là ĐGV và những thành viên hợp danh còn lại có thể là cá nhân hoặc pháp nhân.

3.5.4 Về tiêu chuẩn đấu giá viên

Hoạt động kinh doanh của DN ĐGTS gắn liền với hoạt động nghề nghiệp của ĐGV. Hơn nữa, ở Việt Nam, người thành lập hoặc tham gia thành lập DN ĐGTS phải là ĐGV. Để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp nói chung, quản lý hoạt động ĐGTS trong DN nói riêng, các tiêu chuẩn ĐGV trong quy định pháp luật Việt Nam cần được định hướng sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Một là, đối với tiêu chuẩn về nhân thân, LĐGTS nên tiếp thu kinh nghiệm của pháp luật các nước, quy định cụ thể hơn đối với tiêu chuẩn này. Cụ thể, khoản 1 Điều 10 LĐGTS năm 2016 nên tách thành hai khoản với nội dung sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam.

1a. Không thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; bị kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật; đã bị kết án mà chưa được xoá án tích; đã bị kết án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, các tội về tham nhũng kể cả trường hợp đã được xoá án tích.

b) Đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính".

Theo đó, quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 15 LĐGTS năm 2016 cũng cần được bãi bỏ.

Mặt khác, cần bổ sung thông tin về tiền sự của cá nhân trong phiếu lý lịch tư pháp hoặc có thể tích hợp các thông tin về tiền án, tiền sự của cá nhân trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, đảm bảo việc vận hành liên thông và thống nhất giữa các cơ sở dữ liệu điện tử này. Nó không những phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về dân cư mà còn phục vụ cho việc tra cứu các thông tin này khi cần thiết mà không cần phải có văn bản, giấy tờ xác nhận của các cơ quan khác. Được như vậy thì các thủ tục với hàng loạt các giấy tờ sẽ được giảm bớt (trong đó có phiếu lý lịch tư pháp), thời gian giải quyết công việc tại các cơ quan công quyền nói chung, Bộ Tư pháp trong thủ tục giải quyết cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá nói riêng, sẽ được rút ngắn hơn rất nhiều so với hiện nay.

Hai là, tiêu chuẩn về chuyên môn, LĐGTS cần bổ sung một số nhóm ngành khác rất cần thiết đối với ĐGV trong quá trình tổ chức ĐGTS. Đặc biệt là trong tương lai khi ĐGTS được định hướng phát triển là một ngành, nghề kinh doanh thực thụ trên thị trường với đầy đủ ý nghĩa tích cực mà nó mang lại, nhu cầu mua bán tài sản tự nguyện thông qua đấu giá ngày càng phổ biến thì các kiến thức chuyên ngành luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng chưa đủ để ĐGV có thể tổ chức và điều hành cuộc đấu giá hiệu quả. LĐGTS cần bổ sung các nhóm ngành về mỹ thuật theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (bao gồm: lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật, hội họa, đồ họa, điêu khắc, gốm, mỹ thuật đô thị) vào tiêu chuẩn chuyên môn của ĐGV. Theo đó, khoản 2 Điều 10 LĐGTS năm 2016 cần được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng, các nhóm ngành về mỹ thuật theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo".

Ba là, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và kinh nghiệm hành nghề, pháp luật Việt Nam nên bỏ tiêu chuẩn "có thời gian làm việc trong lĩnh vực được đào tạo từ 03 năm trở lên được tham gia khoá đào tạo nghề đấu giá". Thay vào đó là quy định tăng thời gian đào tạo nghề đấu giá từ 06 tháng lên 12 tháng như các ngành, nghề luật sư, công chứng. Chương trình đào tạo nghề đấu giá cần đưa lý thuyết đấu giá của các tác giả nổi tiếng thế giới như Paul Milgrom, Robert Wilson, Vijay Krishna,... Trong quá trình hành nghề đấu giá, tùy từng loại tài sản được đưa ra đấu giá mà ĐGV sẽ vận dụng lý thuyết đấu giá để mang lại hiệu quả đấu giá cao nhất. Bên cạnh đó, tăng thời gian tập sự hành nghề đấu giá từ 06 tháng lên 12 tháng cũng là vấn đề cần thiết, giúp người tập sự có nhiều thời gian học hỏi kinh nghiệm, kỹ năng, nghiệp vụ đấu giá tại tổ chức ĐGTS - điều mà khó có trường lớp nào có thể truyền tải cho họ, tương xứng với thời gian tập sự hành nghề luật sư, công chứng. Theo đó, Điều 11 LĐGTS năm 2016 cần được sửa đổi, bổ sung như sau:

*"**Điều 11. Đào tạo nghề đấu giá***

1. Người đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 của Luật này được tham gia khoá đào tạo nghề đấu giá.

2. Thời gian khoá đào tạo nghề đấu giá là 12 tháng. Người hoàn thành khoá đào tạo nghề đấu giá được cơ sở đào tạo nghề đấu giá cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề đấu giá".

Khoản 2 Điều 13 LĐGTS năm 2016 cần được sửa đổi, bổ sung như sau:*"2. Thời gian tập sự hành nghề đấu giá là 12 tháng. Thời gian tập sự hành nghề đấu giá được tính*

từ ngày tổ chức đấu giá tài sản thông báo danh sách người tập sự hành nghề đấu giá tại tổ chức mình cho Sở Tư pháp nơi tổ chức đấu giá tài sản có trụ sở".

Bên cạnh đó, có thể học hỏi kinh nghiệm từ pháp luật của các tiểu bang của Hoa Kỳ, cho phép người tập sự được điều hành các cuộc đấu giá trong thời gian tập sự hành nghề đấu giá dưới sự giám sát của ĐGV hướng dẫn. Có như vậy, người tập sự có cơ hội được thực hành, vận dụng các kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm đã học vào điều hành cuộc đấu giá thực tế. Theo đó, khoản 3 Điều 13 LĐGTS cần được sửa đổi, bổ sung như sau: *"3. Người tập sự hành nghề đấu giá được hướng dẫn các kỹ năng hành nghề và thực hiện các công việc liên quan đến đấu giá tài sản do đấu giá viên hướng dẫn phân công và chịu trách nhiệm trước đấu giá viên hướng dẫn về những công việc đó. Người tập sự hành nghề đấu giá điều hành cuộc đấu giá dưới sự giám sát của đấu giá viên hướng dẫn. Đấu giá viên hướng dẫn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các cuộc đấu giá do mình giám sát người tập sự thực hiện"*.

Bốn là, học hỏi kinh nghiệm của Pháp, Trung Quốc và các tiểu bang của Hoa Kỳ, một vấn đề cấp thiết ở Việt Nam là nhanh chóng hiện thực hóa quy định tại Điều 21 LĐGTS, thành lập một Hiệp hội đấu giá viên trong cả nước - một tổ chức xã hội - nghề nghiệp, với các chuyên gia am hiểu tường tận, có kiến thức chuyên môn đấu giá, thậm chí có thể mời các chuyên gia đấu giá nước ngoài. Hiệp hội sẽ đảm nhận cả việc xây dựng khung chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, kiểm tra kết quả tập sự hành nghề, cấp chứng chỉ hành nghề và quản lý cả đội ngũ ĐGV trong cả nước.

Năm là, hiện nay, ĐGTS mặc dù là một ngành, nghề trong danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh ở Việt Nam nhưng thực tế nó chưa được nhìn nhận với thái độ, quan điểm của một ngành, nghề kinh doanh thực thụ trên thị trường. ĐGTS hiện vẫn mang nặng tính "bổ trợ tư pháp". Để định hướng phát triển ĐGTS thành một ngành, nghề kinh doanh chịu sự tác động trực tiếp của các quy luật kinh tế thị trường (quy luật cạnh tranh, quy luật giá trị, quy luật cung - cầu), một trong những vấn đề cần xem xét đó là các trường hợp được miễn đào tạo nghề đấu giá. Thay vì chỉ miễn đào tạo nghề đối với những người đã làm việc trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp như quy định hiện nay, LĐGTS có thể học hỏi kinh nghiệm từ Pháp, các tiểu bang của Hoa Kỳ, bổ sung những trường hợp được miễn đào tạo nghề là những người có kinh nghiệm liên quan đến ĐGTS như các chuyên gia trong nghiên cứu về cổ vật, tác phẩm nghệ thuật - những tài sản không có nền tảng từ giá thị trường và việc bán đấu giá đúng với giá trị thực của nó là điều không dễ dàng mà ít nhất phải có tư vấn, điều hành của các chuyên gia trong lĩnh vực đó. Đương

nhiên, minh chứng để được miễn đào tạo nghề đấu giá bao gồm thời gian nghiên cứu (từ 10 năm trở lên) và những đóng góp trong lĩnh vực nghiên cứu. Việc kiểm tra và công nhận trình độ chuyên môn, kinh nghiệm của những người được miễn đào tạo nghề đấu giá cũng phải được tiến hành bởi cơ quan chuyên môn là Hiệp hội đấu giá viên.

3.5.5 Về hình thức hành nghề của đấu giá viên

Ở Việt Nam, mục tiêu của nhà làm luật là mỗi ĐGV chỉ được hành nghề tại một DN ĐGTS. Mục tiêu này là cần thiết và đảm bảo tính chuyên nghiệp của ĐGV. Tuy nhiên, các quy định tại khoản 3 Điều 18 LĐGTS năm 2016 là chưa rõ ràng và chưa đồng bộ với quy định của LDN, từ đó, mục tiêu trên khó đạt được. Để đảm bảo tính chặt chẽ, thống nhất của pháp luật, đồng thời đảm bảo mỗi ĐGV chỉ được hành nghề đấu giá tại một DN ĐGTS, khoản 3 Điều 18 LĐGTS năm 2016 nên được sửa đổi, bổ sung như sau: *"3. Việc hành nghề của đấu giá viên quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thực hiện thông qua việc thành lập, làm thành viên hoặc làm việc theo hợp đồng lao động tại doanh nghiệp đấu giá tài sản. Mỗi đấu giá viên chỉ được hành nghề tại một doanh nghiệp đấu giá tài sản theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan".*

3.5.6 Về tên doanh nghiệp đấu giá tài sản

Liên quan đến điều kiện về tên DN ĐGTS, có hai vấn đề mà LĐGTS năm 2016 cần xem xét:

Thứ nhất, LĐGTS nên bỏ đi quy định điều kiện về tên DN ĐGTS để DN được tự do đặt tên theo quy định của LDN, không nhất thiết phải gắn ngành, nghề kinh doanh vào, bởi rõ ràng điều kiện này không có ý nghĩa đối với cả DN, các bên liên quan và cả xã hội. LĐGTS đã đặt ra nhiều điều kiện đối với DN đấu giá nhằm hướng đến mục tiêu là nâng cao trách nhiệm và tính chuyên nghiệp của DN, quyền tự do kinh doanh của DN đã bị hạn chế rất nhiều, trong khi đó, điều kiện về tên gọi của DN như hiện nay không phục vụ cho mục đích mà Luật đang hướng tới. Vậy thì không có lý do gì tiếp tục duy trì điều kiện này trong quy định của LĐGTS để cản trở, hạn chế quyền tự do kinh doanh thông qua việc đặt tên gọi cho DN. Đương nhiên, luật không bắt buộc nhưng DN vẫn có quyền tự do gắn ngành, nghề kinh doanh vào tên DN nếu muốn. Theo đó, khoản 2 Điều 23 LĐGTS năm nên được sửa đổi như sau: *"2. Tên của doanh nghiệp đấu giá tư nhân do chủ doanh nghiệp lựa chọn, tên của công ty đấu giá hợp danh do các thành viên thỏa thuận lựa chọn và theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp".*

Thứ hai, nhằm cung cấp đầy đủ nguồn thông tin để người thành lập DN ĐGTS tra cứu tên của DN sao cho phù hợp với quy định của LDN là không trùng, gây nhầm lẫn với

tên DN đã được đăng ký, vấn đề này, LĐGTS đã có quy định riêng về đăng ký hoạt động của DN đấu giá, thế nên, Luật cần bổ sung chỉ dẫn này. Theo đó, Điều 27 LĐGTS năm 2016 cần được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 27. Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy đăng ký hoạt động hoặc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan kế hoạch và đầu tư nơi doanh nghiệp đặt trụ sở; công bố nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này trên cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp và Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản".

3.5.7 Về trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Thực tế, trong nền kinh tế thị trường, mọi hoạt động kinh doanh của DN đều chịu tác động rất lớn từ quy luật cạnh tranh, quy luật cung cầu, để hàng hóa, dịch vụ do DN sản xuất, cung ứng được khách hàng đón nhận, sử dụng đòi hỏi hàng hóa, dịch vụ của DN phải đứng nhu cầu thị trường, cạnh tranh về chất lượng, giá cả. DN ĐGTS cũng không nằm ngoài quy luật đó. Để hoạt động ĐGTS của DN được khách hàng tin tưởng, lựa chọn, DN phải tự trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc tổ chức ĐGTS, đặc biệt là đấu giá bằng hình thức trực tiếp tại cuộc đấu giá. Thử nghĩ nếu một DN tổ chức đấu giá mà cơ sở vật chất, trang thiết bị không đủ phục vụ cho cuộc đấu giá thì DN đó có cạnh tranh nổi các DN khác không. Ngược lại, một DN được trang bị đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị nhưng hoạt động đấu giá của DN không uy tín, có nhiều dư luận tiêu cực về việc điều hành phiên đấu giá của các ĐGV thì các cơ sở vật chất hay trang thiết bị này dù có đảm bảo đáp ứng điều kiện của Luật nhưng không giúp DN kinh doanh hiệu quả. Đối với những DN có kinh doanh đấu giá bằng hình thức trực tuyến nếu đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị nhưng năng lực, trình độ vận hành các trang thiết bị trong điều hành các phiên đấu giá trực tuyến không hiệu quả, không đáp ứng yêu cầu thì các trang thiết bị đó cũng không có ý nghĩa.

Hơn nữa, kinh doanh ĐGTS thì khâu chuẩn bị mở cuộc đấu giá sao cho thu hút được nhiều người tham gia và khâu tổ chức, điều hành cuộc đấu giá sao cho phát huy được vai trò trung gian, cầu nối của đấu giá giữa người mua và người bán, sẽ tác động đến lợi ích công cộng, tối thiểu là các bên có liên quan đến đấu giá. Điều kiện đối với người thành lập DN, đối với ĐGV là cần thiết. Trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa

ảnh hưởng đến trật tự, lợi ích công cộng đến mức cần phải có sự can thiệp của Nhà nước. Điều đó cho thấy Nhà nước đã can thiệp kiểm soát phạm vi quá rộng đối với DN kinh doanh ĐGTS, phần nào hạn chế quyền tự do kinh doanh của DN. Việc trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động ĐGTS của DN là lợi thế cạnh tranh tùy thuộc vào năng lực vận hành cũng như yếu tố con người trong DN thì không nên bắt buộc DN phải đáp ứng những điều kiện nhất định về vấn đề này. Đối với tổ chức hành nghề luật sư, tác giả Trần Văn Công cũng cho rằng điều kiện về trụ sở và yêu cầu trong hồ sơ đăng ký hoạt động phải có giấy tờ chứng minh về trụ sở mà Luật Luật sư đặt ra tại điểm d khoản 2 Điều 35 không phải là quy định có tính khoa học, do đó, không cần thiết phải có quy định này, nên chuyển sang chế độ hậu kiểm[360].

ĐGTS cũng là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật các nước trên thế giới, dù chịu ảnh hưởng tư tưởng pháp lý của hệ thống pháp luật nào, nhưng hầu như không có pháp luật của quốc gia nào quy định điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị đối với DN ĐGTS. Có thể vấn đề cơ sở vật chất, trang thiết bị thì tùy thuộc vào quy mô, năng lực của DN mà mỗi DN sẽ có sự trang bị khác nhau nhằm phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình cũng như tạo lợi thế cạnh tranh của DN trên thị trường. Chính vì vậy, LĐGTS của Việt Nam nên loại bỏ điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị đối với DN ĐGTS. Đương nhiên, DN ĐGTS vẫn phải đảm bảo yêu cầu về trụ sở theo quy định của LDN.

3.5.8 Về cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập và quản lý doanh nghiệp đấu giá tài sản

Như các DN hoạt động trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp khác như luật sư, công chứng, thừa phát lại,... sự ra đời và quản lý DN ĐGTS gắn liền với chức năng của Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp - các cơ quan hành chính nhà nước. Các cơ quan này vừa không chuyên nghiệp trong quản lý hoạt động ĐGTS, vừa không có năng lực, kinh nghiệm trong quản lý DN. Vì lẽ đó, rất nhiều quy định của pháp luật Việt Nam điều chỉnh đối với DN ĐGTS mang tính "kìm kẹp" DN chỉ bởi vì để phù hợp với năng lực quản lý của các cơ quan này. Do đó, để thực hiện quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 48-NQ/TW và Nghị quyết số 49-NQ/TW, vấn đề nghiên cứu, học hỏi, tiếp thu pháp luật nước ngoài điều chỉnh điều kiện thành lập DN ĐGTS là cần thiết. Thành lập một cơ quan chuyên môn với các chuyên gia trong lĩnh vực ĐGTS để cấp phép cũng như quản lý quá trình hoạt động của các DN ĐGTS ở Việt Nam là vấn đề thật sự cần thiết vào thời điểm này. Theo kinh

[360] Trần Văn Công, tlđd (38), trang 68

nghiệm của các nước như Pháp, Hoa Kỳ, Trung Quốc,... bên cạnh thành lập Hiệp hội đấu giá viên, còn phải mở rộng nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệp hội đấu giá viên đối với việc cấp phép, quản lý, giám sát hoạt động của các DN ĐGTS ở Việt Nam. Hiệp hội đấu giá viên sẽ bao gồm các chuyên gia đấu giá, am hiểu tường tận, có khả năng phân tích, đánh giá, nhận diện các tiêu cực của ĐGV, DN ĐGTS, người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá trong quá trình tổ chức thực hiện đấu giá. Từ đó, căn cứ vào các quy định của pháp luật, áp dụng các biện pháp xử lý, chế tài phù hợp, đủ tính răn đe nhằm ngăn ngừa các tiêu cực đó trong ĐGTS. Có như vậy mới tạo được niềm tin của các cá nhân, tổ chức trong xã hội đối với hoạt động ĐGTS của DN ĐGTS, tạo cơ hội cho DN ĐGTS phát triển trong tương lai gần nhất. Đồng thời, xây dựng một văn bản phối hợp công việc giữa Hiệp hội đấu giá viên, Bộ Tư pháp và Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình Hiệp hội đấu giá viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

3.5.9 Chế tài đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản

Về chế tài đối với DN ĐGTS khi có các vi phạm liên quan đến điều kiện thành lập DN, pháp luật Việt Nam cần xem xém sửa đổi, bổ sung theo định hướng sau:

Thứ nhất, để tạo cơ sở pháp lý cho Bộ Tư pháp thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá khi người đề nghị đăng ký hoạt động DN ĐGTS có hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung của Chứng chỉ hành nghề trong đấu giá, khoản 1 Điều 16 LĐGTS năm 2016 bổ sung thêm trường hợp khi nhận được đề nghị của cơ quan có thẩm quyền thì Sở Tư pháp cũng có văn bản báo cáo Bộ Tư pháp thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá. Theo đó, có thể bổ sung điểm e vào khoản 1 Điều 16 LĐGTS năm 2016 như sau: *e) Trường hợp khác theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật*.

Thứ hai, cũng nhằm tạo cơ sở pháp lý cho Sở Tư pháp thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của DN ĐGTS khi người đề nghị đăng ký hoạt động DN ĐGTS có hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung các văn bản, giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hoạt động, đồng thời cũng tạo sự thống nhất trong quy định giữa LĐGTS và LDN, điểm đ khoản 1 Điều 32 LĐGTS năm 2016 cần được sửa đổi, bổ sung như sau: *đ) Trường hợp khác theo quyết định của Tòa án, đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật*.

Thứ ba, nhằm tạo một "sân chơi" công bằng cho các DN, chế tài xử phạt vi phạm hành chính đối với DN bên cạnh phải tương xứng với mức độ, tính chất của hành vi còn phải đảm bảo đối xử bình đẳng giữa các DN. Do đó, cùng là hành vi kê khai không trung thực trong hồ sơ đăng ký hoạt động đối với DN ĐGTS, đăng ký DN đối với các DN kinh doanh các ngành, nghề khác, mức xử phạt cần được quy định tương đương. Theo đó, cần

tách điểm d khoản 1 Điều 21 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP thành một khoản riêng với mức xử phạt từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, tương xứng với mức xử phạt đối với cùng một hành vi của các DN khác được quy định tại Điều 43 Nghị định số 122/2021/NĐ-CP.

Thứ tư, rất cần thiết phải bổ sung vào điểm a khoản 2 Điều 32 LĐGTS năm 2016 quy định việc DN ĐGTS phải tạm ngừng cung cấp dịch vụ ĐGTS trong thời gian DN không đảm bảo điều kiện hoạt động. DN ĐGTS chỉ kinh doanh một ngành, nghề duy nhất là dịch vụ ĐGTS, do đó, việc tạm ngừng cung cấp dịch vụ ĐGTS của DN đồng nghĩa với việc DN phải tạm ngừng hoạt động. Vấn đề này đã được Luật Luật sư ghi nhận từ sớm: "Sở Tư pháp có quyền yêu cầu tổ chức hành nghề luật sư tạm ngừng hoạt động khi phát hiện tổ chức hành nghề luật sư đó không có đủ điều kiện hành nghề theo quy định của pháp luật"[361]. Theo đó, điểm a khoản 2 Điều 32 LĐGTS năm 2016 cần được sửa đổi, bổ sung như sau: *a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Sở Tư pháp có văn bản yêu cầu doanh nghiệp đấu giá tài sản đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 23 của Luật này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu; trong thời hạn nêu trên, doanh nghiệp đấu giá tài sản phải tạm ngừng hoạt động; hết thời hạn nêu trên mà doanh nghiệp đấu giá tài sản vẫn không đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 23 của Luật này thì Sở Tư pháp ra quyết định thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp.*

[361] Khoản 3 Điều 46 Luật Luật sư năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2012

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

1. ĐGTS là một ngành, nghề kinh doanh đặc biệt. Do đó, để được kinh doanh ngành, nghề này, pháp luật đòi hỏi DN phải đáp ứng các điều kiện nhất định. Vấn đề này cũng được pháp luật các nước trên thế giới ghi nhận. So với các Nghị định trước đây, LĐGTS đã có những thay đổi đáng kể về điều kiện thành lập DN ĐGTS. Những thay đổi đó đã tạo hiệu ứng tích cực cho sự phát triển về số lượng các DN ĐGTS hoạt động đấu giá chuyên nghiệp ở Việt Nam.

2. Điều kiện thành lập DN ĐGTS theo quy định của pháp luật Việt Nam hoàn toàn xa lạ với quan điểm lập pháp của các quốc gia khác. Điều này có thể được lý giải, thể chế chính trị, nền tảng kinh tế - xã hội, năng lực, kinh nghiệm quản lý nhà nước của Việt Nam không cho phép nới lỏng quá nhiều đối với các DN này.

3. Kết quả nghiên cứu từ Chương này cho thấy những hạn chế, bất cập của pháp luật Việt Nam về điều kiện thành lập DN ĐGTS, về chế tài đối với DN ĐGTS khi vi phạm các điều kiện thành lập DN. Bên cạnh đó là những khác biệt của pháp luật Việt Nam với pháp luật của Pháp, Đức, Nhật Bản, Trung Quốc, một số tiểu bang của Hoa Kỳ, dẫn đến những rào cản trong hội nhập quốc tế của DN ĐGTS. Từ đó, NCS đã có những giải pháp nhằm hoàn thiện quy chế pháp lý về điều kiện thành lập DN ĐGTS ở Việt Nam. Những giải pháp này được đề xuất trên cơ sở chủ trương, đường lối của Đảng, kinh nghiệm lập pháp của các nước có hoạt động ĐGTS phát triển và các DN ĐGTS kinh doanh thành công ở cả thị trường trong nước và quốc tế, kết hợp với các học thuyết, lý thuyết pháp lý, kinh tế. Những giải pháp này sẽ tạo một diện mạo mới, một động lực mới, phát huy vai trò điều chỉnh của pháp luật đối với các DN ĐGTS.

CHƯƠNG 4
QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

4.1 QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN TRONG QUAN HỆ NỘI BỘ DOANH NGHIỆP

4.1.1 Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản trong thiết lập cơ cấu tổ chức doanh nghiệp

4.1.1.1 Quyền của doanh nghiệp đấu giá tài sản

So với các DN kinh doanh các ngành, nghề không thuộc lĩnh vực bổ trợ tư pháp, quyền tự do kinh doanh của DN ĐGTS cũng được ghi nhận nhưng ở mức độ giới hạn tương đối nhiều. Bởi ĐGTS là ngành, nghề kinh doanh duy nhất của DN và đây lại là ngành, nghề kinh doanh khá đặc biệt. Hoạt động kinh doanh của DN có tác động trực tiếp đến quyền, lợi ích của các bên có liên quan, đặc biệt là người mua và người bán tài sản. DN ĐGTS cũng có quyền tự do lựa chọn loại hình DN. Tuy nhiên, quyền này của DN ĐGTS bị hạn chế trong hai mô hình DN: DNTN hoặc CTHD. Như đã phân tích ở Chương 2, hạn chế quyền của DN ĐGTS trong lựa chọn loại hình DN là phù hợp với bối cảnh hoạt động ĐGTS nói chung, DN ĐGTS nói riêng ở Việt Nam hiện nay. Đặc điểm chung của hai loại hình DN này theo quy định của pháp luật Việt Nam là trách nhiệm vô hạn của chủ DNTN và thành viên hợp danh CTHD. Mỗi loại hình DN đều có những điểm chung và riêng trong cơ cấu tổ chức theo quy định của pháp luật.

Cơ cấu tổ chức của DN bao gồm: cơ cấu tổ chức quản lý và cơ cấu tổ chức các bộ phận chức năng khác trong DN. Trong đó, DN ĐGTS có quyền tự do thiết lập các bộ phận chức năng để phục vụ cho quá trình hoạt động của DN như kế toán, thủ quỹ, văn thư,... thậm chí là bộ phận nghiệp vụ đấu giá bao gồm trong đó là các ĐGV. Pháp luật hiện hành "chưa có quy định cụ thể cơ cấu tổ chức, nhân sự của doanh nghiệp đấu giá tài sản"[362]. Tự do thiết lập các bộ phận chức năng là quyền của DN, tuy nhiên, quyền này cần được quan tâm xem xét trong giới hạn nhất định. Bởi ĐGTS là hoạt động phức tạp và cần được chuẩn bị, thực hiện một cách chu đáo, thận trọng từ trước, trong và sau khi mở cuộc đấu giá. Hoạt động này đòi hỏi những kiến thức, năng lực, trình độ nhất định chứ không thể qua loa, đại khái. Đặc biệt là đối với DN đấu giá tư nhân, những DN chỉ có một ĐGV duy nhất chiếm tỷ lệ cao như hiện nay. Nếu bỏ qua bộ phận kế toán DN, bởi

[362] Nguyễn Thị Loan và Võ Thị Thanh Linh, tlđd (54), trang 52.

Luật Kế toán không bắt buộc DN phải có bộ máy kế toán trong cơ cơ cấu tổ chức mà có thể thuê dịch vụ kế toán bên ngoài[363], thì ít nhất ĐGV cũng cần phải có nhân viên hỗ trợ một số công việc liên quan đến ĐGTS như soạn thảo hợp đồng dịch vụ ĐGTS, soạn thảo hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, soạn thảo Quy chế cuộc đấu giá, thực hiện các công việc liên quan đến thông báo, niêm yết việc ĐGTS, ghi sổ, sắp xếp, lưu trữ hồ sơ, tài liệu đấu giá,... Hơn nữa, khi điều hành cuộc đấu giá, theo quy định hiện hành, ĐGV cũng cần có người giúp việc để ghi biên bản đấu giá. Tuy nhiên, bộ phận nghiệp vụ này chưa được ghi nhận bằng các quy định cụ thể trong LĐGTS.

Cũng là một chức danh tư pháp và hoạt động trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp nhưng công chứng viên, theo dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi, bổ sung), một chức danh hoàn toàn mới đã được đưa vào quy định trong dự thảo – thư ký nghiệp vụ công chứng. Dự thảo còn quy định các tiêu chuẩn cụ thể đối với thư ký nghiệp vụ công chứng, nhằm hướng đến thực hiện nhiệm vụ của chức danh này là giúp công chứng viên thực hiện nghiệp vụ về công chứng. Sau một thời gian dài Luật Công chứng có hiệu lực và được áp dụng trong thực tiễn, nhà làm luật đã nhận ra cần phải có một chức danh chính thức với những tiêu chuẩn nhất định để giúp việc cho công chứng viên thay vì là nhân viên do tổ chức hành nghề công chứng tuyển dụng nhưng không được luật định trong cơ cấu tổ chức của tổ chức hành nghề công chứng. ĐGV cũng cần có bộ phận giúp việc, giúp ĐGV chuẩn bị các công việc trước, trong và sau cuộc đấu giá.

4.1.1.2 Nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản

a. Đối với doanh nghiệp đấu giá tư nhân

DNTN là DN do một cá nhân làm chủ[364]. DNTN là hình thức kinh doanh của cá nhân - chủ DN. Có thể coi DNTN là cánh tay nối dài của chủ DN[365]. Chủ DNTN có thể trực tiếp là Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của DN hoặc có thể thuê người khác đảm nhiệm chức vụ này để điều hành hoạt động kinh doanh của DN. Chủ DNTN là người đại diện theo pháp luật của DN, đại diện cho DN trong các quan hệ tố tụng tại Tòa án hoặc Trọng tài, đại diện cho DN thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác[366]. Với quy định này, DNTN chỉ là hình thức pháp lý để chủ DN thực hiện hoạt động kinh doanh, địa vị pháp lý của DN và chủ DN dường như là đồng nhất. Hơn nữa quy định này có thể dẫn đến nhiều

[363] Khoản 1 Điều 49 Luật Kế toán năm 2015
[364] Khoản 1 Điều 188 Luật Doanh nghiệp năm 2020
[365] Ngô Huy Cương (2010). Vài bình luận về pháp luật doanh nghiệp tư nhân, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN*, Luật học 26 (2010), trang 26
[366] Điều 190 Luật Doanh nghiệp năm 2020

phiền toái khi người chủ DNTN chết hoặc rơi vào tình trạng vô năng song DNTN vẫn còn tồn tại[367].

Đối với DN đấu giá tư nhân, chủ DN phải là ĐGV. Với quy định này cũng có nghĩa nhà đầu tư nước ngoài không được thành lập DN đấu giá tư nhân ở Việt Nam[368]. Bởi lẽ, một trong các tiêu chuẩn của ĐGV là công dân Việt Nam[369].

Mặt khác, ĐGV là chủ DN đấu giá tư nhân không được thuê người khác làm Giám đốc mà chính chủ DN sẽ kiêm Giám đốc DN[370]. Như vậy, trong DN đấu giá tư nhân, ĐGV là người quyết định và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của DN từ khi DN chuẩn bị thành lập cho đến khi DN đi vào hoạt động, cũng như các vấn đề khác.

Tóm lại, cơ cấu tổ chức của DN đấu giá tư nhân rất đơn giản. Cơ cấu tổ chức đơn giản này chỉ thích hợp với những DN ĐGTS có quy mô nhỏ và vừa. Thực tế hiện nay, một bộ phận DN ĐGTS hoạt động thiếu tính chuyên nghiệp, quy mô nhỏ, manh mún[371]. Với cơ cấu tổ chức đơn giản của DN đấu giá tư nhân sẽ có thuận lợi cho ĐGV là chủ DN không tập trung quá nhiều vào khâu quản trị DN mà chủ yếu là khâu điều hành, quản lý nghiệp vụ đấu giá, đảm bảo ĐGV tại DN điều hành các cuộc đấu giá đúng trình tự, thủ tục và không nảy sinh bất kỳ tiêu cực nào làm ảnh hưởng đến uy tín của DN, ngày càng tạo được niềm tin với khách hàng, thúc đẩy hoạt động ĐGTS nói chung ngày càng phát triển và phổ biến hơn, trở thành một ngành, nghề kinh doanh thực thụ trên thị trường chứ không phải chỉ dừng lại ở vai trò bổ trợ tư pháp là chủ yếu như hiện nay. Thực tế cũng có DN đấu giá tư nhân với cơ cấu tổ chức rất đơn giản nhưng hoạt động đấu giá có uy tín nên thực hiện được số lượng cuộc đấu giá tương đối lớn so với mặt bằng chung của các DN đấu giá giá khác trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi DN có trụ sở. Chẳng hạn như DN đấu giá tư nhân Trà Vinh (Trà Vinh), với 01 ĐGV (chủ DN) và 01 nhân viên thư ký trong cơ cấu tổ chức, nhưng đã đảm nhận 55/116 cuộc đấu giá thành (chiếm 47,4%) ở địa phương trong năm 2022[372].

Tuy nhiên, với cơ cấu tổ chức đơn giản đó cũng sẽ dẫn đến những hệ lụy nhất định. Trường hợp trong DN đấu giá tư nhân chỉ có một ĐGV là chủ DN và không còn ĐGV nào khác, toàn bộ các cuộc đấu giá sẽ do chính ĐGV là chủ DN điều hành. Khi đó, nếu ĐGV vì chạy theo lợi nhuận mà phát sinh tiêu cực, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi

[367] Phạm Duy Nghĩa (2015). *Giáo trình luật kinh tế*. Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội. Trang 182
[368] Cần nói thêm là nhà đầu tư nước ngoài cũng không được thành lập DNTN ở Việt Nam
[369] Khoản 1 Điều 10 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[370] Điểm a khoản 3 Điều 23 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[371] Bộ Tư pháp (2022). *Báo cáo tổng kết 05 năm thi hành Luật Đấu giá tài sản*. Trang 11
[372] Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh (2022). *Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh năm 2022 ngày 25/11/2022*.

ích của các bên liên quan, thậm chí là gây tác động tiêu cực đến giá cả thị trường, làm "méo mó" bản chất, vai trò của ĐGTS, dẫn đến sự nhìn nhận, thái độ tiêu cực của xã hội đối với hoạt động này. Điển hình như các vi phạm của DN đấu giá tư nhân An Giang (An Giang). DN này chỉ có 01 ĐGV là chủ DN và có 01 hợp đồng lao động nhưng người này chính là vợ của chủ DN. Theo kết luận của Thanh tra Sở Tư pháp tỉnh An Giang, DN này, trong thời gian từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2021 đã có nhiều vi phạm trong ĐGTS như chưa niêm yết thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí ĐGTS, nguyên tắc hành nghề của ĐGV, bảng niêm yết thông báo bán đấu giá và Quy chế cuộc đấu giá đặt trong phòng tiếp khách nên không thuận tiện cho người tham gia đấu giá tiếp cận thông tin liên quan đến cuộc đấu giá, ban hành Quy chế cuộc đấu giá áp dụng cho từng cuộc đấu giá, thông báo công khai việc ĐGTS chưa đúng quy định[373].

Ngoài ra, với quy định của LĐGTS, ĐGV là chủ DN đấu giá tư nhân, đồng thời là Giám đốc DN, so với LDN năm 2020 chưa thật sự thống nhất. Theo quy định của LDN, nếu chủ DNTN không trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của DN có thể thuê người khác làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc[374]. Khi đó, thông qua hợp đồng, người đại diện cho chủ DN có thể là Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trong khi đó, LĐGTS chỉ yêu cầu chủ DN đấu giá tư nhân là ĐGV, đồng thời là Giám đốc DN, tức không có chức vụ Tổng giám đốc như quy định của LDN. Điều này có thể được lý giải là LĐGTS được ban hành năm 2016, khi đó, LDN đang có hiệu lực thi hành ở Việt Nam là LDN năm 2014. Theo quy định của LDN năm 2014, nếu chủ DNTN không trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh của DN thì có thể thuê người khác làm Giám đốc để thực hiện công việc này[375]. Trong cơ cấu tổ chức của DNTN theo quy định của LDN năm 2014 không có chức danh Tổng giám đốc. Với quy định mới này của LDN năm 2020, vấn đề đặt ra hiện nay là DN đấu giá tư nhân có chức vụ Tổng giám đốc hay không. Nếu có, vậy chủ DN đấu giá tư nhân có được thuê người khác đảm nhiệm chức vụ này hay không. Nếu xét về nguồn gốc nền tảng của LĐGTS, rõ ràng mục đích của nhà làm luật là trong DN đấu giá tư nhân, ĐGV phải người quản lý DN mà không phải là ai khác được thuê. Tuy nhiên, với sự không thống nhất trong quy định về các chức vụ trong cơ cấu tổ chức quản lý của DN đấu giá tư nhân giữa LĐGTS và LDN, khó tránh khỏi những khó khăn, lúng túng nhất định khi áp dụng pháp luật.

[373] Trần Lĩnh (2022). Doanh nghiệp đấu giá tư nhân An Giang có nhiều vi phạm, *Báo Công an nhân dân online*, [https://cand.com.vn/dieu-tra-theo-don-ban-doc/doanh-nghiep-dau-gia-tu-nhan-an-giang-co-nhieu-vi-pham-i651742/] (truy cập ngày 15/10/2022)
[374] Khoản 2 Điều 190 Luật Doanh nghiệp năm 2020
[375] Khoản 2 Điều 185 Luật Doanh nghiệp năm 2014

Đó là dưới góc độ câu chữ, thuật ngữ trong văn bản. Và điều đó không có nghĩa NCS hoàn toàn ủng hộ quy định của LĐGTS. Vấn đề chủ DN đấu giá tư nhân phải là ĐGV thì không phải bàn thêm, NCS đã thể hiện quan điểm của mình với các phân tích ở Chương 3 của Luận án, là cần tiếp tục duy trì quy định này. Tuy nhiên, giả sử đúng như ý đồ của nhà làm luật, chủ DN đấu giá tư nhân không được thuê người khác làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, mà phải tự mình kiêm các chức vụ này trong DN, vấn đề này cần phải được xem xét, nghiên cứu lại.

Theo số liệu được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về ĐGTS, hầu hết các DN đấu giá tư nhân đều chỉ có duy nhất một ĐGV (39/47 DN đấu giá tư nhân[376]), tức là ĐGV duy nhất vừa là chủ DN vừa là Giám đốc hoặc Tổng giám đốc DN, DN cũng không thuê thêm ĐGV theo hợp đồng lao động. Khi đó, việc điều hành các cuộc đấu giá và hoạt động điều hành, quản lý DN, đều do ĐGV đảm nhận. Cơ cấu tổ chức quản lý của DN đấu giá tư nhân theo quy định hiện nay đã đồng nhất giữa hoạt động quản lý, điều hành DN và hoạt động nghề nghiệp của ĐGV. Trong khi đó, hai hoạt động này đòi hỏi năng lực, trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ hoàn toàn khác biệt. Dẫu sao hoạt động chính của ĐGV vẫn là điều hành các cuộc ĐGTS. Có những DN tổ chức, thực hiện các cuộc ĐGTS rất hiệu quả, khi đó, mặc dù có ĐGV làm việc theo chế độ hợp đồng lao động, nhưng ĐGV là chủ DN cũng phải tập trung vào việc nghiên cứu, tổ chức, điều hành các cuộc đấu giá sao cho hiệu quả nhất. Công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của DN khó có thể đảm bảo. Mặt khác, có những ĐGV với chuyên môn, nghiệp vụ đấu giá rất giỏi, thành lập DN đấu giá tư nhân nhưng không có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ trong quản trị, điều hành DN (như quản trị nhân sự, chiến lược kinh doanh,...). Nếu DN có quy mô nhỏ, cơ cấu tổ chức đơn giản thì đây không phải là vấn đề lớn. Nhưng nếu DN hoạt động lớn mạnh vượt khỏi khả năng quản trị của ĐGV là chủ DN nhưng lại không được thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc để đại diện cho chủ DN quản lý, điều hành DN, thì hiệu quả kinh doanh của DN khó đạt được như kỳ vọng. Hơn nữa, dù có thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc thì ĐGV với tư cách là chủ DN đấu giá tư nhân vẫn là người chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của DN[377]. Vấn đề quan trọng là khi xác lập hợp đồng thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ DN cần xác định rõ quyền và nghĩa vụ của người được thuê. Đương nhiên ở đây cũng không nên bắt buộc DN đấu giá tư nhân phải

[376] Danh sách tổ chức ĐGTS/chi nhánh tổ chức ĐGTS trong toàn quốc theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 56 LĐGTS (Kèm theo Thông báo số 3005/TB-BTP ngày 17/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)
[377] Khoản 2 Điều 190 Luật Doanh nghiệp năm 2020

thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc để quản lý, điều hành DN. Vấn đề này hoàn toàn có thể do chính ĐGV là chủ DN quyết định.

Những hạn chế trong quy định pháp luật là rào cản rất lớn cho sự phát triển của hoạt động ĐGTS ở Việt Nam nói chung, DN ĐGTS nói riêng. Tính chuyên nghiệp trong hoạt động của DN đấu giá mà các nhà làm luật kỳ vọng khó đạt được. Hoạt động của DN ĐGTS, đặc biệt là DN đấu giá tư nhân, chưa đạt hiệu quả[378]. Để đảm bảo quyền tự do kinh doanh, tự do quyết định cơ cấu tổ chức của DN, hướng tới tạo điều kiện cho DN đấu giá tư nhân trở thành DN thực hiện hoạt động kinh doanh tìm kiếm lợi nhuận trên thị trường, đồng thời, không bỏ quên vai trò trung gian của DN đấu giá tư nhân trong mua bán tài sản, vấn đề cần thiết hiện nay là phải thay đổi thái độ, quan điểm về quản lý đối với hoạt động ĐGTS nói chung, DN ĐGTS nói riêng ở Việt Nam.

b. Đối với công ty đấu giá hợp danh

CTHD có ít nhất 2 thành viên hợp danh và có thể có thêm thành viên góp vốn. Trong công ty đấu giá hợp danh, cơ cấu tổ chức quản lý công ty bao gồm thành viên hợp danh, Chủ tịch HĐTV, thành viên HĐTV, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trong đó, HĐTV bao gồm tất cả các thành viên trong công ty (thành viên hợp danh và thành viên góp vốn, nếu có). Công ty đấu giá hợp danh có ít nhất một thành viên hợp danh là ĐGV, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty đấu giá hợp danh là ĐGV[379]. Theo quy định của LDN, Chủ tịch HĐTV do HĐTV bầu trong số các thành viên hợp danh, đồng thời kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, nếu Điều lệ công ty không có quy định khác[380]. Chủ tịch HĐTV, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty quản lý và điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty với tư cách là thành viên hợp danh[381]. Như vậy, nếu Điều lệ công ty có quy định Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty không phải là Chủ tịch HĐTV kiêm nhiệm thì chức vụ đó phải do một thành viên hợp danh khác đảm nhận. Điều đó có nghĩa, CTHD không có quyền thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Ở công ty đấu giá hợp danh, công ty có thể có duy nhất một ĐGV là thành viên hợp danh, đồng thời là Tổng giám đốc hoặc Giám đốc công ty và Điều lệ công ty sẽ bị giới hạn quyền "quy định khác" trong trường hợp này.

Nếu như, ở DN đấu giá tư nhân, pháp luật đã đồng nhất hoạt động nghề nghiệp và hoạt động quản lý điều hành kinh doanh của ĐGV, thì ở công ty đấu giá hợp danh, bên

[378] Sở Tư pháp Bình Thuận (2022). *Tổng kết 05 năm thi hành Luật Đấu giá tài sản,* [https://stp.binhthuan.gov.vn/1327/32856/65815/618084/dau-gia-tai-san/tong-ket-05-nam-thi-hanh-luat-dau-gia-tai-san.aspx] (truy cập ngày 11/12/2022)
[379] Điểm a khoản 3 Điều 23 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[380] Khoản 1 Điều 182 Luật Doanh nghiệp năm 2020
[381] Điểm a khoản 4 Điều 184 Luật Doanh nghiệp năm 2020

cạnh ĐGV, hoạt động điều hành kinh doanh của công ty còn được san sẻ cho thành viên hợp danh khác (có thể cũng là ĐGV hoặc không). Tuy nhiên, chức vụ Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty đấu giá hợp danh cũng phải do ĐGV đảm nhận. Khác với Văn phòng công chứng, cũng được tổ chức theo mô hình CTHD, thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng phải là công chứng viên, Văn phòng công chứng không có thành viên góp vốn. Trưởng Văn phòng công chứng phải là công chứng viên hợp danh và là người đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng[382]. Công ty đấu giá hợp danh chỉ cần có ít nhất một thành viên hợp danh là ĐGV. Công ty có thể có thành viên góp vốn. Người đại diện theo pháp luật và tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty đấu giá hợp danh là tất cả các thành viên hợp danh, có thể là ĐGV hoặc không[383]. Văn phòng công chứng chỉ có duy nhất Trưởng văn phòng là người quản lý, công ty đấu giá hợp danh vẫn có thành viên hợp danh, HĐTV, Chủ tịch HĐTV, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người quản lý công ty. Cùng thực hiện đăng ký hoạt động với Sở Tư pháp nhưng hồ sơ đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng không có Điều lệ công ty[384], trong khi đó, đây là hồ sơ bắt buộc phải có đối với công ty đấu giá hợp danh[385]. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa cơ cấu tổ chức quản lý của công ty đấu giá hợp danh là hoàn thiện và phù hợp với nhu cầu thực tế của công ty. Có hai vấn đề cần được quan tâm nghiên cứu về cơ cấu tổ chức của công ty đấu giá hợp danh theo quy định của pháp luật hiện nay:

Thứ nhất, theo tác giả Phạm Duy Nghĩa, kinh doanh các ngành dịch vụ thường đòi hỏi vốn ít, quay vòng nhanh[386], đa số các DN kinh doanh dịch vụ thường có quy mô nhỏ, phạm vi hoạt động hẹp. Kinh doanh ĐGTS hiện nay ở Việt Nam cũng thuộc số đông các DN đó. Chính vì vậy, như đã đề cập ở Chương 3, pháp luật Việt Nam đặt ra điều kiện về loại hình DN đối với DN ĐGTS, bên cạnh mục đích nhà làm luật hướng đến, còn phù hợp với thực tế quy mô của DN. Tuy nhiên, đối với công ty đấu giá hợp danh, cơ cấu tổ chức quản lý công ty không đơn giản như DN đấu giá tư nhân. Điều này xuất phát từ chính những quy định mang tính hỗn hợp của pháp luật về DN ở Việt Nam. Quy định của pháp luật Việt Nam về CTHD không giống với các nước trên thế giới. Trong khi CTHD theo pháp luật các nước phân định rõ hai loại hợp danh cơ bản: CTHD thông thường (general partnership companies) và CTHD hữu hạn (limited partnership companies). Hai

[382] Khoản 1, khoản 2 Điều 22 Luật Công chứng năm 2014
[383] Khoản 1 Điều 184 Luật Doanh nghiệp năm 2020
[384] Khoản 3 Điều 23 Luật Công chứng năm 2014
[385] Điểm b khoản 1 Điều 25 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[386] Phạm Duy Nghĩa, tlđd (68), trang 260

loại CTHD này đều được quy định trong Bộ luật Thương mại Pháp, Bộ luật Thương mại Đức, Đạo luật Công ty Nhật Bản, Quy định về hợp danh của bang Washington (Hoa Kỳ), Luật về hợp danh của bang Florida (Hoa Kỳ), Bộ luật tổ chức kinh doanh của bang Texas (Hoa Kỳ), Luật hợp danh và Luật hợp danh hữu hạn của bang Alabama (Hoa Kỳ). Mô hình CTHD ở Việt Nam tuy chỉ có một nhưng bao hàm trong đó cả hai loại hình công ty đối nhân theo pháp luật các nước. Điều này có thể tạo ra thuận lợi cho các nhà đầu tư khi tổ chức và hoạt động công ty theo loại hình công ty này. Công ty có thể tự do lựa chọn việc kết nạp hay không thành viên góp vốn. Tuy nhiên, quy định mang tính "hỗn hợp" và cơ cấu tổ chức cồng kềnh của CTHD theo pháp luật Việt cũng gây ra không ít khó khăn cho việc hội nhập quốc tế của mô hình công ty này.

Cơ cấu tổ chức quản lý của CTHD cũng là vấn đề đáng quan tâm. Pháp luật về DN của Việt Nam bắt buộc CTHD luôn phải có HĐTV. Trong khi đó, đa số CTHD ở Việt Nam đều có quy mô vốn nhỏ, không được sự ưa chuộng của nhà đầu tư. Với cơ cấu tổ chức quản lý cồng kềnh như quy định của LDN sẽ gây mất thời gian và cả chi phí cho công ty. Đôi khi làm mất cơ hội của công ty khi cần quyết định các công việc kinh doanh nhanh chóng. Kinh nghiệm điều chỉnh lâu đời của Pháp, Đức, Nhật Bản, các tiểu bang của Hoa Kỳ (Washington, Florida, Texas, Alabama), đối với CTHD (CTHD thông thường và CTHD hữu hạn) đều cho thấy, pháp luật của các quốc gia này không bắt buộc CTHD phải theo một cơ cấu tổ chức quản lý nhất định. Bản chất "đối nhân" của loại hình công ty này được thể hiện ở chỗ vấn đề quản lý công ty là do thỏa thuận của các thành viên và được thể hiện vào Điều lệ công ty. Cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, linh hoạt phù hợp với quy mô của đa số các CTHD.

Hơn nữa, pháp luật của các nước cũng không bắt buộc người quản lý DN hoặc công ty đấu giá phải là ĐGV như pháp luật Việt Nam hiện nay. Tự mình đứng ra quản trị, điều hành kinh doanh đồng thời điều hành các cuộc đấu giá là quyền quyết định của ĐGV, tùy vào năng lực, trình độ, kinh nghiệm mà họ có được. Điều đó có nghĩa pháp luật các nước đã có sự tách biệt giữa hoạt động nghề nghiệp và hoạt động quản trị, điều hành công ty của ĐGV. Việc đồng nhất hai hoạt động này theo quy định của LĐGTS ở Việt Nam trong chừng mực nào đó làm cho hiệu quả hoạt động kinh doanh của DN không đạt được như mong đợi. Theo tác giả Phạm Duy Nghĩa (2004): "Chức năng của luật công ty, suy cho cùng là khuyến khích mọi người dân đầu tư vốn, tham gia kinh doanh"[387]. Adam Smith (1776), thông qua học thuyết "bàn tay vô hình", đã từng khẳng

[387] Phạm Duy Nghĩa, tlđd (68), trang 259

định rằng: "Mọi cá nhân luôn cố gắng tìm ra cách sử dụng nguồn vốn, của cải mình có để có lợi nhất cho bản thân". Adam Smith (1776) cũng đã rút ra thực tiễn: "Quá trình tối đa hóa lợi ích của bản thân một cách tự nhiên hay đúng hơn là một cách cần thiết đã đưa cá nhân đến thúc đẩy lợi ích cho cộng đồng". Đối với công ty đấu giá hợp danh, các điều kiện mà LĐGTS đặt ra chủ yếu tập trung vào vấn đề quản lý, điều hành, trách nhiệm và cơ sở vật chất mà không có bất kỳ điều kiện nào về vốn. Do đó, thực tế rất nhiều công ty đấu giá hợp danh ở Việt Nam, vốn điều lệ đăng ký rất thấp, công ty chỉ có thành viên hợp danh với số lượng vừa đủ theo quy định của pháp luật và không có thành viên góp vốn. Thế nhưng, với quy định hiện nay của pháp luật Việt Nam, cơ cấu tổ chức quản lý công ty đấu giá hợp danh cũng giống như các CTHD khác đều phải có HĐTV. Việc quyết định các công việc kinh doanh của công ty cũng phải thông qua họp HĐTV. Với quy mô nhỏ nhưng lại phải có cơ cấu tổ chức quản lý cứng nhắc theo quy định của pháp luật thật sự là không cần thiết.

Thứ hai, như DN đấu giá tư nhân, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty đấu giá hợp danh cũng phải là ĐGV. Mặc dù bên cạnh đó còn có các thành viên hợp danh khác trong công ty, có thể là ĐGV hoặc không, nắm quyền điều hành hoạt động kinh doanh của công ty, nhưng với quy định này, phần nào cho thấy ý đồ của nhà làm luật là đồng nhất hoạt động nghề nghiệp và hoạt động điều hành kinh doanh của ĐGV. Hơn nữa, với quy định hiện nay của LDN, CTHD không được thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chức vụ này phải do thành viên hợp danh công ty đảm nhận. Có hai vấn đề cần bàn ở đây. Một, không ghi nhận quyền thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc đối với CTHD đã làm hạn chế đi quyền của công ty so với các loại hình DN khác, đồng thời phần nào làm hạn chế bản chất "đối nhân" của CTHD. Hai, đối với công ty đấu giá hợp danh, ĐGTS là hoạt động nghề nghiệp của ĐGV, không thể đồng nhất hoạt động nghề nghiệp với hoạt động quản trị công ty.

4.1.2 Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản đối với đấu giá viên

4.1.2.1 Quyền của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Đối với ĐGV, DN ĐGTS được ghi nhận có các quyền sau[388]: tuyển dụng ĐGV làm việc cho DN theo quy định của pháp luật, cử ĐGV điều hành cuộc đấu giá, phân công ĐGV hướng dẫn người tập sự hành nghề đấu giá. Các quyền này của DN ĐGTS ở Việt Nam khá tương đồng với pháp luật các nước trên thế giới. Tuy nhiên, so với các DN ĐGTS ở các nước có hoạt động đấu giá phát triển vượt bậc trên thế giới, pháp luật Việt

[388] Điểm b, điểm đ, điểm h khoản 1 Điều 24 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

Nam cần quan tâm xem xét các vấn đề sau nhằm thúc đẩy hoạt động của DN ĐGTS ở Việt Nam phát triển tương xứng với các DN hoạt động cùng ngành, nghề trên thế giới.

Xuất phát từ thực trạng hoạt động ĐGTS ở Việt Nam, mặc dù đã phổ biến hơn trước đây, nhưng vẫn chưa thực sự thu hút được cả người mua và người bán, dẫn đến quy mô của DN ĐGTS ở Việt Nam còn rất hạn chế so với các công ty đấu giá trên thế giới, do đó, không khó tìm thấy những DN ĐGTS hiện nay chỉ có ĐGV là chủ DN đấu giá tư nhân hoặc thành viên hợp danh công ty đấu giá hợp danh, ngoài ra DN không có ĐGV nào khác là người lao động. Tính đến tháng 8/2022, cả nước có 449 DN ĐGTS (47 DN đấu giá tư nhân và 402 công ty đấu giá hợp danh), có đến 270 DN (39 DN đấu giá tư nhân và 231 công ty đấu giá hợp danh) chỉ có ĐGV là chủ DN đấu giá tư nhân hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty đấu giá hợp danh, không có ĐGV hành nghề theo hình thức hợp đồng lao động; 179 DN ĐGTS (08 DN đấu giá tư nhân và 171 công ty đấu giá hợp danh) có ký hợp đồng lao động với ĐGV. Tuy nhiên, số lượng lao động trong DN là ĐGV không nhiều, chủ yếu từ 1 đến 2 ĐGV (143 DN). Ngoài ra, có 20 DN có 03 lao động là ĐGV, 10 DN có 04 lao động là ĐGV, còn lại là các DN có từ 05 lao động là ĐGV trở lên. Số lượng ĐGV được tuyển dụng tại DN ĐGTS cao nhất là 11, duy nhất tại Công ty đấu giá hợp danh số 5 – Quốc gia (Hà Nội). Nếu so sánh giữa hai loại hình DN ĐGTS thì quy mô của công ty đấu giá hợp danh lớn hơn DN đấu giá tư nhân. Theo đó, việc tuyển dụng ĐGV tại các DN đấu giá tư nhân cũng rất hạn chế. Trong 47 DN đấu giá tư nhân chỉ có duy nhất 01 DN có 04 lao động là ĐGV - DN đấu giá tư nhân Đồng Nai (Đồng Nai)[389].

Quy định về nhận tập sự và phân công ĐGV trong DN hướng dẫn tập cũng chưa thực sự thỏa đáng. Tập sự hành nghề đấu giá là thời gian để người tập sự có cơ hội học hỏi kinh nghiệm, kỹ năng trong hoạt động ĐGTS. Người có giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề đấu giá, người được miễn đào tạo nghề đấu giá có quyền lựa chọn một trung tâm dịch vụ ĐGTS hoặc DN ĐGTS để tập sự hành nghề đấu giá. Nếu DN ĐGTS đã được lựa chọn là nơi tập sự thì không có quyền từ chối nhận tập sự trừ trường hợp có lý do chính đáng. LĐGTS và các văn bản hướng dẫn thi hành không quy định điều kiện để tổ chức ĐGTS nói chung, DN ĐGTS nói riêng được nhận tập sự hành nghề đấu giá, điều kiện để ĐGV được hướng dẫn tập sự và lý do chính đáng để từ chối nhận tập sự là những lý do gì, mà chỉ có quy định tại cùng một thời điểm, một ĐGV không được hướng dẫn

[389] Danh sách tổ chức ĐGTS/chi nhánh tổ chức ĐGTS trong toàn quốc theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 56 LĐGTS (Kèm theo Thông báo số 3005/TB-BTP ngày 17/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

nhiều hơn hai người tập sự[390]. ĐGV hướng dẫn tập sự do tổ chức ĐGTS phân công. Hơn nữa, nơi tập sự là do người có nhu cầu tự tìm kiếm và lựa chọn. DN ĐGTS đồng ý nhận tập sự thì trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận tập sự phải thông báo cho Sở Tư pháp nơi DN đóng trụ sở về việc nhận tập sự và ĐGV hướng dẫn tập sự[391]. Với quy định hiện nay của pháp luật về ĐGTS sẽ không tránh khỏi vấn đề DN ĐGTS áp dụng pháp luật tùy tiện để từ chối nhận tập sự vì những lý do nhất định nào đó mà DN đều cho rằng đó là lý do chính đáng. Ở đây, pháp luật cũng không dự liệu trường hợp, người có nhu cầu tập sự gặp khó khăn trong việc tìm kiếm tổ chức ĐGTS nhận tập sự thì Sở Tư pháp sẽ can thiệp hỗ trợ. Chẳng hạn, trên địa bàn tỉnh An Giang, với 01 Trung tâm dịch vụ ĐGTS và 04 DN ĐGTS, từ ngày 01/7/2017 đến tháng 5/2022 chỉ có 01 người tập sự hành nghề đấu giá[392]. Việc phân bổ người tập sự tại các DN ĐGTS trên địa bàn thành phố Hà Nội cũng không đồng đều. Tính đến tháng 8/2022, thành phố Hà Nội có 99 DN ĐGTS và 17 chi nhánh DN ĐGTS[393] và tính từ đầu năm 2022 đến ngày 30/9/2022 có 66 người tập sự hành nghề đấu giá, tập trung ở 33 DN ĐGTS và chi nhánh DN ĐGTS[394]. Trong đó, số người tập sự tại Công ty đấu giá hợp danh Tân Đại Phát là cao nhất (05 người), 04 người tập sự tại Công ty đấu giá hợp danh An Trí, Công ty đấu giá hợp danh Toàn Cầu có 03 người tập sự, nhưng cũng có DN chỉ có 01 người tập sự: Công ty đấu giá hợp danh tài sản Đông Đô, Công ty đấu giá hợp danh Quốc gia, Công ty đấu giá hợp danh Đại Dương Long có 01 người tập sự... Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, đến tháng 8/2022 có 10 DN và 17 chi nhánh DN ĐGTS[395] và có 03 người tập sự hành nghề đấu giá tính từ đầu năm 2022 đến tháng 8/2022[396]. Trong đó, 01 người tập sự tại Công ty đấu giá hợp danh Rồng Việt, 01 người tập sự tại Công ty đấu giá hợp danh Bảo Việt[397]. Trên địa bàn thành phố Cần Thơ, đến tháng 8/2022 có 8 DN và 5 chi nhánh DN ĐGTS[398] và từ đầu năm 2022 đến tháng 9/2022, có 03 người tập sự hành nghề đấu giá. Trong đó, 01

[390] Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 06/2017/TT-BTP
[391] Khoản 1 Điều 5 Thông tư 06/2017/TT-BTP
[392] Báo cáo số 351/BC-UBND ngày 30/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang tổng kết 05 năm thi hành Luật Đấu giá tài sản.
[393] Danh sách tổ chức ĐGTS/chi nhánh tổ chức ĐGTS trong toàn quốc theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 56 LĐGTS (Kèm theo Thông báo số 3005/TB-BTP ngày 17/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)
[394] Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội (2022). *Danh sách người tập sự hành nghề đấu giá trên địa bàn Thành phố Hà Nội (cập nhật đến ngày 30/9/2022)*, [http://sotuphap.hanoi.gov.vn/Portalview/trangchitiet.aspx?portalid=1&idmenu=48&idtin=1460] (truy cập ngày 15/12/2022)
[395] Danh sách tổ chức ĐGTS/chi nhánh tổ chức ĐGTS trong toàn quốc theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 56 LĐGTS (Kèm theo Thông báo số 3005/TB-BTP ngày 17/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)
[396] Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng (2022). *Danh sách người tập sự hành nghề đấu giá (tính đến ngày 16/8/2022) ngày 16/8/2022*
[397] Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng (2021). *Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ngày 28/11/2021*
[398] Danh sách tổ chức ĐGTS/chi nhánh tổ chức ĐGTS trong toàn quốc theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 56 LĐGTS (Kèm theo Thông báo số 3005/TB-BTP ngày 17/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

người tập sự tại Công ty đấu giá hợp danh Ngô Thống Nhất, 01 người tập sự tại Công ty đấu giá hợp danh Minh Thắng, 01 người tập sự tại Công ty đấu giá hợp danh Sông Hậu[399].

Ngược lại, cũng quy định về việc tập sự hành nghề nhưng pháp luật về công chứng lại quy định cụ thể về điều kiện để tổ chức hành nghề công chứng được nhận tập sự hành nghề công chứng[400] và điều kiện cụ thể để công chứng viên được hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng[401]. Người tập sự tự liên hệ với một tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự. Luật Công chứng có dự liệu được trường hợp người tập sự không tự liên hệ được với tổ chức hành nghề công chứng để nhận tập sự thì có thể đề nghị Sở Tư pháp ở địa phương nơi người đó muốn tập sự bố trí tập sự tại một tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự[402]. Hơn nữa, trong dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 04/2015/TT-BTP hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng, có quy định cụ thể hơn: trong trường hợp người đủ điều kiện tập sự đã liên hệ ít nhất là 03 tổ chức hành nghề công chứng đủ điều kiện nhận tập sự trong danh sách Sở Tư pháp công bố nhưng không được nhận vào tập sự thì gửi Giấy đề nghị Sở Tư pháp bố trí tập sự[403].

Bên cạnh đó, mặc dù pháp luật về luật sư cũng không quy định điều kiện để tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự nhưng có quy định cụ thể điều kiện để luật sư được hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư[404]. Ngoài ra, còn quy định nhằm tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho người muốn tập sự tìm được tổ chức hành nghề luật sư để tập sự: "trong trường hợp người muốn tập sự hành nghề luật sư không thoả thuận được với tổ chức hành nghề luật sư về việc nhận tập sự thì có thể đề nghị Ban chủ nhiệm Đoàn Luật sư giới thiệu tổ chức hành nghề luật sư để tập sự"[405].

Tập sự hành nghề đấu giá, hành nghề công chứng hay hành nghề luật sư đều là thời gian để người tập sự được người hướng dẫn tập sự truyền đạt các kỹ năng và kinh nghiệm trong thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động hành nghề. Trong khi pháp luật về công chứng và luật sư có quy định các điều kiện để công chứng viên hay luật sư

[399] Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ (2021). *Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản trên địa bàn thành phố Cần Thơ ngày 01/12/2021*

[400] Điều kiện để tổ chức hành nghề công chứng được nhận tập sự được quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Công chứng năm 2014.

[401] Điều kiện để công chứng viên được hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng được quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật Công chứng năm 2014.

[402] Khoản 1 Điều 11 Luật Công chứng năm 2014

[403] Tọa đàm "Lấy ý kiến Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng" do Cục Bổ trợ tư pháp thuộc Bộ Tư pháp tổ chức ngày 15/8/2022.

[404] Điều kiện để luật sư được hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư được quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư 10/2021/TT-BTP.

[405] Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 10/2021/TT-BTP

được hướng dẫn tập sự, đảm bảo công chứng viên, luật sư đó có đủ kinh nghiệm, uy tín hướng dẫn tập sự, thì LĐGTS hoàn toàn không có bất kỳ quy định nào về điều kiện để ĐGV được hướng dẫn tập sự hành nghề đấu giá. Dường như, tập sự hành nghề đấu giá chưa được LĐGTS nhìn nhận tương xứng với vị trí, tầm quan trọng của nó, mà chỉ xem đây là một thủ tục cần phải thực hiện trong quá trình trở thành ĐGV. Tập sự hành nghề đấu giá là bước đệm cho cá nhân bước vào hoạt động nghề nghiệp. Chính vì vậy, nó cần được nhìn nhận lại cho phù hợp với tính chất, tầm quan trọng của nó. Chế độ tập sự hành nghề đấu giá không hẳn là bắt buộc trong quy trình trở thành ĐGV chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật các nước. Nguyên nhân là do mỗi nước có quy định riêng về đào tạo và các yêu cầu cần thiết để trở thành ĐGV. Chẳng hạn như, pháp luật của Pháp và Trung Quốc không quy định về việc tập sự trước khi chính thức được cấp phép ĐGV. Vì vậy, trong các hoạt động của DN ĐGTS không có hoạt động nhận tập sự như pháp luật Việt Nam và một số quốc gia khác. Ngược lại, luật tại các tiểu bang của Hoa Kỳ có quy định về vấn đề này. Theo đó, pháp luật của bang Florida, Alabama quy định mỗi người tập sự phải có ĐGV giám sát. Tuy nhiên, khác với pháp luật Việt Nam, người tập sự không được điều hành cuộc đấu giá, ở Florida, người tập sự vẫn được ký hợp đồng và điều hành cuộc đấu giá nếu được sự cho phép của người giám sát. Việc quản lý người tập sự cũng thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn, là Hội đồng các nhà đấu giá viên Florida, Ủy ban đấu giá (ở Alabama).

4.1.2.2 Nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Doanh nghiệp ĐGTS có nghĩa vụ mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho ĐGV của DN[406], bao gồm cả ĐGV thành lập hoặc tham gia thành lập DN và ĐGV làm việc theo hợp đồng lao động tại DN. Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp có ý nghĩa bảo vệ DN đấu giá khi phát sinh chi phí kiện tụng hoặc chi phí bồi thường xuất phát từ các rủi ro trong hoạt động nghề nghiệp của DN (cụ thể là hoạt động ĐGTS). Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp còn có ý nghĩa bảo vệ quyền của người bị thiệt hại do DN ĐGTS gây ra. Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp là hình thức bảo hiểm mà pháp luật quy định bắt buộc đối với hầu hết các hoạt động bổ trợ tư pháp: đấu giá, công chứng, luật sư, thừa phát lại, quản lý, thanh lý tài sản, thẩm định giá. DN kinh doanh bảo hiểm và DN ĐGTS có quyền tự do thỏa thuận về điều kiện, mức phí, trách nhiệm bảo hiểm theo rủi ro và năng lực tài chính. Tác giả Hoàng Mạnh Thắng cũng cho rằng, quy định chế độ bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho công chứng viên là cần thiết, bởi:

[406] Điểm i khoản 2 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

> Đối tượng của giao dịch công chứng thường là bất động sản hoặc tài sản quan trọng, có giá trị lớn. Do đó, khi quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu công chứng bị xâm hại thì Nhà nước phải có cơ chế bảo vệ[407].

Bên cạnh đó, tác giả Trần Văn Công cũng có quan điểm "thực hiện chế độ bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp luật sư là một biện pháp quan trọng nhằm ngăn ngừa và hạn chế bớt những rủi ro trong hành nghề luật sư và lành mạnh hóa sự cạnh tranh trong thị trường kinh doanh/cung cấp dịch vụ pháp lý"[408].

Bản chất mối quan hệ giữa DN ĐGTS và người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá là quan hệ dân sự giữa bên cung ứng dịch vụ và bên sử dụng dịch vụ (khách hàng). Khi có phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại, có thể là chính DN ĐGTS thực hiện nghĩa vụ này cho khách hàng. Nguồn tài chính để thực hiện nghĩa vụ này là toàn bộ tài sản của chủ DN đấu giá tư nhân, tài sản của công ty đấu giá hợp danh và toàn bộ tài sản của thành viên hợp danh nếu tài sản của công ty không đủ để thực hiện nghĩa vụ bồi thường. Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của ĐGV chính là dự liệu của pháp luật trong trường hợp năng lực tài chính của DN ĐGTS không đủ để bồi thường.

Không những ở Việt Nam mà pháp luật của các quốc gia trên thế giới cũng có quy định về hình thức bảo hiểm này trong hoạt động ĐGTS. Ở Pháp, các công ty bán đấu giá động sản tự nguyện phải có hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, bên cạnh đó, còn phải có một tài khoản tại một tổ chức tín dụng với mục đích duy nhất là nhận tiền giữ thay cho người khác và một hợp đồng bảo hiểm hoặc bảo lãnh đảm bảo cho việc đại diện các khoản tiền này[409]. Ở Trung Quốc và các tiểu bang của Hoa Kỳ, điều kiện về vốn hoặc yêu cầu có trái phiếu tiền mặt hoặc trái phiếu bảo lãnh cho hoạt động của DN ĐGTS có ý nghĩa bảo đảm cho người bị thiệt hại do những sai sót từ hoạt động nghề nghiệp của ĐGV gây ra. Ở Trung Quốc, DN ĐGTS phải có vốn đăng ký tối thiểu là 1 triệu nhân dân tệ và 10 triệu nhân dân tệ nếu là DN tham gia đấu giá cổ vật văn hóa[410]. Trong khi đó, một trái phiếu bảo đảm hoặc một bảo đảm khác thay cho trái phiếu có giá trị không ít hơn 5.000 đô la và không nhiều hơn 25.000 đô la, được duy trì hàng năm, là điều kiện để mỗi ĐGV và công ty đấu giá được hoạt động, là yêu cầu mà pháp luật bang Washington (Hoa Kỳ) đặt ra. Nếu công ty đấu giá là DN một chủ hoặc CTHD thì yêu cầu này chỉ đặt ra đối với công ty đấu giá, còn chủ sở hữu hoặc thành viên công ty, đóng vai trò là người bán

[407] Hoàng Mạnh Thắng, tlđd (39), trang 78
[408] Trần Văn Công, tlđd (38), trang 89
[409] Điều L321-6 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp
[410] Điều 12 và Điều 13 Luật về Bán đấu giá tài sản của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

đấu giá của công ty, không nhất thiết phải đảm bảo theo yêu cầu này[411]. Một tài khoản ủy thác bắt buộc duy trì đối với bất kỳ ĐGV được cấp phép nào nhằm một mục đích duy nhất là giữ tiền của người khác liên quan đến đấu giá, là yêu cầu mà pháp luật tại bang Alabama (Hoa Kỳ) đặt ra[412]. Bên cạnh đó, hoạt động đấu giá tại bang Alabama được bảo đảm bằng trái phiếu tiền mặt hoặc trái phiếu bảo lãnh với số tiền 10.000 đô la[413].

Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp luôn gắn với hoạt động hành nghề của ĐGV. Tuy nhiên, phạm vi bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp không phải lúc nào cũng có thể đảm bảo hoàn toàn trách nhiệm bồi thường do ĐGV gây ra. Ngoài ra, trong hoạt động của DN ĐGTS, không thể không tính đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại của DN do những nhân viên khác gây ra cho khách hàng. Đối với trách nhiệm bồi thường thiệt hại này trong DN ĐGTS hoàn toàn không có nguồn tài chính nào chia sẻ với DN ngoài năng lực tài chính của chủ sở hữu DN và của DN. Do đó, bên cạnh bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của ĐGV, rất cần thiết phải thiết lập một quỹ dự phòng khác để đảm bảo việc thực hiện trách nhiệm bồi thường của DN ĐGTS. Đồng thời bảo vệ quyền, lợi ích của khách hàng trong trường hợp họ bị thiệt hại do ĐGV, nhân viên tại DN ĐGTS gây ra. Việc lập ra các loại quỹ để dự phòng và chia sẻ rủi ro cho ĐGV, DN ĐGTS đã được ghi nhận trong luật của các tiểu bang của Hoa Kỳ, hoạt động đấu giá của ĐGV và công ty đấu giá được đảm bảo bằng Quỹ phục hồi đấu giá viên ở bang Florida[414], Quỹ giáo dục và phục hồi đấu giá viên ở bang Texas (Hoa Kỳ)[415]. Quỹ được hình thành từ phụ phí ngoài lệ phí cấp phép và cấp phép gia hạn.

Vấn đề thiết lập quỹ dự phòng đảm bảo cho trách nhiệm bồi thường của tổ chức hành nghề công chứng, tác giả Hoàng Mạnh Thắng từng đề nghị phải thiết lập quỹ bồi thường thiệt hại của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên để hỗ trợ bồi thường thiệt hại trong trường hợp bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của công chứng viên không đủ bồi thường, chia sẻ rủi ro với công chứng viên và tổ chức hành nghề công chứng, phù hợp với tiêu chí, mục đích hoạt động của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên[416].

Đối với tổ chức hành nghề luật sư, tác giả Trần Văn Công cũng có đề nghị:

> Bộ Tư pháp cần xây dựng hành lang pháp lý hướng đến chế định tạo điều kiện cho các Đoàn Luật sư với tư cách là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư

[411] Điều RCW 18.11.121 Đạo luật đăng ký đấu giá viên Washington (Hoa Kỳ)
[412] Mục 34-4-24 Điều 2 Đạo luật giấy phép đấu giá viên Alabama (Hoa Kỳ)
[413] Mục 34-4-24 Điều 2 Đạo luật giấy phép đấu giá viên Alabama (Hoa Kỳ)
[414] Điều 468.392 Quy định về nghề nghiệp và việc làm Florida (Hoa Kỳ)
[415] Mục 1802.151 Bộ luật Việc làm Texas (Hoa Kỳ)
[416] Hoàng Mạnh Thắng, tlđd (39), trang 79

lập một quỹ, đó là *"Quỹ bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của luật sư thành viên"*. Quỹ này, bắt buộc các luật sư thành viên phải đóng hàng tháng một khoản phí "bảo hiểm" nhất định, do Hội nghị toàn thể thành viên Đoàn Luật sư quyết định căn cứ vào điều kiện, tình hình thực tế của địa phương nơi luật sư tham gia là thành viên[417].

4.2 QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN TRONG QUAN HỆ VỚI CÁC THỰC THỂ NGOÀI DOANH NGHIỆP

4.2.1 Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản trong quan hệ với Nhà nước

4.2.1.1 Quyền của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Đối với Nhà nước, DN ĐGTS là một chủ thể kinh doanh như các chủ thể kinh doanh khác trên thị trường. DN ĐGTS cũng có quyền được Nhà nước đối xử bình đẳng, tạo mọi điều kiện thuận lợi từ khi DN thành lập đến quá trình hoạt động của DN. DN ĐGTS cũng được Nhà nước ghi nhận quyền tự do kinh doanh. Tuy nhiên, với ngành, nghề kinh doanh có tính chất đặc biệt, là đơn vị trung gian kết nối người mua và người bán tài sản, hoạt động kinh doanh của DN có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích của người mua, người bán tài sản, do đó, quyền tự do kinh doanh của DN ĐGTS có những giới hạn nhất định. Đó là những giới hạn trong các quy định về điều kiện thành lập DN, về quyền, nghĩa vụ và chế tài của DN. Để được thành lập và kinh doanh dịch vụ ĐGTS, DN phải đảm bảo những điều kiện theo quy định của pháp luật. Những điều kiện này được xem là cam kết ban đầu của nhà đầu tư với Nhà nước để DN được chính thức gia nhập thị trường với tư cách pháp lý rõ ràng. DN ĐGTS cũng được ghi nhận quyền tự do tổ chức hoạt động kinh doanh nhằm tìm kiếm lợi nhuận trên thị trường như tự do tìm kiếm khách hàng, tự do giao kết hợp đồng,... Bên cạnh đó, DN ĐGTS cũng bị ràng buộc bởi các nghĩa vụ mà pháp luật quy định nhằm đảm bảo quyền của DN không xâm phạm, không tác động tiêu cực đến quyền, lợi ích của các chủ thể khác và xã hội, đặc biệt là giá cả thị trường.

4.2.1.2 Nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Để phục vụ cho công tác quản lý của Nhà nước, trong quá trình hoạt động DN ĐGTS phải thực hiện các nghĩa vụ sau[418]: lập Sổ theo dõi tài sản đấu giá (Phụ lục 03), Sổ đăng ký ĐGTS (Phụ lục 04), đề nghị Sở Tư pháp nơi DN có trụ sở cấp, thu hồi ĐGV, báo cáo Sở Tư pháp nơi DN có trụ sở danh sách ĐGV đang hành nghề, người tập sự hành

[417] Trần Văn Công, tlđd (38), trang 138
[418] Điểm g, điểm h, điểm k, điểm l, điểm m khoản 2 Điều 24 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

nghề đấu giá tại DN, báo cáo Sở Tư pháp nơi DN có trụ sở và nơi đăng ký hoạt động của chi nhánh (nếu có) về tổ chức, hoạt động hàng năm hoặc trong trường hợp đột xuất theo yêu cầu, chấp hành yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc kiểm tra, thanh tra. Theo đó, DN ĐGTS phải thực hiện rất nhiều nghĩa vụ đối với Nhà nước. Những nghĩa vụ này chủ yếu là phục vụ cho công tác quản lý của Nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của DN. Trong đó, có những nghĩa vụ cần được xem xét vì nó cản trở quá trình hoạt động của DN, gây khó khăn cho DN, đi ngược lại với chính sách đơn giản hóa thủ tục hành chính cho DN mà Chính phủ đã đề ra.

Thứ nhất, DN ĐGTS có nghĩa vụ lập Sổ theo dõi tài sản đấu giá, Sổ đăng ký ĐGTS. DN ĐGTS có trách nhiệm lưu trữ các sổ này cùng với các hồ sơ đấu giá trong thời hạn 05 năm tính từ ngày kết thúc cuộc đấu giá[419].

Vấn đề lưu trữ hồ sơ liên quan đến ĐGTS không phải là quy định mới lạ của pháp luật Việt Nam so với các nước trên thế giới. Chỉ khác là, mỗi quốc gia có quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ khác nhau, thậm chí là không có thời hạn. Pháp luật của Pháp[420] và một số tiểu bang của Hoa Kỳ[421] quy định việc lưu trữ hồ sơ nhưng không giới hạn thời gian, ngược lại, hồ sơ đấu giá được lưu trữ không ít hơn năm năm, kể từ ngày hợp đồng ủy quyền đấu giá hết hiệu lực ở Trung Quốc[422], mười năm kể từ thời điểm đóng sổ sách ở Nhật Bản[423], và ba năm, tính từ cuối năm dương lịch trong đó hồ sơ được lập, tài liệu, biên lai được thu thập ở Đức[424].

Vấn đề ở đây là, Sổ đăng ký đấu giá tài sản và Sổ theo dõi tài sản đấu giá là để theo dõi, quản lý việc bán đấu giá và phục vụ cho công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động ĐGTS của tổ chức ĐGTS nói chung, DN ĐGTS nói riêng. Việc tách ra và bắt buộc DN đấu giá phải ghi chép và lưu trữ cả hai loại sổ này vừa mất thời gian, vừa gây rườm rà trong lưu trữ hồ sơ đấu giá. Hơn nữa, các nội dung mà pháp luật quy định phải thể hiện trong mẫu Sổ theo dõi tài sản đấu giá (Phụ lục 03) cho thấy chỉ khi cuộc đấu giá thành thì DN đấu giá mới phải ghi các thông tin vào sổ này. Nếu tài sản được đấu giá thành, các thông tin liên quan đến ĐGTS đó được thể hiện trong cả hai loại sổ là Sổ theo dõi tài sản đấu giá và Sổ đăng ký đấu giá tài sản. Nếu tài sản được đấu giá không thành, các thông

[419] Điều 54 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[420] Điều L321-9 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp
[421] Khoản 2, khoản 3 Điều 468.388 Quy định về nghề nghiệp và việc làm bang Florida, Điều RCW 18.11.140 Đạo luật đăng ký ĐGV của Washington, mục 34-4-4 Điều 2 Đạo luật giấp phép đấu giá viên của Ủy ban đấu giá bang Alabama (Hoa Kỳ)
[422] Điều 54 Luật về Bán đấu giá tài sản của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa
[423] Khoản 3 Điều 19 Bộ luật Thương mại Nhật Bản
[424] Điều 6 Pháp lệnh đấu giá thương mại Cộng hòa liên bang Đức

tin chỉ được thể hiện trong Sổ đăng ký đấu giá tài sản. Như vậy đã có sự không thống nhất giữa hai loại sổ này.

Thứ hai, DN ĐGTS có nghĩa vụ đề nghị Sở Tư pháp nơi tổ chức có trụ sở cấp, thu hồi Thẻ đấu giá viên. Thẻ ĐGV là điều kiện để ĐGV được điều hành cuộc đấu giá. Thẻ ĐGV chỉ có giá trị khi ĐGV hành nghề tại DN đã đề nghị cấp thẻ[425]. Điều đó có nghĩa khi ĐGV không còn hành nghề tại DN đó (có thể ĐGV chấm dứt hợp đồng lao động hoặc không còn là chủ DN đấu giá tư nhân hoặc chấm dứt tư cách thành viên hợp danh tại công ty đấu giá hợp danh) thì thẻ của ĐGV đó không còn giá trị. Khi ĐGV đó hành nghề tại DN đấu giá khác thì DN cũng có nghĩa vụ đề nghị Sở Tư pháp nơi DN có trụ sở cấp thẻ mới cho ĐGV. Tuy nhiên, thẻ của ĐGV đó khi hành nghề tại DN đấu giá trước đây vẫn không bị thu hồi. Bởi Thẻ ĐGV chỉ bị thu hồi khi người đó bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá[426]. Trong trường hợp thay đổi nơi hành nghề đấu giá, chứng chỉ hành nghề của ĐGV vẫn còn nhưng thẻ cũ của ĐGV không còn giá trị sử dụng. Trong khi đó, chính tại Điều 5 Nghị định số 62/2017/NĐ-CP lại quy định Thẻ ĐGV không còn giá trị sử dụng kể từ thời điểm Bộ trưởng Bộ Tư pháp thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá. Như vậy, Điều 3 và Điều 5 Nghị định số 62/2017/NĐ-CP lại quy định khác nhau về giá trị sử dụng của Thẻ ĐGV. Chính sự khác biệt này đã làm cho công tác quản lý của Sở Tư pháp đối với ĐGV hành nghề tại một DN đấu giá nói riêng, tổ chức ĐGTS nói chung, gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt là trong trường hợp ĐGV thay đổi nơi hành nghề đấu giá.

Trong khi đó, công chứng viên cũng do Sở Tư pháp quản lý nhưng quy định của pháp luật về công chứng lại tạo nền tảng pháp lý cho công tác quản lý của Sở Tư pháp đối với công chứng viên chặt chẽ hơn so với ĐGV. Tổ chức hành nghề công chứng cũng có trách nhiệm đăng ký hành nghề cho công chứng viên của tổ chức mình với Sở Tư pháp nơi tổ chức hành nghề công chứng đó đăng ký hoạt động. Sở Tư pháp đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên cho công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng. Khi công chứng viên không còn làm việc tại tổ chức hành nghề công chứng thì tổ chức hành nghề công chứng có trách nhiệm thông báo cho Sở Tư pháp để xóa đăng ký hành nghề cho công chứng viên[427]. Khi đó, Thẻ công chứng viên cũng sẽ bị thu hồi[428]. Với quy định này của Luật Công chứng, công tác quản lý của Sở Tư pháp đối với công chứng viên tại mỗi tổ chức hành nghề công chứng sẽ thuận lợi hơn. Chính vì vậy, trong các nghĩa vụ của tổ chức hành nghề công chứng mà Luật Công chứng quy định không có

[425] Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 62/2017/NĐ-CP
[426] Khoản 3 Điều 14 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[427] Điều 35 Luật Công chứng năm 2014
[428] Khoản 2 Điều 36 Luật Công chứng năm 2014

nghĩa vụ báo cáo Sở Tư pháp danh sách công chứng viên đang hành nghề tại tổ chức mình. Còn đối với DN ĐGTS nói riêng, tổ chức ĐGTS nói chung, khi ĐGV không còn hành nghề tại DN mình, DN ĐGTS không phải thông báo cho Sở Tư pháp để thực hiện thu hồi Thẻ ĐGV, mặc dù Thẻ ĐGV đã không còn giá trị sử dụng, do đó, trong các nghĩa vụ mà LĐGTS quy định, bên cạnh nghĩa vụ báo cáo về tổ chức và hoạt động hàng năm hoặc trong trường hợp đột xuất theo yêu cầu, DN đấu giá còn phải thực hiện báo cáo Sở Tư pháp nơi DN có trụ sở danh sách ĐGV đang hành nghề tại DN[429]. Với quy định hiện nay của LĐGTS, có ba vấn đề đặt ra:

Một là, Thẻ ĐGV đã không còn giá trị sử dụng khi ĐGV không còn hành nghề tại DN ĐGTS thì việc duy trì thẻ đó, một mặt gây khó khăn cho công tác quản lý của Sở Tư pháp, mặt khác nó không có ý nghĩa cho ĐGV. Chính việc duy trì thẻ ĐGV như vậy lại sản sinh ra thêm một thủ tục hành chính nữa cho DN đấu giá là phải báo cáo với Sở Tư pháp danh sách ĐGV đang hành nghề tại DN mình. Ở đây, LĐGTS cũng không quy định là chế độ báo cáo này phải được thực hiện bao lâu một lần. Là báo cáo định kỳ hay báo cáo khi có yêu cầu hoàn toàn không được quy định rõ trong luật.

Hai là, bên cạnh báo cáo về danh sách ĐGV, DN đấu giá còn có nghĩa vụ báo cáo cho Sở Tư pháp về tổ chức và hoạt động hàng năm hoặc trong trường hợp đột xuất theo yêu cầu. Thực ra, khi DN báo cáo về tổ chức trong đó đã bao gồm danh sách ĐGV đang hành nghề tại DN. Chế độ báo cáo này được thực hiện định kỳ hàng năm hoặc trường hợp đột xuất khi có yêu cầu. Rõ ràng, DN phải thực hiện quá nhiều thủ tục hành chính trong khi nội dung của các thủ tục này là như nhau và đều phục vụ cho công tác quản lý của Nhà nước.

Ba là, DN ĐGTS còn có nghĩa vụ đề nghị Sở Tư pháp nơi DN có trụ sở thu hồi Thẻ ĐGV. Như đã đề cập, Thẻ ĐGV chỉ bị thu hồi khi người đó bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá. Sở Tư pháp có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, xác minh thông tin và có văn bản đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá của người đó. Căn cứ đề nghị và hồ sơ của Sở Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá của người đó. Quyết định này phải được gửi cho người bị thu hồi chứng chỉ, tổ chức nơi người đó hành nghề, Sở Tư pháp đã có văn bản đề nghị. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp quyết định thu hồi Thẻ ĐGV của người bị thu hồi Chứng

[429] Điểm k và điểm l khoản 2 Điều 24 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

chỉ hành nghề đấu giá[430]. Như vậy, quy định pháp luật về trình tự, thủ tục thu hồi Thẻ ĐGV không cần phải có đề nghị của DN ĐGTS. Có chăng là khi ĐGV rơi vào các trường hợp thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá, DN phải có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Sở Tư pháp để thực hiện các thủ tục tiếp theo. Ngay cả trong trường hợp ĐGV không còn hành nghề tại DN thì DN cũng không phải đề nghị Sở Tư pháp thu hồi Thẻ ĐGV theo quy định hiện nay của LĐGTS như đã phân tích ở trên. Như vậy, nghĩa vụ này LĐGTS đặt ra cho DN đấu giá không có ý nghĩa trên thực tế.

Thứ ba, DN ĐGTS có nghĩa vụ báo cáo Sở Tư pháp nơi tổ chức có trụ sở danh sách ĐGV đang hành nghề, người tập sự hành nghề đấu giá tại DN. Khi tổ chức ĐGTS nhận tập sự, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận người tập sự, DN phải thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp nơi DN có trụ sở về việc nhận tập sự và ĐGV hướng dẫn tập sự[431]. Trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự hoặc chấm dứt tập sự thì Sở Tư pháp đều nắm được các thông tin này từ thông báo của tổ chức ĐGTS[432]. Hơn nữa, như đã phân tích, DN ĐGTS đã phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo Sở Tư pháp nơi DN có trụ sở về tổ chức, hoạt động hàng năm hoặc trong trường hợp đột xuất theo yêu cầu. Như vậy, đặt ra nghĩa vụ báo cáo danh sách người tập sự tại DN đấu giá nói riêng, tổ chức ĐGTS nói chung là không cần thiết, gây rườm rà về thủ tục hành chính cho DN. Tương tự như trên, điểm k khoản 2 Điều 24 LĐGTS cũng không quy định trách nhiệm báo cáo này, DN phải thực hiện theo định kỳ bao lâu một lần hay khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Pháp luật của bang Florida và Alabama (Hoa Kỳ) chỉ yêu cầu người tập sự phải được cấp phép bởi cơ quan có thẩm quyền và khi ĐGV giám sát cho thôi việc đối với người tập sự hoặc chấm dứt công việc của mình với người tập sự thì phải thông báo cho cơ quan đó biết mà công ty ĐGTS không phải thực hiện trách nhiệm báo cáo danh sách người tập sự rườm rà như theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhận tập sự hành nghề đấu giá là một đặc trưng của DN ĐGTS nói riêng, tổ chức ĐGTS nói riêng. Vì là hoạt động đặc trưng của DN ĐGTS nên pháp luật cần có sự quy định cụ thể, phát huy vai trò của DN ĐGTS, tạo môi trường, điều kiện để người tập sự được thực hành các kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo liên quan đến ĐGTS, đồng thời học hỏi kinh nghiệm từ ĐGV hướng dẫn tập sự, đối với các ĐGV tương lai. Tuy nhiên, với quy định hiện nay của LĐGTS, hoạt động này dường như là "gánh nặng" cho DN.

[430] Điều 5 Nghị định số 62/2017/NĐ-CP
[431] Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 06/2017/TT-BTP
[432] Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 06/2017/TT-BTP

Bởi khi nhận tập sự, DN phải thực hiện hàng loạt các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động này.

Có thể thấy, các nghĩa vụ này của DN ĐGTS gắn liền và chủ yếu phục vụ cho công tác quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế nói chung, DN ĐGTS nói riêng. Thế nhưng, là DN thực hiện hoạt động kinh doanh trên thị trường, tâm lý của DN luôn muốn được hạn chế đến mức thấp nhất các thủ tục hành chính. Mặt khác, lịch sử điều chỉnh của pháp luật Việt Nam đối với DN ĐGTS còn hạn chế hơn so với các quốc gia khác trên thế giới, do đó, các quy định pháp luật còn tương đối đơn giản và đang tìm hướng hoàn thiện. Những quy định còn đơn giản đó khó tránh khỏi những hạn chế, bất cập nhất định.

4.2.2 Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản trong quan hệ với người có tài sản đấu giá

4.2.2.1 Quyền của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Như đã phân tích, quan hệ giữa DN ĐGTS và người có tài sản đấu giá là quan hệ hợp đồng. Nguyên tắc xác lập hợp đồng là bình đẳng, thiện chí, trung thực, tự do thỏa thuận. Các bên có quyền tự do thỏa thuận quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng miễn sao đảm bảo các thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác[433]. Đối với hợp đồng dịch vụ ĐGTS thi hành án dân sự, đã có ý kiến cho rằng LĐGTS cần quy định các nội dung cơ bản mà hợp đồng này cần phải có như: tài sản đấu giá, giá khởi điểm, hình thức đấu giá, phương thức đấu giá, thời hạn, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí bán ĐGTS trong trường hợp bán đấu giá thành và chi phí bán đấu giá trong trường hợp bán đấu giá không thành[434]. Bởi việc không quy định những nội dung tối thiểu phải thỏa thuận trong hợp đồng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng cùng một loại tài sản đấu giá nhưng thiếu sự thống nhất về nội dung giữa các hợp đồng dịch vụ đấu giá[435]. Tuy nhiên, qua tìm hiểu Trang thông tin điện tử công bố bản án, quyết định của Tòa án, thực tiễn xét xử về các tranh chấp liên quan đến ĐGTS, hầu như không có tranh chấp về nội dung của hợp đồng dịch vụ ĐGTS mà chủ yếu là các tranh chấp về kết quả ĐGTS hoặc hợp đồng mua bán tài sản đấu giá (Phụ lục 05). Bên cạnh quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng, trong quan hệ với người có tài sản đấu giá, DN ĐGTS còn có các quyền được pháp luật ghi nhận[436]: cung cấp dịch vụ

[433] Điều 3 Bộ luật Dân sự năm 2015
[434] Nguyễn Thị Thúy Hằng, Hồ Minh Thành (2021). Một số bất cập về hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản thi hành án dân sự, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn*, (tập 130, số 6C), trang 97-98
[435] Nguyễn Thị Thúy Hằng, Hồ Minh Thành, tlđd (434), trang 96
[436] Điểm a, điểm c, điểm d, điểm g, điểm i khoản 1 Điều 24 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

ĐGTS, yêu cầu người có tài sản đấu giá cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, giấy tờ có liên quan đến tài sản đấu giá, nhận thù lao dịch vụ đấu giá[437], chi phí đấu giá tài sản theo hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, xác định giá khởi điểm khi bán đấu giá tài sản tự nguyện được chủ sở hữu lựa chọn bán thông qua đấu giá theo ủy quyền của người có tài sản đấu giá, đơn phương chấm dứt, hủy bỏ hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản hoặc yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản vô hiệu theo quy định của pháp luật, thực hiện dịch vụ làm thủ tục chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, quản lý tài sản và dịch vụ khác liên quan đến tài sản đấu giá theo thỏa thuận. Trong đó, có những quyền của DN ĐGTS được ghi nhận nhưng DN không được linh hoạt, chủ động thực hiện quyền của mình. Bên cạnh đó, có những quyền gắn liền với trách nhiệm của DN nhưng chưa được quy định chặt chẽ.

Thứ nhất, DN ĐGTS có quyền cung cấp dịch vụ ĐGTS cho người có tài sản đấu giá. Quan hệ hợp đồng giữa DN ĐGTS và người có tài sản đấu giá chỉ phát sinh khi các bên ký kết hợp đồng dịch vụ ĐGTS. Khi đó, DN ĐGTS là bên cung ứng dịch vụ và người có tài sản đấu giá là bên sử dụng dịch vụ. Công việc được các bên thỏa thuận trong hợp đồng là công tác tổ chức đấu giá một tài sản nhất định. Tuy nhiên, các bên không có quyền thỏa thuận trong hợp đồng về trình tự, thủ tục tổ chức đấu giá tài sản đó theo ý chí của mình. Bởi trình tự, thủ tục tổ chức đấu giá tài sản phải thực hiện theo quy định của LĐGTS và các văn bản pháp luật chuyên ngành như Luật Đất đai, Luật Thi hành án dân sự, Luật quản lý, sử dụng tài sản công,...

Có thể chia công tác tổ chức ĐGTS thành các nhóm hoạt động sau: các hoạt động trước khi mở cuộc đấu giá, các hoạt động tổ chức, điều hành cuộc đấu giá và các hoạt động sau khi cuộc đấu giá kết thúc. Hiện nay, có hai thủ tục ĐGTS: đấu giá theo thủ tục thông thường và thủ tục rút gọn. Trong từng thủ tục đấu giá, LĐGTS đều quy định các hoạt động phải thực hiện như thế nào và thời hạn thực hiện ra sao. Việc tổ chức, điều hành cuộc đấu giá phải do ĐGV được DN ĐGTS phân công thực hiện. Tùy theo hình thức, phương thức đấu giá đã được công bố trong Quy chế cuộc đấu giá, ĐGV phải điều hành cuộc đấu giá theo trình tự tương ứng với hình thức, phương thức đấu giá đó được LĐGTS quy định[438].

Pháp luật Việt Nam điều chỉnh mọi hoạt động trong quá trình tổ chức đấu giá từ khâu chuẩn bị mở cuộc đấu giá đến khi tổ chức, điều hành và cả khi cuộc đấu giá kết

[437] Sau này sẽ là giá dịch vụ đấu giá theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 73 Luật Giá năm 2023 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2024)
[438] Trình tự điều hành cuộc đấu giá được quy định tại Điều 41, Điều 42, Điều 43 LĐGTS năm 2016 và Điều 10 Nghị định số 62/2017/NĐ-CP

thúc. DN ĐGTS, sau khi ký kết hợp đồng dịch vụ ĐGTS với người có tài sản đấu giá phải thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục đó. Những quy định cứng nhắc này hoàn toàn không cho DN ĐGTS có quyền chủ động, linh hoạt trong cung cấp dịch vụ ĐGTS. Cung cấp dịch vụ ĐGTS là quyền của DN nhưng các quy định về trình tự, thủ tục DN phải thực hiện để tổ chức đấu giá lại mang tính bắt buộc.

Thứ hai, DN ĐGTS có quyền yêu cầu người có tài sản đấu giá cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, giấy tờ có liên quan đến tài sản đấu giá. Đây là quyền pháp lý của DN. Theo quan điểm lý luận: "quyền pháp lý của chủ thể là cách xử sự mà pháp luật cho phép chủ thể được tiến hành"[439]. Đồng thời cũng theo quan điểm này: "chủ thể có thể xử sự theo cách thức mà họ được phép tiến hành hoặc không xử sự như vậy, nói cách khác, chủ thể có thể thực hiện hoặc không thực hiện quyền của mình"[440] hay "quyền và tự do pháp lý là những hành vi mà pháp luật cho phép chủ thể thực hiện nên chủ thể pháp luật có thể thực hiện hoặc không thực hiện các quyền, tự do đó tùy theo ý chí của mình, chứ không bắt buộc phải thực hiện"[441]. Tức là, DN có thể thực hiện hoặc không thực hiện quyền này. Trường hợp DN có yêu cầu, các thông tin về tài sản đấu giá do người có tài sản cung cấp có thể được thể hiện trong hợp đồng dịch vụ ĐGTS hoặc không. Bởi lẽ, LĐGTS không quy định các nội dung bắt buộc phải có trong hợp đồng dịch vụ ĐGTS. Nhưng việc có đưa các thông tin về tài sản vào hợp đồng dịch vụ ĐGTS hay không lại là căn cứ để xác định trách nhiệm của DN đấu giá và người có tài sản đấu giá. Theo quy định của LĐGTS, người có tài sản đấu giá phải chịu trách nhiệm về tài sản đưa ra đấu giá[442], nếu người có tài sản đấu giá đã cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin liên quan đến tài sản đấu giá và hai bên đã thể hiện những thông tin này trong hợp đồng dịch vụ ĐGTS, nhưng DN đấu giá không thông báo đầy đủ, chính xác cho người tham gia đấu giá những thông tin cần thiết có liên quan đến giá trị, chất lượng của tài sản đấu giá theo hợp đồng dịch vụ ĐGTS, thì DN phải chịu trách nhiệm về giá trị, chất lượng của tài sản[443]. Vậy, vấn đề đặt ra là:

Một, nếu những thông tin cần thiết có liên quan đến giá trị, chất lượng của tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá cung cấp không được hai bên thể hiện trong hợp đồng dịch vụ ĐGTS thì dù DN không thông báo đầy đủ, chính xác cho người tham gia đấu giá, DN vẫn không phải chịu trách nhiệm về giá trị, chất lượng tài sản. Thực tiễn xét xử cũng

[439] Nguyễn Minh Đoan, tlđd (91), trang 386.
[440] Nguyễn Minh Đoan, tlđd (91), trang 386.
[441] Nguyễn Minh Đoan, tlđd (91), trang 397.
[442] Điểm a khoản 2 Điều 47 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[443] Khoản 3 Điều 33 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

đã cho thấy quy định hiện nay của LĐGTS đã không tạo được nền tảng pháp lý cho trách nhiệm của DN đấu giá liên quan đến vấn đề này. Theo Bản án phúc thẩm số 03/2020/DS-PT ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi là trường hợp 1, nội dung Bản án được trình bày tại Phụ lục 06), tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Lương B, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 88/2019/DS-ST ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Lương B: 1) buộc Chi cục Thi hành án trả cho ông Nguyễn Lương B số tiền 3.503.783.000 đồng và số tiền lãi phát sinh đối với số tiền này theo mức lãi suất không kỳ hạn (0,2%/năm) của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk, tính từ ngày 29/4/2019 đến khi Chi cục Thi hành án trả hết số tiền nói trên cho ông B; 2) ông Nguyễn Lương B có trách nhiệm giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa đất trên cho Chi cục Thi hành án để tiếp tục thực hiện kê biên xử lý tài sản để thi hành án theo quy định pháp luật; 3) kiến nghị Chi cục Thuế thành phố B hoàn trả lại cho ông Nguyễn Lương B khoản tiền thuế, lệ phí trước bạ đã nộp là 17.518.915 đồng; 4) kiến nghị Chi cục Thuế thành phố B hoàn trả lại cho Chi cục Thi hành án khoản tiền thuế thu nhập cá nhân 70.075.660 đồng (do ông Nguyễn Lương B đã nộp thay); 5) kiến nghị Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B hủy nội dung đăng ký biến động sang tên cho ông Nguyễn Lương B tại trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa đất trên.

Như vậy, trong vụ việc này, Tòa án đã giải quyết luôn hậu quả pháp lý khi hủy kết quả ĐGTS, bên cạnh việc bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau tài sản đã nhận, bên có lỗi gây thiệt hại thì phải bồi thường. Theo nội dung bản án sơ thẩm và phúc thẩm, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B phải trả lãi phát sinh đối với số tiền 3.503.783.000 đồng theo mức lãi suất không kỳ hạn (0,2%/năm) của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk, tính từ ngày 29/4/2019 đến khi Chi cục Thi hành án trả hết số tiền nói trên cho ông B. Điều đó có nghĩa, tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã nhận định lỗi thuộc về Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, Công ty đấu giá hợp danh B không phải liên đới thực hiện nghĩa vụ này với Chi cục Thi hành án. Có thể thấy, Công ty đấu giá đã thực hiện đúng nghĩa vụ kiểm tra quyền được bán tài sản do Chi cục Thi hành án dân sự cung cấp. Tuy nhiên, trong nội dung bản án không nêu rõ, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B và Công ty đấu giá hợp danh B có thể hiện thông tin quy hoạch đối với thửa đất là tài sản đấu giá trong hợp đồng dịch vụ

ĐGTS hay không nên cũng khó để nhận định Công ty đấu giá có phải chịu trách nhiệm về việc không cung cấp thông tin quy hoạch của thửa đất cho ông Nguyễn Lương B hay không. Nếu Công ty đấu giá biết thông tin quy hoạch, nhưng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B và Công ty đấu giá hợp danh B không thể hiện thông tin này trong hợp đồng dịch vụ ĐGTS thì theo quy định tại khoản 3 Điều 33 LĐGTS, không có căn cứ để "quy" trách nhiệm cho Công ty đấu giá. Việc này vừa tác động tiêu cực đến quyền, lợi ích hợp pháp cũng như tâm lý của người mua được tài sản đấu giá, vừa không đảm bảo công bằng với Chi cục Thi hành án dân sự. Bởi có thể thấy cả Công ty đấu giá và Chi cục Thi hành án dân sự đều có lỗi dẫn đến kết quả ĐGTS bị hủy nhưng trách nhiệm chỉ thuộc về Chi cục Thi hành án.

Hai, nếu DN không yêu cầu, người có tài sản không cung cấp các thông tin liên quan đến tài sản, khi đó, chịu trách nhiệm về giá trị, chất lượng tài sản lại thuộc về người có tài sản đấu giá. Bởi trong các nghĩa vụ mà LĐGTS quy định đối với người có tài sản đấu giá hoàn toàn không có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, giấy tờ có liên quan đến tài sản đấu giá theo yêu cầu của tổ chức ĐGTS. Theo đó, người có tài sản chỉ có trách nhiệm cung cấp cho tổ chức ĐGTS bằng chứng chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc quyền được bán tài sản theo quy định của pháp luật. Hơn nữa, khác với quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP: DN bán ĐGTS có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác của các thông tin về nguồn gốc tài sản, quyền sở hữu, quyền sử dụng của tài sản do người có tài sản bán đấu giá cung cấp[444], hiện nay, theo quy định tại khoản 2 Điều 33 LĐGTS, DN chỉ có trách nhiệm kiểm tra thông tin về quyền được bán tài sản do người có tài sản đấu giá cung cấp. Đây là căn cứ để "quy" trách nhiệm đối với DN đấu giá trong trường hợp gây thiệt hại cho các bên liên quan đến việc đấu giá một tài sản nhất định. Theo đó, DN đấu giá không có trách nhiệm kiểm tra các thông tin khác liên quan đến tài sản (chẳng hạn như thông tin quy hoạch đối với đất đai,...) và cũng không có nghĩa vụ phải yêu cầu người có tài sản phải cung cấp những thông tin đó. Tuy nhiên, theo quy định này, trách nhiệm của DN đấu giá chưa được xem xét thỏa đáng. Với vai trò trung gian trong mua bán tài sản, DN phải phát huy vai trò đó để tạo uy tín cho mình, tạo lòng tin cho các bên trong ĐGTS. Nếu DN không tự mình phát huy vai trò trung gian đó, pháp luật phải có sự can thiệp điều chỉnh, định hướng bằng những ràng buộc nhất định.

Thứ ba, DN ĐGTS có quyền xác định giá khởi điểm khi bán đấu giá tài sản tự nguyện được chủ sở hữu lựa chọn bán thông qua đấu giá theo ủy quyền của người có tài

[444] Khoản 3 Điều 26 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP

sản đấu giá. Liên quan đến các hoạt động này của DN ĐGTS, cũng đã có nhiều tác giả công bố kết quả nghiên cứu của mình trên các diễn đàn. Về vấn đề xác định giá khởi điểm của tài sản đấu giá, trong nghiên cứu "Pháp luật về xác định giá khởi điểm và điều kiện tham gia đấu giá quyền sử dụng đất khi nhà nước giao đất, cho thuê đất", tiến sĩ Bùi Hữu Toàn đã chỉ ra những bất cập, chồng chéo trong các quy định pháp luật về phương pháp định giá đất và chủ thể xác định giá khởi điểm trong đấu giá quyền sử dụng đất khi giao đất, cho thuê đất như sau: phương pháp định giá đất được áp dụng xác định giá khởi điểm trong đấu giá quyền sử dụng đất khi giao đất chưa được quy định cụ thể; sự chồng chéo trong quy định về phương pháp định giá đất với Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam đã ảnh hưởng nhất định đến quá trình xây dựng phương án giá đất khởi điểm khi các tổ chức tư vấn thẩm định giá đất độc lập tham gia xác định giá đất cụ thể; quy định về chủ thể xác định giá khởi điểm trong đấu giá quyền sử dụng đất chưa thống nhất, chồng chéo; thiếu tính độc lập, khách quan và chuyên nghiệp của chủ thể xác định giá khởi điểm[445].

Ở một phương diện khác, vấn đề "Xác định giá khởi điểm khi xử lý tài sản thế chấp thông qua phương thức đấu giá" được chính NCS khai thác trong nghiên cứu của mình. Những hạn chế của pháp luật được tác giả chỉ ra liên quan đến vấn đề này bao gồm: việc để cho các bên tự thỏa thuận định giá tài sản thế chấp sao cho phù hợp với giá thị trường có thể dẫn đến hệ lụy giá khởi điểm của tài sản thế chấp bị "đẩy" lên rất cao, không ai đăng ký tham gia ĐGTS đó, vụ việc kéo dài thời gian giải quyết; nếu tài sản thế chấp được xác định giá khởi điểm thông qua tổ chức thẩm định giá độc lập, pháp luật lại chưa quy định cụ thể khi có kết quả thẩm định giá từ tổ chức thẩm định giá thì đó có phải là căn cứ duy nhất buộc các bên phải chấp nhận là giá khởi điểm của tài sản thế chấp hay không[446]. Tuy nhiên, việc xác định giá khởi điểm của tài sản bắt buộc phải đấu giá không phải là hoạt động của DN đấu giá, do đó, trong phạm vi nghiên cứu của Luận án này, NCS tập trung vào hoạt động xác định giá khởi điểm của DN ĐGTS khi được ủy quyền từ người có tài sản đấu giá, đối với tài sản được tự nguyện lựa chọn đấu giá.

Mặc dù không phải là hoạt động thường xuyên và mang tính bắt buộc, DN ĐGTS chỉ thực hiện xác định giá khởi điểm của tài sản đấu giá trong trường hợp được ủy quyền từ người có tài sản và chỉ đối với tài sản mà chủ sở hữu tự nguyện lựa chọn bán thông qua đấu giá. Thế nhưng, trong DN ĐGTS không có bộ phận nghiệp vụ chuyên thực hiện

[445] Bùi Hữu Toàn (2022). Pháp luật về xác định giá khởi điểm và điều kiện tham gia đấu giá quyền sử dụng đất khi nhà nước giao đất, cho thuê đất, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (11(459)), [http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=211106] (truy cập ngày 12/02/2023)

[446] Ngô Thị Phương Thảo (2018). Xác định giá khởi điểm khi xử lý tài sản thế chấp thông qua phương thức đấu giá, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, (12 (321)), trang 34-38

công việc này. Như đã phân tích, LĐGTS hiện không có quy định về cơ cấu tổ chức của DN đấu giá, làm việc trong DN đấu giá chủ yếu là ĐGV. Khi đó, nếu được ủy quyền từ người có tài sản đấu giá, chính ĐGV là người thực hiện xác định giá khởi điểm của tài sản đấu giá. Hơn nữa, trong Chương trình đào tạo nghề đấu giá được ban hành kèm theo Quyết định số 1187/QĐ-HVTP ngày 14/9/2017 của Giám đốc Học viện Tư pháp[447], ĐGV hoàn toàn không có kỹ năng xác định giá khởi điểm đối với tài sản đấu giá. Chương trình đào tạo nghề đấu giá chủ yếu tập trung vào các kỹ năng ĐGTS bắt buộc phải bán đấu giá, ngược lại, tài sản tự nguyện bán đấu giá dường như chưa được quan tâm thỏa đáng.

Với những hạn chế của pháp luật trong quy định về quyền của DN ĐGTS đối với người có tài sản đấu giá đã ít nhiều cản trở cá nhân, tổ chức tự nguyện lựa chọn bán tài sản của mình thông qua đấu giá.

4.2.2.2 Nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Bên cạnh các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng dịch vụ ĐGTS, LĐGTS còn quy định một số nghĩa vụ của DN ĐGTS đối với người có tài sản đấu giá với mục đích tạo hành lang pháp lý trong hoạt động đấu giá của DN ĐGTS, bảo vệ quyền, lợi ích của người có tài sản đấu giá cũng như công tác quản lý của Nhà nước[448]: thực hiện việc ĐGTS theo nguyên tắc, trình tự, thủ tục quy định tại LĐGTS và chịu trách nhiệm về kết quả đấu giá tài sản; yêu cầu người có tài sản đấu giá giao tài sản và các giấy tờ liên quan đến tài sản đấu giá cho người mua được tài sản đấu giá; trường hợp được người có tài sản đấu giá giao bảo quản hoặc quản lý thì giao tài sản và các giấy tờ liên quan đến tài sản đấu giá cho người mua được tài sản đấu giá; bồi thường thiệt hại khi thực hiện đấu giá theo quy định của pháp luật. Trong đó, có những vấn đề cần được nghiên cứu, xem xét:

Thứ nhất, về trình tự, thủ tục đấu giá. Như trên đã phân tích, trong quan hệ hợp đồng với người có tài sản đấu giá, DN ĐGTS là bên cung ứng dịch vụ đấu giá để nhận thù lao dịch vụ đấu giá (sau này là giá dịch vụ đấu giá). Thế nhưng để tổ chức thực hiện đấu giá, DN ĐGTS/ĐGV phải thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục mà LĐGTS đã quy định mà không được làm khác đi. Vô hình trung, LĐGTS đã xây dựng một khuôn mẫu cho quy trình đấu giá, DN ĐGTS/ĐGV dù có ý tưởng sáng tạo cũng khó có thể vận dụng vào quy trình "mẫu" này.

Đã có nhiều tác giả nghiên cứu về trình tự, thủ tục đấu giá theo quy định của pháp luật Việt Nam. Một trong những tài sản đấu giá dành được nhiều sự quan tâm của giới

[447] Học viện Tư pháp (2017). *Quyết định ban hành Chương trình chi tiết đào tạo nghề đấu giá,* [http://hocvientuphap.edu.vn/daotao/Pages/chuong-trinh-dao-tao.aspx?ItemID=7] (truy cập ngày 12/7/2021)
[448] Điểm a, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 24 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

nghiên cứu ở Việt Nam đó là quyền sử dụng đất. Hàng loạt những vụ việc liên quan đến công tác đấu giá quyền sử dụng đất thời gian qua đã đặt ra đòi hỏi phải có sự quan tâm nghiêm túc về công tác này. Theo đó, các nghiên cứu nhằm cải thiện hiệu quả công tác đấu giá quyền sử dụng đất cũng được công bố trên các diễn đàn. Tác giả Phạm Ngọc Hương Quỳnh đã công bố ý tưởng vận dụng hình thức đấu giá đa phiên đồng thời (Simultaneous multiple round auction – SMRA)[449] nhằm nâng cao hiệu quả công tác đấu giá quyền sử dụng đất ở Việt Nam. Đây là lý thuyết đấu giá mới được sáng tạo bởi hai nhà kinh tế học nổi tiếng Paul R. Milgrom và Robert B. Wilson. Thay vì vẫn tổ chức đấu giá theo trình tự, thủ tục với phương thức, hình thức đấu giá quyền sử dụng đất vốn có từ trước đến nay nhưng không mang lại hiệu quả như mong muốn, vận dụng lý thuyết đấu giá mới có thể mở ra cơ hội cải thiện hiệu quả cho công tác đấu giá quyền sử dụng đất ở Việt Nam trong thời gian tới. Bên cạnh đó, nghiên cứu của nhóm tác giả Nguyễn Việt Hương và các cộng sự đã chỉ ra trong sáu bất cập, hạn chế liên quan đến công tác đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất, có đến bốn hạn chế liên quan đến trình tự, thủ tục đấu giá[450].

Đối với tài sản thi hành án, trước khi có LĐGTS, cũng đã từng có ý kiến cho rằng: "cần có quy định riêng, đặc thù cho việc bán ĐGTS trong thi hành án dân sự"[451]. Gần đây nhất, ông Nguyễn Quang Thái, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự trong bài trả lời phỏng vấn của phóng viên báo Đấu Thầu đã từng có ý kiến: trong thời gian tới khi sửa LĐGTS cần nghiên cứu các cơ chế đặc thù về trình tự, thủ tục ĐGTS thi hành án dân sự trong LĐGTS[452].

Trình tự, thủ tục ĐGTS công cũng là vấn đề nhận được sự quan tâm nghiên cứu. Tác giả Nguyễn Thị Thu Hồng[453] đã chỉ ra các bất cập trong trình tự, thủ tục ĐGTS công bao gồm: vấn đề lựa chọn tổ chức ĐGTS, bước giá, xây dựng và ban hành Quy chế cuộc đấu giá, thông báo công khai việc đấu giá, vấn đề lập, bán hồ sơ tài sản đấu giá, tổ chức đăng ký tham gia đấu giá, vấn đề tổ chức cuộc đấu giá. Với những bản chất mang tính đặc thù của loại tài sản này, việc áp dụng trình tự, thủ tục đấu giá được quy định chung

[449] Phạm Ngọc Hương Quỳnh (2021). Giải Nobel kinh tế năm 2020 và khả năng vận dụng vào đấu giá quyền sử dụng đất tại Việt Nam, *Tạp chí Công thương*, (19 - tháng 8/2021), trang 90-95

[450] Nguyễn Việt Hương và các cộng sự (2022). Một số vấn đề pháp lý còn tồn tại về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất, *Tạp chí Xây dựng*, (01/2022), trang 103-109

[451] Nguyễn Quang Thái và Đào Thị Thúy Lan (2016). Bán đấu giá tài sản trong thi hành án dân sự vẫn còn là điểm nghẽn, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, (4 (289)-2016), trang 27

[452] Tổng cục Thi hành án dân sự (2022). *Đấu giá tài sản thi hành án dân sự: cần có quy định riêng để đảm bảo hiệu quả*, [https://thads.moj.gov.vn/noidung/tintuc/lists/thongtinchung/view_detail.aspx?itemid=1328] (truy cập ngày 11/01/2023)

[453] Nguyễn Thị Thu Hồng (2020). Hoàn thiện quy định pháp luật về trình tự, thủ tục đấu giá tài sản công, *Tạp chí Nghề luật*, (10/2020), trang 61-68

trong LĐGTS rõ ràng là không phù hợp và bộc lộ nhiều khiếm khuyết, làm cho ĐGTS nói chung, ĐGTS công nói riêng chưa phát huy được hiệu quả của nó.

Kinh nghiệm lập pháp của các nước như Pháp, Đức, một số tiểu bang của Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản đều cho thấy pháp luật không can thiệp quy định trình tự, thủ tục cũng như các hình thức, phương thức đấu giá cụ thể. Tùy từng tài sản mà ĐGV sẽ vận dụng các lý thuyết đấu giá để lựa chọn kiểu đấu giá phù hợp nhằm mang lại hiệu quả tối ưu của đấu giá. Ở Pháp, các công ty bán đấu giá động sản tự nguyện sẽ thực hiện mọi biện pháp có lợi đảm bảo sự an toàn cho việc bán đấu giá mà họ được ủy thác từ khách hàng[454]. Theo đó, các công ty bán đấu giá, mỗi lần bán đấu giá công khai, sẽ lựa chọn một hình thức quảng cáo thích hợp[455]. Người điều hành cuộc đấu giá phải đảm bảo với chủ sở hữu là tài sản sẽ được bán bằng một mức giá tối thiểu. Nếu tài sản bán đấu giá không đạt được mức giá tối thiểu như cam kết, người điều hành có một trong hai sự lựa chọn: 1) tuyên bố mình là người trúng đấu giá; 2) thanh toán khoảng chênh lệch giữa giá tối thiểu đã cam kết và giá đấu giá thực tế của tài sản đó[456].

Ở các tiểu bang của Hoa Kỳ, tài sản được bán đấu giá bởi các công ty hay DN đấu giá cũng đa phần là động sản được chủ sở hữu tự nguyện lựa chọn bán đấu giá. Công ty hoặc DN đấu giá cũng có thể triệu tập các cuộc đấu giá bất động sản nhưng phải được cấp giấy phép theo quy định về môi giới và quản lý môi giới bất động sản. Công ty hoặc DN đấu giá không tổ chức bán các tài sản mà pháp luật bắt buộc bán thông qua đấu giá. Ở bang Washington (Hoa Kỳ), theo quy định tại Đạo luật đăng ký đấu giá viên của tiểu bang này, tài sản chỉ được nhận hoặc chấp nhận để bán đấu giá khi có ký kết hợp đồng bằng văn bản giữa ĐGV hoặc công ty đấu giá với chủ sở hữu hoặc người ký gửi tài sản[457]. Các cuộc đấu giá phải được quảng cáo trên báo, kèm theo tên và số giấy phép của công ty đấu giá đã ký hợp đồng với chủ sở hữu tài sản[458]. Tài sản được bán bằng kiểu đấu giá nào là do công ty đấu giá lựa chọn tùy theo từng tài sản. Ở bang Florida (Hoa Kỳ), trước khi tiến hành đấu giá, DN đấu giá phải ký một thỏa thuận bằng văn bản với chủ sở hữu hoặc đại diện của chủ sở hữu về tài sản được đưa ra đấu giá. Quy định về nghề nghiệp và việc làm trong các đạo luật của Florida có quy định các nội dung mà các bên phải thỏa thuận khi ký kết, bao gồm: tên, địa chỉ của chủ sở hữu tài sản; tên, địa chỉ của người thuê DN đấu giá, nếu người ký văn bản thỏa thuận không phải là chủ sở hữu tài

[454] Điều L321-5 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp
[455] Điều L321-11 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp
[456] Điều L321-12 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp
[457] Điều 18.11.130 RCW Đạo luật đăng ký đấu giá viên Washington (Hoa Kỳ)
[458] Điều 18.11.210 RCW Đạo luật đăng ký đấu giá viên Washington (Hoa Kỳ)

sản; thời hạn hoặc điều kiện mà DN nhận tài sản đấu giá và chuyển tiền bán tài sản cho người bán tài sản[459]. DN đấu giá quảng cáo về cuộc đấu giá bằng bất cứ hình thức nào, trong đó phải kèm theo tên và số giấy phép của DN[460]. DN đấu giá lựa chọn kiểu đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá và chịu trách nhiệm về cuộc đấu giá đó. Ở bang Texas (Hoa Kỳ), tiêu chuẩn quảng cáo đấu giá do Ủy ban quản lý và cấp phép Texas quy định[461]. Ở bang Alabama (Hoa Kỳ), Đạo luật giấy phép đấu giá viên cũng chỉ yêu cầu công ty đấu giá khi quảng cáo các cuộc đấu giá phải kèm theo tên và số giấy phép của ĐGV chính hoặc ĐGV tập sự điều hành cuộc đấu giá[462].

Trình tự, thủ tục ĐGTS ở Việt Nam khá tương đồng với quy định của Luật về Bán đấu giá tài sản của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Theo đó, thủ tục đấu giá ở đây cũng bắt đầu từ ký hợp đồng ủy quyền bán ĐGTS, thông báo đấu giá và trưng bày vật đấu giá, thực hiện đấu giá, lập biên bản xác nhận và cuối cùng là thực hiện thay đổi giấy chứng nhận, giấy phép hoặc chuyển quyền sở hữu tài sản[463]. Một điểm tương đồng nữa giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật Trung Quốc là tài sản được đưa ra đấu giá bao gồm cả những tài sản mà pháp luật bắt buộc bán thông qua đấu giá và tài sản mà chủ sở hữu tự nguyện lựa chọn bán đấu giá. Trình tự, thủ tục đấu giá này áp dụng chung cho cả hai loại tài sản đấu giá đó. Tuy nhiên, pháp luật Trung Quốc không quy định cụ thể về hình thức, phương thức đấu giá. Đối với mỗi tài sản, ĐGV sẽ lựa chọn kiểu đấu giá phù hợp nhằm mang lại hiệu quả đấu giá cao nhất.

Ở Đức, Pháp lệnh đấu giá thương mại quy định trình tự, thủ tục đấu giá bắt đầu từ hợp đồng được ký kết giữa người điều hành cuộc đấu giá và chủ sở hữu tài sản. Các công ty đấu giá chỉ thực hiện đấu giá các tài sản mà chủ sở hữu tự nguyện lựa chọn bán đấu giá. Đối với các tài sản mà pháp luật bắt buộc bán đấu giá sẽ thực hiện theo quy định riêng (bán đấu giá bất động sản bắt buộc thực hiện theo quy định của Đạo luật đấu giá bắt buộc và trách nhiệm quản lý tài sản, bán đấu giá động sản bắt buộc thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự). Người điều hành cuộc đấu giá phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền và Phòng Thương mại và Công nghiệp quận nơi cuộc đấu giá sẽ diễn ra, đồng thời sử dụng các hình thức quảng cáo cho cuộc đấu giá, trong đó nêu rõ thời gian, địa điểm và loại hàng hóa được đấu giá. Pháp luật của Đức cũng không quy định cụ thể về trình tự, thủ tục cũng như phương thức, hình thức đấu giá.

[459] Khoản 1 Điều 468.388 Quy định về nghề nghiệp và việc làm trong các đạo luật của Florida (Hoa Kỳ)
[460] Khoản 11(a) Điều 468.388 Quy định về nghề nghiệp và việc làm trong các đạo luật của Florida (Hoa Kỳ)
[461] Mục 1802.004 Bộ luật việc làm Texas (Hoa Kỳ)
[462] Mục 34-4-29 Điều 2 Đạo luật giấy phép đấu giá viên Alabama (Hoa Kỳ)
[463] Từ Điều 41 đến Điều 55 Luật về Bán đấu giá tài sản của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Nhật Bản nổi tiếng với hoạt động đấu giá xe ô tô đã qua sử dụng, chủ yếu là các cuộc đấu giá trực tuyến và không giới hạn phạm vi lãnh thổ quốc gia. Bộ luật Thương mại, Bộ luật Dân sự và Bộ luật Tố tụng dân sự của Nhật Bản không quy định cụ thể về trình tự, thủ tục cũng như phương thức, hình thức đấu giá. Nhật Bản cũng có một kiểu đấu giá nổi tiếng – đấu giá đồng hồ tăng dần. Trong nghiên cứu "Auction theory for the new economy" (dịch: Lý thuyết đấu giá cho nền kinh tế) - Chương 6 cuốn sách "New economy handbook" (dịch: Sổ tay kinh tế mới), tác giả Lawrence M. Ausubel đã rút ra kết luận đấu giá đồng hồ tăng dần là hình thức đấu giá được lựa chọn chủ yếu trong đấu giá nhiều đơn vị.

Thứ hai, về nghĩa vụ bồi thường thiệt hại của DN ĐGTS đối với người có tài sản đấu giá. Quan hệ giữa DN ĐGTS và người có tài sản đấu giá là quan hệ dân sự. Nguyên tắc bồi thường thiệt hại theo quy định của Bộ luật Dân sự: "cá nhân, pháp nhân có quyền dân sự bị xâm phạm được bồi thường toàn bộ thiệt hại, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác"[464]. Để phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại của DN ĐGTS với người có tài sản đấu giá thì người có tài sản đấu giá phải chứng minh quyền bị xâm phạm và thiệt hại của mình. Tuy nhiên, trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong ĐGTS chưa được xác định rõ. Bởi lẽ, cả ĐGV và DN ĐGTS đều có trách nhiệm bồi thường thiệt hại[465]. Đồng thời, "ĐGV chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước tổ chức ĐGTS về cuộc đấu giá do mình thực hiện"[466] và DN ĐGTS có nghĩa vụ "bồi thường thiệt hại khi thực hiện đấu giá theo quy định của pháp luật"[467]. Như đã phân tích, trình tự, thủ tục đấu giá trải qua các bước từ khâu chuẩn bị đến tổ chức, điều hành cuộc đấu giá và sau khi kết thúc cuộc đấu giá. Trong đó, LĐGTS chỉ yêu cầu việc tổ chức, điều hành cuộc đấu giá là do ĐGV thực hiện, các hoạt động khác có thể do ĐGV hoặc nhân viên khác trong DN ĐGTS thực hiện. Tất cả các hoạt động tổ chức, thực hiện đấu giá, do ĐGV hay nhân viên khác trong DN thực hiện, thì DN ĐGTS đều có trách nhiệm bồi thường nếu gây thiệt hại. Mặt khác, Điều 70 LĐGTS năm 2016 có quy định cá nhân, tổ chức có liên quan cũng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Những quy định này dẫn đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại của DN ĐGTS chưa được xác định rõ ràng. Nếu các hoạt động trên do ĐGV, nhân viên tại DN ĐGTS thực hiện thì trách nhiệm bồi thường thuộc về ĐGV, nhân viên hay thuộc về DN ĐGTS. Bởi lẽ, đây là trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài

[464] Điều 13 Bộ luật Dân sự năm 2015
[465] Điều 69, Điều 70 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[466] Điều 69 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[467] Điều 70 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

hợp đồng. Bồi thường thiệt hại thông thường là bồi thường bằng tiền[468]. Nếu DN ĐGTS thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại thì ĐGV, nhân viên gây thiệt hại có phải hoàn lại cho DN khoản tiền mà DN đã bồi thường cho cá nhân, tổ chức khác không.

Trong khi đó, tổ chức hành nghề công chứng cũng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại nhưng trách nhiệm này được pháp luật công chứng quy định rất cụ thể. Theo đó, công chứng viên, nhân viên hoặc người phiên dịch là cộng tác viên của tổ chức hành nghề công chứng có lỗi, gây ra thiệt hại cho người yêu cầu công chứng và cá nhân, tổ chức khác thì tổ chức hành nghề công chứng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Sau đó, công chứng viên, nhân viên hoặc người phiên dịch gây thiệt hại phải hoàn trả lại một khoản tiền cho tổ chức hành nghề công chứng đã chi trả khoản bồi thường cho người bị thiệt hại, nếu không hoàn trả thì tổ chức hành nghề công chứng có quyền yêu cầu tòa án giải quyết[469].

4.2.3 Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản trong quan hệ với người tham gia đấu giá

4.2.3.1 Quyền của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Như đã phân tích, mặc dù giữa DN ĐGTS và người tham gia đấu giá không xác lập bất kỳ hợp đồng nào nhưng quan hệ giữa hai chủ thể này cũng được nhìn nhận là quan hệ hợp đồng môi giới. Để được tham gia đấu giá, đầu tiên là cá nhân, tổ chức phải đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật. Thứ hai là cá nhân, tổ chức đó phải đăng ký tham gia đấu giá thông qua việc nộp hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ và nộp tiền đặt trước cho DN ĐGTS. DN ĐGTS đóng vai trò là bên cung ứng dịch vụ môi giới, người tham gia đấu giá là bên sử dụng dịch vụ này. Tuy nhiên, DN ĐGTS hoàn toàn không có quyền được nhận bất kỳ khoản thanh toán nào từ người tham gia đấu giá, ngay cả trong trường hợp người tham gia đấu giá là người trúng đấu giá và mua được tài sản đấu giá.

Đối với tiền đặt trước, từ khi cá nhân, tổ chức nộp tiền đặt trước đến trước khi ĐGV điều hành cuộc đấu giá công bố người trúng đấu giá, khoản tiền đặt trước đóng vai trò là điều kiện xác nhận tư cách của người tham gia đấu giá, đồng thời là hình thức bảo đảm người tham gia đấu giá phải tham gia cuộc đấu giá do DN ĐGTS tổ chức. Ở giai đoạn này, nếu người tham gia đấu giá có các hành vi như từ chối tham gia cuộc đấu giá không phải vì lý do có thay đổi về giá khởi điểm, số lượng, chất lượng tài sản đã thông báo, niêm yết công khai; không tham gia cuộc đấu giá, buổi công bố giá mà không thuộc

[468] Ngô Huy Cương, tlđd (159), trang 394
[469] Điều 38 Luật Công chứng năm 2014

trường hợp bất khả kháng; bị truất quyền tham gia đấu giá; rút lại giá đã trả hoặc giá đã chấp nhận, thì người tham gia đấu giá bị coi là vi phạm hợp đồng với DN ĐGTS. Do đó, người tham gia đấu giá bị mất tiền đặt trước[470]. Sau khi ĐGV điều hành cuộc đấu giá công bố người trúng đấu giá, khoản tiền đặt trước trở thành tiền đặt cọc. Đây được xem là hình thức bảo đảm người trúng đấu giá thanh toán tiền mua tài sản đấu giá. Nếu người trúng đấu giá từ chối ký biên bản đấu giá hoặc từ chối kết quả trúng đấu giá, thì bị coi là vi phạm hợp đồng. Do đó, người trúng đấu giá bị mất khoản tiền này[471]. Người tham gia đấu giá bị mất tiền đặt trước, người trúng đấu giá bị mất tiền đặt cọc, khoản tiền đó đều thuộc về người có tài sản đấu giá[472]. Trong khi đó, hành vi của người tham gia đấu giá/người trúng đấu giá là vi phạm hợp đồng với DN ĐGTS.

4.2.3.2 Nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản

Cuộc đấu giá càng thu hút được nhiều người tham gia đấu giá thì khả năng tài sản được bán với giá càng cao. Đấu giá chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi có nhiều người cùng tham gia trả giá cạnh tranh, cùng đánh giá tập thể về giá trị của tài sản đấu giá để đi đến mức giá cao nhất cuối cùng. Tham gia đấu giá, bên cạnh sức hút của tài sản, nhu cầu xác lập quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đấu giá, cá nhân, tổ chức cần có được niềm tin vào uy tín, kinh nghiệm của người tổ chức đấu giá - ĐGV/DN ĐGTS. Một trong những yếu tố tác động đến niềm tin đó là quy định của pháp luật về nghĩa vụ của ĐGV/DN ĐGTS đối với người tham gia đấu giá. Bởi lẽ, nghĩa vụ của ĐGV/DN ĐGTS chính là cam kết bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia đấu giá. Theo đó, DN ĐGTS có nghĩa vụ: ban hành Quy chế cuộc đấu giá (Phụ lục 07) áp dụng cho từng cuộc đấu giá, tổ chức cuộc đấu giá liên tục theo đúng thời gian, địa điểm đã thông báo, trừ trường hợp bất khả kháng, yêu cầu người có tài sản đấu giá giao tài sản và các giấy tờ liên quan đến tài sản đấu giá cho người mua được tài sản đấu giá, bồi thường thiệt hại khi thực hiện đấu giá theo quy định của pháp luật[473]. Xét về thực trạng chấp hành nghĩa vụ của DN ĐGTS, thực tế thời gian vừa qua cho thấy, DN ĐGTS rất thường xuyên vi phạm các nghĩa vụ này. Bên cạnh đó, có nghĩa vụ của DN ĐGTS được triển khai áp dụng chưa triệt để trên thực tế.

Thứ nhất, nghĩa vụ ban hành Quy chế cuộc đấu giá áp dụng cho từng cuộc đấu giá. Quy chế cuộc đấu giá được xem như lời đề nghị giao kết hợp đồng của DN ĐGTS. Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá và nộp tiền đặt trước cho DN ĐGTS

[470] Khoản 3 và điểm a khoản 6 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[471] Khoản 2 Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015
[472] Khoản 8 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[473] Điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 26 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

tức là chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng đó, chính thức xác lập quan hệ hợp đồng tham gia đấu giá với DN ĐGTS. Bên cạnh Quy chế cuộc đấu giá, từ ngày niêm yết việc ĐGTS cho đến ngày mở cuộc đấu giá, DN ĐGTS còn có nghĩa vụ tổ chức cho người tham gia đấu giá trực tiếp xem tài sản hoặc mẫu tài sản trong khoảng thời gian ít nhất 02 ngày. Nếu tài sản đấu giá là quyền tài sản hoặc tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, thì DN ĐGTS tổ chức cho người tham gia đấu giá xem giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản và tài liệu liên quan. Trên thực tế, qua công tác thanh tra, kiểm tra, DN ĐGTS thường có nhiều sai phạm trong việc ban hành Quy chế cuộc đấu giá cũng như tổ chức xem tài sản đấu giá. Điển hình là trường hợp của DN đấu giá tư nhân An Giang, DN này đã ban hành Quy chế cuộc đấu giá không đúng nội dung trong hợp đồng dịch vụ ĐGTS, không ban hành Quy chế cho từng cuộc đấu giá[474]. Hay trường hợp của Công ty đấu giá hợp danh Đông Đô (đã đổi tên thành Công ty đấu giá hợp danh Văn Lang), kết luận của Thanh tra Bộ Tư pháp đã xác định Công ty ban hành Quy chế cuộc đấu giá chưa đầy đủ theo quy định[475]. Tại chi nhánh Công ty đấu giá hợp danh dầu khí Việt Nam, qua kiểm tra đột xuất của Sở Tư pháp tỉnh Đăk Nông, hồ sơ lưu tại chi nhánh Công ty thể hiện việc chưa đảm bảo cho người tham gia đấu giá xem tài sản[476]. Công ty đấu giá hợp danh Đông Á, qua kết luận thanh tra của Bộ Tư pháp, Công ty ban hành Quy chế cuộc đấu giá có nội dung không đúng[477]. Công ty đấu giá hợp danh Bắc Trung Nam, kết luận thanh tra đột xuất của Bộ Tư pháp, Công ty ban hành Quy chế cuộc đấu giá không phù hợp về thời gian theo quy định pháp luật[478].

Về phương diện thực trạng pháp luật, tác giả Đoàn Văn Hường nhận thấy "bước giá là nội dung rất quan trọng trong việc tổ chức đấu giá tài sản, tuy nhiên nội dung của Quy chế cuộc đấu giá tài sản lại không quy định bước giá"[479]. Đồng thời cũng theo tác giả này, tình trạng các tổ chức ĐGTS vẫn thường xuyên vi phạm hoặc trốn tránh trách nhiệm là do Nghị định số 82/2020/NĐ-CP dù mức phạt tiền có tăng nhưng không cao và

[474] Trần Lĩnh, tlđd (373)
[475] Bằng An (2023). Hàng loạt sai phạm được chỉ ra trong kết luận thanh tra của Bộ Tư pháp, *Báo Thanh tra*, [https://thanhtra.com.vn/phong-chong-tham-nhung/dieu-tra/hang-loat-sai-pham-duoc-chi-ra-trong-ket-luan-thanh-tra-cua-bo-tu-phap-211968.html] (truy cập ngày 23/8/2023)
[476] Thu Giang (2023). Nhiều tồn tại, sai sót trong hoạt động đấu giá tài sản, *Báo Đấu thầu*, [https://baodauthau.vn/nhieu-ton-tai-sai-sot-trong-hoat-dong-dau-gia-tai-san-post136516.html] (truy cập ngày 23/8/2023)
[477] Trần Hoàng (2022). Liên tiếp phát hiện sai phạm trong đấu giá quyền sử dụng đất: Cách nào bịt lỗ hổng, *Báo Tiền phong*, [https://tienphong.vn/lien-tiep-phat-hien-sai-pham-trong-dau-gia-quyen-su-dung-dat-cach-nao-bit-lo-hong-post1418511.tpo] (truy cập ngày 23/8/2023)
[478] Nhà báo và Công luận (2023). Phát hiện nhiều sai phạm, Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ Công ty đấu giá Bắc Trung Nam sang cơ quan điều tra, *Báo Pháp luật và Xã hội*, [https://phapluatxahoi.kinhtedothi.vn/phat-hien-nhieu-sai-pham-bo-tu-phap-chuyen-ho-so-cong-ty-dau-gia-bac-trung-nam-sang-co-quan-dieu-tra-321930.html] (truy cập ngày 23/8/2023)
[479] Đoàn Văn Hường, tlđd (27), trang 101-102

nhiều hình thức xử phạt chưa nghiêm khắc, chưa có tính răn đe cao. Do đó, tác giả đề nghị tiếp tục sửa đổi Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 82/2020/NĐ-CP nhằm nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả quản lý công tác xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bán ĐGTS[480].

Rõ ràng, nếu DN ĐGTS thực hiện tốt nghĩa vụ này thì cá nhân, tổ chức có thể quyết định ngay từ đầu có nộp hồ sơ tham gia đấu giá không. Chính những sai phạm của DN ĐGTS đã dẫn đến hệ lụy tác động tiêu cực đến niềm tin, thái độ của người tham gia đấu giá. Bởi DN ĐGTS không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ này đã ảnh hưởng tiêu cực đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia đấu giá. Tuy nhiên, các vi phạm này xuất phát từ ý thức chấp hành pháp luật của DN chứ không phải nguyên nhân từ hạn chế của pháp luật.

Thứ hai, DN ĐGTS có nghĩa vụ yêu cầu người có tài sản đấu giá giao tài sản và các giấy tờ liên quan đến tài sản đấu giá cho người mua được tài sản đấu giá[481]. Ở Việt Nam, quan hệ giữa DN ĐGTS và người có tài sản đấu giá là quan hệ đại diện, do đó, ĐGV/DN ĐGTS nhân danh người có tài sản đấu giá để bán tài sản. Sau khi cuộc đấu giá thành, người trúng đấu giá đã ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá và thanh toán tiền mua tài sản thì DN ĐGTS, với tư cách là bên đại diện cho người có tài sản đấu giá, DN ĐGTS có nghĩa vụ yêu cầu người có tài sản đấu giá giao tài sản, các giấy tờ có liên quan đến tài sản đấu giá cho người mua được tài sản đấu giá. Trường hợp được người có tài sản đấu giá giao cho DN ĐGTS bảo quản hoặc quản lý thì DN giao tài sản và các giấy tờ liên quan đến tài sản đấu giá cho người mua được tài sản đấu giá. Trên thực tế nghĩa vụ này không đơn giản trong việc thực thi. Đơn cử và nổi bật nhất là việc bàn giao tài sản đấu giá thi hành án. Trường hợp chủ sở hữu tài sản chây ỳ, chậm trễ trong bàn giao tài sản sau khi người trúng đấu giá đã thanh toán đầy đủ tiền mua tài sản đấu giá, chính là nguyên nhân khiến khách hàng không "mặn mà" với tài sản thi hành án[482]. Thực trạng này đã được tác giả Lê Thị Hương Giang chỉ ra nguyên nhân là do công tác phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong công tác cưỡng chế bàn giao tài sản ở một số nơi còn chưa tốt. Trên thực tế việc dừng cưỡng chế phụ thuộc hoàn toàn vào cơ quan Công an nhưng Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BTP-BCA không có quy định về việc xác định rõ trách nhiệm cũng như nguyên nhân phải tạm dừng cưỡng chế là từ phía chuẩn bị

[480] Đoàn Văn Hường, tlđd (27), trang 122, 142
[481] Điểm d khoản 2 Điều 24 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[482] Thái An (2021). Kỳ 5: Do chủ tài sản chây ỳ, chậm trễ bàn giao tài sản cho người trúng đấu giá, *Pháp luật và Xã hội*, [https://phapluatxahoi.kinhtedothi.vn/ky-5-do-chu-tai-san-chay-y-cham-tre-ban-giao-tai-san-cho-nguoi-trung-dau-gia-249262.html] (truy cập ngày 23/8/2023)

của cơ quan Công an hay từ phía chuẩn bị thiếu sót của cơ quan Thi hành án, chấp hành viên[483]. Đồng thời tác giả này cũng đề xuất bổ sung trách nhiệm pháp lý đối với người phải thi hành án khi cố tình, gây cản trở không bàn giao tài sản cho người mua được tài sản đấu giá, bên cạnh đó quy định cụ thể cơ chế phối hợp bàn giao tài sản, quy định việc tạm dừng cưỡng chế phải lập biên bản ghi rõ lý do tạm dừng và xác định rõ trách nhiệm pháp lý của các cơ quan trong công tác phối hợp trong Thông tư liên tịch số 03/2013/TTLT-BTP-BCA[484].

Tình trạng người trúng đấu giá đã nộp đủ tiền mua tài sản, hoàn thành mọi nghĩa vụ trong hợp đồng ĐGTS, nhưng lại không được nhận tài sản[485] cũng được tác Đoàn Văn Hường đề cập đến trong nghiên cứu của mình. Tuy nhiên, tác giả không đề xuất giải pháp cụ thể để khắc phục tình trạng này trên thực tế như tác giả Lê Thị Hương Giang.

Thứ ba, DN ĐGTS có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại khi thực hiện đấu giá theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ này cũng tương tự như trách nhiệm bồi thường thiệt hại của DN ĐGTS đối với người có tài sản đấu giá đã phân tích ở mục 4.2.2.2. Tuy nhiên, đối với người tham gia đấu giá, sau đó là người trúng đấu giá thì vấn đề xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại của DN ĐGTS trong trường hợp kết quả ĐGTS bị hủy trên thực tế chưa bảo vệ được quyền lợi của người trúng đấu giá. Điều 73 LĐGTS cũng có quy định hậu quả pháp lý khi kết quả ĐGTS bị hủy là bên có lỗi gây thiệt hại thì phải bồi thường. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử khi kết quả ĐGTS bị hủy thì Tòa án chỉ quan tâm đến hậu quả pháp lý là các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau tài sản đã nhận, còn trách nhiệm bồi thường của bên có lỗi, đặc biệt là trách nhiệm bồi thường cho người mua được tài sản, Tòa án lại không giải quyết ngay trong vụ án đó mà tách thành một vụ tranh chấp khác. Khi đó, bên bị thiệt hại lại phải khởi kiện bằng vụ án khác, gây mất thời gian và tạo tâm lý tiêu cực cho người mua được tài sản. Điều này được chứng minh qua vụ việc thực tế được giải quyết theo Bản án số 105/2017/DS-PT[486] của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh (sau đây gọi là trường hợp 2, nội dung Bản án được trình bày tại Phụ lục 08). Khi tuyên án, tòa án cấp phúc thẩm chỉ tuyên hủy kết quả bán ĐGTS giữa Công ty KH và bà L, tuyên bố hợp đồng mua bán tài sản đấu giá giữa Công ty KH và bà L vô hiệu, Thi hành án huyện L4 phải trả lại cho bà L 213.900.000 đồng tiền mua tài sản

[483] Lê Thị Hương Giang, tlđd (25) , trang 138-139
[484] Lê Thị Hương Giang, tlđd (25), trang 169, 179
[485] Đoàn Văn Hường, tlđd (27), trang 111
[486] Vụ việc này xảy ra vào thời điểm Nghị định số 17/2010/NĐ-CP đang có hiệu lực thi hành. Khoản 2 Điều 48 Nghị định này cũng có quy định: Trong trường hợp kết quả bán ĐGTS bị hủy theo quy định tại Điều này thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau tài sản đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật, thì phải trả bằng tiền. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật

đấu giá, Công ty KH phải trả lại cho bà L 1.069.500 đồng tiền chi phí mua đấu giá, bà L phải giao trả cho thi hành án huyện L4 tài sản đã mua đấu giá, kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện L4 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà L đứng tên đối với phần đất trên. Tuy nhiên, về yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà L, tòa án cấp phúc thẩm nhận định cần phải tách ra giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác nếu bà L có yêu cầu. Rõ ràng, với việc tách yêu cầu bồi thường thiệt ra để giải quyết bằng một vụ, việc khác là chưa giải quyết toàn diện vụ việc, sẽ gây mất nhiều thời gian, công sức, chi phí cho bà L. Bởi vụ, việc tranh chấp yêu cầu bồi thường lại phải được giải quyết theo quy trình thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Hơn nữa, Nghị định số 17/2010/NĐ-CP cũng có quy định rõ, DN đấu giá chịu trách nhiệm về kết quả đấu giá, bồi thường thiệt hại do lỗi của ĐGV và các nhân viên khác của tổ chức mình gây ra trong khi thực hiện bán ĐGTS[487]. Luật Thi hành án dân sự quy định nhiệm vụ của chấp hành viên là xác minh tài sản, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu để xác minh tài sản của người phải thi hành án[488]. Trong vụ việc trên, bà L yêu cầu hủy kết quả ĐGTS và bồi thường thiệt hại, cả chấp hành viên và công ty KH đều có lỗi, đáng lẽ ra khi xét xử Tòa án phải xác định rõ thiệt hại của bà L và trách nhiệm của công ty KH và chấp hành viên trong việc bồi thường thiệt hại đó cho bà L thì mới giải quyết triệt để, toàn diện yêu cầu của bà L, thay vì yêu cầu bà L khởi kiện một vụ án khác. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm hoạt động ĐGTS chưa được có được niềm tin của người mua tài sản.

Có thể thấy, còn rất nhiều hạn chế từ các quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS, là rào cản rất lớn cho quá trình hoạt động của DN. Thực tế hiện nay, có những DN ĐGTS ở Việt Nam, hoạt động không hiệu quả, doanh thu rất hạn chế. Chẳng hạn như:

Năm 2020, DN đấu giá tư nhân Viễn Phương (Trà Vinh) chỉ thực hiện được 16 cuộc ĐGTS, thu về 272.025.033 đồng thù lao dịch vụ đấu giá[489], Công ty đấu giá hợp danh H.T.C Việt Nam (Đà Nẵng) chỉ thực hiện được 01 cuộc đấu giá và thu về chỉ 2.500.000 đồng thù lao dịch vụ đấu giá, Công ty đấu giá hợp danh Đại Việt Phát (Đà Nẵng) cũng chỉ thực hiện được 02 cuộc đấu giá và thu về 9.480.000 đồng thù lao dịch vụ ĐGTS[490], Công ty đấu giá hợp danh Delta (Cần Thơ) không tổ chức được cuộc đấu giá nào, Công ty đấu giá hợp danh Minh Thắng và Công ty đấu giá hợp danh Lê Hoàng (Cần

[487] Khoản 1 và khoản 7 Điều 18 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP
[488] Khoản 4 Điều 20 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014
[489] Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh (2021). *Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh ngày 17/02/2021*
[490] Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng (2020). *Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ngày 27/11/2020*

Thơ), mỗi công ty chỉ tổ chức được 01 cuộc đấu giá, thu về lần lượt 19.826.400 đồng và 800.000 đồng thù lao dịch vụ đấu giá[491].

Đến năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh covid-19, DN đấu giá tư nhân Viễn Phương (Trà Vinh) chỉ thực hiện được 2 cuộc ĐGTS, thu về chỉ 9.672.000 đồng thù lao dịch vụ ĐGTS[492], Công ty đấu giá hợp danh Đại Việt Phát, Công ty đấu giá hợp danh H.T.C Việt Nam và Công ty đấu giá hợp danh Kim Trọng Hùng (Đà Nẵng) không thực hiện được cuộc đấu giá nào[493], Công ty đấu giá hợp danh Song Pha, Công ty đấu giá hợp danh Lê Hoàng đều chỉ thực hiện được 1 cuộc đấu giá, thu về lần lượt 42.439.415 đồng và 88.000 đồng thù lao dịch vụ đấu giá[494].

Năm 2022, DN đấu giá tư nhân Viễn Phương (Trà Vinh) thực hiện 4 cuộc ĐGTS và thu về 38.768.885 đồng thù lao dịch vụ đấu giá[495], Công ty đấu giá hợp danh Delta và Công ty đấu giá hợp danh Lê Hoàng (Cần Thơ) không tổ chức được cuộc đấu giá nào[496].

Thêm vào đó là những thách thức từ chính các quy định pháp luật. Pháp luật Việt Nam dường như đang lợi dụng lý do cần phải hạn chế quyền tự do kinh doanh của DN ĐGTS để đảm bảo hoạt động của DN không xâm phạm đến quyền, lợi ích của các bên có liên, đặc biệt công tác quản lý kinh tế của Nhà nước. Pháp luật, vì thế, chưa mở đường, chưa tạo động lực cho DN ĐGTS thực hiện hoạt động kinh doanh tìm kiếm lợi nhuận trên thị trường.

4.3 TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Theo quy định tại Điều 69 LĐGTS năm 2016, DN ĐGTS có hành vi vi phạm điều cấm của LĐGTS hoặc vi phạm nghĩa vụ của DN ĐGTS được LĐGTS quy định thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường. Theo đó, có ba hình thức chế tài đối với DN ĐGTS: 1) xử phạt vi phạm hành chính; 2) trách nhiệm hình sự; 3) bồi thường thiệt hại. Ngoài ra, theo quy định tại Điều 32 LĐGTS năm 2016, DN ĐGTS còn bị áp

[491] Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ (2020). *Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản trên địa bàn thành phố Cần Thơ ngày 26/11/2020*
[492] Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh (2021). *Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh ngày 25/11/2021*
[493] Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng (2021). *Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ngày 28/11/2021*
[494] Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ (2021). *Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản trên địa bàn thành phố Cần Thơ ngày 01/12/2021*
[495] Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh (2022). *Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh ngày 25/11/2022*
[496] Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ (2022). *Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản trên địa bàn thành phố Cần Thơ ngày 24/11/2022*

dụng chế tài thu hồi Giấy đăng ký hoạt động. Vấn đề bồi thường thiệt hại đã được NCS phân tích ở mục 4.2, do đó, nội dung này sẽ không đề cập đến chế tài bồi thường thiệt hại.

4.3.1 Xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản

Có hai nhóm hành vi vi phạm của DN ĐGTS dẫn đến DN bị xử phạt vi phạm hành chính. Một là, DN thực hiện một trong các hành vi mà luật cấm. Hai là, DN không thực hiện nghĩa vụ mà luật quy định. Trong đó, vấn đề xử phạt vi phạm hành chính đối với DN ĐGTS khi thực hiện một trong các hành vi mà luật cấm cần được nghiên cứu, quy định chặt chẽ.

Bên cạnh những hành vi cấm đối với DN ĐGTS có phạm vi "đóng" được liệt kê từ điểm a đến điểm đ khoản 2 Điều 9 LĐGTS, luật còn có quy định "mở" dẫn chiếu đến các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của luật có liên quan[497]. Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự năm 2015) còn quy định thêm hai hành vi khác: lập danh sách khống về người đăng ký mua tài sản bán đấu giá, lập hồ sơ khống, hồ sơ giả tham gia hoạt động bán đấu giá tài sản.

Hình thức xử phạt vi phạm hành chính đối với DN ĐGTS khi thực hiện một trong các hành vi mà LĐGTS cấm (tức là một trong các hành vi được quy định từ điểm a đến đ khoản 2 Điều 9 LĐGTS năm 2016) bao gồm: hành vi nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích khác ngoài khoản thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá theo quy định hoặc chi phí dịch vụ khác đã thỏa thuận[498], hành vi thông đồng, móc nối với người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, tổ chức thẩm định giá, tổ chức giám định tài sản đấu giá, cá nhân, tổ chức khác để làm sai lệch thông tin tài sản đấu giá, dìm giá, làm sai lệch hồ sơ đấu giá hoặc kết quả đấu giá tài sản[499], hành vi để lộ thông tin về người đăng ký tham gia đấu giá nhằm mục đích trục lợi[500], hành vi cản trở, gây khó khăn cho người tham gia đấu giá trong việc đăng ký tham gia đấu giá, tham gia cuộc đấu giá[501] và hành vi cho cá nhân, tổ chức khác tiến hành hoạt động đấu giá dưới danh nghĩa của tổ chức mình[502].

---

[497] Điểm e khoản 2 Điều 9 Luật Đấu giá tài sản năm 2016

[498] Điểm đ khoản 2 Điều 9 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và điểm k khoản 3, điểm b khoản 6, điểm d khoản 7 Điều 24 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP

[499] Điểm b khoản 2 Điều 9 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và điểm d khoản 4, điểm b khoản 6, điểm a, điểm b, điểm d khoản 7 Điều 24 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP

[500] Điểm d khoản 2 Điều 9 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và điểm c khoản 5, điểm b khoản 6, điểm d khoản 7 Điều 24 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP

[501] Điểm c khoản 2 Điều 9 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và điểm d khoản 5, điểm b khoản 6, điểm a, điểm b, điểm d khoản 7 Điều 24 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP

[502] Điểm a khoản 2 Điều 9 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và điểm g khoản 5, điểm b khoản 6, điểm b, điểm d khoản 7 Điều 24 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP

Như vậy, Nghị định số 82/2020/NĐ-CP chỉ quy định hình thức xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi cấm cụ thể mà LĐGTS quy định. Còn đối với hành vi lập danh sách khống về người đăng ký mua tài sản bán đấu giá, lập hồ sơ khống, hồ sơ giả tham gia hoạt động bán đấu giá tài sản mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, Nghị định số 82/2020/NĐ-CP không quy định hình thức xử phạt vi phạm hành chính đối với DN ĐGTS mà chỉ quy định hình thức xử phạt duy nhất đối với ĐGV[503]. Vậy nếu việc lập các danh sách khống này không phải do ĐGV mà là do nhân viên khác trong DN thực hiện và chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự (thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho người khác từ 50.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng[504]) thì không có căn cứ pháp lý để xử phạt vi phạm hành chính. Đây là một hạn chế không nhỏ của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP khi chưa dự liệu được hết các chủ thể thực hiện hành vi.

4.3.2 Trách nhiệm hình sự đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản

Theo quy định tại Điều 69 LĐGTS năm 2016, bên cạnh bị xử phạt vi phạm hành chính, DN ĐGTS còn có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Bộ luật Hình sự năm 2015 chỉ dành một Điều duy nhất (Điều 218) quy định về tội vi phạm quy định về hoạt động bán ĐGTS. Mặt khách quan của tội này là thực hiện một trong các hành vi sau: lập danh sách không về người đăng ký mua tài sản bán đấu giá, lập hồ sơ khống, hồ sơ giả tham gia hoạt động bán ĐGTS, thông đồng dìm giá hoặc nâng giá trong hoạt động bán ĐGTS. Các hành vi đó chỉ cấu thành tội này khi thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho người khác từ 50.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng. Điều đó có nghĩa, nếu chủ thể chỉ thực hiện một trong các hành vi trên mà không thu lợi bất chính hoặc thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng, không gây thiệt hại cho người khác hoặc gây thiệt hại cho người khác dưới 50.000.000 đồng thì chưa đủ yếu tố cấu thành tội này. Khi đó, như đã phân tích ở mục 4.3.1, chủ thể chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính.

Hình phạt đối với người phạm tội vi phạm quy định về hoạt động bán ĐGTS bao gồm: hình phạt chính có phạt tiền (khung hình phạt cao nhất là 1.000.000.000 đồng), hoặc cải tạo không giam giữ (khung hình phạt cao nhất đến 02 năm), hoặc phạt tù (khung hình phạt cao nhất đến 05 năm); hình phạt bổ sung có phạt tiền (khung hình phạt cao nhất là 50.000.000 đồng), cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

[503] Điểm a khoản 7, điểm a, điểm b khoản 9 Điều 22 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP
[504] Khoản 1 Điều 218 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Đồng thời theo quy định tại Điều 76 Bộ luật Hình sự năm 2015 về phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại thì pháp nhân thương mại không phải là chủ thể chịu trách nhiệm hình sự đối với tội vi phạm quy định về hoạt động bán ĐGTS. Tức chủ thể của tội này chỉ có cá nhân. DN ĐGTS được tổ chức theo hai loại hình DN DNTN hoặc CTHD. Trong đó, DN đấu giá tư nhân không có tư cách pháp nhân nhưng CTHD có tư cách pháp nhân. DNTN là hình thức kinh doanh của cá nhân chủ DN, mọi cá nhân trong DN đấu giá tư nhân đều có thể là chủ thể của tội này. Nhưng đối với công ty đấu giá hợp danh, chỉ có cá nhân trong công ty (thành viên, nhân viên công ty) mới có thể là chủ thể của tội này. Bên cạnh đó, đối với các chủ thể bên ngoài DN ĐGTS, cũng chỉ có cá nhân mới là chủ thể của tội này. Tuy nhiên, "thực tế cho thấy có rất nhiều pháp nhân thương mại tham gia vào hoạt động ĐGTS và có các hành vi thông đồng, dìm giá, tạo hồ sơ giả trong hoạt động ĐGTS nhưng không bị xử lý hình sự vì không phải là chủ thể của tội này"[505].

Trách nhiệm hình sự đối với các DN ĐGTS cũng không phải là điều mới lạ theo quy định pháp luật các nước. Trách nhiệm hình sự là một trong các chế tài đối với các công ty bán đấu giá đồ nội thất tự nguyện ở Pháp[506], Florida[507], Texas[508], Washington[509] (Hoa Kỳ), Đức[510].

Ngoài ra, trong tội vi phạm quy định về hoạt động bán ĐGTS, Bộ luật Hình sự chỉ mới ghi nhận hành vi thông đồng dìm giá hoặc nâng giá trong hoạt động bán ĐGTS. Các hành vi thông đồng, móc nối với người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, tổ chức thẩm định giá, tổ chức giám định tài sản đấu giá, cá nhân, tổ chức khác để làm sai lệch thông tin tài sản đấu giá, làm sai lệch hồ sơ đấu giá hoặc kết quả đấu giá tài sản cũng có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội không kém so với hành vi thông đồng dìm giá hoặc nâng giá. Tuy nhiên, đối với các hành vi này, hiện nay DN ĐGTS chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính.

4.3.3 Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản

Bên cạnh các trường hợp bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động lên quan đến điều kiện thành lập, DN ĐGTS còn bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động trong các trường hợp sau: 1) ngừng hoạt động 01 năm mà không thông báo với Sở Tư pháp nơi DN đăng ký hoạt động; 2) đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi không gửi báo cáo cho Sở Tư

[505] Nguyễn Thị Thúy Hằng, tlđd (58)
[506] Điều L321-15, Điều L321-23-2 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp
[507] Điều 468.389, Điều 468.391 Quy định về nghề nghiệp và việc làm bang Florida (Hoa Kỳ)
[508] Mục 1802.301, Mục 1802.302, Mục 1802.303 Bộ luật Việc làm Texas (Hoa Kỳ)
[509] Điều 18.11.205 RCW Đạo luật đăng ký đấu giá viên Washington (Hoa Kỳ)
[510] Điều 10 Pháp lệnh đấu giá thương mại Đức

pháp về tổ chức, hoạt động của DN hoặc chi nhánh DN (nếu có) hàng năm hoặc trong trường hợp đột xuất theo yêu cầu mà tái phạm; 3) trường hợp khác theo quyết định của Tòa án[511]. Trong những trường hợp này có hai trường hợp cần được quy định cụ thể hơn:

Thứ nhất, DN ĐGTS đã được cấp Giấy đăng ký hoạt động và ngừng hoạt động 01 mà không thông báo với Sở Tư pháp nơi DN đăng ký hoạt động thì DN bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động. Điều đó có nghĩa, nếu DN ngừng hoạt động và có thông báo với Sở Tư pháp thì DN không bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động không cần biết DN ngừng hoạt động bao lâu. Tuy nhiên, trong các nghĩa vụ của DN ĐGTS được quy định trong LĐGTS, DN hoàn toàn không có nghĩa vụ thông báo cho Sở Tư pháp nơi DN đăng ký hoạt động về việc tạm ngừng hoạt động. Do đó, DN không bắt buộc phải thực hiện việc thông báo này. Và như vậy, việc đưa trường hợp này vào các trường hợp DN ĐGTS bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động là chưa đủ sức thuyết phục. So với tổ chức hành nghề luật sư, Luật Luật sư có quy định rõ tổ chức hành nghề luật sư có quyền tạm ngừng tạm hoạt động nhưng phải báo cáo bằng văn bản về việc tạm ngừng hoạt động với Sở Tư pháp, cơ quan thuế, cơ quan thống kê, Đoàn luật sư ở địa phương nơi đăng ký hoạt động và nơi có trụ sở của chi nhánh, chậm nhất là mười ngày làm việc trước ngày tạm ngừng hoạt động. Thời gian tạm ngừng hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư là không quá hai năm. Bên cạnh đó, Luật Luật sư còn quy định những nội dung chính phải được thể hiện trong báo cáo về việc tạm ngừng hoạt động[512]. Như vậy, đối với tổ chức hành nghề luật sư, tạm ngừng hoạt động là quyền nhưng báo cáo đến Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan là nghĩa vụ. Do đó, nếu tổ chức hành nghề luật sư vi phạm nghĩa vụ báo cáo này thì bị xử phạt vi phạm hành chính[513]. Đồng thời nếu không hoạt động trở lại hoặc không có báo cáo về việc tiếp tục ngừng hoạt động quá sáu tháng kể từ ngày hết hạn tạm ngừng hoạt động thì tổ chức hành nghề luật sư bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động[514].

Mặt khác, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 32 LĐGTS, DN ngừng hoạt động 01 năm mà không thông báo cho Sở Tư pháp thì bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động. Điều đó có nghĩa, sau khi được cấp Giấy đăng ký hoạt động, DN đã từng hoạt động và sau đó mới ngừng hoạt động. Còn nếu DN đã được cấp Giấy đăng ký hoạt động mà chưa bắt đầu hoạt động thì không thể gọi là ngừng hoạt động vì DN chưa từng hoạt động. Và nếu DN đã được cấp Giấy đăng ký hoạt động nhưng không hoạt động thì lại không thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động. Điều này thật vô lý. So với Văn phòng

[511] Điểm c, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 32 Luật Đấu giá tài sản năm 2016
[512] Điều 46 Luật Luật sư năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2012
[513] Điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP
[514] Điểm đ khoản 1 Điều 17 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP, sủa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 137/2018/NĐ-CP

công chứng, Luật Công chứng lại có dự liệu và tách biệt hai trường hợp Văn phòng công chứng đã được cấp Giấy đăng ký hoạt động nhưng không hoạt động và trường hợp Văn phòng công chứng đã hoạt động nhưng sau đó không hoạt động (ngừng hoạt động), thì đều bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động. Cụ thể, hết thời hạn sáu tháng kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động mà Văn phòng công chứng chưa bắt đầu hoạt động hoặc không hoạt động liên tục từ ba tháng trở lên, thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thu hồi Quyết định cho phép thành lập, căn cứ vào đó, Sở Tư pháp thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng[515]. Luật Công chứng không yêu cầu Văn phòng công chứng phải thực hiện báo cáo/thông báo khi tạm ngừng hoạt động. Vì vậy, Luật Công chứng cũng không quy định việc thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng khi tạm ngừng hoạt động mà không thông báo/báo cáo.

Đối với tổ chức hành nghề luật sư, trước đây Nghị định số 123/2013/NĐ-CP cũng có quy định trường hợp tổ chức hành nghề luật sư không hoạt động tại trụ sở đã đăng ký trong thời hạn sáu tháng liên tục kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động[516]. Tuy nhiên, sau đó, quy định này được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 137/2018/NĐ-CP. Theo đó, tổ chức hành nghề luật sư bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động trong trường hợp không hoạt động liên tục tại trụ sở đã đăng ký trong thời hạn sáu tháng, trừ trường hợp tạm ngừng hoạt động theo quy định của pháp luật[517]. Sửa đổi này của Nghị định số 137/2018/ND-CP có thể hiểu tổ chức hành nghề luật sư sẽ bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động trong cả hai trường hợp: trường hợp không hoạt động sáu tháng liên tục kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động và trường hợp đã hoạt động sau đó không hoạt động sáu tháng liên tục. Tuy nhiên, nếu rơi vào một trong hai trường hợp này, tổ chức hành nghề luật sư chỉ bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động khi không báo cáo bằng văn bản đến Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan về việc tạm ngừng hoạt động.

Thứ hai, DN ĐGTS bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động trong trường hợp đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi không gửi báo cáo cho Sở Tư pháp về tổ chức, hoạt động của DN hoặc chi nhánh DN (nếu có) hàng năm hoặc trong trường hợp đột xuất theo yêu cầu mà tái phạm. Báo cáo này, như đã phân tích ở trên, là nghĩa vụ mà LĐGTS quy định cho DN ĐGTS. Do đó, việc xử phạt vi phạm hành chính hay thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của DN trong trường hợp này là có căn cứ thuyết phục. Tuy nhiên, LĐGTS chỉ dừng lại ở quy định là DN đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn

[515] Điểm b, điểm c khoản 1 Điều 30 và khoản 3 Điều 31 Luật Công chứng năm 2014
[516] Điểm d khoản 1 Điều 17 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP
[517] Điểm d khoản 1 Điều 17 Nghị định số 123/2013/NĐ, sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 137/2018/NĐ-CP

tái phạm nhưng việc tái phạm này là trong hay ngoài thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Cụ thể là trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt cảnh cáo hoặc một năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính khác hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà không tái phạm thì cá nhân, tổ chức đã bị xử phạt vi phạm hành chính được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính[518]. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính đối với DN ĐGTS khi không thực hiện chế độ báo cáo về tổ chức, hoạt động là phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng[519]. Vậy nếu DN ĐGTS đã từng bị xử phạt vi hành chính về hành vi không thực hiện chế độ báo cáo này và quá một năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt DN mới tái phạm, thì có rơi vào trường hợp bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động theo quy định này của LĐGTS không. Quy định này của LĐGTS là chưa rõ ràng và sẽ gây khó khăn cho công tác áp dụng pháp luật trên thực tế.

Bên cạnh đó, trong các hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính được quy định trong Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, hành vi tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy đăng ký hoạt động của DN, chi nhánh của DN ĐGTS, ngoài bị phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, DN còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu tang vật là giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp, chi nhánh bị tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung và biện pháp khắc phục hậu quả là kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp, chi nhánh bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung[520]. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 32 LĐGTS hoàn toàn không có căn cứ pháp lý để xử lý bằng hình thức thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của DN trong trường hợp này. Trong khi đó, bên cạnh các trường hợp cụ thể mà DN bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký DN, LDN lại dự liệu được trường hợp khác theo quyết định của Tòa án, đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật. Vấn đề này đã được NCS đề cập và đã có đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 32 LĐGTS năm 2016 ở mục 3.5.9.

Có thể thấy, các quy định về chế tài thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của DN ĐGTS vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề cần được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho thống nhất với các văn bản pháp luật khác. Đồng thời đảm bảo khả năng dự liệu đầy đủ các hoàn

[518] Khoản 1 Điều 7 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012
[519] Điểm đ khoản 2 Điều 24 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP
[520] Điểm o khoản 2, điểm c khoản 6 và điểm c khoản 7 Điều 24 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP

cảnh, điều kiện có thể xảy trong thực tế của pháp luật. Có như vậy, khi có tình huống xảy ra trong thực tế, cơ quan có thẩm quyền không bị lúng túng trong áp dụng pháp luật.

4.4 GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

4.4.1 Về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản trong thiết lập cơ cấu tổ chức doanh nghiệp

Liên quan đến quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS trong thiết lập cơ cấu tổ chức DN, NCS có các đề xuất sau:

Thứ nhất, LĐGTS cần bổ sung quy định về thư ký nghiệp vụ đấu giá như kinh nghiệm từ quy định của dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi, bổ sung). Mặc dù đây là quy định mới trong dự thảo Luật Công chứng nhưng đó là kết quả từ quá trình đút rút kinh nghiệm thực tiễn trong hoạt động công chứng. Không phát triển như hoạt động công chứng, thế nhưng trong ĐGTS hàng loạt các thủ tục cần được chuẩn bị, thực hiện từ trước, trong và sau khi cuộc đấu giá kết thúc. Thực tế thì các DN đấu giá, đặc biệt là DN đấu giá tư nhân đều phải tuyển dụng nhân viên để giúp việc cho ĐGV, ít nhất là ghi biên bản đấu giá trong cuộc đấu giá. Ghi nhận bộ phận thư ký nghiệp vụ đấu giá vừa cụ thể hóa các tiêu chuẩn đối với bộ phận này vừa đảm bảo một cơ cấu tổ chức phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn đối với DN ĐGTS và cả hoạt động ĐGTS. Theo đó, bổ sung vào sau Điều 19 LĐGTS hiện hành quy định về nhiệm vụ và tiêu chuẩn đối với thư ký nghiệp vụ đấu giá như sau:

"Điều 19a. Thư ký nghiệp vụ đấu giá

Thư ký nghiệp vụ đấu giá có nhiệm vụ giúp đấu giá viên thực hiện nghiệp vụ về đấu giá theo quy định. Thư ký nghiệp vụ đấu giá có các tiêu chuẩn được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 Luật này".

Thứ hai, đối với DN đấu giá tư nhân, để có thể tách bạch giữa công tác quản trị DN và hoạt động ĐGTS của ĐGV, vừa đảm bảo hoạt động quản trị DN hiệu quả, vừa tạo điều kiện cho ĐGV là chủ DN đấu giá tư nhân tập trung vào chuyên môn, nghiệp vụ ĐGTS, sao cho các cuộc đấu giá phát huy hiệu quả tối ưu, LĐGTS không nên bắt buộc ĐGV là chủ DN đấu giá tư nhân phải kiêm cả chức vụ Giám đốc hoặc Tổng giám đốc DN. Điều đó có nghĩa, tùy vào quy mô, tình hình hoạt động cũng như kinh nghiệm, năng lực của ĐGV là chủ DN đấu giá tư nhân mà chủ DN có thể tự do lựa chọn cơ cấu tổ chức quản lý của DN là thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc đại diện cho mình trong quản trị

DN hay tự mình kiêm nhiệm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc mà không phải bỏ ra chi phí trả lương cho người được thuê. Ross (1973), Jensen và Meckling (1976) phân tích mối quan hệ mâu thuẫn phụ thuộc giữa chủ DN và các nhà quản lý thông qua học thuyết đại diện. Theo học thuyết này, giữa chủ sở hữu và các nhà quản lý đều chạy theo mục đích riêng của mình. Trong khi mục đích của chủ sở hữu là tối đa hóa lợi nhuận thì mục đích của các nhà quản lý là tối đa hóa tiện ích của mình. Do đó, khi xác lập các hợp đồng đại diện đòi hỏi phải phân tích sự cam kết thực hiện của các bên[521]. Trường hợp chủ DN thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ DN cần thận trọng trong việc xác lập hợp đồng thuê, xác định rõ quyền và nghĩa vụ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của DN, hạn chế việc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc can thiệp quá nhiều vào công tác tổ chức, điều hành ĐGTS.

Kinh nghiệm lập pháp của các nước đều cho thấy hầu như không có pháp luật của quốc gia nào yêu cầu người quản lý DN đấu giá phải là ĐGV mà chỉ cần DN có ĐGV để điều hành các cuộc đấu giá. Các công ty bán đấu giá đồ nội thất tự nguyện cần có Giám đốc, thành viên hoặc nhân viên là người có trình độ chuyên môn cần thiết để tiến hành bán hàng hoặc có chứng chỉ, bằng cấp hoặc được Hội đồng các nhà đấu giá công nhận là tương đương để bán đấu giá theo các điều kiện nhất định, là yêu cầu được quy định trong Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp[522]; DN bán đấu giá cần có ĐGV và nhân viên đủ tiêu chuẩn để tiến hành hoạt động kinh doanh đấu giá, là những đòi hỏi mà Luật về Bán đấu giá tài sản của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đặt ra đối với DN bán đấu giá[523]; tại Hoa Kỳ, công ty đấu giá phải có ĐGV nhưng không nhất thiết phải là người quản lý công ty, là yêu cầu được quy định trong luật của bang Washington [524], Florida[525], Texas[526], Alabama[527].

Adam Smith (1776) đã thể hiện quan điểm thông qua học thuyết học thuyết bàn tay vô hình: "chính quyền mỗi quốc gia không cần can thiệp sâu vào các hoạt động của cá nhân và doanh nghiệp, vốn có thể tự vận động trong thị trường"[528]. Theo F. A. Hayek: mục đích tối hậu của pháp luật là để tạo lập, bảo vệ và mở rộng tự do cá nhân của con người chứ không phải là để xóa bỏ hoặc hạn chế tự do cá nhân. [...] Con người sẽ không

[521] Phan Thanh Tú và các cộng sự (trích từ Jensen và Meckling, 1976)
[522] Điều L321-8 Bộ luật Thương mại Cộng hòa Pháp
[523] Điều 12 Luật về Bán đấu giá tài sản của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa
[524] Điều RCW 18.11.095-1b Đạo luật đăng ký đấu giá viên Washington (Hoa Kỳ)
[525] Điều 468.385 (7a) Quy định về nghề nghiệp và việc làm Florida (Hoa Kỳ)
[526] Mục 1802.051 (c) Bộ luật việc làm Texas (Hoa Kỳ)
[527] Mục 34-4-25 (a) Đạo luật giấy phép đấu giá viên Alabama (Hoa Kỳ)
[528] Phan Thanh Tú và các cộng sự (trích từ Adam Smith, 1776)

có tự do nếu thiếu sự hiện diện của pháp luật[529]. Alfred Dupont Chandler (1977) thông qua học thuyết bàn tay hữu hình cũng cho rằng: "Khi doanh nghiệp tăng trưởng về quy mô và tính đa dạng thì các nhà quản lý trở nên chuyên nghiệp hơn, việc quản lý doanh nghiệp tách ra khỏi quyền sở hữu của nó"[530]. Chính vì vậy, ở Việt Nam, có thể tiếp tục duy trì điều kiện người thành lập DN đấu giá là ĐGV, đồng thời là người chịu trách nhiệm vô hạn về mọi hoạt động của DN, nhưng việc ĐGV tự mình hoặc thuê người khác đảm nhận chức vụ Giám đốc DN đấu giá tư nhân nên được ghi nhận là quyền của DN.

Thứ ba, đối với công ty đấu giá hợp danh, những thay đổi cần phải thực hiện ngay bao gồm:

Một là, vấn đề cần thiết hiện nay là phải có những đổi mới mang tính đột phá trong các quy định pháp LDN về loại hình CTHD. Nghiên cứu, tiếp thu kinh nghiệm lập pháp của các nước trên thế giới, mở rộng các loại hình CTHD ở Việt Nam. Trước mắt là CTHD thông thường và CTHD hữu hạn. Rút ngắn khoảng cách khác biệt giữa quy định của pháp luật Việt Nam với pháp luật các nước trên thế giới về loại hình công ty này. Từ đó, DN ĐGTS, bên cạnh DNTN còn có thể lựa chọn thành lập, tổ chức và hoạt động theo các loại hình CTHD đa dạng. Trong tương lai, khi Việt Nam thực hiện "mở cửa" để nhà đầu tư nước ngoài được kinh doanh ĐGTS tại Việt Nam thì những đổi mới mang tính tiệm cận với pháp luật quốc tế về loại hình CTHD sẽ góp phần xóa bỏ "rào cản" trong thu hút đầu tư nước ngoài.

Hai là, về cơ cấu tổ chức quản lý đối với hai loại hình CTHD. Pháp luật Việt Nam nên bãi bỏ quy định về HĐTV. Tức là, trong CTHD thông thường và CTHD hữu hạn, thành viên hợp danh đều nắm quyền điều hành và quản lý công ty. Công ty không cần phải có HĐTV. Việc lấy ý kiến biểu quyết để thông qua các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh của công ty cũng được thực hiện theo nguyên tắc đa số thành viên hợp danh tán thành. Hình thức lấy ý kiến có thể thông qua cuộc họp các thành viên hoặc các hình thức khác được quy định trong Điều lệ công ty. Bãi bỏ HĐTV trong cơ cấu tổ chức của CTHD nói chung, công ty đấu giá hợp danh nói riêng sẽ làm cho cơ cấu tổ chức quản lý của công ty linh hoạt hơn. CTHD còn có sự tồn tại của chế độ trách nhiệm vô hạn của tất cả các thành viên hợp danh thì giao quyền điều hành và quản lý công ty cho thành viên hợp danh cũng là điều có thể chấp nhận được. Với trách nhiệm vô hạn, quyết định của thành viên hợp danh sẽ hướng đến lợi ích của công ty là chính yếu. Hơn nữa, cơ cấu tổ chức quản lý gọn nhẹ này cũng phù hợp với quy mô nhỏ và vừa của đại đa số CTHD

[529] John Locke (trích từ F. A. Hayek, 2011)
[530] Phan Thanh Tú và các cộng sự (trích từ Alfred Dupont Chandler, 1977)

nói chung, công ty đấu giá hợp danh nói riêng ở Việt Nam. Dù đó là công ty kinh doanh ngành, nghề có điều kiện nhưng nó vẫn là loại hình công ty "đối nhân" đặc trưng. Nhà nước đã can thiệp, điều tiết công ty đấu giá hợp danh thông qua các quy định về điều kiện thành lập thì vấn đề quản lý công ty, pháp luật nên dành cho nó quyền tự do định đoạt dựa trên sự thỏa thuận của các thành viên. Tuy nhiên, hoạt động ĐGTS ở Việt Nam hiện nay chưa thực sự phổ biến và tạo được niềm tin cho các bên liên quan. Do đó, quy định công ty đấu giá hợp danh phải có ít nhất một thành viên hợp danh là ĐGV cần tiếp tục được duy trì. Tức là phải có ít nhất một người trong những người quản lý công ty là ĐGV. Tối thiểu là, người quản lý đó của công ty có thể thực hiện các cuộc đấu giá, quản lý, chỉ đạo ĐGV trong công ty về nghiệp vụ đấu giá và tuân thủ pháp luật về đấu giá. Uy tín của công ty từ đó được khẳng định trên thị trường, tạo được niềm tin cho đối tác, khách hàng và cho cả xã hội.

Ba là, phát huy tính "đối nhân", đồng thời học hỏi kinh nghiệm của Pháp, Đức, Nhật Bản, các tiểu bang của Hoa Kỳ, LDN của Việt Nam nên mở rộng ghi nhận quyền thỏa thuận của thành viên hợp danh trong việc thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc quản lý và điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của CTHD, thay vì bắt buộc phải do thành viên hợp danh đảm nhận như quy định hiện hành. Đã từng có ý kiến cho rằng:

> Điều kiện đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp là rất mơ hồ và khá chung chung. Vai trò của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong doanh nghiệp rất quan trọng, có thể tác động đến đến tính hiệu quả của hoạt động kinh doanh, do đó tự bản thân doanh nghiệp sẽ lựa chọn các cá nhân có năng lực để bổ nhiệm. Nhà nước không cần/không nên can thiệp vào vấn đề này"[531].

Đối với công ty đấu giá hợp danh, hoạt động nghề nghiệp của ĐGV và hoạt động điều hành kinh doanh là hai phạm trù khác nhau, đòi hỏi kinh nghiệm, chuyên môn nghiệp vụ khác nhau. Chính vì vậy, giữ lại điều kiện "công ty đấu giá hợp danh có một thành viên là đấu giá viên" là cần thiết trong bối cảnh ĐGTS ở Việt Nam hiện nay, nhưng quy định "Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty đấu giá hợp danh là đấu giá viên" là không cần thiết, thậm chí còn có thể dẫn đến tình trạng thao túng quyền lực của ĐGV tại công ty đấu giá hợp danh, đặc biệt đối với những công ty chỉ có duy nhất một ĐGV. Khi LDN ghi nhận quyền thỏa thuận thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của thành viên hợp danh, công ty đấu giá hợp danh, các thành viên hợp danh cũng có thể thỏa thuận thuê

[531] Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và The World Bank, tlđd (40), trang 19

Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. ĐGV chỉ chuyên tâm trong hoạt động nghề nghiệp của mình - điều hành các cuộc đấu giá. Đương nhiên, nếu ĐGV có đủ năng lực để vừa thực hiện hoạt động nghề nghiệp vừa quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty thì vẫn có thể đảm nhận chức vụ này, bởi đây là quyền pháp lý của thành viên hợp danh. Hơn nữa, khi hoạt động ĐGTS ngày càng phát triển, phổ biến hơn ở Việt Nam, quy mô các công ty đấu giá hợp có thể mở rộng hơn thì hoạt động điều hành kinh doanh và hoạt động nghề nghiệp của ĐGV càng cần phải được tách biệt. Khi đó, quyền quyết định lựa chọn thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của thành viên hợp danh trong công ty càng cần được pháp luật ghi nhận.

Tóm lại, điểm a khoản 3 Điều 23 LĐGTS năm 2016 cần được sửa đổi như sau: *"a) Doanh nghiệp đấu giá tư nhân có chủ doanh nghiệp là đấu giá viên; Công ty đấu giá hợp danh có ít nhất một thành viên hợp danh là đấu giá viên".*

4.4.2 Về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản đối với đấu giá viên

Pháp luật về ĐGTS ở Việt Nam cần có những sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS đối với ĐGV như sau:

Thứ nhất, một vấn đề quan trọng trong giải quyết nhu cầu việc làm cho nguồn lao động là Nhà nước phải tạo mọi điều kiện thuận lợi cho DN thành lập, hoạt động và phát triển kinh doanh thông qua việc xây dựng hành lang pháp lý vững vàng. Do đó, vấn đề cấp thiết hiện nay là Nhà nước, thông qua các quy định của pháp luật, can thiệp điều tiết, định hướng cho hoạt động ĐGTS ở Việt Nam phát triển hơn nữa, theo kịp với sự phát triển của hoạt động này trên thế giới. Cần có sự thay đổi thái độ, quan điểm của Nhà nước, nhà làm luật, định hướng hoạt động này phát triển thành một ngành, nghề kinh doanh đúng nghĩa trên thị trường, thoát khỏi vỏ bọc "bổ trợ tư pháp" như hiện nay. DN ĐGTS, theo đó, quy mô được mở rộng, nhu cầu lao động, đặc biệt là lao động là ĐGV cũng được DN tăng cường như bao DN khác để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của DN.

Thứ hai, về vấn đề nhận tập sự và phân công ĐGV hướng dẫn tập sự, pháp luật cũng cần có những sửa đổi, bổ sung sao cho DN thấy được đây không những là quyền mà đồng thời còn là nghĩa vụ của DN trong quy trình đào tạo đội ngũ ĐGV đáp ứng nhu cầu ngành, nghề. Cụ thể là:

Một, tránh trường hợp DN đấu giá nói riêng, tổ chức ĐGTS nói chung tùy tiện từ chối nhận tập sự hành nghề đấu giá, LĐGTS cần bổ sung các quy định về điều kiện nhận

tập sự của tổ chức ĐGTS (sau Điều 13) như pháp luật về công chứng đã quy định đối với tổ chức hành nghề công chứng. Bên cạnh đó, việc bổ sung các điều kiện để ĐGV được hướng dẫn tập sự hành nghề đấu giá cũng là vấn đề cần quan tâm xem xét. Theo đó, có thể bổ sung điều kiện nhận tập sự của tổ chức ĐGTS (sau Điều 13 LĐGTS) như quy định của pháp luật về công chứng đối với tổ chức hành nghề công chứng:

"Điều 13a. Điều kiện nhận tập sự hành nghề đấu giá

1. Có đấu giá viên đáp ứng điều kiện hướng dẫn tập sự.

2. Có cơ sở vật chất đảm bảo cho việc tập sự".

Bên cạnh đó, bổ sung quy định điều kiện hướng dẫn tập sự đối với ĐGV như sau:

"Điều 13b. Điều kiện hướng dẫn tập sự hành nghề đấu giá

1. Có ít nhất 02 năm kinh nghiệm hành nghề đấu giá.

2. Đấu giá viên bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động hành nghề đấu giá thì sau 12 tháng kể từ ngày chấp hành xong quyết định kỷ luật, quyết định xử phạt vi phạm hành chính mới được hướng dẫn tập sự hành nghề đấu giá;

3. Tại cùng một thời điểm, một đấu giá viên không được hướng dẫn nhiều hơn hai người tập sự".

Hai, thay vì giao cho Sở Tư pháp quản lý việc tập sự hành nghề đấu giá, dẫn đến việc quản lý mang nặng thủ tục hành chính như hiện nay, khi Việt Nam đã thành lập cơ quan chuyên ngành quản lý ĐGTS, pháp luật nên giao việc quản lý việc tập sự hành nghề đấu giá về cho cơ quan đó như kinh nghiệm của pháp luật các nước.

Ba, LĐGTS cũng cần có quy định dự liệu trường hợp người có nhu cầu tập sự hành nghề đấu giá nhưng họ không liên hệ được với bất kỳ tổ chức ĐGTS nào để được nhận tập sự thì Sở Tư pháp (sau này là cơ quan chuyên ngành quản lý ĐGTS), với vai trò quản lý, có thể can thiệp, hỗ trợ người tập sự tìm được tổ chức ĐGTS nhận tập sự. Theo đó, có thể nối bước theo dự thảo Thông tư mới trong lĩnh vực công chứng, quy định cụ thể, nếu người tập sự đã liên hệ với 03 tổ chức ĐGTS đủ điều kiện nhận tập sự theo công bố của Sở Tư pháp (sau này là cơ quan chuyên ngành quản lý ĐGTS) mà không được nhận tập sự thì có thể gửi giấy đề nghị để Sở Tư pháp (sau này là cơ quan chuyên ngành quản lý ĐGTS) bố trí. Tổ chức ĐGTS đủ điều kiện nhận tập sự phải chấp hành theo sự bố trí của Sở Tư pháp (sau này là cơ quan chuyên ngành quản lý ĐGTS). Việc quy định điều kiện nhận tập sự hành nghề đấu giá theo đề xuất ở trên cũng là cơ sở để Sở Tư pháp (sau này là cơ quan chuyên ngành quản lý ĐGTS) lựa chọn và bố trí cho người tập sự.

Thứ ba, bên cạnh bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của ĐGV, LĐGTS cần bổ sung thêm quy định thiết lập *"Quỹ dự phòng đấu giá tài sản"*. Quỹ này được hình thành từ nguồn thu khi cấp Thẻ ĐGV theo đề nghị của tổ chức ĐGST (cả Trung tâm dịch vụ ĐGTS và DN ĐGTS). Quỹ này do tổ chức xã hội - nghề nghiệp của ĐGV giữ trong một tài khoản của tổ chức. Do đó, cần có một cơ chế phối hợp giữa Sở Tư pháp với tổ chức xã hội - nghề nghiệp của ĐGV về việc thu Quỹ dự phòng đấu giá tài sản trong thủ tục cấp Thẻ ĐGV. Sau này khi Việt Nam đã thành lập cơ quan chuyên môn để quản lý đội ngũ ĐGV thì việc thu và quản lý Quỹ dự phòng đấu giá tài sản sẽ do cơ quan chuyên môn đảm nhận. Khi đã có quy định về Quỹ dự phòng ĐGTS thì việc xây dựng và ban hành một quy chế thu, chi quỹ là vô cùng cần thiết, đảm bảo việc sử dụng quỹ hiệu quả. Vấn đề này cần được tiếp tục nghiên cứu bằng một công trình chính thức trong thời gian tới.

4.4.3 Về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản trong quan hệ với Nhà nước

Quy định pháp luật Việt Nam về các quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS trong quan hệ với Nhà nước cần được sửa đổi, bổ sung theo định hướng sau:

Thứ nhất, vấn đề cần thiết là phải hợp nhất Sổ theo dõi tài sản đấu giá và Sổ đăng ký đấu giá tài sản thành một loại sổ duy nhất với tên gọi là "Sổ theo dõi đấu giá tài sản". Theo đó, các nội dung cần thiết phải thể hiện trong sổ này bao gồm: 1) số thứ tự; 2) số hợp đồng dịch vụ ĐGTS; 3) ngày tháng năm; 4) tài sản đấu giá; 5) họ tên và địa chỉ của người có tài sản đấu giá; 6) giá khởi điểm của tài sản đấu giá; 7) thời gian, địa điểm đấu giá; 8) họ tên, địa chỉ, số chứng minh nhân dân/số hộ chiếu/số thẻ căn cước công dân, số điện thoại, số tiền đặt trước của người đăng ký tham gia đấu giá; 9) kết quả đấu giá. Trong kết quả đấu giá cần chia thành hai trường hợp: đấu giá thành và đấu giá không thành. Nếu đấu giá thành thì ghi các thông tin sau: giá trúng đấu giá, họ tên, địa chỉ người trúng đấu giá. Ngược lại ghi rõ lý do đấu giá không thành. Lý do đấu giá không thành là một trong các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 52 LĐGTS năm 2016. Sổ này ghi chép và lưu trữ hoạt động đấu giá đối với cả tài sản bắt buộc đấu giá và tài sản tự nguyện được đấu giá.

Thứ hai, để giảm bớt thủ tục hành chính cho DN ĐGTS nói riêng, tổ chức ĐGTS nói chung, đồng thời hiện thực hóa nghĩa vụ "đề nghị Sở Tư pháp thu hồi Thẻ đấu giá viên" của tổ chức ĐGTS, LĐGTS cần bổ sung thêm trường hợp ĐGV bị thu hồi Thẻ ĐGV như quy định của pháp luật về công chứng, đó là khi ĐGV không còn hành nghề tại tổ chức ĐGTS, bên cạnh trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá như quy

định hiện hành. Theo đó, khoản 3 Điều 14 LĐGTS năm 2016 nên được bổ sung như sau: *"3. Người có Chứng chỉ hành nghề đấu giá được Sở Tư pháp cấp Thẻ đấu giá viên theo đề nghị của tổ chức đấu giá tài sản nơi người đó hành nghề. Thẻ đấu giá viên bị thu hồi khi người đó bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá theo quy định tại Điều 16 của Luật này hoặc không còn hành nghề tại tổ chức đấu giá tài sản".*

Cũng cần lưu ý rằng, ĐGV không còn hành nghề tại tổ chức ĐGTS có nhiều trường hợp. Đối với DN ĐGTS, bao gồm: ĐGV không còn là chủ DN đấu giá tư nhân khi DN chấm dứt hoạt động, thành viên công ty đấu giá hợp danh khi DN đấu giá chấm dứt hoạt động (DN đấu giá chấm dứt hoạt động do giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập, phá sản, bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động), ĐGV chấm dứt tư cách thành viên hợp danh tại công ty đấu giá hợp danh, ĐGV chấm dứt hợp đồng lao động tại DN ĐGTS. Theo đó, Điều 5 Nghị định số 62/2017/NĐ-CP, bên cạnh thủ tục thu hồi thẻ ĐGV trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá như quy định hiện hành, cần bổ sung thêm thủ tục thu hồi thẻ ĐGV trong trường hợp ĐGV không còn hành nghề tại tổ chức ĐGTS. Khi ĐGV không còn hành nghề tại DN ĐGTS trong từng trường hợp trên, cần có quy định cụ thể để Sở Tư pháp thu hồi thẻ ĐGV. Đồng thời, mỗi thủ tục thu hồi thẻ ĐGV, Điều 5 Nghị định số 62/2017/NĐ-CP cũng cần quy định rõ thời điểm thẻ ĐGV không còn giá trị sử dụng. Cụ thể, đối với thủ tục thu hồi thẻ ĐGV do bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá, thẻ ĐGV không còn giá trị sử dụng kể từ thời điểm Bộ trưởng Bộ Tư pháp thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá; đối với thủ tục thu hồi thẻ ĐGV do DN đấu giá chấm dứt hoạt động, thẻ ĐGV không còn giá trị sử dụng kể từ thời điểm DN ĐGTS chấm dứt hoạt động; đối với thủ tục thu hồi thẻ ĐGV do ĐGV chấm dứt tư cách thành viên hợp danh tại công ty đấu giá hợp danh hoặc chấm dứt hợp đồng lao động tại DN ĐGTS, thẻ ĐGV không còn giá trị sử dụng kể từ thời điểm ĐGV chấm dứt tư cách thành viên hợp danh tại công ty đấu giá hợp danh hoặc chấm dứt hợp đồng lao động tại DN ĐGTS.

Mặt khác, khi Sở Tư pháp đã quản lý được ĐGV đang hành nghề tại các tổ chức ĐGTS thì nghĩa vụ báo cáo danh sách ĐGV đang hành nghề tại tổ chức ĐGTS cũng không cần thiết. Do đó, điểm k khoản 2 Điều 24 LĐGTS năm 2016 cần bãi bỏ nghĩa vụ đó của tổ chức ĐGTS nói chung, DN ĐGTS nói riêng. Hơn nữa, kinh nghiệm quản lý DN đấu giá, ĐGV của Pháp, Đức, Trung Quốc và các tiểu bang của Hoa Kỳ cho thấy, một cơ quan quản lý chuyên ngành với các chuyên gia trong ĐGTS là cấp thiết nhất hiện nay ở Việt Nam, nếu muốn thay đổi toàn diện thái độ, quan điểm đối với ĐGTS và DN ĐGTS. Khi có cơ quan chuyên ngành như kinh nghiệm các nước, DN ĐGTS thực hiện

nghĩa vụ báo cáo về tổ chức và hoạt động cũng như phối hợp với cơ quan này trong công tác quản lý đối với ĐGV thay vì là Sở Tư pháp như quy định hiện nay.

Thứ ba, để cắt giảm thủ tục hành chính không cần thiết cho DN ĐGTS nói riêng, tổ chức ĐGTS nói chung, phát huy chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025 mà Chính phủ đã đề ra trong Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020, LĐGTS nên bãi bỏ thủ tục báo cáo Sở Tư pháp danh sách người tập sự hành nghề đấu giá của tổ chức ĐGTS quy định tại điểm k khoản 2 Điều 24. Sở Tư pháp (sau này là cơ quan chuyên ngành quản lý ĐGTS) hoàn toàn có thể quản lý được người tập sự tại các tổ chức ĐGTS qua thông báo của các tổ chức này khi nhận tập sự mới, khi có người tập sự thay đổi nơi tập sự hoặc chấm dứt tập sự. Ngoài ra, một kênh thông tin khác để Sở Tư pháp (sau này là cơ quan chuyên ngành quản lý ĐGTS) quản lý vấn đề này đó là báo cáo về tổ chức và hoạt động hàng năm hoặc trong trường hợp đột xuất khi có yêu cầu của tổ chức ĐGTS.

4.4.4 Về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản trong quan hệ với người có tài sản đấu giá

Để hoạt động ĐGTS ngày càng trở thành phương thức mua bán tài sản phổ biến và là sự lựa chọn tin cậy của chủ sở hữu tài sản ở Việt Nam, pháp luật cần có những sửa đổi, bổ sung sau:

Thứ nhất, về quyền yêu cầu người có tài sản đấu giá cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, giấy tờ có liên quan đến tài sản đấu giá. Thiết nghĩ, đây là vấn đề cần thiết và rất quan trọng nhằm hướng đến tính tích cực, mục đích của đấu giá, nền tảng bước đầu bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, người mua được tài sản đấu giá. Tuy nhiên, lại thiếu cơ chế pháp luật ràng buộc trách nhiệm pháp lý đối với DN ĐGTS nói riêng, tổ chức ĐGTS nói chung liên quan đến hoạt động này thay vì dồn hoàn toàn trách nhiệm về cho người có tài sản đấu giá như quy định hiện nay. Do đó, cần bổ sung vào trước điểm a khoản 2 Điều 24 LĐGTS năm 2016 nghĩa vụ *"kiểm tra các thông tin, giấy tờ có liên quan đến tài sản đấu giá của tổ chức đấu giá tài sản"*. Bên cạnh nghĩa vụ này, tổ chức ĐGTS cần phải có trách nhiệm cung cấp các thông tin về tài sản cho người tham gia đấu giá biết, để quyết định có tham gia trả giá mua tài sản hay không. Tuy nhiên, với quy định hiện nay, tổ chức ĐGTS chỉ phải cung cấp các thông tin về giá trị, chất lượng của tài sản khi các thông tin đó được thể hiện trong hợp đồng dịch vụ ĐGTS. Chính vì vậy, để đảm bảo tổ chức ĐGTS luôn phải cung cấp chính xác các thông tin liên quan đến tài sản đấu giá cho người tham gia đấu giá, khoản 3 Điều

33 LĐGTS năm 2016 cần được sửa đổi như sau: *"3. Tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm kiểm tra thông tin về quyền được bán tài sản do người có tài sản đấu giá cung cấp. Tổ chức đấu giá tài sản không chịu trách nhiệm về giá trị, chất lượng của tài sản đấu giá, trừ trường hợp tổ chức đấu giá tài sản không thông báo đầy đủ, chính xác cho người tham gia đấu giá những thông tin cần thiết có liên quan đến giá trị, chất lượng của tài sản đấu giá theo cung cấp của người có tài sản đấu giá".* Khi đó, dù các thông tin liên quan đến giá trị, chất lượng của tài sản đấu giá không được thể hiện trong hợp đồng dịch vụ ĐGTS nhưng đã được người có tài sản đấu giá cung cấp mà DN ĐGTS không thông báo cho người tham gia đấu giá biết thì lỗi không thuộc về người có tài sản đấu giá mà là lỗi của DN ĐGTS. Vì vậy, trách nhiệm pháp lý thuộc về DN ĐGTS là đương nhiên. Tuy nhiên, trường hợp này, nếu có phát sinh tranh chấp về trách nhiệm pháp lý giữa DN ĐGTS và người có tài sản đấu giá thì phía người có tài sản đấu giá cũng phải chứng minh đã cung cấp các thông tin về giá trị, chất lượng của tài sản đấu giá cho DN ĐGTS.

Thứ hai, về quyền xác định giá khởi điểm đối với tài sản đấu giá của DN ĐGTS. Nếu pháp luật muốn tạo sự thông thoáng cho DN trong cơ cấu tổ chức, không bắt buộc DN phải tổ chức những bộ phận nghiệp vụ nhất định, thì Chương trình đào tạo nghề đấu giá cần được thiết kế dành một tỷ lệ nhất định đào tạo nghiệp vụ đấu giá (trong đó có nghiệp vụ xác định giá khởi điểm) đối với tài sản tự nguyện đấu giá, thay vì chỉ chú trọng đào tạo nghiệp vụ, kỹ năng đấu giá đối với các tài sản bắt buộc phải bán đấu giá như hiện nay. Có thể học hỏi kinh nghiệm đào tạo nghề đấu giá của các nước trên thế giới, trong đó, như đã đề cập ở Chương 3 Luận án, rất cần thiết phải cập nhật và đưa vào Chương trình đào tạo lý thuyết đấu giá của các tác giả nổi tiếng trên thế giới. Tiếp cận được các lý thuyết đấu giá này, ĐGV có thể vận dụng vào việc tổ chức đấu giá các tài sản đa dạng.

Thứ ba, không nhất thiết phải nhất thể hóa trình tự, thủ tục đấu giá đối với cả hai loại tài sản: tài sản pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá và tài sản chủ sở hữu tự nguyện lựa chọn bán đấu giá. Một trình tự, thủ tục đấu giá cố định chỉ nên quy định đối với tài sản bắt buộc phải bán thông qua đấu giá. Còn đối với tài sản được chủ sở hữu tự nguyện lựa chọn bán đấu giá nên để cho DN ĐGTS, ĐGV phát huy vai trò trung gian của mình, để thấy rằng mua bán tài sản thông qua đấu giá mang lại hiệu quả hơn hẳn. Bởi lẽ, vai trò của DN đấu giá là tập hợp những mua tiềm năng để cùng xác định giá trị thực của tài sản, bản chất của đấu giá là tài sản phải được bán với giá cao nhất thông qua trả giá cạnh tranh, tâm lý của chủ sở hữu là tài sản được bán vừa đúng với giá trị thực của nó

vừa phải nhanh chóng. Thực tế cho thấy, việc quy định cứng nhắc về trình tự, thủ tục đấu giá đối với tất cả các loại tài sản đã dẫn đến thời gian bán tài sản kéo dài, đôi khi phải giảm giá tài sản nhiều lần. Đối với tài sản mà pháp luật bắt buộc phải bán thông qua đấu giá, người có tài sản không phải là chủ sở hữu tài sản đó, do đó, pháp luật cần quy định cụ thể về trình tự, thủ tục đấu giá nhằm đảm bảo quyền lợi của chủ sở hữu tài sản. Nhưng đối với tài sản mà chủ sở hữu tự nguyện lựa chọn bán thông qua đấu giá, khi chủ sở hữu đã chủ động trao quyền bán tài sản cho DN đấu giá thì có nghĩa chủ sở hữu đã có niềm tin, thấy được tiềm năng tài sản sẽ bán được với giá cao hơn việc họ tự bán tài sản đó. Bởi DN đấu giá có uy tín, kinh nghiệm trong việc tổ chức bán đấu giá, thu hút người mua tiềm năng tham gia trả giá cạnh tranh để mua tài sản. Điều mà chủ sở hữu tài sản khó có thể làm được. Hơn nữa, khi chủ sở hữu tài sản là người trực tiếp thỏa thuận, ký kết hợp đồng dịch vụ ĐGTS với DN đấu giá, chủ sở hữu tài sản có thể thỏa thuận với DN ĐGTS từ giá khởi điểm, thù lao dịch vụ đấu giá (sau này là giá dịch vụ đấu giá), chi phí đấu giá, việc thông báo, quảng cáo,... thậm chí là cam kết của DN đấu giá về việc bán ĐGTS đó, nếu có, như kinh nghiệm của pháp luật các nước. Chính vì vậy, chủ sở hữu tài sản hoàn toàn có thể kiểm soát được giá của tài sản, ít nhất là thông qua thỏa thuận giá khởi điểm, để bảo vệ quyền lợi của mình. Mặt khác, chủ sở hữu tài sản thông qua hợp đồng dịch vụ ĐGTS có thể kiểm soát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của DN đấu giá nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Vấn đề quan trọng là, ĐGV nói riêng, DN đấu giá nói chung trong quá trình tổ chức ĐGTS cần học hỏi, tiếp thu kinh nghiệm của các nhà đấu giá nổi tiếng, vận dụng lý thuyết đấu giá thành công để bán được tài sản đúng với giá trị thực của nó, phát huy vai trò tích cực của ĐGTS, tạo niềm tin cho chủ sở hữu tài sản. Từ đó, hoạt động ĐGTS ở Việt Nam mới có cơ hội phát triển, phổ biến hơn, dần hòa nhập với hoạt động ĐGTS đã hình thành và phát triển sôi động trên thế giới bấy lâu nay. DN đấu giá, theo đó, ngày càng tạo được uy tín trên thị trường, thu hút không chỉ chủ sở hữu tài sản lựa chọn bán tài sản thông qua DN mình, mà còn thu hút đông đảo người mua tham gia đấu giá. DN ĐGTS dần thoát khỏi quan điểm với vai trò bổ trợ tư pháp là chủ yếu, hướng đến sự nhìn nhận mới, là DN thực hiện hoạt động kinh doanh thực thụ trên thị trường, chịu sự tác động của các quy luật kinh tế thị trường như bao DN khác. Để làm được điều này, có thể lựa chọn một trong hai phương hướng sau:

Hướng thứ nhất: Loại khỏi LĐGTS các quy định về trình tự, thủ tục đấu giá đối với tài sản bắt buộc phải bán thông qua đấu giá, chuyển về quy định trong văn bản pháp luật chuyên ngành đối với từng tài sản cụ thể. LĐGTS chỉ điều chỉnh đối với hoạt động

ĐGTS tự nguyện. Việc tiến hành đấu giá do DN đấu giá thông qua ĐGV thực hiện trên cơ sở các thỏa thuận với người có tài sản đấu giá trong hợp đồng dịch vụ ĐGTS. LĐGTS không quy định cứng nhắc về trình tự, thủ tục đấu giá đối với loại tài sản này.

Hướng thứ hai: LĐGTS điều chỉnh hoạt động đấu giá đối với cả tài sản bắt buộc và tài sản tự nguyện bán thông qua đấu giá. Trình tự, thủ tục đấu giá chỉ quy định đối với tài sản bắt buộc phải bán thông qua đấu giá. Tài sản tự nguyện được đấu giá theo trình tự, thủ tục mà DN đấu giá và ĐGV lựa chọn, sao cho đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người có tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ ĐGTS.

Thứ tư, dù lựa chọn hướng sửa đổi nào trong hai phương hướng trên, pháp luật cũng cần loại bỏ các quy định về hình thức, phương thức đấu giá. Khi ký kết hợp đồng dịch vụ ĐGTS, DN ĐGTS thông qua tư vấn của ĐGV được phân công tổ chức, điều hành ĐGTS đó, lựa chọn kiểu đấu giá phù hợp trên cơ sở vận dụng các lý thuyết đấu giá cũng như học hỏi kinh nghiệm của các nhà đấu giá nổi tiếng trên thế giới, sao cho tài sản được bán với giá cạnh tranh nhất, cao nhất và đúng với giá trị thực của nó nhất. Kinh nghiệm lập pháp điều chỉnh lâu đời cùng với sự phát triển vượt bật của hoạt động ĐGTS ở Pháp, Đức, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc là bài học quý báu cho Việt Nam trong quá trình thực hiện chủ trương của Đảng, xã hội hóa hoạt động ĐGTS, định hướng cho ĐGTS trở thành ngành, nghề kinh doanh đúng nghĩa trên thị trường, phát huy vai trò trung gian hữu hiệu của đấu giá, thúc đẩy hoạt động mua bán tài sản thông qua đấu giá phát triển mạnh mẽ trong tương lai, đóng góp vào sự phát triển kinh tế chung của đất nước.

Thứ năm, để đảm bảo việc áp dụng pháp luật nhất quán khi xác định trách nhiệm bồi thường hại trong ĐGTS, LĐGTS năm 2016 rất cần thiết phải bổ sung một Điều (Điều 20a) quy định về trách nhiệm bồi thường của tổ chức ĐGTS và trách nhiệm bồi hoàn của ĐGV, nhân viên gây thiệt hại, theo kinh nghiệm điều chỉnh của Luật Công chứng. Cụ thể:

"Điều 20a. Bồi thường, bồi hoàn trong hoạt động đấu giá tài sản

1. Tổ chức đấu giá tài sản phải bồi thường thiệt hại cho người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, người mua được tài sản đấu giá và cá nhân, tổ chức khác do lỗi mà đấu giá viên, nhân viên của tổ chức mình gây ra trong quá trình thực hiện đấu giá tài sản.

2. Đấu giá viên, nhân viên gây thiệt hại phải hoàn trả lại một khoản tiền cho tổ chức đấu giá tài sản đã chi trả khoản tiền bồi cho người bị thiệt hại theo quy định của

pháp luật; trường hợp không hoàn trả thì tổ chức đấu giá tài sản có quyền yêu cầu tòa án giải quyết".

Đồng thời, điểm đ khoản 2 Điều 24 LĐGTS năm 2016 được sửa đổi, bổ sung như sau: "*đ) Bồi thường thiệt hại khi thực hiện đấu giá theo quy định tại Điều 20a Luật này"*.

4.4.5 Về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản trong quan hệ với người tham gia đấu giá

Liên quan đến quyền và nghĩa vụ của DN ĐGTS trong quan hệ với người có tài sản đấu giá, NCS có các đề xuất sau:

Một là, pháp luật Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm của các nước trên thế giới, ghi nhận quyền nhận thù lao của DN ĐGTS đối với người tham gia đấu giá. "Về vấn đề này, pháp luật của một số nước như Đức, Anh, Trung Quốc,... đều quy định nếu các bên không có thỏa thuận thì mức thù lao mà mỗi bên tham gia hợp đồng mua bán tài sản đấu giá phải thanh toán cho DN đấu giá là khoản tiền không vượt quá 5% giá đấu giá thành theo nguyên tắc tỷ lệ thù lao tỷ lệ nghịch với giá đấu giá thành"[532]. Tức là cả người mua được tài sản đấu giá và người có tài sản đấu giá đều phải có nghĩa vụ thanh toán cho DN ĐGTS một khoản tiền, có thể theo thỏa thuận giữa các bên hoặc theo quy định của pháp luật. Pháp luật cần có dự liệu trong trường hợp các bên không có thỏa thuận. Theo đó, LĐGTS của Việt Nam có thể kế thừa nguyên tắc này nhằm đảm bảo quyền lợi cho DN ĐGTS, đồng thời tạo sự công bằng cho các bên trong quan hệ mua bán tài sản thông qua sử dụng dịch vụ trung gian. Bởi lẽ, khi cuộc đấu giá được tổ chức thành công, cả người mua và người có tài sản đấu giá đều được lợi, khi đó, không có lý do gì mà chỉ có người có tài sản đấu giá mới phải thanh toán phí cho DN ĐGTS còn người mua được tài sản đấu giá không phải thanh toán bất kỳ một khoản phí nào.

Hai là, đối với các trường hợp dẫn đến người tham gia đấu giá bị mất tiền đặt trước, người trúng đấu giá bị mất tiền đặt cọc, LĐGTS nên ghi nhận khoản tiền đó thuộc về DN ĐGTS thay vì thuộc về người có tài sản đấu giá theo quy định hiện nay. Kể từ khi DN ĐGTS và người có tài sản đấu giá giao kết hợp đồng dịch vụ ĐGTS, DN đấu giá có tư cách là bên đại diện cho người có tài sản để tổ chức việc bán tài sản đấu giá. Các quan hệ pháp luật phát sinh sau đó cho đến trước khi hợp đồng mua bán tài sản đấu giá được ký kết đều là quan hệ mà DN ĐGTS là một bên chủ thể. Như trên đã phân tích, quan hệ giữa DN ĐGTS và người tham gia đấu giá là quan hệ hợp đồng. Do đó, kể từ khi cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ tham gia đấu giá và nộp tiền đặt trước là đã chấp nhận giao kết

[532] Đào Ngọc Báu và Lê Quang Hòa, tlđd (49)

hợp đồng tham gia đấu giá với DN ĐGTS. Các hành vi của người tham gia đấu giá/người trúng đấu giá là vi phạm hợp đồng với DN ĐGTS chứ không phải với người có tài sản đấu giá. Vì thế, không có lý do gì mà khoản tiền đặt trước lại thuộc về người có tài sản đấu giá. Theo đó, khoản 8 Điều 39 LĐGTS năm 2016 cần được sửa đổi, bổ sung như sau: *"8. Tiền đặt trước quy định tại khoản 6 Điều này thuộc về tổ chức đấu giá tài sản"*.

Ba là, rất cần thiết phải có một án lệ hoặc văn bản hướng dẫn xét xử thống nhất của Tòa án nhân dân tối cao về vấn đề xem xét trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi kết quả đấu giá tài sản bị hủy. Khi xét xử các yêu cầu hủy kết quả ĐGTS, tòa án nhân dân các cấp cần giải quyết luôn hậu quả pháp lý ngay trong cùng một vụ, việc. Khi người bị thiệt hại đã chứng minh được thiệt hại, đồng thời cũng xác định được lỗi của các bên có liên quan dẫn đến kết quả ĐGTS bị hủy, nền tảng pháp lý về hậu quả pháp lý cũng như trách nhiệm bồi thường của các bên có liên quan khi kết quả ĐGTS bị hủy đã được quy định rõ ràng thì không có lý do gì để tách thành một vụ, việc khác (như trường hợp 2). Có như vậy, khi kết quả ĐGTS bị hủy, quyền, lợi ích hợp pháp của bên bị thiệt hại cũng như trách nhiệm của bên có lỗi mới được giải quyết nhanh chóng và thấu đáo.

4.4.6 Về trách nhiệm pháp lý đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản

Để khắc phục hạn chế trong các quy định pháp luật về trách nhiệm pháp lý đối với DN ĐGTS trong quá trình hoạt động của DN, pháp luật Việt Nam cần có các sửa đổi, bổ sung như sau:

Thứ nhất, Nghị định số 82/2020/NĐ-CP cần bổ sung hành vi lập danh sách khống về người đăng ký mua tài sản bán đấu giá, lập hồ sơ khống, hồ sơ giả tham gia hoạt động bán đấu giá tài sản mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự vào nhóm hành vi vi phạm quy định của người tham gia đấu giá, người có tài sản đấu giá và người khác có liên quan đến hoạt động đấu giá tài sản được quy định tại Điều 23. Đối với ĐGV, hình thức xử phạt đối với hành vi này tương đương với hành vi thông đồng dìm giá hoặc nâng giá trong hoạt động đấu giá mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, bao gồm: hình thức xử phạt chính tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề đấu giá từ 09 tháng đến 12 tháng, biện pháp khắc phục hậu quả hủy kết quả ĐGTS hoặc buộc DN ĐGTS thực hiện các thủ tục đề nghị hủy kết quả ĐGTS và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi[533]. Trách nhiệm hình sự đối với hành vi này được quy định trong Bộ luật Hình sự cũng tương đương với hành vi thông đồng dìm giá hoặc nâng giá trong hoạt động đấu giá. Do đó, khi bổ sung hành vi này vào Điều 23 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP,

[533] Điểm a, điểm b khoản 7, điểm a, điểm b, điểm d khoản 9 Điều 22 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP

hình thức xử phạt cũng cần quy định tương đương với hành vi thông đồng dìm giá hoặc nâng giá trong hoạt động đấu giá mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Tức là, nó nên được bổ sung vào khoản 2 và điểm a khoản 5 Điều 23 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP. Theo đó:

Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP nên được sửa đổi, bổ sung và tách thành 2 điểm như sau:

"2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Lập danh sách khống về người đăng ký tham gia đấu giá hoặc lập hồ sơ khống hoặc lập hồ sơ giả tham gia đấu giá mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Thông đồng dìm giá hoặc nâng giá trong hoạt động đấu giá tài sản mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự".

Điểm a khoản 5 Điều 23 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP nên được sửa đổi, bổ sung như sau:

"5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Hủy kết quả đấu giá tài sản nếu tài sản đấu giá là tài sản công đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này nếu người thực hiện hành vi vi phạm là người trúng đấu giá; điểm a khoản 2 Điều này trong trường hợp người tham gia đấu giá trong danh sách khống, hồ sơ khống, hồ sơ giả là người trúng đấu giá; điểm b khoản 2 Điều này dẫn đến làm sai lệch thông tin tài sản đấu giá hoặc hồ sơ tham gia đấu giá hoặc kết quả đấu giá tài sản; điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều này;"

Thứ hai, mở rộng phạm vi chịu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại đối với tội vi phạm quy định về hoạt động bán ĐGTS trong Bộ luật Hình sự là vấn đề cần thiết và phù hợp với thực tiễn ĐGTS ở Việt Nam hiện nay. Với thực trạng đáng báo động ngày càng nhiều các DN "chen chân" vào các cuộc đấu giá, đặc biệt là đấu giá quyền sử dụng đất, tham gia trả giá nhưng mục đích không phải là mua tài sản đấu giá mà mục đích là "thổi" giá đất ở khu vực có đất đấu giá lên cao nhằm trục lợi, dẫn đến hệ lụy gây lũng đoạn thị trường. Vụ việc của Tập đoàn Tân Hoàng Minh vừa qua là một điển hình. Tuy nhiên, hiện vẫn thiếu cơ sở pháp lý để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những pháp nhân này.

Bên cạnh đó, Bộ luật Hình sự cần bổ sung thêm các hành vi thông đồng, móc nối với người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, tổ chức thẩm định giá, tổ chức giám định tài sản đấu giá, cá nhân, tổ chức khác để làm sai lệch thông tin tài sản đấu giá, làm

sai lệch hồ sơ đấu giá hoặc kết quả đấu giá tài sản, vào tội vi phạm quy định về hoạt động bán ĐGTS. Chế tài hình sự mới tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của các hành vi này. Theo đó, bổ sung điểm d vào khoản 1 điều 218 Bộ luật Hình sự năm 2015 với nội dung như sau:

"1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho người khác từ 50.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:

...

d. Thông đồng, móc nối với người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, tổ chức thẩm định giá, tổ chức giám định tài sản đấu giá, cá nhân, tổ chức khác để làm sai lệch thông tin tài sản đấu giá, làm sai lệch hồ sơ đấu giá hoặc kết quả đấu giá tài sản".

Thứ ba, LĐGTS có thể kế thừa các quy định đã được chứng minh tính khả thi, tính phù hợp bằng hiệu quả điều chỉnh lâu dài trong Luật Luật sư về nghĩa vụ báo cáo của tổ chức hành nghề luật sư khi tạm ngừng hoạt động. Tuy nhiên, cũng cần phải xác định rõ, có hai trường hợp tạm ngừng hoạt động DN ĐGTS: 1) DN ĐGTS bị tạm ngừng hoạt động theo yêu cầu của Sở Tư pháp do DN không đảm bảo các điều kiện hoạt động quy định tại khoản 3 Điều 23 LĐGTS, thời gian tạm ngừng hoạt động trong trường hợp này là 30 ngày (trường hợp này đã phân tích ở mục 3.4.2 và mục 3.5.9); 2) DN ĐGTS được tạm ngừng hoạt động theo ý chí của DN. Đối với trường hợp DN ĐGTS bị tạm ngừng hoạt động theo yêu cầu của Sở Tư pháp, DN không phải thực hiện thông báo. Còn đối với trường hợp DN ĐGTS thực hiện quyền tạm ngừng hoạt động thì phải thông báo đến Sở Tư pháp nhằm phục vụ công tác quản lý DN. Theo đó, LĐGTS cần bổ sung thêm một Điều quy định về việc tạm ngừng hoạt động DN ĐGTS như sau:

"Tạm ngừng hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản

1. Doanh nghiệp đấu giá tài sản bị tạm ngừng hoạt động theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Luật này;

2. Doanh nghiệp đấu giá tài sản có quyền tạm ngừng hoạt động nhưng phải thông báo bằng văn bản về việc tạm ngừng và tiếp tục hoạt động với Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động và nơi có trụ sở của chi nhánh, văn phòng đại diện, chậm nhất là mười ngày làm việc trước ngày tạm ngừng hoặc tiếp tục hoạt động. Thời gian tạm ngừng hoạt động không quá một năm.

3. Doanh nghiệp đấu giá tài sản tạm ngừng và tiếp tục hoạt động theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan kế hoạch và đầu tư nơi doanh nghiệp đặt trụ sở, công bố thời điểm tạm ngừng hoặc tiếp tục hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp.

4. Thông báo về việc tạm ngừng hoạt động có những nội dung chính sau đây:

a) Tên doanh nghiệp đấu giá tài sản;

b) Số, ngày, tháng, năm cấp Giấy đăng ký hoạt động;

c) Địa chỉ trụ sở;

d) Thời gian tạm ngừng hoạt động;

đ) Lý do tạm ngừng hoạt động;

e) Báo cáo về việc thanh toán nợ, giải quyết các hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản đã ký với khách hàng và hợp đồng lao động đã ký với đấu giá viên, nhân viên của doanh nghiệp.

5. Trong thời gian tạm ngừng hoạt động, doanh nghiệp đấu giá tài sản phải nộp đủ số thuế còn nợ, tiếp tục thanh toán các khoản nợ khác, hoàn thành việc thực hiện hợp đồng đã ký với người lao động, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Đối với hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản đã ký với khách hàng nhưng chưa thực hiện xong thì phải thỏa thuận với khách hàng về việc thực hiện các hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản đó.

6. Trường hợp doanh nghiệp đấu giá tài sản tạm ngừng hoạt động thì chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp đó cũng phải tạm ngừng hoạt động."

Tạm thời hiện nay khi Việt Nam chưa thành lập cơ quan chuyên môn để quản lý các DN ĐGTS, nên việc thông báo về việc tạm ngừng hoặc tiếp tục hoạt động của DN ĐGTS sẽ thực hiện với Sở Tư pháp. Khi đã có cơ quan chuyên môn (cụ thể như đã đề xuất là Hiệp hội đấu giá viên) thì trách nhiệm thông báo này DN ĐGTS phải thực hiện với cơ quan chuyên môn đó.

Khi LĐGTS đã quy định nghĩa vụ thông báo về việc tạm ngừng hoặc tiếp tục hoạt động đối với DN ĐGTS, nếu DN ĐGTS vi phạm nghĩa vụ này có thể áp dụng chế tài để xử lý. Theo đó, Điều 24 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP cần bổ sung thêm các hành vi: 1) *"thông báo không đúng hạn về việc tạm ngừng hoặc tiếp tục hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản"* vào khoản 1, tương đương với các hành vi như gửi giấy đề nghị không đúng thời hạn khi thay đổi về tên gọi, địa chỉ trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc

người đại diện theo pháp luật của DN, công bố không đúng thời hạn về việc đăng ký hoạt động hoặc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của DN ĐGTS, thông báo không đúng thời hạn về việc đăng ký hoạt động của chi nhánh hoặc địa chỉ của văn phòng đại diện của DN ĐGTS[534]; 2) *"không thông báo về việc tạm ngừng hoặc tiếp tục hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản"* vào khoản 2, tương đương với các hành vi không thực hiện chế độ báo cáo về tổ chức, hoạt động, không công bố nội dung đăng ký hoạt động, nội dung thay đổi đăng ký hoạt động của DN ĐGTS, không thông báo về đăng ký hoạt động của chi nhánh hoặc địa chỉ của văn phòng đại diện của DN ĐGTS, không đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động về tên gọi, địa chỉ trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc người đại diện theo pháp luật của DN[535].

Song song đó, về phía LĐGTS, cần phải sửa đổi, bổ sung các quy định khoản 1 Điều 32 LĐGTS về các trường hợp DN ĐGTS bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động. Cụ thể là:

Một, sửa đổi quy định tại điểm c khoản 1 Điều 32, đảm bảo cơ sở pháp lý để thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của DN ĐGTS chặt chẽ và đủ sức thuyết phục. Theo đó, điểm c khoản 1 Điều 32 LĐGTS năm 2016 cần được sửa đổi, bổ sung như sau: "*c) Không hoạt động trở lại mà không có thông báo về việc tiếp tục tạm ngừng hoạt động, kể từ ngày hết thời hạn tạm ngừng hoạt động theo quy định của pháp luật và thông báo tạm ngừng hoạt động"*.

Hai, bổ sung vào khoản 1 Điều 32 LĐGTS năm 2016 trường hợp DN ĐGTS đã được cấp Giấy đăng ký hoạt động nhưng không bắt đầu hoạt động khi đã hết thời hạn sáu tháng, tương đương với thời hạn bắt đầu hoạt động của Văn phòng công chứng và tổ chức hành nghề luật sư. Theo đó, bổ sung vào khoản 1 Điều 32 LĐGTS năm 2016 điểm b1 như sau: "*b1) Hết thời hạn sáu tháng kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động mà doanh nghiệp đấu giá tài sản chưa bắt đầu hoạt động"*.

Thứ ba, cần quy định rõ căn cứ để xác định việc DN ĐGTS "tái phạm" khi đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi không gửi báo cáo về tổ chức và hoạt động. Thiết nghĩ, liên quan đến vấn đề xử phạt vi phạm hành chính thì cần áp dụng pháp luật chuyên ngành để xác định việc DN ĐGTS có "tái phạm" hay không. Luật Xử lý vi phạm hành chính đã có quy định về thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Theo đó, khi xác định việc DN ĐGTS có "tái phạm" hay không theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 LĐGTS cần áp dụng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Tức là, trong

[534] Điểm c, điểm k, điểm l khoản 1 Điều 24 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP
[535] Điểm đ, điểm k, điểm l, điểm n khoản 2 Điều 24 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP

thời hạn một năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng) do thực hiện hành vi không gửi báo cáo về tổ chức và hoạt động, nếu DN ĐGTS không tái phạm thì được coi là chưa từng bị xử phạt vi phạm hành chính. Trong thời hạn một năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà DN ĐGTS tiếp tục tái phạm hành vi không gửi báo cáo về tổ chức và hoạt động thì mới bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động. Như đã phân tích, DN ĐGTS phải thực hiện quá nhiều các thủ tục hành chính chỉ để phục vụ cho công tác quản lý của Nhà nước, đôi khi vì những lý do khách quan nào đó mà DN không thực hiện tốt nghĩa vụ báo cáo này và việc DN không thực hiện nghĩa vụ báo cáo này có lặp lại nhưng khoảng cách thời gian giữa các lần vi phạm cách xa nhau (cụ thể là quá một năm) thì pháp luật cũng cần tạo điều kiện để DN được tiếp tục hoạt động. Tuy nhiên, điểm d khoản 1 Điều 32 LĐGTS năm 2016 cần phải quy định dẫn chiếu cụ thể đến quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nhằm đảm bảo tính minh bạch trong áp dụng quy định này. Theo đó, điểm d khoản 1 Điều 32 LĐGTS năm 2016 cần được sửa đổi, bổ sung như sau: "*d) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi không gửi báo cáo được quy định tại điểm l khoản 2 Điều 24 của Luật này mà tái phạm theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính"*.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

1. Hoạt động của DN ĐGTS gắn liền với quyền và nghĩa vụ pháp lý của DN. Bên cạnh các quyền và nghĩa vụ như các DN khác, DN ĐGTS còn có các quyền và nghĩa vụ gắn liền với đặc trưng ngành, nghề kinh doanh của DN.

2. Kết quả nghiên cứu từ Chương này cho thấy một thực trạng là pháp luật Việt Nam chưa thực sự ghi nhận mạnh mẽ quyền tự do kinh doanh của DN ĐGTS, chưa đảm bảo DN có quyền tự do, tự chủ, linh hoạt, chủ động trong tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh, nhiều quy định khó thực thi trên thực tế, bên cạnh đó là một số quy định được áp dụng chưa thống nhất, một số nghĩa vụ tạo cho DN "gánh nặng" về thủ tục hành chính rườm rà, phức tạp, mà những thủ tục này cũng chỉ chủ yếu phục vụ cho công tác quản lý của Nhà nước.

Trách nhiệm pháp lý đối với DN ĐGTS liên quan đến quá trình hoạt động của DN còn sơ sài, thiếu khả thi, chưa dự liệu đầy đủ các hoàn cảnh, điều kiện có thể xảy ra trên thực tế, một số quy định chưa rõ ràng và thống nhất với các quy định của pháp luật về DN. Đặc biệt là vấn đề thiếu ghi nhận trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại nói chung, DN ĐGTS nói riêng trong hoạt động ĐGTS là một hạn chế lớn và chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của các vi phạm.

Từ những nhận định, đánh giá đó, NCS đã đề xuất các giải pháp hoàn thiện quy chế pháp lý về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý đối với DN ĐGTS. Những giải pháp này được đề xuất trên cơ sở chủ trương, đường lối của Đảng, kinh nghiệm lập pháp của các nước có hoạt động ĐGTS phát triển và các DN ĐGTS kinh doanh thành công ở cả thị trường trong nước và quốc tế, kết hợp với các học thuyết, lý thuyết pháp lý, kinh tế. Những giải pháp này sẽ là một trong các động lực để thay đổi mạnh mẽ quan điểm lập pháp của Việt Nam về DN ĐGTS nói riêng, ĐGTS nói chung.

PHẦN KẾT LUẬN

Với mục tiêu định hướng cho việc sửa đổi, bổ sung hệ thống quy phạm pháp luật về doanh nghiệp đấu giá tài sản, từ điều kiện thành lập đến quyền, nghĩa vụ và chế tài đối với doanh nghiệp, Luận án rút ra những kết luận sau:

1. Qua quá trình tìm kiếm, nghiên cứu, phân tích các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan trực tiếp và gián tiếp đến đề tài "Quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản", một lần nữa, nghiên cứu sinh có thể khẳng định đề tài của Luận án là hoàn toàn mới, không trùng lắp với bất kỳ công trình nghiên cứu nào đã được công bố. Để triển khai thực hiện Luận án, NCS đã xây dựng được một số định hướng làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu.

2. Luận án đã phân tích chuyên sâu một số vấn đề lý luận về doanh nghiệp đấu giá tài sản. Từ đó, thấy được vị trí, vai trò, đặc điểm của doanh nghiệp này trong nền kinh tế thị trường, thấy được những khác biệt lớn trong quan điểm, thái độ, sự nhìn nhận của nhà làm luật cũng như các bên liên quan đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản ở Việt Nam so với các nước trên thế giới. Bên cạnh đó, Luận án phân tích chuyên sâu các vấn đề lý luận về quy chế pháp lý về doanh nghiệp đấu giá tài sản, tập hợp và định vị hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh đối với doanh nghiệp này trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Đồng thời Luận án xây dựng các cơ sở khoa học làm nền tảng cho các đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống quy phạm pháp luật về doanh nghiệp đấu giá tài sản, từ điều kiện thành lập đến quyền, nghĩa vụ và chế tài đối với doanh nghiệp.

3. Để có tư cách pháp lý là một chủ thể kinh doanh nói chung, tổ chức được cung ứng dịch vụ đấu giá tài sản trên thị trường nói riêng, doanh nghiệp đấu giá tài sản phải đáp ứng đầy đủ những điều kiện nào. Vấn đề này đã được Luận án hệ thống hóa và phân tích chuyên sâu, trên cơ sở so sánh với pháp luật của một số nước có hoạt động đấu giá tài sản phát triển sôi nổi với hàng loạt doanh nghiệp đấu giá tài sản nổi tiếng trên thế thế giới. Từ đó, Luận án khẳng định pháp luật đặt ra điều kiện để DN được thành lập và kinh doanh dịch vụ đấu giá tài sản là cần thiết. Có những điều kiện được quy định phù hợp, mặc dù khác biệt với pháp luật các nước trên thế giới, nhưng phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội nói chung, thị trường đấu giá tài sản ở Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên, một số điều kiện mà pháp luật hiện hành quy định đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản đã can thiệp quá sâu vào hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, vấn đề mà vốn dĩ do thị trường quyết định: điều kiện về trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị của doanh nghiệp. Hơn nữa, những điều kiện đó chưa đáp ứng yêu cầu đảm bảo trật tự, an toàn xã hội và có

nhiều khác biệt với pháp luật các nước trên thế giới. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đấu giá tài sản gắn liền với hoạt động nghề nghiệp của đấu giá viên. Do đó, pháp luật yêu cầu người thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp đấu giá tài sản phải là đấu giá viên là có cơ sở, phù hợp với thực trạng doanh nghiệp đấu giá tài sản ở Việt Nam. Tuy nhiên, các tiêu chuẩn đấu giá viên mà pháp luật quy định hiện chưa đáp ứng yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp này, chưa phát huy được vai trò, tính linh hoạt của đấu giá viên. Bên cạnh đó, những hạn chế trong các quy định về tên doanh nghiệp đấu giá tài sản cũng như chỉ dẫn để giúp người thành lập doanh nghiệp đấu giá tài sản tra cứu tên doanh nghiệp để tránh đặt tên doanh nghiệp bị trùng hoặc gây nhầm lẫn với các doanh nghiệp đấu giá tài sản khác cũng được phân tích chỉ ra trong Luận án.

Bên cạnh đó, các quy phạm pháp luật về chế tài liên quan đến điều kiện thành lập doanh nghiệp đấu giá tài sản là cần thiết, thể hiện ý nghĩa thiết thực của các điều kiện thành lập DN mà pháp luật yêu cầu. Tuy nhiên, một số quy định về chế tài đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản chưa thống nhất với pháp luật về doanh nghiệp, chưa tạo được sự bình đẳng giữa chế tài đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản và chế tài đối với các doanh nghiệp khác.

4. Khi doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập hợp pháp, doanh nghiệp chính thức gia nhập thị trường kinh doanh. Trong quá trình kinh doanh, doanh nghiệp được pháp luật ghi nhận các quyền và nghĩa vụ chung như các doanh nghiệp khác, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với ngành, nghề kinh doanh đặc thù của doanh nghiệp. Với phạm vi nghiên cứu của đề tài, các quyền và nghĩa vụ đặc trưng của doanh nghiệp đấu giá tài sản cũng đã được phân tích chuyên sâu trong Luận án. Các phân tích được đặt trong mối tương quan so sánh với pháp luật các nước trên thế giới cũng như với các học thuyết, lý thuyết đã được lựa chọn. Từ đó, Luận án khẳng định các quy phạm pháp luật về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản làm hạn chế tính linh hoạt của đấu giá tài sản, cản trở rất nhiều quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp đấu giá tài sản, chưa tận dụng được vai trò của doanh nghiệp đấu giá nói chung, đấu giá viên nói riêng, và hơn hết là kết quả từ lý thuyết đấu giá đã được nghiên cứu bởi các học giả nổi tiếng trên thế giới. Chính những lý do này đã làm cho hoạt động đấu giá tài sản của doanh nghiệp đấu giá ở Việt Nam khác biệt, chưa hiệu quả và chưa tạo được sự tin cậy của các bên có liên quan, so với các doanh nghiệp đấu giá đang hoạt động trên thế giới. Hơn nữa, cơ chế điều chỉnh của pháp luật hiện nay cũng chưa tạo được nền tảng pháp lý vững chắc để xác định trách nhiệm của doanh nghiệp đấu giá tài sản khi kết quả đấu giá tài sản bị hủy từ thực tiễn xét

xử. Một số nghĩa vụ gây rườm rà, mang nặng thủ tục hành chính, cản trở quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, cần được định hướng sửa đổi, bổ sung trong thời gian tới.

Bên cạnh can thiệp điều chỉnh quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đấu giá tài sản, để ngăn chặn, phòng ngừa các tiêu cực từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, pháp luật còn quy định các biện pháp chế tài đối với doanh nghiệp. Tuy nhiên, các chế tài này chưa được quy định đầy đủ, toàn diện, chưa tạo được nền tảng pháp lý vững chắc, chưa đủ sức thuyết phục và tính răn đe.

5. Trên cơ sở các phân tích và chỉ ra các bất cập, hạn chế, chưa thống nhất, đồng của hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản, từ điều kiện thành lập đến quyền, nghĩa vụ và chế tài đối với doanh nghiệp, trong hệ thống pháp luật Việt Nam, đặt trong mối tương quan so sánh với pháp luật các nước trên thế giới, dựa trên cơ sở khoa học đã được xây dựng, nghiên cứu sinh đã đưa ra những đề xuất, giải pháp định hướng sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện các quy phạm pháp luật đó nói riêng, hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung, đồng thời định hướng cho quá trình hội nhập quốc tế của doanh nghiệp đấu giá tài sản. Vấn đề quan trọng và cấp thiết nhất hiện nay là cần học hỏi kinh nghiệm lập pháp của các nước có hoạt động đấu giá tài sản phát triển và hàng loạt doanh nghiệp đấu giá tài sản thành công, thành lập ngay một Hiệp hội đấu giá viên. Hiệp hội này sẽ bao gồm các chuyên gia đấu giá, có thể tính đến việc thuê chuyên gia nước ngoài để có thể tiếp cận với những quan điểm mới về đấu giá tài sản nói chung, doanh nghiệp đấu giá tài sản nói riêng. Hiệp hội đấu giá viên sẽ đảm nhận từ việc cấp phép, giám sát quá trình hoạt động của tổ chức đấu giá tài sản (bao gồm doanh nghiệp đấu giá tài sản và Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản), cho đến xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo nghề đấu giá, giám sát quá trình tập sự hành nghề đấu giá, tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá, cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá, Thẻ đấu giá viên, giám sát quá trình hành nghề đấu giá của đấu giá viên, xử phạt vi phạm hành chính đối với đấu giá viên, doanh nghiệp đấu giá tài sản hoặc chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành truy cứu trách nhiệm hình sự. Thay vì là Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp - các cơ quan hành chính nhà nước, như quy định hiện nay, công tác quản lý đối với hoạt động đấu giá tài sản mang nặng tính thủ tục hành chính mà lại thiếu tính chuyên nghiệp.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật

I. Văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam

1. Hiến pháp năm 2013.
2. Số 44-L/CTN của Quốc hội: Bộ luật Dân sự (hết hiệu lực).
3. Số 36/2005/QH11 của Quốc hội: Luật Thương mại.
4.Số 65/2006/QH11 của Quốc hội: Luật Luật sư (sửa đổi, bổ sung năm 2012).
5. Luật số 26/2008/QH12 của Quốc hội: Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).
6. Luật số 28/2009/QH12 của Quốc hội: Luật Lý lịch tư pháp.
7. Luật số 56/2010/QH12 của Quốc hội: Luật Thanh tra (hết hiệu lực).
8. Luật số 02/2011/QH13 của Quốc hội: Luật Khiếu nại.
9. Luật số 03/2011/QH13 của Quốc hội: Luật Tố cáo (hết hiệu lực).
10. Luật số 15/2012/QH13 của Quốc hội: Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020).
11. Luật số 45/2013/QH13 của Quốc hội: Luật Đất đai.
12. Luật số 51/2014/QH13 của Quốc hội: Luật Phá sản.
13. Luật số 88/2015/QH13 của Quốc hội: Luật Kế toán.
14. Luật số 100/2015/QH13 của Quốc hội: Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).
15. Luật số 15/2017/QH14 của Quốc hội: Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.
16. Luật số 60/2010/QH12 của Quốc hội: Luật Khoáng sản.
17. Luật số 68/2014/QH13 của Quốc hội: Luật Doanh nghiệp (hết hiệu lực).
18. Luật số 01/2016/QH14 của Quốc hội: Luật đấu giá tài sản.
19. Luật số 15/2017/QH14 của Quốc hội: Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.
20. Luật số 59/2020/QH14 của Quốc hội: Luật Doanh nghiệp.
21. Luật số 61/2020/QH13 của Quốc hội: Luật Đầu tư.
22. Luật số 68/2020/QH14 của Quốc hội: Luật Cư trú.
23. Nghị định số 86-CP của Chính phủ: về việc ban hành quy chế bán đấu giá tài sản (hết hiệu lực).
24. Nghị định số 05/2005/NĐ-CP của Chính phủ: về bán đấu giá tài sản (hết hiệu lực).
25. Nghị định số 17/2010/NĐ-CP của Chính phủ: về bán đấu giá tài sản tài sản (hết hiệu lực).

26. Nghị định số 110/2013/NĐ-CP của Chính phủ: quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã (hết hiệu lực).
27. Nghị định số 44/2014/NĐ-CP của Chính phủ: quy định về giá đất.
28. Nghị định số 54/2014/NĐ-CP của Chính phủ: về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành tư pháp.
29. Nghị định số 22/2015/NĐ-CP của Chính phủ: quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.
30. Nghị định số 99/2016/NĐ-CP của Chính phủ: về quản lý và sử dụng con dấu.
31. Nghị định số 62/2017/NĐ-CP của Chính phủ: quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản.
32. Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ: về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.
33. Nghị định số 82/2020/NĐ-CP của Chính phủ: quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hoạt động bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.
34. Nghị định số 01/2021/NĐ-CP của Chính phủ: về đăng ký doanh nghiệp.
35. Nghị định 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ: quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đầu tư.
36. Nghị định số 122/2021/NĐ-CP của Chính phủ: quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.
37. Chiếu chỉ Sắc lệnh ngày 02/9/1935 được bổ khuyết bởi các sắc lệnh ngày 06/12/1936, 12/5/1937, 07/4/1938 và ngày 04/5/1938: quy định thể lệ về hỗ giá viên (hết hiệu lực).
38. Chiếu chỉ Nghị định ngày 02/8/1933 được sửa đổi do Nghị định ngày 31/01/1934: ấn định tiền lệ phí về việc bán đấu giá ở phòng đấu giá (hết hiệu lực).
39. Sắc lệnh 85/SL ngày 22/5/1950 của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa: quy định về việc phát mại tài sản theo lệnh của Tòa án (hết hiệu lực).
40. Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.
41. Nghị định số 37-TP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp: quy định về tổ chức Bộ Tư pháp (hết hiệu lực).

42. Thông tư số 04-NCLP của Tòa án nhân dân tối cao: quy định về việc Tòa án kê biên, phát mại tài sản để thi hành án (hết hiệu lực).
43. Thông tư số 03/2005/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp: hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản (hết hiệu lực).
44. Thông số 23/2010/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ tư pháp: quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản (hết hiệu lực).
45. Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BTP-BCA của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Công an: quy định cụ thể việc phối hợp bảo vệ cưỡng chế trong thi hành án dân sự.
46. Thông tư số 45/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính: quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản.
47. Thông tư số 06/2017/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp: quy định về chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá, cơ sở đào tạo nghề đấu giá, việc tập sự và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá và biểu mẫu trong lĩnh vực đấu giá tài sản.
48. Thông tư số 108/2020/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính: sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản.
49. Thông tư số 01/2021/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp: quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.
50. Thông tư số 10/2021/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp: hướng dẫn tập sự hành nghề luật sư.
51. Thông tư số 02/2022/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp: hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

II. Văn bản quy phạm pháp luật nước ngoài

52. Code Civil 1804, dernière modification par LOI n° 2022-267 du 28 février 2022 [dịch: Bộ luật Dân sự Pháp năm 1804, sửa đổi mới nhất bởi Luật số 2022-267 ngày 28/02/2022].

53. Code de commerce 1807, dernière modification par LOI n° 2022-267 du 28 février 2022 [dịch: Bộ luật Thương mại Pháp năm 1807, sửa đổi mới nhất bởi Luật số 2022-267 ngày 28/02/2022].
54. Handelsgesetzbuch – HGB 1897, das zuletzt durch Artikel 13 Absatz 4 des Gesetzes vom 10. März 2023 [dịch: Bộ luật Thương mại Cộng hòa liên bang Đức năm 1897, sửa đổi mới nhất bởi Điều 13 đoạn 4 Luật ngày 10/3/2023].
55. Japan Commercial Code in 1899, amended in 2008, 2014, 2018 [dịch: Bộ luật thương mại Nhật Bản năm 1899, sửa đổi năm 2008, 2014, 2018].
56. Uniform Commercial Code in 1942 [Bộ luật Thương mại thống nhất Hoa Kỳ năm 1942]
57. Aktiengesetz – Aktg 1965, das zuletzt durch Artikel 7 des Gesetzes vom 22. Februar 2023 [dịch: Đạo luật Công ty cổ phần Cộng hòa liên bang Đức năm 1965, sửa đổi mới nhất bởi Điều 7 của Luật ngày 22/02/2023].
58. Alabama Auctioneers License Act in 1975, amended in 2019 [dịch: Đạo luật giấy phép đấu giá viên bang Alabama năm 1975, sửa đổi năm 2019].
59. Washington Auctioneer Registration Act in 1986, amended in 1999, 2002, 2019 [dịch: Đạo luật Đăng ký đấu giá viên của Washington năm 1986, sửa đổi năm 1999, 2002, 2019].
60. Florida Regulation of professions and occupations (Part VI – Auctioneers) in 1986, last amended in 2000 [dịch: Quy định về nghề nghiệp và việc làm trong các Đạo luật của Florida (phần 6 – Đấu giá viên) năm 1986, sửa đổi mới nhất năm 2000].
61. Florida Business Corporation Act in 1989, last amended in 2019 [dịch: Đạo luật Công ty kinh doanh Florida năm 1989, sửa đổi mới nhất năm 2019].
62. Washington Business Corporation Act in 1989, last amended in 2020 [dịch: Đạo luật Công ty kinh doanh Washington năm 1989, sửa đổi mới nhất năm 2020].
63. Companies Law of the People's Republic of China in 1993, amended in 1999, 2004, 2005 [dịch: Luật Công ty nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 1993, sửa đổi năm 1999, 2004, 2005].
64. Partnerschaftsgesellschaftsgesetz – PartGG 1994, das zuletzt durch Artikel 68 des Gesetzes vom 10. August 2021 [dịch: Đạo luật công ty hợp danh Cộng hòa liên bang Đức, sửa đổi mới nhất Điều 68 Đạo luật ngày 10/8/2021].

65. Auction Law of the People's Republic of China in 1996, amended in 2004 [dịch: Luật về Bán đấu giá tài sản của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 1996, sửa đổi năm 2004].
66. Washington Revised Uniform Partnership Act in 1998, last amended in 2015 [dịch: Đạo luật Hợp danh Washington năm 1998, sửa đổi mới nhất năm 2015].
67. Texas Occupations Code in 1999 [dịch: Bộ luật việc làm của Texas năm 1999].
68. Verordnung über gewerbsmäßige Versteigerungen 2003, die zuletzt durch Artikel 101 des Gesetzes vom 29. März 2017 [dịch: Pháp lệnh đấu giá thương mại Cộng hòa liên bang Đức năm 2003, sửa đổi lần cuối bởi Điều 101 của Luật ngày 29/3/2017].
69. Texas General Partnership Law in 2003, last amended in 2019 [dịch: Luật Hợp danh thông thường của Texas năm 2003, sửa đổi mới nhất năm 2019].
70. Texas Limited Partnership Law in 2003, last amended in 2021 [dịch: Luật Hợp danh hữu hạn của Texas năm 2003, sửa đổi mới nhất năm 2021].
71. Texas Corporation Law in 2003, last amended in 2019 [dịch: Luật Công ty cổ phần của Texas năm 2003, sửa đổi mới nhất năm 2019].
72. Texas Limited Liability Company Law in 2003, last amended in 2021 [dịch: Luật Công ty trách nhiệm hữu hạn của Texas năm 2003, sửa đổi mới nhất năm 2021].
73. Florida Partnership Laws in 2005 [dịch: Luật Hợp danh Florida năm 2005].
74. Japan Companies Act in 2005, amended in 2006, 2012, 2014, 2015 [dịch: Đạo luật Công ty Nhật Bản năm 2005, sửa đổi năm 2006, 2012, 2014, 2015].
75. Florida Revised Uniform Limited Partnership Act of 2005 [dịch: Đạo luật Hợp danh hữu hạn thống nhất của Florida năm 2005].
76. Florida Revised limited liability company Act in 2013, amended in 2015, 2019 [dịch: Đạo luật Công ty trách nhiệm hữu hạn Florida năm 2013, sửa đổi năm 2015, 2019].
77. Alabama Limited Liability Company Law in 2014 [dịch: Luật Công ty trách nhiệm hữu hạn Alabama năm 2014].
78. Alabama Partnership Law in 2018 [dịch: Luật Hợp danh Alabama năm 2018].
79. Alabama Business Corporation Law in 2019 [dịch: Luật Công ty kinh doanh Alabama năm 2019].

B. Tài liệu tiếng Việt

80. Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2005). *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.*

81. Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2005). *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.*

82. Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (2017). *Nghị quyết số 10-NQ/TW Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ngày 03/6/2017 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.*

83. Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (2022). *Nghị quyết số 27-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ngày 09/11/2022 về việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.*

84. Bộ Tư pháp (2015). *Bản thuyết minh chi tiết về dự thảo Luật Đấu giá tài sản.*

85. Bộ Tư pháp (2018). *Quyết định số 759/QĐ-BTP ngày 18/4/2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bổ trợ tư pháp.*

86. Bộ Tư pháp (2018). *Quyết định số 1319/QĐ-BTP ngày 08/6/2018 về việc phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.*

87. Bộ Tư pháp (2022). *Thông báo số 531/TB-BTP ngày 25/02/2022 về việc công bố danh sách tổ chức đấu giá tài sản, chi nhánh tổ chức đấu giá tài sản trong cả nước theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.*

88. Bộ Tư pháp (2022). *Thông báo số 3005/TB-BTP ngày 17/8/2022 về việc công bố danh sách tổ chức đấu giá tài sản, chi nhánh tổ chức đấu giá tài sản trong cả nước theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.*

89. Bộ Tư pháp (2022). *Báo cáo chuyên đề Một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động công chứng, đấu giá tài sản trong thời gian tới.*

90. Bộ Tư pháp (2022). *Báo cáo tổng kết 05 năm thi hành Luật Đấu giá tài sản.*

91. Chính phủ (2015). *Tờ trình số 582/TTr-CP ngày 28/10/2015 về dự án Luật Đấu giá tài sản.*

92. Chính phủ (2020). *Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 Ban hành chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025*.

93. Nguyễn Như Chính (2020). Kiểm soát điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ở Việt Nam, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, (10 (343)), trang 15-20.

94. Trần Văn Công (2019). *Tổ chức hành nghề luật sư theo pháp luật Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh*. Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.

95. Ngô Huy Cương (2008). Tự do ý chí và sự tiếp nhận ý chí trong pháp luật Việt Nam hiện nay, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (2), trang 12-15.

96. Ngô Huy Cương (2010). Vài bình luận về pháp luật doanh nghiệp tư nhân, *Tạp chí Khoa học Đại học quốc gia Hà Nội, Luật học*, (26 (2010)), trang 24-33.

97. Ngô Huy Cương (2013). *Giáo trình Luật hợp đồng – Phần chung*. Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

98. Nguyễn Mạnh Cường (2012). *Pháp luật về đấu giá hàng hóa trong thương mại ở Việt Nam*. Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học và Xã hội, Hà Nội.

99. Nguyễn Mạnh Cường (2013). *Pháp luật về đấu giá hàng hóa trong thương mại ở Việt Nam*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

100. Bùi Ngọc Cường (2002). Vai trò của pháp luật kinh tế trong việc đảm bảo quyền tự do kinh doanh, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, (7(14)), trang 25-30.

101. Nguyễn Thị Dung và các cộng sự (2017). *Luật kinh tế (chuyên khảo)*. Nxb. Lao động, Hà Nội.

102. Đỗ Văn Đại (2005). Cần quy định hợp lý về công ty hợp danh, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (06/2005), trang 52-55.

103. Lê Thị Anh Đào (2017). *Quy chế pháp lý của đảo theo quy định của Công ước luật biển năm 1982 và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam*. Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.

104. Nguyễn Minh Đoan (2014). *Giáo trình Lý luận về nhà nước và pháp luật*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

105. Lê Thị Hương Giang (2019). *Bán đấu giá tài sản thi hành án dân sự ở Việt Nam*. Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.

106. Phạm Thị Giang (2015). *Quy chế pháp lý của các đảo theo khoản 3 Điều 121 Công ước luật biển 1982 – Liên hệ với tranh chấp trên biển Đông*. Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

107. Trần Tiến Hải (2015). *Thực hiện pháp luật về đấu giá quyền sử dụng đất ở các tỉnh Bắc Trung Bộ Việt Nam hiện nay*. Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

108. Bùi Xuân Hải (2011). Tự do kinh doanh: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (5), trang 68-74.

109. Bùi Xuân Hải và các cộng sự (2018*). Giáo trình Pháp luật về chủ thể kinh doanh*. Nxb. Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.

110. Friedrich A. Hayek (1960). *Hiến pháp của tự do* (Phạm Nguyễn Hoàng dịch). Nxb. Routledge, UK.

111. Nguyễn Thị Thúy Hằng, Hồ Minh Thành (2021). Một số bất cập về hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản thi hành án dân sự, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn*, (tập 130, số 6C), trang 93-100.

112. Phan Trung Hiền (2012). *Lý luận về nhà nước và pháp luật (Quyển 1)*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

113. Phan Trung Hiền (2013). *Lý luận về Nhà nước và Pháp luật (Quyển 2)*. Nxb. Chính trị quốc gia, Cần Thơ.

114. Học viện Tư pháp (2014). *Giáo trình Kỹ năng bán đấu giá tài sản*. Hà Nội.

115. Học viện Tư pháp (2020). *Giáo trình nghiệp vụ đấu giá tài sản (Tập 1 - Phần chung)*. Nxb. Tư pháp, Hà Nội.

116. Nguyễn Thị Thu Hồng (2020). Hoàn thiện quy định pháp luật về trình tự, thủ tục đấu giá tài sản công ở Việt Nam, *Tạp chí Nghề luật*, (10/2020), trang 61-68.

117. Nguyễn Thị Thu Hồng (2022). *Pháp luật về đấu giá tài sản công ở Việt Nam hiện nay*. Nxb. Tư pháp, Hà Nội.

118. Trần Xuân Hùng (2016). *Quy chế pháp lý về công ty tài chính theo pháp luật về các tổ chức tín dụng ở Việt Nam hiện nay*. Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.

119. Đoàn Văn Hường (2021). *Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bán đấu giá tài sản theo pháp luật Việt Nam*. Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.

120. Nguyễn Việt Hương và các cộng sự (2022). Một số vấn đề pháp lý còn tồn tại về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất, *Tạp chí Xây dựng*, (01.2022), trang 103-109.

121. Đặng Thị Bích Liễu (2012). *Pháp luật về đấu giá quyền sử dụng đất ở Việt Nam*. Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.

122. Cao Nhất Linh (chủ biên) và các cộng sự (2021). *Luật kinh tế (sách chuyên khảo)*. Nxb. Giáo dục Việt Nam, thành phố Cần Thơ.

123. Nguyễn Thị Loan và Võ Thị Thanh Linh (2019). Pháp luật về đấu giá hàng hóa trong thương mại – Những bất cập và kiến nghị hoàn thiện, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (10(386) T5/2019), trang 51-59.

124. Hoàng Vĩnh Long và Dương Anh Sơn (2011). Tự do hợp đồng – từ bàn tay vô hình đến chủ nghĩa can thiệp, *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế*, (397), trang 44-50.

125. Quản Văn Minh (2016). Hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, (chuyên đề tháng 3/2016), trang 27-32.

126. Phạm Duy Nghĩa (2004). *Chuyên khảo Luật kinh tế*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

127. Phạm Duy Nghĩa (2015). *Giáo trình luật kinh tế*. Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

128. Nguyễn Hồng Ngọ (2016). *Quy chế pháp lý của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam*. Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

129. Ngôn ngữ học Việt Nam (2006). *Từ điển tiếng Việt*. Nxb. Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.

130. Nhiều tác giả (2013). *Lòng tin và vốn xã hội*. Nxb. Tri thức, Hà Nội.

131. Davis W. Pearce (1999). *Từ điển kinh tế học hiện đại*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

132. Nguyễn Như Phát (đồng tác giả) (2002). *Luật kinh tế Việt Nam*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội

133. Hoàng Phê (chủ biên) (2003). *Từ điển tiếng Việt*. Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.

134. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và The World Bank (2017). *Báo cáo rà soát điều kiện kinh doanh và quyền tự do kinh doanh ở Việt Nam.*

135. Hoàng Thị Kim Quế (2008). Hư vô pháp luật: Nhìn từ phương diện lý luận pháp luật và xã hội học pháp luật, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật,* (9 (245)), trang 13-18.

136. Mai Hồng Quỳ (chủ biên) (2010). *Hành trình của quyền con người: Những quan điểm kinh điển và hiện đại*. Nxb. Tri thức, Hà Nội.

137. Mai Hồng Quỳ và các cộng sự (2012). *Tự do kinh doanh và việc bảo đảm quyền con người tại Việt Nam*. Nxb. Lao động, Thành phố Hồ Chí Minh.

138. Phạm Ngọc Hương Quỳnh (2021). Giải Nobel kinh tế năm 2020 và khả năng vận dụng vào đấu giá quyền sử dụng đất ở Việt Nam, *Tạp chí Công thương*, (19), trang 90-95.

139. Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ (2020). *Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản trên địa bàn thành phố Cần Thơ ngày 26/11/2020.*

140. Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ (2021). *Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản trên địa bàn thành phố Cần Thơ ngày 01/12/2021.*

141. Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ (2022). *Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản trên địa bàn thành phố Cần Thơ ngày 24/11/2022.*

142. Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng (2020). *Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ngày 27/11/2020.*

143. Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng (2021). *Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ngày 28/11/2021.*

144. Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng (2022). *Danh sách người tập sự hành nghề đấu giá (tính đến ngày 16/8/2022) ngày 16/8/2022.*

145. Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh (2021). *Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh ngày 17/02/2021.*

146. Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh (2021). *Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh ngày 25/11/2021.*

147. Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh (2022). *Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh năm 2022 ngày 25/11/2022.*

148. Nguyễn Quang Thái và Đào Thị Thúy Lan (2016). Bán đấu giá tài sản trong thi hành án dân sự vẫn còn là điểm nghẽn, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, (4 (289)-2016), trang 22-27.

149. Hoàng Mạnh Thắng (2022). *Tổ chức và hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng theo pháp luật Việt Nam hiện nay*. Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.

150. Ngô Thị Phương Thảo (2018). Xác định giá khởi điểm khi xử lý tài sản thế chấp thông qua phương thức đấu giá, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 12 (321), trang 34-38.

151. Nguyễn Thị Thu Trang, Dương Anh Sơn, Châu Thị Khánh Vân (2020). *Sách chuyên khảo Quyền tự do kinh doanh*. Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

152. Trường Đại học Luật Hà Nội (2009). *Giáo trình Luật dân sự (tập 2)*. Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

153. Trường Đại học Luật Hà Nội (2015). *Giáo trình Luật thương mại, Tập II*. Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

154. Trường Đại học Luật Hà Nội (2017). *Giáo trình Luật dân sự, Tập II*. Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

155. Trung tâm biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (1995). *Đại từ điển Bách khoa Việt Nam.*

156. Phan Thanh Tú và các cộng sự (2018). *Học thuyết doanh nghiệp.* Nxb. Lao Động – Xã Hội, Hà Nội.

157. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (2022). *Báo cáo số 351/BC-UBND ngày 30/5/2022 tổng kết 05 năm thi hành Luật Đấu giá tài sản.*

158. Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp (2006). *Từ điển Luật học*. Nxb. Từ điển bách khoa và Nxb. Tư pháp, Hà Nội.

159. Viện khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp (2011). *Hoàn thiện pháp Luật về Bán đấu giá tài sản tài sản nhằm thúc đẩy thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu cấp Bộ.

160. Nguyễn Như Ý (chủ biên-1999). *Đại từ điển tiếng Việt*. Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.

161. Đỗ Hoàng Yến (2016). Xây dựng Luật Đấu giá tài sản đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, (số chuyên đề tháng 3/2016), trang 2-9.

C. Tài liệu tiếng nước ngoài

162. Lawrence M. Ausubel (2003). *New economy handbook* [dịch: Sổ tay kinh tế mới]. Elsevier Science publisher, USA.

163. Truman F. Bewley (1987). *Advances in economic theory fifth world congress* [dịch: Những tiến bộ trong học thuyết kinh tế của Hội nghị thế giới lần thứ 5]. Cambridge University Press publisher, UK.

164. Neil Brodie (2019). The “Art World” of the Auction Houses: The Role of Professional Experts [dịch: “Thế giới nghệ thuật” của các nhà đấu giá: vai trò của các chuyên gia chuyên nghiệp], *Arts*, (8 (2), 56), trang 1-9.

165. Jeremy Bulow và Paul Klemperer (1996). Auction versus negotiation [dịch: Đấu giá so với đàm phán], *The American Economic Review*, (Vol. 86, No. 1), trang 180-194.

166. Hongbin Cai, J. Vernon Henderson và Qinghua Zhang (2013). China’s land market auctions: evidence of corruption [dịch: Đấu giá thị trường đất đai ở Trung Quốc: bằng chứng của tham nhũng], *The Rand Journal of Economics*, (No. 3), trang 488-521.

167. Alejandro A. Chafuen và Eugenio Guzmán (2000). “Economic Freedom and Corruption” in 2000 Index of Economic Freedom [dịch: “Tự do kinh tế và tham nhũng” trong chỉ số tự do kinh tế năm 2000], edited by Gerald O’Driscoll Jr., Kim Holmes, and Melanie Kirkpatrick. The Heritage Foundation anh The Wall Street Journal, Washington, D.C. and NY. Trang 51-63.

168. Cramton, Y. Shoham và R. Steinberg (editors) (2005). *Introduction to Combinatorial Auctions* [dịch: Giới thiệu về đấu giá tổ hợp]. MIT Press publisher, Boston.

169. International Covenant on Economic, Social and Cultural Rights (ICESCR), opened for signature 16 February 1966, (entered into force 03 January 1976).

170. Maarten Janssen (2004). *Auctioning Public Assets, Analysis and Alternatives* [dịch: Bán đấu giá tài sản công, phân tích và lựa chọn thay thế]. Cambridge University Press publisher, UK.

171. Otto Kahn-Freund (1978). *Selected Writings* [dịch: Văn bản được tiếp nhận]. Oxford University Press publisher, London.

172. Cuneyt Kilic và Fevza Arica (2014). Economic Freedom, Inflation Rate and Their Impact Economic Growth: A Panel Data Analysis [dịch: Tự do kinh tế, tỷ lệ lạm phát và tác động của chúng đến tăng trưởng kinh tế: Phân tích bảng dữ liệu], *Romanian Journal of Economic Forecasting*, (XVII (1)), trang 160-176.

173. Oliver Kirchkhamp và Wladislaw Mill (2021). Spite vs. risk: Explaining overbidding in the second-price all-pay auction: A theoretical and experimental investigation [dịch: Sự không hài lòng với rủi ro: Giải thích việc đặt giá quá cao trong phiên đấu giá thanh toán theo giá thứ hai: Một cuộc điều tra lý thuyết và thực nghiệm], *Games and Economic Behavior*, (Vol 130), trang 616-635.

174. Günter Knieps (2015). *Network economics* [dịch: Kinh tế mạng]. Springer publisher, Switzerland.

175. Vijay Krishna (2002). *Auction theory* [dịch: Lý thuyết đấu giá]. Elsevier publisher, USA.

176. Vijay Krishna (2010). *Auction theory (second edition)* [dịch: Lý thuyết đấu giá (tái bản lần thứ 2)]. Elsevier publisher, USA.

177. Brian Learmount (1985). *A history of the auction* [dịch: Lịch sử đấu giá]. Barnard & Learmont publisher, Frome and London.

178. R. Preston McAfee and Jonh McMillan (1987). Auctions and Bidding [dịch: Đấu giá và đấu thầu], *Journal of Economic Literature*, American Economic Association, (vol. 25 (2)), trang 699-738.

179. Paul R. Milgrom (1985). Auction Theory [dịch: Lý thuyết đấu giá], *The Fifth World Congress of the econometric society*, Massachusetts Institute of Technology, 17-23/8/1985, trang 1-27.

180. Ambassador Terry Miller và Anthony B. Kim (2010). "Defining Economic Freedom" in *2010 Index of Economic Freedom* [dịch: "Định nghĩa tự do kinh tế" trong chỉ số tự do kinh tế năm 2010], edited by Kim R. Holmes, Daniella Markheim, James M. Roberts, and Caroline Walsh. The Heritage Foundation anh The Wall Street Journal, Washington, D.C. and NY. Trang 57-62.

181. Oxford Paperback Reference (2003). *A Dictionary of law* [dịch: Từ điển pháp lý]. Oxford University Press publisher, London.

182. Christine Riefa và Jojo Y.C. Mo (2016). Mind the Gap: Modelling the Liability of Online Auction Intermediaries and Market Places in Hong Kong on the EU Regime [dịch: Lưu ý lỗ hổng: mô hình hóa trách nhiệm của các trung gian và thị trường đấu giá trực tuyến ở Hồng Kông theo chế độ của EU], *The Chinese Journal of Comparative Law*, (No. 4), trang 274-299.

183. Zhenlei Xu và Junwu Zhu (2022). Extend auction description language to represent and reasonknowledge in auctions [dịch: Mở rộng ngôn ngữ đấu giá để mô tả và hiểu biết trong các phiên đấu giá], *Computers and Electrical Engineering*, (Vol 97), trang 1-14.

D. Tài liệu điện tử

184. Bằng An (2023). Hàng loạt sai phạm được chỉ ra trong kết luận thanh tra của Bộ Tư pháp, *Báo Thanh tra*, [https://thanhtra.com.vn/phong-chong-tham-nhung/dieu-

tra/hang-loat-sai-pham-duoc-chi-ra-trong-ket-luan-thanh-tra-cua-bo-tu-phap-211968.html] (truy cập ngày 23/8/2023).

185. Thái An (2021). Kỳ 5: Do chủ tài sản chây ỳ, chậm trễ bàn giao tài sản cho người trúng đấu giá, *Báo Pháp luật và Xã hội*, [https://phapluatxahoi.kinhtedothi.vn/ky-5-do-chu-tai-san-chay-y-cham-tre-ban-giao-tai-san-cho-nguoi-trung-dau-gia-249262.html] (truy cập ngày 23/8/2023).
186. Đào Ngọc Báu và Lê Quang Hòa (2016). Nhận diện và điều chỉnh các quan hệ pháp luật trong hoạt động đấu giá tài sản, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (16(320)), [http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=208637] (truy cập ngày 11/12/2022).
187. Caroline Banton (2021). *Auction* [dịch: Đấu giá], [https://www.investopedia.com /terms/a/auction.asp] (truy cập ngày 08/12/2021).
188. China Association of Auctioneers: [http://www.caa123.org.cn/englistVersion/english_version.jsp] (truy cập ngày 14/3/2023).
189. Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản, [https://dgts.moj.gov.vn/co-so-du-lieu/thong-tin-to-chuc-dau-gia.html].
190. Cục Bổ trợ Tư pháp (2022). *Danh sách tổ chức đấu giá tài sản đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 40 LĐGTS (cập nhật tháng 8 năm 2022)*, [https://dgts.moj.gov.vn/tin-tuc/danh-sach-to-chuc-dau-gia-tai-san-du-dieu-kien-thuc-hien-hinh-thuc-dau-gia-truc-tuyen-cap-nhat-t82022-824.html] (truy cập ngày 10/12/2022).
191. Angela Davic (2023). *The French Auction Market and Its Epic Comeback in 2022*, [https://www.thecollector.com/the-french-auction-market-and-its-epic-Comeback-in-2022/] (truy cập ngày 10/3/2023).
192. Nguyễn Đăng Duy (2018). Tự do lựa chọn mô hình kinh doanh - Biểu hiện của quyền tự do kinh doanh*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật,* [https://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/xay-dung-phap-luat.aspx?ItemID=475] (truy cập ngày 09/01/2023).
193. Viên Thế Giang (2020). Chấp hành, tuân thủ luật trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu thực hiện nguyên tắc pháp quyền trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam, *Economics-Law and Management*, [http://stdjelm.scienceandtechnology.com.vn/index.php/stdjelm/article/view/589/983#info] (truy cập ngày 01/8/2023).

194. Thu Giang (2023). Nhiều tồn tại, sai sót trong hoạt động đấu giá tài sản, *Báo Đấu thầu*, [https://baodauthau.vn/nhieu-ton-tai-sai-sot-trong-hoat-dong-dau-gia-tai-san-post136516.html] (truy cập ngày 23/8/2023).

195. Nguyễn Mạnh Hà (2022). Tăng cường công tác kiểm sát phát hiện vi phạm trong đấu giá tài sản thi hành án, *Tạp chí Kiểm sát điện tử*, [https://kiemsat.vn/tang-cuong-cong-tac-kiem-sat-phat-hien-vi-pham-trong-dau-gia-tai-san-thi-hanh-an-64539.html] (truy cập ngày 06/01/2023).

196. Phan Thanh Hà (2014). Quy chế pháp lý về công dân theo Hiến pháp năm 2013 – Tiếp cận từ những giá trị phổ biến của quyền con người, Tạp chí Tổ chức nhà nước, [https://tcnn.vn/news/detail/7716/Quy_che_phap_ly_ve_cong_dan_theo_ Hien_phap_nam_2013_tiep_can_tu_nhung_gia_tri_pho_bien_cua_quyen_conall. html] (truy cập ngày 16/02/2024).

197. Nguyễn Thị Thúy Hằng (2022). Tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản - Một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử,* [https://tapchitoaan.vn/toi-vi-pham-quy-dinh-ve-hoat-dong-ban-dau-gia-tai-san-mot-so-bat-cap-va-kien-nghi-hoan-thien7541.html] (truy cập ngày 05/01/2023).

198. Nguyễn Am Hiểu (2017). Tính hợp lý của pháp luật trong việc giới hạn quyền tự do kinh doanh, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, [https://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc /Pages/xay-dung-phap-luat.aspx?ItemID=372] (truy cập ngày 15/12/2022).

199. Chu Thị Hoa (2021). *Kinh tế chia sẻ và quyền tự do kinh doanh*, [https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2594] (truy cập ngày14/8/2023).

200. Trần Hoàng (2022). Liên tiếp phát hiện sai phạm trong đấu giá quyền sử dụng đất: Cách nào bịt lỗ hổng, *Báo Tiền phong*, [https://tienphong.vn/lien-tiep-phat-hien-sai-pham-trong-dau-gia-quyen-su-dung-dat-cach-nao-bit-lo-hong- post1418511. tpo] (truy cập ngày 23/8/2023).

201. Học viện Tư pháp (2017). *Quyết định ban hành Chương trình chi tiết đào tạo nghề đấu giá*, [http://hocvientuphap.edu.vn/daotao/Pages/chuong-trinh-dao-tao. aspx? ItemID=7] (truy cập ngày 12/7/2021).

202. Trần Thị Quang Hồng (2019). Điều kiện kinh doanh là công cụ quản lý nhà nước trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (số 22 (398)), [http://www.lapphap.vn/Pages/TinTuc/210440/dieu-kien-kinh-doanh-la-cong-cu-

quan-ly-nha-nuoc-trong-qua-trinh-hoan-thien-the-che-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-XHCN-o-Viet-Nam.html] (truy cập ngày 10/01/2022).

203. Đoàn Văn Hường (2021). Bàn về tiêu chí đánh giá hiệu lực, hiệu quả của xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đấu giá tài sản, *Tạp chí Công thương điện tử*, [https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/ban-ve-tieu-chi-danh-gia-hieu-luc-hieu-qua-cua-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-dau-gia-tai-san-79438.htm] (truy cập ngày 07/01/2023).

204. Đoàn Văn Hường (2021). Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đấu giá tài sản, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật,* [https://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/xay-dung-phap-luat.aspx?ItemID=677] (truy cập ngày 07/01/2023).

205. Cesareo Hernandez Iglesias et al (2014). Review of Auction-Based Market, [https://www.researchgate.net/publication/322276880_Review_of_Auction-Based_Markets] (truy cập ngày 01/8/2023).

206. Trần Kiên và Nguyễn Khắc Thu (2019). Khái niệm hợp đồng và những nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật hợp đồng Việt Nam, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (2+3), [http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210246] (truy cập ngày 08/8/2023).

207. Trần Lĩnh (2022). Doanh nghiệp đấu giá tư nhân An Giang có nhiều vi phạm, *Báo Công an nhân dân online*, [https://cand.com.vn/dieu-tra-theo-don-ban-doc/doanh-nghiep-dau-gia-tu-nhan-an-giang-co-nhieu-vi-pham-i651742/] (truy cập ngày 15/10/2022).

208. Chu Xuân Minh (2020). Giải quyết tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản để thi hành án, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, [https://tapchitoaan.vn/giai-quyet-tranh-chap-ve-ket-qua-ban-dau-gia-tai-san-de-thi-hanh-an] (ngày truy cập 05/01/2023).

209. Nhà báo và Công luận (2023). Phát hiện nhiều sai phạm, Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ Công ty đấu giá Bắc Trung Nam sang cơ quan điều tra, *Báo Pháp luật và Xã hội*, [https://phapluatxahoi.kinhtedothi.vn/phat-hien-nhieu-sai-pham-bo-tu-phap-chuyen-ho-so-cong-ty-dau-gia-bac-trung-nam-sang-co-quan-dieu-tra-321930.html] (truy cập ngày 23/8/2023).

210. Sở Tư pháp Bình Thuận (2022). *Tổng kết 05 năm thi hành Luật Đấu giá tài sản*, [https://stp.binhthuan.gov.vn/1327/32856/65815/618084/dau-gia-tai-san/tong-ket-05-nam-thi-hanh-luat-dau-gia-tai-san.aspx] (truy cập ngày 11/12/2022).

211. Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội (2022). *Danh sách người tập sự hành nghề đấu giá trên địa bàn Thành phố Hà Nội (cập nhật đến ngày 30/9/2022)*, [http://sotuphap.hanoi.gov.vn/Portalview/trangchitiet.aspx?portalid=1&idmenu=48&idtin=1460] (truy cập ngày 15/12/2022).

212. Lê Công Sơn và Vương Trung Hiếu (2022). Ngỡ ngàng ngắm những cổ vật Việt được nhà Millon bán đấu giá tại Pháp, *Báo Thanh niên trực tuyến ngày 02/11/2022*, [https://thanhnien.vn/ngo-ngang-ngam-nhung-co-vat-viet-duoc-nha-millon-ban-dau-gia-tai-phap-post1516913.html] (truy cập ngày 09/11/2022).

213. Nguyễn Hồng Sơn (2016). Mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường trong một số lý thuyết về kinh tế, *Tạp chí điện tử Lý luận chính trị*, [http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/nguyen-cuu-ly-luan/item/1647-moi-quan-he-giua-nha-nuoc-va-thi-truong-trong-mot-so-ly-thuyet-ve-kinh-te.html] (truy cập ngày 12/12/2022).

214. Phan Công Thương (2001). Một số vấn đề về chủ thể kinh doanh, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (6), [https://phapluatdansu.edu.vn/2007/11/19/12/44/7894/] (truy cập ngày 11/8/2023).

215. Bùi Hữu Toàn (2022). Pháp luật về xác định giá khởi điểm và điều kiện tham gia đấu giá quyền sử dụng đất khi nhà nước giao đất, cho thuê đất, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (11(459)), [http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=211106] (truy cập ngày 12/02/2023).

216. Tổng cục Thi hành án dân sự (2022). *Đấu giá tài sản thi hành án dân sự: cần có quy định riêng để đảm bảo hiệu quả*, [https://thads.moj.gov.vn/noidung/tintuc/lists/thongtinchung/view_detail.aspx?itemid=1328] (truy cập ngày 11/01/2023).

217. Nguyễn Thị Huyền Trang (2017). Pháp luật về điều kiện kinh doanh của một số quốc gia trên thế giới, *Tạp chí tài chính online*, [https://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/phap-luat-ve-dieu-kien-kinh-doanh-cua-mot-so-quoc-gia-tren-the-gioi-126682.html] (truy cập ngày 01/8/2021).

218. Ngọc Trang (2019). *Một số vấn đề pháp lý và thực tiễn về quyền tự do hợp đồng ở Việt Nam hiện nay*, [https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2503] (truy cập ngày 25/7/2022).

219. Nguyễn Minh Tuấn (2023). Một số lý thuyết đương đại về pháp luật và việc áp dụng trong thực tiễn ở Việt Nam hiện nay, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (01+02 (473+474)), [http://lapphap.vn/Pages/TinTuc/211619/Mot-so-ly-thuyet-duong-dai-ve-phap-luat-va-viec-ap-dung-trong-thuc-tien-o-Viet-Nam-hien-nay.html] (truy cập ngày 01/8/2023).

220. Từ điển mở Wiktionary, [https://vi.wiktionary.org/wiki/quy_ch%E1%BA%BF#Ti%E1%BA%BFng_Vi%E1%BB%87t] (truy cập ngày 15/8/2023).

221. Thanh Xuân (2022). 4 doanh nghiệp trúng đấu giá đất ở Thủ Thiêm bỏ cọc hơn 1.051 tỉ đồng, *Báo Thanh niên ngày 07/7/2022*, [https://thanhnien.vn/4-doanh-nghiep-trung-dau-gia-dat-thu-thiem-bo-coc-hon-1-051-ti-dong-post1475717.html] (truy cập ngày 03/8/2022).

PHỤ LỤC 01
GIẤY TỜ CHỨNG MINH THỜI GIAN CÔNG TÁC PHÁP LUẬT

1. Giấy tờ chứng minh thời gian công tác pháp luật đối với người đề nghị bổ nhiệm công chứng viên được quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 01/2021/TT-BTP, bao gồm:

a) Giấy tờ quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều này, gồm:

- Quyết định bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm lại thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên hoặc Giấy chứng minh thẩm phán, Giấy chứng minh kiểm sát viên, Giấy chứng nhận điều tra viên kèm theo giấy tờ chứng minh đã có thời gian làm thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên từ 05 năm trở lên.

- Quyết định bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư chuyên ngành luật, Bằng tiến sĩ luật; trường hợp Bằng tiến sĩ luật được cấp bởi cơ sở giáo dục nước ngoài thì phải được công nhận văn bằng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Quyết định bổ nhiệm thẩm tra viên cao cấp ngành tòa án, kiểm tra viên cao cấp ngành kiểm sát; chuyên viên cao cấp, nghiên cứu viên cao cấp, giảng viên cao cấp trong lĩnh vực pháp luật.

b) Quyết định tuyển dụng, quyết định luân chuyển, điều động, hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động kèm theo giấy tờ chứng minh thời gian đóng bảo hiểm xã hội phù hợp với vị trí công tác pháp luật được tuyển dụng hoặc ký hợp đồng;

c) Chứng chỉ hành nghề luật sư, Thẻ luật sư, Chứng chỉ hành nghề đấu giá, Chứng chỉ hành nghề quản tài viên, quyết định bổ nhiệm Thừa phát lại kèm theo giấy tờ chứng minh thời gian đóng bảo hiểm xã hội phù hợp với các chức danh này;

d) Các giấy tờ hợp pháp khác chứng minh thời gian công tác pháp luật.

2. Giấy tờ chứng minh thời gian công tác pháp luật đối với người đề nghị bổ nhiệm thừa phát lại được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 10 và khoản 2, 3 Điều 11 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP, bao gồm:

- Quyết định tuyển dụng, hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động kèm theo giấy tờ chứng minh thời gian đóng bảo hiểm xã hội;

- Giấy tờ chứng minh đã miễn nhiệm, thu hồi chứng chỉ hành nghề hoặc thu hồi thẻ đối với các trường hợp người đã được bổ nhiệm công chứng viên, được cấp chứng chỉ hành nghề luật sư, đấu giá, quản tài viên, được cấp thẻ thẩm định viên về giá;

- Giấy tờ chứng minh đã nghỉ hưu hoặc thôi việc đối với trường hợp là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân.

PHỤ LỤC 02

NHỮNG TRƯỜNG HỢP BỊ THU HỒI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ

Theo khoản 1 Điều 16 Luật Đấu giá tài sản năm 2016, người đã được cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá bị thu hồi Chứng chỉ trong những trường hợp sau:

a) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 15 của Luật này;

b) Không hành nghề đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này trong thời hạn 02 năm kể từ ngày được cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính do vi phạm quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 1 Điều 9 của Luật này;

d) Thôi hành nghề theo nguyện vọng;

đ) Bị tuyên bố mất tích hoặc tuyên bố là đã chết.

PHỤ LỤC 03
SỔ THEO DÕI TÀI SẢN ĐẤU GIÁ

TÊN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

SỔ THEO DÕI TÀI SẢN ĐẤU GIÁ

Quyển số:

Từ ngày: / / đến ngày / /

SỔ THEO DÕI TÀI SẢN ĐẤU GIÁ

có các nội dung chính sau đây:

STT	Số hợp đồng dịch vụ đấu giá	Tài sản đấu giá	Người có tài sản đấu giá		Thời gian, địa điểm đấu giá	Giá khởi điểm của tài sản đấu giá	Giá trúng đấu giá	Người trúng đấu giá	
			Họ và tên	Địa chỉ				Họ và tên	Địa chỉ
01									
02									
03									
04									
05									

Nguồn: Mẫu TP-ĐGTS-016 (Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BTP)

Lưu ý:

* Sổ theo dõi tài sản đấu giá phải được đánh số trang theo thứ tự, ghi rõ ngày mở sổ và khóa sổ. Tại trang đầu và trang cuối mỗi Sổ, phải có chữ ký xác nhận của người đại diện theo pháp luật của tổ chức đấu giá,

* Tổ chức đấu giá tài sản có thể bổ sung thêm các nội dung cần thiết khác ngoài nội dung chính theo Sổ này.

PHỤ LỤC 04
SỔ ĐĂNG KÝ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

TÊN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN **SỔ ĐĂNG KÝ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN** **Quyển số:** **Từ ngày: / / đến ngày / /**

SỔ ĐĂNG KÝ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

có các nội dung chính sau đây:

STT	Ngày, tháng, năm (1)	Tài sản đấu giá (2)	Người đăng ký tham gia đấu giá					Kết quả đấu giá (8)
			Họ và tên (3)	Địa chỉ (4)	Số CMTND/Số hộ chiếu/ Số Thẻ Căn cước công dân (5)	Số điện thoại (6)	Số tiền đặt trước (7)	
01								
02								
03								
04								
05								

Nguồn: Mẫu TP-ĐGTS-15 (Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BTP)

Lưu ý:

* Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản phải ghi kết quả đấu giá tài sản vào Sổ đăng ký đấu giá tài sản.

* Trong trường hợp có nhiều người đăng ký tham gia đấu giá thì tổ chức đấu giá tài sản lập danh sách những người đăng ký tham gia khác đấu giá vơi các nội dung tại cột (3), (4), (5), (6) và cột (7) đính kèm.

* Sổ đăng ký đấu giá phải được đánh số trang theo thứ tự, ghi rõ ngày mở sổ và khóa sổ. Tại trang đầu và trang cuối mỗi Sổ, phải có chữ ký xác nhận của người đại diện theo pháp luật của tổ chức đấu giá.

* Tổ chức đấu giá tài sản, tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng có thể bổ sung thêm các nội dung cần thiết khác ngoài nội dung chính theo Sổ này.

PHỤ LỤC 05
BẢN ÁN CỦA TÒA ÁN GIẢI QUYẾT CÁC TRANH CHẤP LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

1. Bản án số: 105/2017/DS-PT ngày 21/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản.

2. Bản án số: 36/2017/DS-PT ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản và hợp đồng mua bán tài sản đấu giá.

3. Bản án số: 12/2018/DS-PT ngày 15/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc tranh chấp kết quả bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Bản án số: 137/2018/DS-PT ngày 26/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc tranh chấp yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản.

5. Bản án số: 47/2018/DS-PT ngày 14/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước về việc tranh chấp yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản.

6. Bản án số: 45/2018/DS-PT ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc tranh chấp kết quả bán đấu giá tài sản, thanh toán tiền đặt cọc mua bán TS đấu giá theo quy định của pháp luật THADS.

7. Bản án số: 126/2018/DS-PT ngày 04/12/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc tranh chấp hợp đồng mua bán đấu giá tài sản.

8. Bản án số: 18/2019/DS-PT ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản, yêu cầu hủy Quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức, yêu cầu bồi thường thiệt hại.

9. Bản án số: 23/2019/DS-PT ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc tranh chấp về hủy kết quả bán đấu giá tài sản.

10. Bản án số: 38/2019/DS-PT ngày 24/4/2029 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản.

11. Bản án số: 56/2019/DS-PT ngày 21/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước về việc yêu cầu hủy hợp đồng bán đấu giá tài sản; hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá và kết quả bán đấu giá tài sản; BTTH; hủy GCNQSDĐ; trả lại QSDĐ.

12. Bản án số: 52/2019/DS-PT ngày 30/5/2029 của Toàn án nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá vô hiệu, hủy kết quả bán đấu giá tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt.

13. Bản án số: 138/2019/DS-PT ngày 20/8/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt.

14. Bản án số: 172/2019/DS-PT ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt.

15. Bản án số: 179/2019/DS-PT ngày 03/10/2019 Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt.

16. Bản án số: 185/2019/DS-PT ngày 08/10/2019 Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt.

17. Bản án số: 03/2020/DS-PT ngày 17/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc tranh chấp kết quả bán đấu giá tài sản và hợp đồng MB tài sản bán đấu giá.

18. Bản án số: 198/2020/KDTM-PT ngày 26/3/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tranh chấp hủy kết quả bán đấu giá tài sản.

19. Bản án số: 41/2020/DS-PT ngày 04/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc tranh chấp kết quả bán đấu giá tài sản, thanh toán phí tổn đăng ký mua bán tài sản bán đấu giá và hợp đồng ủy quyền.

20. Bản án số: 54/2020/DS-ST ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội về việc yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản.

21. Bản án số: 23/2021/DS-PT ngày 22/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, hủy kết quả bán đấu giá tài sản.

22. Bản án số: 49/2021/DS-PT ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên về việc tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

23. Bản án số: 425/2021/DS-PT ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tranh chấp hợp đồng bán đấu giá bất động sản

24. Bản án số: 14/2021/DS-PT ngày 30/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An về việc yêu cầu hủy kết quả đấu giá tài sản và quyết định hành chính cá biệt.

25. Bản án số: 18/2022/DS-PT ngày 11/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản và tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đấu giá.

26. Bản án số: 06/2022/DS-PT ngày 15/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai về việc tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản.

27. Bản án số: 23/2022/DS-ST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc tranh chấp hợp đồng bán đấu giá tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

28. Bản án số: 19/2022/DS-ST ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk về tranh chấp kết quả bán đấu giá tài sản.

29. Bản án số: 87/2022/DS-PT ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc yêu cầu hủy hợp đồng mua bán tài sản trúng đấu giá.

30. Bản án số: 213/2022/DS-PT ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ về việc tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng mua bán tài sản đấu giá.

31. Bản án số: 353/2022/DS-PT ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản và chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

PHỤ LỤC 06
BẢN ÁN SỐ 03/2020/DS-PT NGÀY 17/01/2020
CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: **03**/2020/DS-PT
Ngày: 17 – 01 – 2020.
V/v "Tranh chấp kết quả bán đấu giá và Hợp đồng MB tài sản bán đấu giá".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hường
Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Chung
2. Ông Trương Công Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số, về việc "Tranh chấp kết quả bán đấu giá và Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2019/DS-ST ngày 17/10/2019 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 263/2019/QDDXX-PT ngày 23/12/2019, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Lương B, sinh năm: 1989
Địa chỉ: Phan Bội Ch, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - *(Có mặt)*.

**** Bị đơn:***

1. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - *(Đại diện là ông Tô Thành Tr – Chấp hành viên Chi cục THADS thành phố B có mặt nhưng không cung cấp Giấy ủy quyền hợp lệ)*.
Địa chỉ: 29 Hà Huy T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Công ty đấu giá hợp danh B
Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn H, sinh năm: 1991 - Chức vụ: Giám đốc - *(Có mặt)*.
Địa chỉ: 173B Hà Huy T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Trịnh Thị V, sinh năm: 1966 - *(Có mặt)*;
2. Ông Hồ Đắc Duy M, sinh năm: 1966 - *(Có mặt)*;

3. Anh Hồ Đắc Hoàng M sinh năm: 1994;

4. Chị Hồ Đắc Yến N, sinh năm: 1999

Người đại diện theo ủy quyền là: Ông Hồ Đắc Duy M - *(Có mặt)*

Cùng địa chỉ liên lạc: Chu Văn A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

HKTT: Nguyễn Xuân Ng, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

5. Ông Phạm Thanh Ph

6. Bà Lương Thị Th

Người đại diện theo ủy quyền là: Bà Phạm Thị Tr - *(Có mặt)*

Cùng địa chỉ liên lạc: Chu Văn A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

7. Bà Đào Thị Ph - *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Nguyễn Xuân Ng, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

8. Văn phòng Công chứng Đ - *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Y J, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

9. Công ty cổ phần đầu tư và thẩm định giá HTC

Địa chỉ: đường Vũ Tông Ph, phường K, quận T, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Chu Văn H - Chức vụ: Phụ trách chi nhánh Đắk Lắk *(Vắng mặt)*.

Địa chỉ: Y M, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn - Ông Nguyễn Lương B trình bày:**

Ngày 25/3/2019, tôi có tham gia đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất (viết tắt là QSD đất) theo giấy chứng nhận số BB 778860, đối với diện tích 183.9m^2 đất thuộc thửa đất số 144, tờ bản đồ số 53, tại tổ dân phố 7, phường T do UBND thành phố B cấp ngày 30/11/2010 cho hộ ông Hồ Đắc Duy M và bà Trịnh Thị V.

Tôi tham gia đấu giá tài sản là nhằm mục đích mua được tài sản đấu giá để thực hiện việc xây dựng nhà nghỉ cho thuê lưu trú. Kết quả đấu giá thành, tôi là người đã trúng đấu giá quyền sử dụng đối với tài sản nêu trên và các bên tiến hành ký Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 06/2019/HĐMB-TSĐG ngày 25/3/2019 (viết tắt là Hợp đồng 06). Tuy nhiên, sau khi trúng đấu giá, tôi có đề nghị kiểm tra lại thông tin quy hoạch tại UBND phường T, thành phố B. Kết quả Phòng quản lý đô thị thành phố B (viết tắt là Phòng quản lý đô thị) xác định thửa đất - tài sản đấu giá nói trên đang thuộc quy hoạch làm đường nên không được cấp phép xây dựng.

Ngày 08/4/2019, tôi đã làm đơn kiến nghị đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B (viết tắt là Chi cục Thi hành án) tạm ngừng nộp tiền theo hợp đồng số 06 để kiểm tra cụ thể nội dung quy hoạch thực tế và hủy kết quả bán đấu giá. Ngày 09/4/2019, Chi cục Thi hành án ban hành Công văn 2509 yêu cầu Phòng Tài nguyên môi trường và Phòng quản lý đô thị cung cấp thông tin quy hoạch đối với thửa đất

nói trên. Tuy nhiên, đơn đề nghị của tôi không được Chi cục Thi hành án chấp nhận dừng việc nộp tiền.

Đến ngày 03/5/2019, Phòng quản lý đô thị có Công văn số 50/QLĐT-QH trả lời rõ thửa đất nêu trên thuộc đất quy hoạch làm đường, việc cấp giấy phép xây dựng nếu có chỉ có thời hạn và chủ đầu tư phải tự phá dỡ công trình khi hết thời hạn ghi trong giấy phép xây dựng.

Như vậy, bên có tài sản bán đấu giá - Chi cục Thi hành án, bên Công ty thẩm định giá và bên tổ chức bán đấu giá - Công ty đấu giá hợp danh B (viết tắt là Công ty đấu giá) và kể cả Văn phòng Công chứng Đ đã không thực hiện đúng trách nhiệm thu thập, xác minh chính xác thông tin tài sản bán đấu giá. Việc tiến hành thủ tục, trình tự bán đấu giá tài sản của Công ty đấu giá và kết quả bán đấu giá tài sản (kèm theo việc ký hợp đồng 06) là không đảm bảo việc cung cấp minh bạch, đầy đủ thông tin về tài sản được mang ra bán đấu giá. Từ đó làm sai lệch thông tin, giá trị của tài sản bán đấu giá, dẫn đến mục đích tham gia mua bán tài sản bán đấu giá của tôi không thực hiện được và đã xâm phạm, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tôi.

Trên thực tế cả quá trình tham gia đấu giá thì tôi chỉ được biết thông tin theo thông báo bán đấu giá tài sản và quy chế bán đấu giá tài sản (trong đó không hề thể hiện nội dung quy hoạch). Ngoài ra tôi không được nhận, không được đọc biên bản kê biên tài sản ngày 12/10/2018 hay văn bản, tài liệu nào có thông tin về thửa đất đấu giá đã bị quy hoạch. Việc công ty đấu giá đưa tôi ký vào biên bản xác nhận xem tài sản ngày 15/3/2019 trong đó soạn sẵn nội dung cam kết của tôi và thể hiện có danh mục hồ sơ tài sản là không đúng. Bên cạnh đó, Chi cục Thi hành án cho ký biên bản giao nhận tài sản bán đấu giá thành ngày 08/5/2019 cũng soạn sẵn nội dung cam kết cho tôi, đồng thời khi đó Chi cục Thi hành án đã nhận công văn trả lời của Phòng quản lý đô thị nhưng chỉ sau khi ký biên bản giao tài sản thì mới thông báo nội dung quy hoạch cho tôi biết là cố tình che giấu thông tin.

Do đó tôi yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Hủy kết quả bán đấu giá tài sản do Công ty đấu giá hợp danh B tổ chức ngày 25/3/2019 và hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 06/2019/HĐMB-TSĐG ngày 25/3/2019 vì vô hiệu;

2. Buộc Công ty đấu giá hợp danh B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B trả lại số tiền 3.503.783.000 đồng mà tôi đã nộp khi tham gia đấu giá tài sản. Đồng thời yêu cầu các bị đơn có nghĩa vụ trả tiền lãi tính trên số tiền tổng cộng 3.503.783.000 đồng theo mức lãi suất không kỳ hạn mà pháp luật quy định.

3. Yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B làm thủ tục để cơ quan thuế phải hoàn trả lại cho tôi tiền thuế, lệ phí trước bạ là 17.518.915 đồng;

4. Yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B làm thủ tục để cơ quan thuế hoàn lại số tiền 70.075.660 đồng để trả lại cho người có tài sản.

Ngoài ra, đề nghị Tòa án kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hủy nội dung điều chỉnh biến động sang tên tôi trong GCNQSD đất nói trên theo quy định của pháp luật.

*** Người đại diện bị đơn - Công ty đấu giá hợp danh B trình bày:**

Ngày 10/01/2019, Công ty đấu giá ký Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 10/2019/HĐ-DVĐG với Chi cục Thi hành án về việc thực hiện đấu giá tài sản là QSD đất của hộ ông M và bà V, địa chỉ tài sản đấu giá tại: Phường T, thành phố B. Sau khi ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản Công ty ban hành Quy chế cuộc đấu giá tài sản số 10/2019/QC-ĐGTS và Thông báo về việc đấu giá tài sản số 10/2019/TB-ĐGTS cùng ngày 14/01/2019.

Công ty đấu giá đã tiến hành niêm yết và thông báo công khai về việc đấu giá tài sản theo quy định Điều 35, Điều 57 Luật đấu giá tài sản 2016. Tuy nhiên, hết thời hạn đăng ký tham gia đấu giá tài sản trên không có người nào đăng ký tham gia đấu giá tài sản. Do đó, ngày 19/02/2019, Công ty đấu giá đã có Công văn số 55/2019/BMX về việc không có người đăng ký tham gia đấu giá tài sản gửi Chi cục Thi hành án để tiếp tục giải quyết theo quy định.

Ngày 25/02/2019, Công ty đấu giá ký Phụ lục Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 27/2019/PLHĐ-DV với Chi cục Thi hành án về việc tiếp tục thực hiện đấu giá tài sản là QSD đất nói trên của hộ ông M và bà V. Ngày 25/02/2019, Công ty đấu giá ban hành Quy chế cuộc đấu giá tài sản số 27/2019/QC-ĐGTS và Thông báo về việc đấu giá tài sản số 27/2019/TB-ĐGTS. Công ty đấu giá đã tiến hành niêm yết và thông báo công khai về việc đấu giá tài sản theo quy định Điều 35, Điều 57 Luật đấu giá tài sản 2016, cụ thể: Niêm yết thông báo về việc đấu giá tài sản tại trụ sở của Công ty đấu giá ngày 26/02/2019; Niêm yết tại trụ sở UBND phường T ngày 26/02/2019; Thông báo công khai về việc đấu giá tài sản trên Báo Pháp luật Việt Nam vào ngày 27/02 và 02/03/2019.

Trong thời gian đăng ký tham gia đấu giá tài sản theo Thông báo của Công ty có 02 khách hành đã liên hệ với Công ty mua hồ sơ tham gia đấu giá là ông Nguyễn Lương B và ông Nguyễn Đ. Sau khi tham khảo hồ sơ, khách hàng đã biết rõ tình trạng pháp lý tài sản đấu giá nằm trong diện tích đất quy hoạch đường giao thông (quy hoạch 24m) nhưng chưa có quyết định thu hồi và khách hàng đi xem hiện trạng tài sản đấu giá. Hai khách hàng là ông B và ông Đ đã tìm hiểu rõ về tình trạng pháp lý của tài sản đấu giá, cam kết chấp nhận mua tài sản theo đúng hiện trạng, chất lượng tài sản và không có bất kỳ khiếu nại nào liên quan đến tài sản đấu giá (có biên bản xác nhận xem tài sản của 02 khách hàng ngày 15/3/2019 và 18/3/2019 ký xác nhận).

Việc tổ chức đấu giá tài sản có sự tham gia của 02 khách hàng đã đăng ký tham gia đấu giá là ông B và ông Đ, có sự tham dự chứng kiến của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án - ông Tô Thành Tr, người phải thi hành án là bà V. Sau khi cuộc

đấu giá tài sản kết thúc, khách hàng trúng đấu giá là ông B, Chi cục Thi hành án và Công ty đấu giá tiến hành ký Hợp đồng 06.

Như vậy, ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy kết quả bán đấu giá tài sản ngày 25/3/2019 và tuyên bố hợp đồng 06 là vô hiệu, buộc Công ty đấu giá và Chi cục Thi hành án trả lại tài sản, Hoàn trả lại các khoản tiền thuế, lệ phí trước bạ (17.518.915 đồng); Tiền thuế thu nhập cá nhân (70.075.660 đồng); Yêu cầu tính lãi suất trên số tiền 3.503.783.000 đồng theo quy định của pháp luật là hoàn toàn không có căn cứ. Công ty đấu giá đã thực hiện việc đấu giá tài sản theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

*** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - Chi cục Thi hành án thành phố B có ý kiến:**

Chi cục Thi hành án tổ chức thi hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 53/2018/QĐST-DS ngày 20/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và Quyết định thi hành án số 2872/QĐ-CCTHADS ngày 02/7/2018 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án đối với người phải thi hành án là bà V.

Quá trình thi hành án: Chấp hành viên lập biên bản về việc kê khai tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án do bà Viễn cung cấp chỉ có 01 tài sản duy nhất là nhà và đất tại số 44 Nguyễn Xuân Ng, phường T, thành phố B cấp cho hộ gia đình ông M và bà V để thi hành án. Hộ gia đình ông M và bà V hoàn toàn hợp tác và tự nguyện thi hành án.

Ngày 10/10/2018, chấp hành viên ban hành Quyết định số 03/QĐ-CCTHADS về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình ông M và bà V để thi hành án theo quy định.

Ngày 10/01/2019, Chấp hành viên ký hợp đồng bán đấu giá tài sản kê biên với Công ty đấu giá để tiến hành bán đấu giá tài sản kê biên.

Ngày 25/02/2019, chấp hành viên ký phụ lục hợp đồng lần 1 để tiếp tục tổ chức bán đấu giá tài sản với Công ty đấu giá do không có người đăng ký.

Ngày 25/3/2019, Công ty đấu giá tổ chức bán đấu giá thành tài sản, người mua trúng đấu giá là ông B, giá đấu trúng là 3.503.783.000 đồng.

Ngày 26/4/2019, ông B đã nộp đủ tiền mua tài sản tại Chi cục Thi hành án.

Ngày 08/5/2019, chấp hành viên tiến hành bàn giao tài sản cho người mua trúng đấu giá. Cùng ngày, chấp hành viên ban hành Công văn số 2871/CCTHADS-CHV về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người mua trúng đấu giá tài sản.

Ngày 21/5/2019, ông B đã nộp thay tiền thuế thu nhập cá nhân đối với tài sản mua trúng đấu giá. Số tiền nộp thuế thu nhập cá nhân là 70.075.660 đồng.

Ngày 23/5/2019, Chi cục Thi hành án đã chi tiền thuế thu nhập cá nhân cho ông B và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B đã làm xong thủ tục

đăng ký biến động quyền sử dụng đất tại trang 4 của GCQSD đất cho ông Nguyễn Lương B theo đúng quy định của pháp luật.

Việc ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy kết quả bán đấu giá tài sản theo Hợp đồng 06 là không có cơ sở và không đúng theo quy định của pháp luật, bởi vì:

- Khoản 2 Điều 110 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 quy định: *"Người phải thi hành án chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc thuộc diện quy hoạch phải thu hồi đất, nhưng chưa có quyết định thu hồi đất thì vẫn được kê biên, xử lý quyền sử dụng đất đó"*.

- Tại biên bản xác nhận xem tài sản do Công ty bán đấu giá lập ngày 15/3/2019 thì ông B cam kết chấp nhận mua tài sản và không có bất kỳ khiếu nại nào liên quan đến tài sản đấu giá.

Vậy, chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Lương B theo quy định của pháp luật.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trịnh Thị V, ông Hồ Đắc Duy M, anh Hồ Đắc Hoàng M và chị Hồ Đắc Yến Nh trình bày:**

Ngày 25/3/2019, Công ty bán đấu giá và Chi cục Thi hành án tổ chức bán đấu giá tài sản, bà Viễn là người phải thi hành án. Tài sản bán đấu giá thành là 3.503.783.000 đồng, do ông B là người mua tài sản. Sau đó, Chi cục Thi hành án tiến hành cưỡng chế và bàn giao tài sản vào ngày 08/5/2019. Ngày 13/5/2019, gia đình tôi phải rời khỏi căn nhà trên và vợ chồng tôi cùng ông B có lập biên bản bàn giao nhà, nhận nhà có chữ ký của vợ chồng tôi, ông B để nộp cho thi hành án.

Những vấn đề ông B yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng 06 là không đúng theo quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi, sinh hoạt của hộ gia đình chúng tôi. Hộ gia đình chúng tôi không đồng ý nhận lại nhà.

*** Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Phạm Thanh Ph, Bà Lương Thị Th trình bày**

Ông B yêu cầu hủy kết quả đấu giá, trả lại tài sản là không có cơ sở, vì: Ông B đã ký nhận biên bản giao nhận tài sản trúng đấu giá, có cơ quan xác nhận; Ông B đã cam đoan chịu trách nhiệm về việc này. Do đó người được thi hành án là ông Ph, bà Th không đồng ý với yêu cầu của ông B.

*** Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty cổ phần đầu tư và thẩm định giá HTC trình bày:**

Công ty cổ phần đầu tư và thẩm định giá HTC (viết tắt là Công ty thẩm định giá) có biết tài sản thẩm định giá nằm trong quy hoạch theo biên bản kê biên xử lý tài sản ngày 12/1/2018 của Chi cục thi hành án. Việc thửa đất nằm trong quy hoạch đường giao thông nhưng chưa có quyết định thu hồi đất không làm thay đổi kết quả thẩm định giá tài sản. Việc thẩm định giá được tiến hành vào ngày 30/11/2018 và

có biên bản thẩm định hiện trạng, báo cáo thẩm định giá (trong đó có thông tin quy hoạch theo biên bản kê biên tài sản) nhưng Công ty thẩm định không giao cho Chi cục Thi hành án hay Công ty đấu giá; Còn chứng thư thẩm định giá gửi cho Chi cục thi hành án thì lại ghi nhầm là thửa đất không nằm trong khu vực quy hoạch (đúng ra phải ghi là nằm trong khu vực quy hoạch).

* Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Văn phòng Công chứng Đ và bà Đào Thị Ph không tham gia tố tụng.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 88/2019/DS-ST ngày 17/10/2019 và Quyết định đính chính bản án số 27 ngày 04/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã tuyên xử:

Áp dụng các Điều 123, 127, 131, 407 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 102 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Khoản 2, khoản 4 Điều 9, khoản 3 Điều 33, khoản 4 Điều 72, 73 Luật Đấu giá tài sản;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Nguyễn Lương B.

1. Buộc Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trả cho ông Nguyễn Lương B số tiền 3.503.783.000 đồng và số tiền lãi phát sinh đối với số tiền 3.503.783.000 đồng theo mức lãi suất không kỳ hạn (0,2%/năm) của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk, tính từ ngày 26/4/2019 đến khi Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B trả hết số tiền nói trên cho ông Nguyễn Lương B.

2. Ông Nguyễn Lương B có trách nhiệm giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 778860 (đối với diện tích 183.9m^2, nguồn gốc: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; thuộc thửa đất số 144, tờ bản đồ số 53, tại Tổ dân phố 7, phường T, do UBND thành phố B cấp ngày 30/11/2010 cho hộ ông Hồ Đắc Duy M và bà Trịnh Thị V) cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B để tiếp tục thực hiện việc kê biên xử lý tài sản để thi hành án theo quy định pháp luật.

3. Kiến nghị Chi cục thuế thành phố B hoàn trả lại cho ông Nguyễn Lương B khoản tiền thuế, lệ phí trước bạ đã nộp là 17.518.915 đồng;

4. Kiến nghị Chi cục thuế thành phố B hoàn trả lại cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B khoản tiền thuế thu nhập cá nhân 70.075.660 đồng (do ông ông Nguyễn Lương B đã nộp thay);

5. Kiến nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B hủy nội dung điều chỉnh biến động sang tên cho ông Nguyễn Lương B tại trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số BB

778860 ngày cấp 30/11/2010 cho hộ ông Hồ Đắc Duy M và bà Trịnh Thị V theo quy định của pháp luật.

Cùng ngày 28/10/2019, bị đơn là Công ty đấu giá hợp danh B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Đắc Duy M, vợ chồng ông Phạm Thanh Ph – bà Lương Thị Bích Th kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Những người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk phát biểu quan điểm như sau:

* *Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS.

* *Về nội dung:*

- Trước khi tiến hành kê biên, xử lý tài sản, Chi cục Thi hành án không xác minh thông tin việc QSD đất đó có bị quy hoạch hay không và có đủ điều kiện để tiến hành kê biên, xử lý tài sản để thi hành án hay không là không đúng thủ tục.

- Chứng thư thẩm định giá và phụ lục kèm theo thể hiện đặc điểm khác của tài sản là *"Không nằm trong khu vực quy hoạch"*. Trong khi đó theo báo cáo thẩm định giá và biên bản thẩm định hiện trạng của Công ty thẩm định giá đều thể hiện thông tin QSD đất nằm trong quy hoạch đường giao thông nhưng khi nhận được chứng thư thẩm định giá thì Chi cục Thi hành án không có ý kiến hay yêu cầu Công ty thẩm định giá làm rõ mà sử dụng kết quả đó để tiến hành ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản dẫn đến sai lệch thông tin ban đầu về giá thị trường của tài sản.

- Quá trình bán đấu giá, Công ty bán đấu giá đã ban hành Quy chế cuộc đấu giá tài sản và Thông báo về việc đấu giá tài thể hiện: *"Mục đích sử dụng đất: Đất ở đô thị"; "Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài"*. Không thể hiện thông tin thửa đất thuộc khu vực quy hoạch. Mặt khác, tại phiên tòa, đại diện Công ty bán đấu giá xác nhận: Công ty không lập *"danh mục hồ sơ tài sản"* như ghi trong biên bản xác nhận xem tài sản mà ông B ký ngày 15/3/2019. Bên cạnh đó, tại biên bản thỏa thuận về việc nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá ngày 15/3/2019 cũng đã thể hiện rõ ý kiến của ông B: *"Sau khi tham khảo Thông báo, quy chế cuộc đấu giá tài sản của Công ty đấu giá..."*. Do đó có căn cứ xác định thực tế ông B chỉ được tham khảo 02 văn bản là Quy chế và Thông báo về việc đấu giá tài sản mà trong đó không thể hiện đầy đủ thông tin về QSD đất được đấu giá thuộc diện quy hoạch. Như vậy Công ty bán đấu giá đã không thông báo, cung cấp đầy đủ, chính xác những thông tin cần thiết có liên quan đến tài sản đấu giá (đặc biệt là thông tin thể hiện QSD đất bị quy hoạch), làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của người mua tài sản đấu giá.

- Ngày 08/4/2019, ông B có đơn kiến nghị gửi Chi cục Thi hành án đề nghị tạm dừng nộp tiền theo hợp đồng 06 để kiểm tra quy hoạch thực tế và nếu có quy hoạch thì đề nghị Chi cục Thi hành án hủy kết quả bán đấu giá, trả lại tiền cho ông B. Sau khi

nhận được công văn trả lời của Phòng quản lý đô thị, Chi cục thi hành án không thông báo, không giải quyết khiếu nại cho ông B cũng là vi phạm quy định.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B là có căn cứ. Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của TAND thành phố Buôn Ma Thuột.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa lần thứ 2, Đại diện Văn phòng công chứng Đ, Đại diện Công ty thẩm định giá và bà Đào Thị Ph vắng mặt, do đó căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Ngày 25/3/2019, ông Nguyễn Lương B ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 06/2019/HĐMB-TSĐG với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B (Bên có tài sản đấu giá) và Công ty đấu giá hợp danh B (Bên Tổ chức đấu giá tài sản). Tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của hộ ông Hồ Đắc Duy M và bà Trịnh Thị V đã được Chi cục Thi hành án ban hành quyết định cưỡng chế, kê biên. Tài sản trị giá 3.503.783.000 đồng. Đến ngày 26/4/2019, ông B nộp đủ tiền mua tài sản tại Chi cục Thi hành án. Ngày 08/5/2019, chấp hành viên tiến hành bàn giao tài sản cho người mua trúng đấu giá. Sau khi ông B thực hiện nộp số tiền 70.075.660 đồng thuế thu nhập cá nhân và nộp thuế, lệ phí trước bạ số tiền 17.518.915 đồng, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B đã làm thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất tại trang 4 của GCNQSD đất cho ông B.

Tuy nhiên, ông B khởi kiện yêu cầu tuyên bố kết quả đấu giá tài sản và Hợp đồng mua bán tài sản số 06 vô hiệu với lý do quá trình tham gia đấu giá tài sản, ông B không được cung cấp thông tin thửa đất mà ông B mua thuộc khu vực có quy hoạch.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy:

3.1. Việc bán đấu giá tài sản:

Khi ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, Chi cục Thi hành án cung cấp cho Công ty đấu giá giấy tờ pháp lý của Tài sản bán đấu giá, trong đó chỉ có Biên bản kê biên, xử lý tài sản ngày 12/10/2018 có thể hiện thông tin thửa đất bán đấu giá thuộc khu vực quy hoạch (BL148). Tuy nhiên, quá trình tổ chức đấu giá tài sản, Công ty đấu giá tài sản ban hành Thông báo về việc đấu giá tài sản (BL 75) và Quy chế cuộc đấu giá (BL73) cùng ngày 25/02/2019. Thông tin về tài sản đấu giá tại mục *"Mục đích sử dụng đất là Đất ở tại đô thị; Thời hạn sử dụng: Lâu dài"*, không thể

hiện thông tin thửa đất thuộc khu vực quy hoạch phân khu xây dựng được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, công bố. Tại biên bản xác nhận xem tài sản lập ngày 15/3/2019 (BL 131), thể hiện nội dung: *"Ông Nguyễn Lương B đã được xem kỹ hiện trạng, chất lượng tài sản đấu giá. Hiện trạng, chất lượng tài sản đầy đủ theo đúng miêu tả trên danh mục hồ sơ tài sản đã được Công ty đấu giá cung cấp, ông B cũng đã được xem giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản và các tài liệu liên quan đến tài sản"*. Tuy nhiên, biên bản này không thể hiện rõ tài liệu liên quan đến tài sản là tài liệu gì, có thể hiện thông tin thửa đất thuộc khu vực quy hoạch hay không? Trong khi đó, Giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản lại không thể hiện thửa đất thuộc quy hoạch. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, đại diện Công ty bán đấu giá xác nhận: Công ty sơ xuất không lập "danh mục hồ sơ tài sản" như ghi trong biên bản xác nhận xem tài sản. Như vậy, Biên bản xác nhận xem tài sản được đánh máy sẵn đã không thể hiện đúng thực tế. Tại biên bản thỏa thuận về việc nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá lập ngày 15/3/2019 (BL94), phần ý kiến của người tham gia đấu giá (ông B) thể hiện: "Sau khi tham khảo Thông báo, quy chế cuộc đấu giá tài sản của Công ty đấu giá", không thể hiện ông B được tham khảo, được cung cấp văn bản nào khác liên quan đến tài sản đấu giá. Quy chế và Thông báo về việc đấu giá tài sản mà ông B được tham khảo lại không thể hiện đầy đủ thông tin về QSD đất bán đấu giá. Nội dung của Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 06 ngày 25/3/2019, cũng không thể hiện đặc điểm thông tin thửa đất thuộc khu vực quy hoạch.

Như vậy, có cơ sở khẳng định khi ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, ông Nguyễn Lương B đã không được cung cấp đầy đủ thông tin về quyền sử dụng đất. Điều này hoàn toàn phù hợp với diễn biến thực tế là sau khi ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, vào ngày 08/4/2019, ông Nguyễn Lương B có đơn khiếu nại, đề nghị Chi cục Thi hành án tạm dừng nộp tiền, kiểm tra quy hoạch và có Công văn trả lời, nếu có quy hoạch thì đề nghị hủy kết quả đấu giá và trả lại tiền. Ngày 09/4/2019, Chi cục Thi hành án có Công văn số 2509 gửi Phòng quản lý đô thị và Phòng Tài nguyên - Môi trường thành phố B đề nghị cung cấp thông tin theo yêu cầu của ông Nguyễn Lương B. Ngày 03/5/2019, Phòng quản lý đô thị mới cung cấp thông tin: *"Quyền sử dụng thửa đất số 144, tờ bản đồ số 53 phường T thuộc quy hoạch đất đường giao thông, được cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn. Chủ đầu tư cam kết tự phá dỡ công trình khi hết thời hạn tồn tại trong Giấy phép xây dựng, nếu không tự phá dỡ thì bị cưỡng chế và chịu mọi chi phí cho việc cưỡng chế"*. Việc Chi cục Thi hành án và Công ty đấu giá cho rằng trước khi ông B ký hợp đồng mua tài sản đấu giá đã được biết thông tin thửa đất thuộc quy hoạch là mâu thuẫn với nội dung đề nghị cung cấp thông tin tại Công văn số 2509 ngày 09/4/2019 của Chi cục Thi hành án. Sau khi nhận được Công văn trả lời của Phòng quản lý đô thị, Chi cục thi hành án không thông báo cho ông B biết và cũng không xem xét, giải quyết đơn

khiếu nại của ông Nguyễn Lương B mà ban hành Công văn số 2871/CCTHADS-CHV ngày 08/5/2019 đề nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Lương B (BL 115) và tiến hành bàn giao tài sản trúng đấu giá cho ông B vào cùng ngày (BL 117) là chưa xem xét, giải quyết triệt để quyền lợi của ông B.

3.2. Việc thực hiện hợp đồng mua bán:

Tại Mục 11 của quy chế đấu giá tài sản quy định về thời hạn thanh toán tiền mua tài sản đấu giá "Thời hạn thanh toán chậm nhất là vào ngày 08/4/2019... Quá thời hạn nêu trên, nếu người mua trúng không thanh toán đủ số tiền mua tài sản đấu giá, coi như người trúng đấu giá từ chối mua tài sản và số tiền đặt cọc thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan". Như vậy, việc ông Nguyễn Lương B nộp toàn bộ số tiền mua tài sản đấu giá là không hoàn toàn tự nguyện vì sẽ chịu hậu quả của việc không thanh toán như quy chế đã nêu.

3.3. Về giá trị tài sản:

Tại chứng thư thẩm định giá ngày 04/12/2018 và phụ lục kèm theo thể hiện rõ đặc điểm khác của tài sản là *"Không nằm trong khu vực quy hoạch"*. Trong khi đó theo báo cáo thẩm định giá và biên bản thẩm định hiện trạng của Công ty thẩm định giá thể hiện thông tin QSD đất nằm trong quy hoạch đường giao thông. Như vậy, kết quả thẩm định giá tài sản còn nhiều mâu thuẫn chưa được làm rõ. Khi nhận được chứng thư thẩm định giá, Chi cục Thi hành án không có ý kiến hay yêu cầu Công ty thẩm định giá làm rõ mà sử dụng kết quả đó để tiến hành ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với Công ty bán đấu giá, dẫn đến sai lệch thông tin về giá thị trường của tài sản.

Từ những nhận định trên, xét thấy, quá trình thẩm định giá, bán đấu giá tài sản đã không công khai đầy đủ, chính xác thông tin tài sản bán đấu giá, xâm hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Lương B, Tuyên bố kết quả bán đấu giá tài sản ngày 25/3/2019 và hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 06/2019/HĐMB-TSĐG ngày 25/3/2019 vô hiệu là có căn cứ. Mặt khác, Chi cục Thi hành án (bên có tài sản bán đấu giá) cũng không kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Do đó, không có sơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn - Công ty bán đấu giá tài sản, và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về việc đính chính bản án: Phần nhận định của bản án đã nhận định đầy đủ các vấn đề phải giải quyết trong vụ án, nội dung đính chính trong phần quyết định là phù hợp với nội dung nhận định nên cần chấp nhận. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong quá trình phát hành bản án.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên những người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty đấu giá hợp danh B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Đắc Duy M, ông Phạm Thanh Ph, bà Lương Thị Th. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 88/2019/DS-ST ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

Áp dụng các Điều 123, 127, 131, 407 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 102 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Khoản 2, khoản 4 Điều 9, khoản 3 Điều 33, khoản 4 Điều 72, 73 Luật Đấu giá tài sản;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Nguyễn Lương B.

1. Tuyên bố kết quả bán đấu giá tài sản ngày 25/3/2019 đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 778860 do UBND thành phố B cấp ngày 30/11/2010 cho hộ ông Hồ Đắc Duy M và bà Trịnh Thị V, và giao dịch mua bán tài sản theo Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 06/2019/HĐMB-TSĐG ngày 25/3/2019 đã được công chứng ngày 25/3/2019 tại Văn phòng công chứng Đ là vô hiệu.

2. Buộc Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trả cho ông Nguyễn Lương B số tiền 3.503.783.000 đồng *(Ba tỷ năm trăm lẻ ba triệu bảy trăm tám ba ngàn đồng - do ông B đã nộp để mua tài sản bán đấu giá)* và số tiền lãi phát sinh đối với số tiền 3.503.783.000 đồng theo mức lãi suất không kỳ hạn (0,2%/năm) của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk, tính từ ngày 26/4/2019 đến khi Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B trả hết số tiền nói trên cho ông Nguyễn Lương B.

3. Ông Nguyễn Lương B có trách nhiệm giao lại tài sản trên đất (theo biên bản giao, nhận tài sản bán đấu giá thành ngày 08/5/2019) và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 778860 (đối với diện tích 183.9m^2, nguồn gốc: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; thuộc thửa đất số 144, tờ bản đồ số 53, tại Tổ dân phố 7, phường T, do UBND thành phố B cấp ngày 30/11/2010 cho hộ ông Hồ Đắc Duy M và bà Trịnh Thị V, đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B điều chỉnh biến động sang tên cho ông Nguyễn Lương B) cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B để tiếp tục thực hiện việc kê biên, xử lý tài sản để thi hành án theo quy định của pháp luật.

4. Kiến nghị Chi cục thuế thành phố B hoàn trả lại cho ông Nguyễn Lương B khoản tiền thuế, lệ phí trước bạ đã nộp là 17.518.915 đồng.

5. Kiến nghị Chi cục thuế thành phố B hoàn trả lại cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B khoản tiền thuế thu nhập cá nhân 70.075.660 đồng (do ông ông Nguyễn Lương B đã nộp thay).

6. Kiến nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B hủy nội dung điều chỉnh biến động sang tên cho ông Nguyễn Lương B tại trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số BB 778860 do UBND thành phố B cấp ngày 30/11/2010 cho hộ ông Hồ Đắc Duy M và bà Trịnh Thị V theo quy định của pháp luật.

7. Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

7.1. Án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Lương B được nhận lại số tiền tổng cộng 2.789.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số 0001639 ngày 03/6/2019, số 0001862 và số 0001863 cùng ngày 28/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Công ty đấu giá hợp danh B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

7.2. Án phí phúc thẩm:

- Công ty đấu giá hợp danh B, ông Hồ Đắc Duy M, ông Phạm Thanh Ph, bà Lương Thị Th mỗi đương sự phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 0005230, 0005236, 0005237, 0005238 cùng ngày 12/11/2019 (đều do bà Trịnh Thị V nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

7.3. Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản: Ông Nguyễn Lương B tự nguyện chịu số tiền 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Số tiền này ông Nguyễn Lương B đã nộp đủ tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo phiếu thu số 123 ngày 22/7/2019.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS tp B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hường

PHỤ LỤC 07

QUY CHẾ CUỘC ĐẤU GIÁ

Theo khoản 2 Điều 34 Luật Đấu giá tài sản năm 2016, Quy chế cuộc đấu giá bao gồm những nội dung chính sau đây:

a) Tên tài sản hoặc danh mục tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá; nơi có tài sản đấu giá; giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đấu giá;

b) Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá;

c) Thời gian, địa điểm bán hồ sơ tham gia đấu giá;

d) Giá khởi điểm của tài sản đấu giá trong trường hợp công khai giá khởi điểm;

đ) Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước;

e) Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá;

g) Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá;

h) Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá;

i) Các trường hợp bị truất quyền tham gia đấu giá; các trường hợp không được nhận lại tiền đặt trước.

PHỤ LỤC 08
BẢN ÁN SỐ 105/2017/DS-PT NGÀY 21/6/2017
CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2017/DS-PT
Ngày: 21-6-2017
V/v tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Đồng.

Các Thẩm phán:

Bà Võ Thị Hồng Mai;

Bà Nguyễn Thị An Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Ông Trần Quốc Vương, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 19 tháng 12 năm 2016; ngày 16, 21 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2016/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2016, về "Tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản, thanh toán phí tổn đăng ký mua tài sản bán đấu giá theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự"; do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 104/2016/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2016, của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 286/2016/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2016, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Ấp L2, xã L3, huyện L4, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Phạm Thanh Đ, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Đường Đ2, khu phố Đ3, phường Đ4, quận Đ5, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 01 tháng 12 năm 2015); có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đấu giá KH; địa chỉ trụ sở: Số KH1, tỉnh lộ KH2, ấp KH3, xã KH4, huyện KH5, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Tô Thị Thủy T - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: Số H1, hẻm H2, đường H3, khu phố H4, Phường H5, thành phố H6, tỉnh Tây Ninh (theo Giấy ủy quyền ngày 13 tháng 6 năm 2017); có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chi cục Thi hành án dân sự huyện L4, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ trụ sở: Khu phố L4, thị trấn L4, huyện L4, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn C- Chi cục trưởng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Ông Nguyễn Văn M - Chấp hành viên (theo Giấy ủy quyền ngày 28 tháng 01 năm 2016); có mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim L là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Thanh Đ trình bày:

Ngày 02-10-2014, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đấu giá KH (viết tắt là Công ty KH) tổ chức bán đấu giá phần đất diện tích 219 m^2 (trong đó có 100 m^2 đất ONT), thuộc thửa 97, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn L4, huyện L4, tỉnh Tây Ninh; do Chi cục Thi hành án dân sự huyện L4 (viết tắt là Thi hành án huyện L4) kê biên, cưỡng chế của ông Trần Thanh D và bà Lê Kim H để thi hành án. Bà L đã mua trúng giá 213.900.000 đồng, theo Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số: 392/2014/HĐMB-KH ngày 02-10-2014.

Ngày 10-10-2014, Thi hành án huyện L4 đã giao tài sản bán đấu giá cho bà L, bà L đã được Ủy ban nhân dân huyện L4 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00273 ngày 31-12-2014, diện tích 219 m^2.

Năm 2015, bà L xây nhà thì bị cán bộ địa chính thị trấn L4 ngăn cản vì trong diện tích 219 m^2 đất của bà L mua đấu giá có 154 m^2 nằm trong quy hoạch đường giao thông, bà L không được phép xây dựng; trừ đất quy hoạch bà L chỉ còn diện tích 65 m^2, chiều ngang 1,6 m, không thể sử dụng được.

Bà L yêu cầu Công ty KH và Thi hành án huyện L4 giải thích và được trả lời là khi kê biên, cưỡng chế, bán đấu giá không biết đất đã quy hoạch.

Bà L đã bị nhầm lẫn khi mua đấu giá, nguyên nhân dẫn đến nhầm lẫn là do Thi hành án huyện L4 và Công ty KH không cung cấp thông tin về đất có quy hoạch, làm cho bà L bị thiệt hại là được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có đất ở nhưng không được xây nhà.

Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu tuyên bố giao dịch bán đấu giá tài sản giữa bà và Công ty KH là vô hiệu, yêu cầu Công ty KH phải trả lại cho bà L số tiền

213.900.000 đồng đã nộp khi mua đấu giá; Công ty KH và Thi hành án huyện L4 phải liên đới bồi thường cho bà L các thiệt hại phát sinh gồm: Tiền thuế, phí đã nộp cho Công ty KH là 1.069.500 đồng; tiền lãi của số tiền 213.900.000 đồng, tính từ ngày nộp tiền đến ngày xét xử sơ thẩm là 15.069.500 đồng; tổng cộng là 230.069.500 đồng, yêu cầu tính tròn là 230.000.000 đồng.

Bà L chấp nhận trả lại tài sản đã mua đấu giá và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp.

Bị đơn - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đấu giá KH do bà Tô Thị Thủy T là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 18-8-2014, Thi hành án huyện L4 và Công ty KH ký Hợp đồng số: 392/2014/HĐ-KH để bán đấu giá tài sản thi hành án là 02 phần đất, trong đó có phần đất diện tích 219 m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H02406 ngày 04-8-2008, ông Trần Thanh D, bà Lê Kim H đứng tên. Công ty đã tiến hành bán đấu giá theo quy định pháp luật.

Theo Biên bản bán đấu giá tài sản ngày 02-10-2014 và Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số: 392/2014/HĐMB-KH ngày 02-10-2014, giữa công ty và bà Nguyễn Thị Kim L thì bà L là người mua trúng đấu giá 219 m^2 đất nêu trên, đã nộp đủ tiền mua đấu giá là 213.900.000 đồng và 1.069.500 đồng tiền thuế, phí mua đấu giá. Số tiền 213.900.000 đồng đo bà L nộp, công ty đã giao cho Thi hành án huyện L4 vào ngày 14-10-2014.

Thông tin về việc đất bán đấu giá có 154 m^2 nằm trong quy hoạch, công ty không thông báo cho bà L biết được vì khi ký hợp đồng với công ty, cơ quan có tài sản bán đấu giá là Thi hành án huyện L4 đã không cung cấp thông tin này. Theo quy định tại Điều 47 của Nghị định số: 17/2010/NĐ-CP ngày 04-3-2010, của Chính phủ về bán đấu giá tài sản thì tổ chức bán đấu giá không chịu trách nhiệm về giá trị, chất lượng của tài sản bán đấu giá.

Công ty KH đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ đã giao kết trong hợp đồng giữa công ty với Thi hành án huyện L4 và hợp đồng bán đấu giá giữa công ty với bà L nên không chấp nhận hủy kết quả bán đấu giá, không chấp nhận bồi thường theo yêu cầu khởi kiện của bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Chi cục Thi hành án dân sự huyện L4, do ông Nguyễn Văn M đại diện trình bày:

Ngày 18-8-2014, ông đại diện cho Thi hành án huyện L4 ký Hợp đồng số: 392/2014/HĐ-KH với Công ty KH, bán đấu giá tài sản là 219 m^2 đất của ông Trần Thanh D và bà Lê Kim H để cưỡng chế thi hành án.

Trước khi tiến hành bán đấu giá tài sản, Thi hành án huyện L4 đã có phiếu yêu cầu Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện L4 cung cấp thông tin về tài sản bán đấu giá; khi kê biên tài sản để bán đấu giá thì cán bộ địa chính của thị trấn L4 có tham gia và vẽ sơ đồ hiện trạng đất kê biên của ông Trần Thanh D, bà Lê Kim H nhưng họ không thông báo phần đất kê biên của ông Trần Thanh D, bà Lê Kim H có nằm trong quy hoạch lộ giới.

Bà L mua trúng giá, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nếu bị quy hoạch thì sẽ được Nhà nước bồi thường thỏa đáng theo quy định pháp luật.

Mặt khác, theo chứng thư thẩm định giá thì phần đất 219 m^2 kê biên của ông Trần Thanh D, bà Lê Kim H trị giá 258.862.000 đồng, sau 02 lần giảm giá thì bà L mua trúng giá 213.900.000 đồng, tức là mua được giá thấp hơn giá đã định là 44.962.000 đồng.

Vì vậy, bà L không bị thiệt hại gì nên Thi hành án huyện L4 không chấp nhận hủy kết quả bán đấu giá, không chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của bà L.

Bản án Dân sự sơ thẩm số: 104/2016/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2016, của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đối với Công ty KH về việc "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu".

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí sơ thẩm.

Ngày 19-9-2016, bà Nguyễn Thị Kim L kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Phạm Thanh Đ đại diện theo ủy quyền của bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của bà L.

- Ông Huỳnh Văn H đại diện theo ủy quyền của Công ty KH cho rằng: Công ty đã thực hiện đúng quy trình bán đấu giá theo quy định của Nghị định số: 17/2010/NĐ-CP ngày 04-3-2010 của Chính phủ; thông tin về đất bán đấu giá có phần diện tích quy hoạch, công ty hoàn toàn không biết vì khi cung cấp hồ sơ bán đấu giá, Thi hành án huyện L4 không cung cấp thông tin này, không phải do lỗi của công ty nên không chấp nhận hủy kết quả bán đấu giá, không chấp nhận bồi thường.

- Ông Nguyễn Văn M đại diện theo ủy quyền của Thi hành án huyện L4 giữ nguyên quan điểm là không chấp nhận hủy kết quả bán đấu giá và không chấp nhận bồi thường vì: Sau khi giao hồ sơ bán đấu giá cho Công ty KH, có giao bản pho-to giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Thanh D nhưng do sơ ý

không ghi biên bản giao nhận; bà L là người được thi hành án, có tham gia kê biên tài sản của ông Trần Thanh D, trong đó có kê biên phần đất bán đấu giá mà bà L đã mua, trước khi bán đấu giá, Thi hành án huyện L4 có cho bà L đi xem đất, thực tế bà L chưa bị thiệt hại, nếu có quy hoạch sẽ được hưởng bồi thường, không có lý do để hủy kết quả bán đấu giá.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; trong quá trình tham gia tố tụng các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Kim L và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đấu giá KH là "Tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản, thanh toán phí tổn đăng ký mua tài sản bán đấu giá theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự", theo quy định tại Khoản 13, Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm xác định "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu" là không đúng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại cho đúng.

[2] Theo Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số: 392/2014/HĐMB-KH ngày 02-10-2014, giữa Công ty KH và bà L thì tài sản bán đấu giá là 219 m^2 đất, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H02406 ngày 04-8-2008, do ông Trần Thanh D và bà Lê Kim H đứng tên, trong đó có 100 m^2 đất ONT (đất ở nông thôn). Bà L là người mua trúng đấu giá và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó diện tích đất ONT cũng là 100 m^2. Bà L cho rằng không sử dụng phần diện tích đất ở được vì bị ngăn cấm xây dựng do đất đã quy hoạch lộ giới. Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ vấn đề quy hoạch để xác định bà L có bị hạn chế quyền của người sử dụng đất hay không là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ nhưng vấn đề này Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục được nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bà L, thấy rằng:

- Trong "Đơn xin xác nhận" của bà L ghi ngày 28-12-2016, được Ủy ban nhân dân thị trấn L4 xác nhận nội dung: Trong 219 m^2 đất của bà L có 154 m^2 đã quy hoạch lộ giới, diện tích còn lại là 65 m^2;

- Công văn số: 92/KTHT ngày 24-5-2017, của Phòng Kinh tế hạ tầng huyện L4, phúc đáp theo yêu cầu của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã xác định: Căn cứ Quyết định số: 64/QĐ-UBND ngày 12-01-2011, của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, về phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn L4 và theo sơ đồ quy hoạch giao thông thì 219 m^2 đất trong giấy chứng nhận số CH00273 của bà L nằm trên đường N6 (UVK), có lộ giới quy hoạch là 21 m, diện tích đất nằm trong quy hoạch là 154 m^2, người sử dụng đất không được xây dựng trên diện tích này;

- Theo sơ đồ thửa đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L thì phần diện tích đất nằm ngoài quy hoạch chỉ còn lại 65 m^2 (tương đương ngang 1,6 m, dài 40,6 m) trong khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi diện tích đất ONT là 100 m^2.

Việc thực hiện quyền của người mua đấu giá tài sản của bà L không được bảo đảm do bị hạn chế quyền của người sử dụng đối với đất quy hoạch theo quy định tại Khoản 2, Điều 49 của Luật Đất đai năm 2013, bà L đã bị nhầm lẫn vì khi mua đấu giá không được tổ chức bán đấu giá cung cấp thông tin về việc đất có quy hoạch, không được xây dựng, trong khi thông tin này đã có trước khi bán đấu giá; phần diện tích còn lại chỉ có chiều ngang 1,6 m không thể sử dụng làm đất ở như trong giấy chứng nhận đã ghi.

Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu tuyên bố giao dịch bán đấu giá vô hiệu là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng chưa có thiệt hại xảy ra và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là không có căn cứ.

[4] Xét về nghĩa vụ của các bên khi thực hiện giao dịch bán đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất của ông Trần Thanh D, bà Lê Kim H thấy rằng:

- Chấp hành viên khi kê biên, cưỡng chế đã thực hiện không đúng nghĩa vụ xác minh tài sản theo quy định tại Điều 20 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên có tài sản bán đấu giá theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng bán đấu giá tài sản giữa Thi hành án huyện L4 và Công ty KH, cụ thể là: Sơ đồ thửa đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Thanh D, bà Lê Kim H có thể hiện đường kẻ đất quy hoạch nhưng Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin ghi ngày 15-5-2013 (bút lục 57), chỉ yêu cầu Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện L4 cung cấp thông tin là ông Trần Thanh D, bà Lê Kim H có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M thừa nhận vào thời điểm kê biên, cưỡng chế, bán đấu giá thì bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Thanh D, bà Lê Kim H đang thế chấp tại ngân hàng; ông cho rằng có giao cho Công ty KH bản pho-to là không có căn cứ vì Công ty KH không thừa nhận; biên bản giao nhận hồ sơ bán đấu giá giữa Thi hành án huyện L4 và Công ty KH thể hiện bằng Giấy biên nhận ngày 18-8-2014 (bút lục 39), không ghi là có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Công ty KH đã vi phạm Khoản 3, Điều 26 của Nghị định số: 17/2010/NĐ-CP về trách nhiệm kiểm tra tính chính xác của các thông tin về nguồn gốc tài sản, quyền sở hữu, quyền sử dụng của tài sản do người có tài sản bán đấu giá cung cấp.

Đã có đủ căn cứ xác định bà L đã bị nhầm lẫn khi tham gia mua đấu giá phần đất 219 m^2 nêu trên, nguyên nhân làm cho bà L nhầm lẫn là do bên có tài sản bán đấu giá là Thi hành án huyện L4 không xác minh đầy đủ các thông tin liên quan đến quyền sử dụng đất bán đấu giá và do bên tổ chức bán đấu giá là Công ty KH không kiểm tra, dẫn đến hậu quả là quyền sử dụng đất của bà L bị hạn chế. Do đó, cần phải hủy kết quả bán đấu giá theo quy định tại Điều 102 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008; do hủy kết quả bán đấu giá nên Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số: 392/2014/HĐMB-KH ngày 02-10-2014, giữa Công ty KH và bà L là vô hiệu.

[5] Về hậu quả pháp lý khi giao dịch dân sự về mua bán tài sản đấu giá giữa Công ty KH và bà L bị vô hiệu:

- Theo quy định tại Điều 137 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì khi giao dịch dân sự vô hiệu, các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; đối chiếu với quy định này thì bà L phải giao trả phần đất đã mua đấu giá cho bên có tài sản bán đấu giá là Thi hành án huyện L4, số tiền 213.900.000 đồng bà L đã nộp để mua đấu giá tài sản thì Công ty KH đã nộp cho Thi hành án huyện L4 theo Biên lai thu tiền số: 0000955 ngày 14-10-2014 nên Thi hành án huyện L4 phải trả lại cho bà L; tiền chi phí bà L nộp khi mua đấu giá là 1.069.500 đồng, Công ty KH phải trả lại cho bà L.

- Xét yêu cầu của bà L về bồi thường thiệt hại số tiền 15.069.500 đồng, thấy rằng:

Kết quả bán đấu giá bị hủy là do lỗi của Thi hành án huyện L4 và Công ty KH, nhưng Thi hành án huyện L4 và Công ty KH không chấp nhận bồi thường nên không thương lượng, Tòa án không thể phân định được nghĩa vụ của mỗi bên.

Trong trường hợp này, Chấp hành viên thực hiện việc cưỡng chế tài sản của ông Trần Thanh D, bà Lê Kim H, bán đấu giá để thi hành bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án, là thực thi công vụ; theo quy định tại Điều 38 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì: Nhà nước có trách nhiệm bồi thường do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra, trong đó bao gồm "Cưỡng chế thi hành án". Đối với yêu cầu của bà L, nếu là Công ty KH bồi thường thì là trách nhiệm bồi thường dân sự; nếu là Thi hành án bồi thường thì là trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; trình tự, thủ tục khác nhau nên không thể giải quyết chung trong vụ án dân sự. Vì vậy, cần tách yêu cầu bồi thường thiệt hại để các bên thương lượng, nếu không thương lượng được sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác theo quy định pháp luật.

[6] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00273 ngày 31 tháng 12 năm 2014 cấp cho bà Nguyễn Thị Kim L đứng tên là cấp theo hợp đồng mua bán tài sản đấu giá nhưng hợp đồng đã bị vô hiệu nên kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện L4 thu hồi.

[7] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà L, sửa bản án sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa phù hợp.

[8] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên phải sửa phần án phí sơ thẩm.

- Yêu cầu khởi kiện của bà L được Tòa án chấp nhận nên bị đơn là Công ty KH phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2, Điều 27 của Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án.

- Do sửa bản án sơ thẩm nên bà L không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2, Điều 30 của Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 131, 137 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 102 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Nghị định số: 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ; Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L; sửa bản án dân sự sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đấu giá KH, về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán tài sản đấu giá vô hiệu.

2.1. Hủy kết quả bán đấu giá tài sản giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đấu giá KH và bà Nguyễn Thị Kim L, theo Biên bản bán đấu giá tài sản ngày 02 tháng 10 năm 2014. Tuyên bố Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số: 392/2014/HĐMB-KH ngày 02 tháng 10 năm 2014 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đấu giá KH và bà Nguyễn Thị Kim L là vô hiệu.

2.2. Về nghĩa vụ hoàn trả:

Chi cục Thi hành án dân sự huyện L4, tỉnh Tây Ninh phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim L 213.900.000 (hai trăm mười ba triệu chín trăm ngàn) đồng tiền mua tài sản đấu giá.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đấu giá KH phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim L 1.069.500 (một triệu không trăm sáu mươi chín ngàn năm trăm) đồng tiền chi phí mua đấu giá.

Bà Nguyễn Thị Kim L phải giao trả cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện L4, tỉnh Tây Ninh tài sản đã mua đấu giá là diện tích đất 219 m^2 và tài sản trên đất, thuộc thửa 97, tờ bản đồ 30, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00273 ngày 31-12-2014, do bà L đứng tên; tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn L4, huyện L4, tỉnh Tây Ninh; có tứ cận: Đông giáp đất ông Lê Hồng T dài 36,9 m, Tây giáp đất ông Lê Văn V dài 37,1 m, Nam giáp đường TĐT dài 6 m (đường quy hoạch N6), Bắc giáp đất của Lê Mai K dài 6 m.

2.3. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại: Tách ra giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác theo quy định pháp luật, nếu bà L có yêu cầu.

2.4. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện L4 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00273 ngày 31-12-2014, bà Nguyễn Thị Kim L đứng tên.

2.5. Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Chi cục Thi hành án dân sự huyện L4 và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đấu giá KH chưa giao trả đủ số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng Thi hành án huyện L4 và Công ty KH còn phải trả cho bà L tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ, theo quy định tại Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

3.1. Án phí sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đấu giá KH phải chịu 200.000 đồng. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim L 5.750.000 (năm triệu bảy trăm năm chục ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0009518 ngày 13-11-2015, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

3.2. Án phí phúc thẩm: Bà L không phải chịu, hoàn trả cho bà L 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0007913 ngày 21-9-2016, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Trảng Bàng;
- CCTHADS huyện Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Đồng